PHẬT HỌC

TỪ QUANG

Tập 19

Mừng Xuân Đinh Dậu 2017

PHẬT HỌC XÁ LỢI

Tỳ kheo Thích Đồng Bổn chủ biên

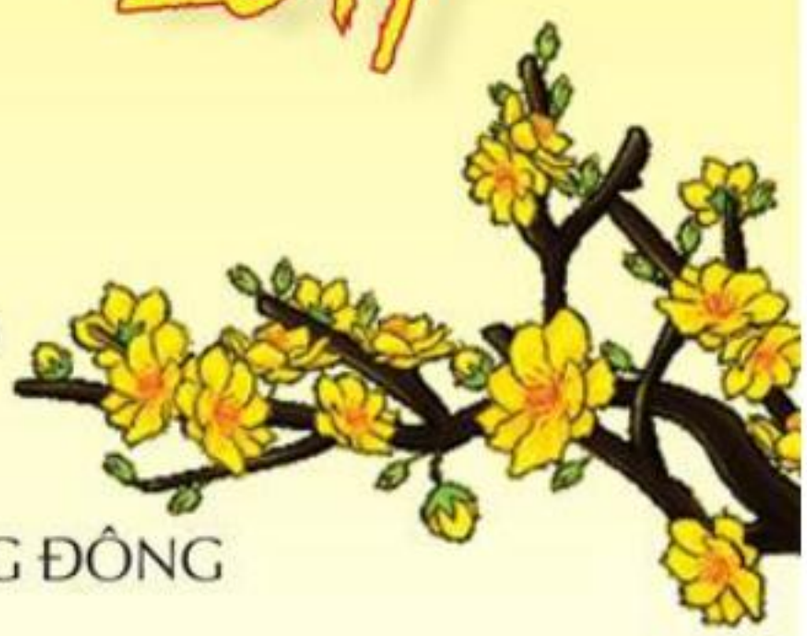

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

https://tieulun.hopto.org

Mục lục
TỦ SÁCH PHẬT HỌC TỪ QUANG
Tập 19 - Tháng 1 năm 2017 (PL.2560)

TRONG TẬP NÀY:

Lời nguyện đêm giao thừa | Từ Quang
Trăng vàng thuyền không (thơ) | Trần Quê Hương
Ba mươi duyên nhật | Thích Đồng Bổn
Người ở Yên Tử (thơ) | Nguyễn Khoa Điềm
Tôi học Phật: Những bài học từ kinh "Duy Ma Cật sở thuyết" | Đỗ Hồng Ngọc
Đón xuân, mừng bạn tri âm,
Cảnh ngộ tương đồng (thơ) | Nguyễn Văn Hiền
Bình tâm, Làm người, Tiễn em,
Vô thường (thơ) | Nguyên Âm
Khi tôi thấy mùa xuân... "Cái thấy là ở đó" | Thích Liên Phương
Phật tại tâm, ma cũng tại tâm | Vu Gia
Không giới hạn (thơ) | Diệu Anh
Dòng nước thanh xuân và ngọn nguồn thanh tịnh | Huỳnh Ngọc Trảng
Hương xuân (thơ) | Hòa Phương
Con đường đạt đến Bồ đề tâm trong Phật giáo Tây Tạng | Minh Hiền - Minh Bản
Bồ tát Quán Thế Âm | Lê Sơn Phương Ngọc

https://tieulun.hopto.org

Giấc mơ xuân (thơ) | Ngàn Thương
Mùa xuân Di Lặc | Tuệ Quán
Nhận diện khổ đau | Nguyễn Văn Quý
Nghĩ về cành mai Mãn Giác | Nguyễn Thị Thanh Xuân
Suy ngẫm lời Thầy tổ (tt) | Minh Ngọc
Đi tìm lời chúc cho tuổi trẻ - mùa xuân | Nguyên Cẩn
Ý nghĩa lễ hội Rằm tháng Giêng Maghapuja | Tuệ Ân
Lời chúc đâu xuân (nhạc) | Lê Khắc Thanh Hoài
Quán Tự Tại hành thâm (thơ) | Hạnh Phương
Mừng xuân Di Lặc, Khai bút đầu xuân (thơ) | Đức Kiên
Tết đến, nhớ về Hát Sắc Bùa Phú Lễ | Lê Hải Đăng
Lễ hội sen Dôlta, một nét văn hóa Phật giáo
của người Khmer | Danh Hữu Lợi
Niềm xuân (thơ) | Nguyên Thọ
Ngày xuân nghĩ về hạnh hỷ xả của Bồ tát Di Lặc
| Viên Thắng
Nồng nàn sắc hương hoa sứ | Nguyễn Đình Thống
Điều mới lạ (thơ) | Diệu Anh
Mùa xuân (thơ) | Hương Liên
Giá trị giáo dục từ chơn lý "Tánh thủy" | Liên Hiếu
Chùa Bửu Long | Hữu Chí
Xuân về rồi (thơ) | Vương Đình Khoát
Lời nguyện đầu xuân (thơ) | Vân Hà
Ảo tưởng cuộc đời (tt) | Trần Tam Nguyên
Hòa thượng Thích Trí Độ với phong trào chấn hưng
Phật giáo (1930–1945) | Thích Nguyên Phong
Phật pháp giữa đời thường (tt): Kho tàng tâm thức, Nơi
trú của nghiệp lực | Cao Thăng Bình

https://tieulun.hopto.org

Chùa thiêng (thơ) | Đặng Hùng Anh
Hiện tượng tam giáo đồng nguyên tại Khánh Vân Nam Viện | Dương Hoàng Lộc
Du lịch tâm linh: Một cái nhìn tham chiếu qua Thiền viện BONGEUNSA - Hàn Quốc | Đỗ Thị Minh Thủy
Lớp học kỳ lạ | Hàng Châu
Chén trà và dòng kinh vô tự (thơ) | Nguyễn Bá Hoàn
Tư tưởng của Hải Hòa (Nguyễn Đăng Sở) trong tác phẩm "Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh" | Hoàng Thị Thơ
Im lặng đời ru (thơ) | Nguyên Thường
Niềm vui học Phật (thơ), Câu đối | Hoằng An
Mẩu chuyện Phật giáo dành cho thiếu nhi: Bốn cửa Thành | Phạm Quốc Trung
Đức Phật mỉm cười (thơ) | Nguyễn Văn Thức
Kiến trúc chùa cổ ở đất kinh kỳ | Tạ Văn Trường
Thông tin | Diệu Châu
Danh sách độc giả ủng hộ Từ Quang tập 19 | Từ Quang

https://tieulun.hopto.org

LỜI NGUYỆN ĐÊM GIAO THỪA

TỪ QUANG

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật!
Kính lạy Đức Bổn sư!

Trong một năm, ở Á Đông chẳng có đêm nào lặng lẽ, êm ả như đêm giao thừa. Do tập quán nghìn xưa để lại, dân tộc Việt Nam chúng con vẫn hằng tin giữ giờ phút này là cuộc chuyển giao từ bóng tối sang ánh sáng, từ đày đọa tới hanh thông, từ âm suy qua dương thịnh. Đây là giao thời gián đoạn một

https://tieulun.hopto.org

chuỗi ngày nhiều trần lao khổ ải và hy vọng sẽ đưa tay, ngửa mặt đón chờ một phút sáng tươi hơn.

Cũng trong giờ phút này, trên bàn thờ đèn nến sáng trưng, khói hương nghi ngút, chung quanh chúng con đây tất cả đều cầu nguyện chư Phật gia hộ cho thân tâm an lạc, thế giới hòa bình.

Nhưng đối với chúng con, những Phật tử đã thấy nhuần thâm ân Từ phụ, chúng con tin vào chân lý trường tồn của Đạo tín, vào nghiệp quả của quần sanh nên không có kỳ vọng hão huyền đó.

Suốt một năm qua, dù đã dốc tâm hoàn thành Phật sự, nhưng chắc chắn nhiệm vụ đại dương mới chỉ thêm giọt nước, sự nghiệp hằng sa ấy mới chỉ thêm một hạt cát nhỏ nhoi.

Bởi sự đóng góp vào công cuộc hoằng dương chánh pháp ít ỏi như vậy nên chúng con không tham vọng nghĩ rằng đêm nay trần nghiệp của chúng sinh đã chấm dứt, cũng như đạo nghiệp đã nhất đản hanh thông.

Cũng trong đên nay, dưới ánh sáng lung linh trước Phật đài, lật một trang kinh Thủ Lăng Nghiêm, chúng con đã đọc thấy lời tiên tri của chư Phật:

"... Này ông A Nan, nếu không đoạn trừ lòng đại vọng ngữ thì cũng như chạm trổ phân người thành cây chiên đàn mà muốn được hương thơm thì không lẽ nào như vậy. Tôi dạy hàng tỳ kheo lấy

https://tieulun.hopto.org

TRỰC TÂM làm đạo trường, trong hết thảy hành động nơi bốn uy nghi, còn không có giả dối; tại sao lại có kẻ tự xưng đã được đạo pháp Thượng nhân? Ví như kẻ cùng dân xưng càn là Đế vương để tự chuốc lấy sự tru diệt, huống nữa là vị Pháp vương; tại sao lại dám xưng càn? Nhân đã không thật, quả ắt quanh co, như thê mà câu đạo Bô đê của chư Phật, thì như người tự cắn rốn, làm sao mà thành tựu được? Nếu như các hàng tỳ kheo tâm như dây đàn căng thẳng, tất cả đều chân thật mà vào hàng tam ma đề, thì hẳn không có ma sự, tôi ấn chứng người thành tựu vô thượng trí giác của các hàng Bồ tát. Như lời tôi nói đây, gọi là lời nói của Phật; không như lời nói đó, tức là lời nói của Ma vương".

Kính lạy đức Bổn sư!

Cõi Ta bà hiện nay nhiều gai góc, muốn đốn phá thì phải dùng dao sắc. Dao không bén thì không thể chặt được. Không phá gai góc ngăn cản thì đường đạo khó khai thông. Chúng con đã dùng ngọn bút săc đê khai phá trở ngại. Tự biêt phương tiện đó sẽ làm tổn hại đến công trình tu tỉnh của chúng con rất nhiều. Giờ phút này, chúng con xin thành tâm sám hối!

https://tieulun.hopto.org

Tuy nhiên, giữa thời đại mạt pháp này, sự thị hiện của dức Bổn sư không ngoài tấm lòng lân mẫn vô thượng đối với chúng sinh mà khai tâm kiến tánh khiến cho loài người dứt bỏ trần duyên đi vào nẻo ngộ. Sự đóng góp bằng tư tưởng, biện luận, sáng tác của chúng con tưởng không bao giờ phát sinh từ tâm địa ngã mạn mà chỉ muôn tạo thêm thiện duyên đê hỗ trợ cho chánh pháp được thành tựu.

Nếu có kẻ vì lời nói phải sân hận thì lỗi ấy là do ở khả năng của chúng con yếu kém, đức hạnh của chúng con chưa dày nên sự phát biểu mới gây nên nghiệp chướng.

"Ngẫm nghìn xưa,
Ai tài hoa, ai tiết liệt, ai đài trang,
Cùng một giấc mơ màng trong vũ trụ..."

Mọi sự rồi sẽ qua, xuân đến rồi xuân đi, lẽ luân hồi thành, trụ, hoại, không vẫn là tấm màn đen chụp đầy nhân thế!

Mùa xuân vĩnh cửu là thời điểm dứt bỏ bóng tối vô minh để tiến sang ánh sáng của bến bờ giác ngộ.

https://tieulun.hopto.org

TRĂNG VÀNG THUYỀN KHÔNG

TRẦN QUÊ HƯƠNG

I. CỘI NGUỒN PHÙ SINH

*1. **Căn***

Làm người tích tụ sáu căn
Mắt thường để thấy, để năng gọi mời
Tai nghe chấp thủ tiếng lời
Mũi ngửi thơm dịu, giao bôi thế thường

https://tieulun.hopto.org

Thân hay xúc cảm ghét thương
Ý hay quyến luyến vấn vương mê tình
Ai ơi! Khéo quán sát mình
Khéo tu, khéo tập viên minh căn lành.

*2. **Trần***

Sắc là cảnh trí thiên sanh
Thinh là âm vọng pháp tình gần xa
Hương là thoang thoảng bay qua
Vị là bùi ngọt mặn mà đắng cay
Xúc cảm thương ghét khứ lai
Pháp duyên nghiệp chướng, trong ngoài buồn vui
Người ơi sớm thức tỉnh đời
Tự mình soi sáng tìm vui chính mình.

*3. **Thức***

Nhìn đời... ôi cảnh phù sinh
Nghe đời... ôi tiếng nhục vinh vui buồn
Hương đời... lắm nỗi bi thương
Vị đời càng nếm, càng vương khổ sầu!
Xúc cảm mê đắm lao đao
Biết rồi, biết nữa... quặn bào ruột gan
Cuộc đời biển khổ trần gian
Càng yêu thương, lắm bẽ bàng thế nhân!

https://tieulun.hopto.org

*4. **Giác***

Thấy là để ngộ phù vân
Nghe là để chứng thinh trần huyễn không
Ngửi là chuyển lắng bụi hồng
Nếm là tịnh hóa thanh trong vị đời
Cảm xúc chế ngự lòng người
Ý thức thanh thản mười mươi yên bình
Trăm năm hoài niệm tâm linh
Trăm năm thị giác thắng tình phàm phu.

*5. **Độ***

Căn, trần, thức, giác vô ưu
Vượt thời gian, vượt mây mù sắc không
Ly xả, bố thí... đục trong
Trì giới thu nhiếp chuyển dòng nghiệp căn
Kham nhẫn chịu đựng thường hằng
Tinh tấn soi chiếu, ánh trăng thanh lòng
Tháng năm trừng quán tương vong
Tuệ giác thân chứng, thong dong tịnh nhàn.

*6. **Chuyển***

Trăm năm trong cõi nhân hoàn
Đến đi mờ mịt muôn ngàn buồn vui
Thấy là... thấy nhẹ nhàng thôi
Nghe là... lắng biết tiếng đời phù hư

https://tieulun.hopto.org

Ngửi là… thoang thoảng hương thư
Nếm là… thấm vị vô dư ngọt bùi
Cảm nhận thấu suốt tình người
Nghĩa đời, ý đạo mười mươi tâm thiền.

7. ***Phàm phu***

Thấy biết chấp thủ cái triền
Tính toán hơn thiệt, trói duyên hại đời
Thắng thua, phải quấy, miệng lời…
Nghiệp nghề mưu lợi… tìm nơi buộc ràng
Ta khổ, người khổ lầm than
Ta siêng quấy ác, xấu hoàn lại ta
Trong lòng quỷ quyệt yêu ma
Định hướng sái quấy khó mà an vui.

8. ***Hiền Thánh***

Thức tỉnh xoay chuyển dòng đời
Bỏ tà quy chánh làm người thiện tâm
Thấy biết chơn chánh thoát lầm
Biết suy nghĩ chánh… Linh nham bồ đề
Lời nói chơn chánh thắng mê
Việc làm chơn chánh… lối về thiền gia
Nếp sống chơn chánh Tăng già
Siêng năng tu học kết tòa liên hoa

https://tieulun.hopto.org

Ngày đêm tưởng niệm Phật đà
Chánh định an trú, ấy là Như Lai.

II. TRĂNG VÀNG THUYỀN KHÔNG

Sinh thời cát bụi trần ai
Nhật nhật lai khứ huyên đài nhân gian
Sáu ba la mật thiền quang
Tám chánh đạo hiển "Trăng vàng thuyền không".
Năm xưa Kỷ Sửu huyền đông
Tháng Mười, mười bảy nhập dòng phù sinh
Trời cao mây xám lung linh
Hợp tan, tan hợp... hữu tình long lanh
Thời gian trầm lắng qua nhanh
Chiều nay gặp lại bên gành đồng ngô
Khỉ vàng, trâu trắng ngẩn ngơ...
Trăm năm cõi mộng hững hờ sương tan
Tình tang... tích tịch... tình tang
Trăm năm bến ngự "Trăng vàng thuyền không"

https://tieulun.hopto.org

BA MƯƠI DUYÊN NHỰT

THÍCH ĐỒNG BỔN

Theo sách *"Tu nghiệm cố sự tiện lãm"* quyển 4; và sách *"Hí du tiêu lãm"* quyển7, trong *Phật Quang Đại từ điển* chép rằng:

Mỗi ngày trong tháng (tính theo âm lịch) đều có một ĐỨC PHẬT hay một vị BỒ TÁT kết duyên lành với chúng sanh, ngày đó gọi là DUYÊN NHỰT.

Vậy mỗi ngày, trong thời khóa niệm Phật hay lễ Phật, ngoài Hồng danh Đức BỔN SƯ THÍCH CA

https://tieulun.hopto.org

MÂU NI PHẬT, A DI ĐÀ PHẬT, QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT, ĐẠI THẾ CHÍ BỒ TÁT... nên niệm thêm Hồng danh của Đức Phật hay Bồ-tát kết duyên ngày đó.

Hoặc mỗi buổi sáng, tối dành cho những người không theo đạo nào, chỉ niệm Hồng danh của Đức Phật hay Bồ tát kết duyên ngày đó đặng nhờ sức hộ niệm của chư Phật, Bồ tát ấy (tha lực) độ trì thêm tinh tấn trên đường sống với đời học trong đạo làm người (ba lần mỗi buổi sáng trước sân hay lúc sắp đi làm và khi sắp đi ngủ, phải thân tâm sáng suốt và uy nghiêm, không cần nhang đèn hay lễ bái rườm rà).

Ngày mồng 1 Nam mô ĐINH QUANG PHẬT

Ngày mồng 2 Nam mô NHIÊN ĐĂNG PHẬT

Ngày mồng 3 Nam mô ĐA BỬU PHẬT

Ngày mồng 4 Nam mô A SÚC BỆ PHẬT

Ngày mồng 5 Nam mô DI LẶC BỒ TÁT

Ngày mồng 6 Nam mô NHỊ VẠN ĐĂNG PHẬT

Ngày mồng 7 Nam mô TAM VẠN ĐĂNG PHẬT

Ngày mồng 8 Nam mô DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG VƯƠNG PHẬT

Ngày mồng 9 Nam mô ĐẠI THÔNG TRÍ THẮNG PHẬT

Ngày mồng 10 Nam mô NHỰT NGUYỆT ĐĂNG MINH PHẬT

Ngày mồng 11 Nam mô HOAN HỶ PHẬT

https://tieulun.hopto.org

Ngày mồng 12 Nam mô NAN THẮNG PHẬT

Ngày mồng 13 Nam mô HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT

Ngày mồng 14 Nam mô PHỔ HIỀN BỒ TÁT

Ngày mồng 15 Nam mô A DI ĐÀ PHẬT

Ngày mồng 16 Nam mô ĐÀ LA NI BỒ TÁT

Ngày mồng 17 Nam mô LONG THỌ BỒ TÁT

Ngày mồng 18 Nam mô QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Ngày mồng 19 Nam mô NHỰT QUANG PHẬT

Ngày mồng 20 Nam mô NGUYỆT QUANG PHẬT

Ngày mồng 21 Nam mô VÔ TẬN Ý BỒ TÁT

Ngày mồng 23 Nam mô THÍ VÔ ÚY BỒ TÁT

Ngày mồng 24 Nam mô ĐẠI THẾ CHÍ BỒ TÁT

Ngày mồng 25 Nam mô ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT

Ngày mồng 26 Nam mô VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT

Ngày mồng 27 Nam mô DƯỢC THƯỢNG BỒ TÁT

Ngày mồng 28 Nam mô TỶ LƯ GIA NA PHẬT

Ngày mồng 29 Nam mô DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT

Ngày mồng 30 Nam mô BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

https://tieulun.hopto.org

Lời bàn:

Đây là một tục lệ cổ trong dân gian, xuất phát từ xu hướng "Phật giáo hóa dân gian" hay cũng là một cách "Dân gian hóa Phật giáo" tác động qua lại, giao thoa giữa những xứ sở theo đạo Phật và phong tục dân gian ở các vùng đất ấy.

Vậy thì tập tục này còn có tác dụng trong thời đại chúng ta hiện nay không? Tôi nghĩ rằng có. Đó là ngoài việc mỗi ngày nhớ niệm danh hiệu một vị Phật, Bồ tát duyên nhật của ngày ấy, chúng ta còn có thể chọn làm ngày sinh của trẻ sơ sinh, giống như tên Thánh của mỗi trẻ sơ sinh bên đạo Công giáo

https://tieulun.hopto.org

vậy.

Có nghĩa là, trong 30 ngày của tháng âm lịch, đứa trẻ ấy sinh ra ngày nào thì danh hiệu của vị Phật, Bồ tát duyên nhật của ngày ấy chính là vị độ mạng cho đứa trẻ ấy. Và như thế, chỉ cần nói danh hiệu Phật, Bồ tát duyên nhật của đứa trẻ, chúng ta biết được ngày sinh của đứa trẻ ây, cũng là một cách giấu ngày sinh một cách khéo léo mà chỉ người hiểu biết về duyên nhật mới biết được ngày sinh của đứa trẻ là ngày nào vậy.

Tôi nghĩ, dẫu là một tập tục cổ, nhưng ngày Duyên nhật không phải là một hủ tục. Bởi nó còn đóng góp cho sự tu trì hằng ngày của người Phật tử, tránh buông tâm mình chạy theo duyên ngoài và có ý nghĩa tích cực cho mỗi đứa trẻ được sinh ra trong nhà Phật tử, coi như đã có được hạt giống Phật, Bồ tát độ mệnh từ khi mới vừa ra đời cho đế cuối một vòng đời ở kiếp người vậy.

Có như thế, đứa trẻ từ khi mới lớn, đã biết được mình có Phật, Bồ tát độ mệnh, tức là đã có nhân duyên quy y với: Phật - Pháp - Tăng Tam bảo rồi.

https://tieulun.hopto.org

NGƯỜI Ở YÊN TỬ

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

Người rời đất có xa đâu
Nhưng đất không ngồi bình yên được vậy
Và đá không đổ bóng dài được vậy
Trên những ngọn tùng, trên vầng mây

https://tieulun.hopto.org

Người bình dị
Tưởng như ta có thể đặt tay lên bàn chân gầy của Người
Nghe ram ráp
Những dấu bùn lịch sử

Không có tiếng quân reo
Không có lửa
Chỉ có tiếng gậy trúc bà cụ gõ vào đá núi

Người ngồi đó
Dắt ta vào bảy trăm năm
Thăm thẳm như một giọt nước mắt

Ôi chao,
Rồi ta mãi mãi
Thương nhớ một Người
Rồi ta thương nhớ
Một thời Nước ta...

https://tieulun.hopto.org

TÔI HỌC PHẬT:
NHỮNG BÀI HỌC TỪ KINH
"DUY MA CẬT SỞ THUYẾT"

ĐỖ HỒNG NGỌC

Có người hỏi tôi rằng học được gì từ *"Duy Ma Cật sở thuyết"*?

Học được nhiều lắm chứ!

Học rằng cõi Phật chẳng đâu xa. Cõi Phật trong ta. Tâm ta mà thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh. Tâm ta chưa thanh tịnh thì thấy đâu cũng là gò nỗng, hầm

https://tieulun.hopto.org

hố, gai góc, thanh tịnh rồi thì cõi đất bỗng nhiên trở nên rộng lớn, nghiêm đẹp, ánh vàng ròng khắp nơi nơi…

Học rằng trước hết phải tùy lòng ngay thẳng *(trực tâm)* mà khởi. Có trực tâm thì mới có *chánh đẳng*. Có «Chánh đẳng» rồi mới có «Chánh giác». Chia chẽ thì so sánh, hơn thiệt, ganh đua, đấu đá. Bình đẳng, không phải là kéo chân rùa dài ra, thúc giò hạc ngắn lại.

Thấy cái Một thì thấy tất cả. Tất cả là Một. Một là tất cả.

Học rằng phương tiện mà không trí huệ không xong. Khoa học mà không có lương tâm là sự tàn lụi của tâm hồn.

Trí độ là mẹ Bồ tát,
Tùy nghi phương tiện là cha.

Phải có Trí độ (Bát Nhã) trước đã. Rồi, phương tiện mới tùy nghi. Pháp sư phải *«vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai»* (Pháp Hoa). Vào tòa Như Lai là từ bi, mặc áo Như Lai là nhu hòa, nhẫn nhục, ngồi tòa Như Lai là thấy biết «chư pháp không tướng». Phương tiện tùy nghi mà chưa có Trí độ thì nguy.

Học rằng Bồ tát "Tại các cảnh thiền định, tưởng đó như các tầng địa ngục". Không đắm mê các tầng thiền để bỏ quên đời, mà tưởng cảnh thiền như các

https://tieulun.hopto.org

tầng địa ngục, thấu cảm cùng nỗi khổ đau vô tận của chúng sanh. Đối với cuộc sinh tử luân hồi, tưởng đó như vườn cảnh điện đài để thênh thang "một cõi đi về".

Học rằng bệnh thường gặp của Bồ tát là "chấp *Không*"! Thấy không rồi mê không, gì cũng không, chăng thây được chân không mà diệu hữu, diệu hữu mà chân không! Cho nên *"Tu học lẽ không mà chẳng lấy lẽ không làm chứng đắc. Tu học vô tướng, vô tác, mà chẳng lấy vô tướng, vô tác làm chứng đắc"*.

Học rằng tâm khó mà nhận thấy! Tìm hoài tâm không ra. Tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai không thấy đâu cả. Làm sao để tâm an? Còn lâu! Chỉ có cách tiếp cận qua thân. Thân tâm nhất như. Cho nên «giả bệnh» là cách tốt nhất. Mà bệnh thì rất bình đẳng. Mọi người đều bình đẳng trước… bệnh! Thân này không thể tin cậy được. Nó không phải của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta. Phải thấy thân Phật, tức thấy pháp thân. Muốn thấy pháp thân thì phải "quán". Phải nhìn sâu vào bên trong, nhìn xuyên qua cái giả tướng bên ngoài, phải "kiên tướng phi tướng". Khi ấy nhận ra:

Vô lượng ức đấng Như Lai,
Chư Phật với thân mình đây,
Không khác chi đừng phân biệt

https://tieulun.hopto.org

Học rằng hé cửa vào Bất Nhị thì thấy Như Lai ngồi cười tủm tỉm, mở toang bảo tháp, tay bắt mặt mừng chào đón Phật, chào đón chúng sanh... Thấy biết Như Lai rồi thì chỉ còn ú ớ, há hốc hoặc lặng thinh. Ủa, vậy đó hả? Bởi với Như Lai thì *"Chẳng thể dùng trí mà hiểu, chẳng thể dùng thức mà biết, không thể dùng tất cả ngôn thuyết để hiển thị hay phân biệt, tất cả ngôn ngữ đàm luận đều dứt tuyệt"*.

Học rằng *chúng sanh* là những ảo vật do nhà ảo thuật là chính ta tạo ra. Mà nhà ảo thuật cũng là một chúng sanh. Tạo ra rồi hồng hộc chạy theo, bám lấy, giành giật, khổ đau, hạnh phúc... Rồi ráng giải thích những hình bóng ảo, rời rạc, lắp ráp tạm bợ đó mà tưởng thiệt; rồi ráng gân cổ cãi nhau chí chóe với bao nhiêu khái niệm danh từ... mà tưởng hay! Chẳng qua là những bóng hình trong gương, mặt trăng đáy nước, dấu chân chim giữa hư không...

Học rằng *"Tất cả phiền não đều là hạt giống Như Lai"! Rằng Thân này là hạt giống Như Lai. Vô minh với ái là hạt giống Như Lai. Tham, sân, si là hạt giống Như Lai..."*.

Thì ra vậy! Thì ra tứ đại ngũ uẩn, vô minh, ái thủ hữu, tham sân si... đều là hạt giống của Như Lai. Cho nên không lạ, từ những hạt giống đó mà sinh sôi nẩy nở đủ thứ chuyện trên đời, rồi quấn quít nhau mà trùng trùng duyên khởi... Nhưng Như Lai chẳng

https://tieulun.hopto.org

xấu ác, chẳng thánh thiện. Như Lai là Như Lai. Tathagata. Vô sở tùng lai diệc vô sở khứ. Chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu. Nó vậy là nó vậy.

Cho nên phiền não cũng chính là Bồ đề, khổ đau là hạt giống của an lạc!

Trong lửa sinh hoa sen,
Tại năm dục hành thiền...

Học rằng sân hận đưa ta vào địa ngục không lối thoát nên cần biết sống trong cõi Diệu Hỷ của Phật Asuc (Aksobhya), vị Phật có tên là Vô Sân, Vô Nộ, Bất Động. Ngoài không dính mắc là thiền, trong không lay động là định (Huệ Năng). Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền (Trần Nhân Tông).

Duy Ma Cật bảo: *Pháp hỷ là vợ nhà/ Từ bi là con gái/ Tâm thiện là con trai/ Không tịch là nhà/ Trần lao là đệ tử/ Tùy ý mình mà chuyển biến...*

Tùy ý mình mà chuyển biến. Muốn thấy «con là nợ/ vợ là oan gia/ cửa nhà là nghiệp báo…» cũng tùy hỷ!

Học rằng thực tướng là vô tướng, nên hòa nhập nhau có chi ngăn ngại vì cùng bản chất, pháp tánh. Núi Tu di to lớn kia mà đem đặt vừa vào đầu hạt cải, nước bốn biển mênh mông nọ mà rót đầy lỗ chân lông có chi là lạ? Núi Tu di cũng *không* mà đầu hạt cải cũng *không*. Nước bốn biển cũng... *không* mà lỗ chân lông cũng *không*. Nhưng chân không mà diệu

https://tieulun.hopto.org

hữu, diệu hữu mà chân không. Lý mà vô ngại thì sự Sự vô ngại vậy!

Học rằng có thứ hương thơm nuôi cả thân và tâm bất tận đó chính là Giới đức. Thứ hương thơm đó mới có thể bay cao, bay xa, bay ngược chiều gió… Tiếng lành đồn xa. Nhưng giới không chỉ là giới. Giới còn là Định là Huệ. Giới định huệ không chia cắt.

Học rằng không có gì để «đắc» vì «vô sở đắc»: Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác (A-nậu-đa-la Tam miệu Tam Bồ đề) sẵn có đó rồi trong mỗi chúng sanh. Chỉ cần thắp sáng lên. Con đường đó là con đường quay lại chính mình.

https://tieulun.hopto.org

Rồi một hôm, chỉ còn biết tủm tỉm cười một mình. Nụ cười đến từ bên trong, từ những tế bào, từ đất nước gió lửa. Con đường đã vạch ra, đã bày sẵn: Tứ diệu đế, Tứ niệm xứ… Thất giác chi, Bát chánh đạo… vốn là 37 món trợ đạo không quên.

Đạo phẩm là bạn hiền
Nhất tâm là điều ngự,
Bát chánh đạo dạo chơi.

Học rằng bốn Ma là «thị giả», luôn ở cạnh ta, giúp ta từng li từng tí. Ma phiền não bủa vây và nhắc nhở sẵn có bốn vạn tám ngàn cách thoát ra sao chẳng thử một vài; Ma ngũ uẩn thì càng thân thiết, nhắc rằng mấy thứ lăng nhăng nó quấy ta chỉ là những kết hợp tạm bợ, lắp ghép lai rai; Ma trời (thiên ma) là lời cảnh giác, đừng tưởng bỡ, tưởng làm trời thì muốn gì cũng được. Còn lâu! Rớt vào địa ngục như chơi. Lên voi xuống chó mấy hồi. Còn Ma chết (tử ma) lại là bạn thiết gắn bó từ thuở còn bụng mẹ trong từng tế bào. *«Bốn thứ ma, tám muôn bốn ngàn thứ phiền não làm cho chúng sinh phải nhọc nhằn mệt mỏi đều có thể làm Phật sự»...*

Học rằng «Phật sự» là món cơm Hương Tích, là món trà Tào Khê, là tiếng gió thổi, là tiếng lá rơi, là dáng đi dáng đứng dáng ngồi… Nhất thiết pháp giai thị Phật pháp. Tất cả pháp đều là pháp Phật. Không phải do Phật làm ra đâu. Chỉ vì tất cả đều vô thường,

https://tieulun.hopto.org

khổ, không, vô ngã, duyên sinh, thực tướng vô tướng… Phật sớm thấy biết và từ bi «khai thị» cho chúng sanh «ngộ nhập», để cùng mà giải thoát!

"Pháp thuận với không, tùy theo vô tướng, ứng với vô tác. Pháp lìa khỏi tốt và xấu. Pháp không có thêm và bớt. Pháp không có sinh và diệt... Tướng pháp là như vậy, há thuyết diễn được sao?".

Học rằng «Cư trần mà lạc đạo»: *"... ở tại nơi sanh tử mà chẳng làm việc ô trược, trụ nơi Niết bàn mà chẳng diệt độ mãi...; kính giữ luật hạnh thanh tịnh của bậc sa môn, tuy ở tại nhà, mà chẳng vướng vào ba cõi, thị hiện có vợ con, mà tu hạnh thanh tịnh...»;*

Từ đó mà «thõng tay vào chợ»: *Hoặc làm chúa thành ấp/ Hoặc làm chủ đoàn buôn/ Làm quốc sư, đại thần/ Để lợi ích chúng sanh...*

Trong kiếp có bệnh dịch/ Hiện làm các dược thảo/ Trong kiếp có đói kém/ Hiện thân làm món ăn/ Trong kiếp có đao binh/ Khiến trụ cảnh không tranh/ Những nơi có địa ngục/ Cứu khỏi mọi khổ não/...

https://tieulun.hopto.org

TRANG THƠ NGUYỄN VĂN HIỀN

LTS: Xuân này, cụ Cán bộ lão thành cách mạng Nguyễn Văn Hiền tròn 100 tuổi (1917-2017), Tủ sách Từ Quang trân trọng đăng 2 bài thơ xuân của cụ như một món quà Xuân gửi đến bạn đọc.

Cụ Nguyễn Văn Hiền làm thơ để vui với bạn bè, con cháu,... chứ không phải cố gắng để trở thành nhà thơ. Nhưng mấy vần thơ xuân của cụ cũng đáng để chúng ta suy gẫm về con người, về cuộc đời...

Nhân dịp Xuân về, Ban Biên tập Tủ sách Từ Quang cầu nguyện Phật Tổ gia hộ cho cụ và gia đình con cháu phúc lộc dồi dào, thân tâm an lạc.

https://tieulun.hopto.org

Đón Xuân, mừng bạn tri âm

Xuân về hội ngộ tri âm,
Bâng khuâng nhớ bạn đồng tâm yêu đời.
Sang trang lịch sử sáng ngời,
Mong cho non nước muôn đời nở hoa.
Hữu tình ta lại gặp ta,
Câu thơ chén rượu mặn mà tình thương.
Một thời từng trải gió sương,
Tuổi già vui với con đường thơ văn.
Dẫu cho còn ít tài năng,
Góp phần xướng họa hữu bằng tâm giao.
Miên man tình bạn dạt dào,
Đón xuân năm mới thơ trao mấy vần.

https://tieulun.hopto.org

Cảnh ngộ tương đồng

Xuân về chúm chím nở hoa,
Thanh Bồ, Thuận Lập biết bao nhiêu tình,
Gió chiều mặt nước lung linh,
Thương ai, ai có thấu tình cho không.
Ai xuôi cảnh ngộ tương đồng,
Chim xanh muốn đậu vườn hồng được chăng?
Dù cho bến cách sông ngăn,
Mấy thu cũng đợi, mấy trăng cũng chờ.
Năm canh có lúc nằm mơ,
Tưởng hoa bên cạnh không ngờ chiêm bao.
Hương thơm giục giã thơ trao,
Bao giờ hoa nở thỏa ao ước lòng.

https://tieulun.hopto.org

Bình tâm

Sáng ra tràn ngập niềm vui
Chiều về phải chuyện ngậm ngùi xót xa
Vui buồn trong cõi người ta
Bình tâm đón nhận như là tự nhiên.

https://tieulun.hopto.org

Làm người

Từ hạt bụi đến thịt da
Trầm luân bao kiếp mới ra con người
Chào đời mình khóc người cười
Sống sao khi chết khóc cười đổi ngôi.

Tiễn em

Biết bao người đi trước
Em bây giờ bước theo
Không phân biệt giàu nghèo
Mọi người ai cũng thế
Đời vô thường dâu bể
Người ngọn nến mong manh
Buồn xin đừng rơi lệ
Hãy thanh thản đi về.

Vô thường

Đang hạnh phúc sợ đến ngày sẽ mất
Đang vững bền sợ đến lúc chông chênh
Sau khoái lạc, biết đâu là đau khổ?
Đời vô thường sao cứ sợ mong manh?

https://tieulun.hopto.org

KHI TÔI THẤY MÙA XUÂN...
"CÁI THẤY LÀ Ở ĐÓ"

THÍCH LIÊN PHƯƠNG

I

Khi tôi thấy hình thành vô vật
Khi tôi nghe trong sắc lá mây mờ
Không giới hạn vô vàn qua hiện tượng
Mắt trong tai, tai trong mắt đi về...
Trong giấc ngủ đông, miên trường bất tận, tôi

https://tieulun.hopto.org

không biết cái có đã sinh ra tự bao giờ ngày ấy đã xa… thu tàn, đông lạnh rồi những cơn mưa mịt mùng khắp cả hành tinh hoặc thành, hoặc trụ có lẽ tôi là chiếc lá rời cành rồi trở lại những mầm đọt và cơn mơ "phi hiện hữu".

Trận mưa ấy theo lối mòn thu rụng
Chìm không tên lãng đãng bước chân người
Là đã hỏi trong lối nào hiện hữu
Cành non kia tôi có mặt bao giờ?

Như tiếng nổ Big Bang cái có cùng cái không là phi thời gian, không mùa xuân, không tự ngã. Sự hình thành không mẫu màu, không dự đoán quá trình đó trong vật chất đen có cái tự tách mình xuất hiện.

Dù không có gì để chứng tích là tôi, cái lắc lay tự dồn lên đường nét, qua cọ xát rồi đàn hồi một tích âm vô vọng từ hang trống dội về: Ai là ta vậy! Ta ban đầu không ở điểm dừng mà xuất hiện trong cái bập bùng trở day rồi tình nghi miên man trổi dậy, một trạng thức lưỡng phân, tản mạn rồi kết lưu trong đơn trình băng lạnh! Cái "Đông" ban đầu tiềm ẩn rồi tiềm tàng nguyên lượng. Đối lập ban đầu từ nhiệt nguyên cực xuất sinh cõi ấm tàng "Tâm - Vật".

Xuân - mùa đầu tiên lan tràn xuất hiện, rồi mùa Xuân giới hạn nở hoa, hoa là lá của ngàn xanh vạn sắc. Đó chính là khởi điểm: "Tiếng sấm nổ lay hồn ai tỉnh mộng, một đoá hoa trong vạn kiếp luân hồi".

https://tieulun.hopto.org

Đi rồi đến, không đi rồi cũng đến
Bóng ai về trong lối cũ... đường xưa.

II

Mang một khả thể từ Phạm Thể, tịnh thuần của tính thể trong con người không có cái CHẾT. Từ cái "có" con người trở thành biến đổi mọi chuyển động (ANICA - vô thường) chỉ là giấc mơ. Người không thấy được cơn mơ không phải từ vô minh mà từ những bước đi bị xua đuổi (hay ma đuổi) những bước đi xiên xẹo, trường trượt... điểm dừng và động tạo thu rút nối nhau như "nước trôi" như "lửa cháy" không khoảng hở để mắt bừng lên, để trọng trường tan biến, cái không không tồn tại. Thực tại đích thực là Mùa Xuân, Mùa Xuân không tên lan tràn trong tất cả sắc, tâm, vật, tượng. Bỗng nhiên nhiên thế giới trở thành lưu ly trong suốt, mọi tiếng động âm thanh miên man như sóng nhạc... ý thức không còn tâm điểm là ý thức vũ trụ.

Không ai có thể làm cho vũ trụ nở hoa. Không có tham vọng nào đổi khổ đau thành hạnh phúc, trừ thanh tĩnh của tâm hồn. Tâm hồn hãy nhìn lại chính nó. Nhìn là cảm biết, nhìn là lắng nghe. Nhìn là sự trực thức ở Tâm sâu. Nhìn là Thấy vô ngôn! Khởi đầu là chấm dứt ở tầm sâu. Vô Tâm là trần truồng trong lục hợp. Có vậy thì thấy được cái chết không

https://tieulun.hopto.org

ngoài sự sống, tồn tại tự lặng im

Người đã chết ai làm tôi sống dậy
Nghe thì thầm trong bãi vắng tha ma
Rồi ngày vắng trưa trời im lặng gió
Trong động cành chiếc lá cuốn rơi đi
Ồ! Đã đến mùa xuân vừa chợt đến
Tôi đâu rồi quái mộng giấc đông miên?

III

Thấy mùa xuân có nghĩa là thấy sự Vô tâm của cái thấy Vô tâm còn gọi là "KHÔNG TÂM". Nhìn cảnh mà không tâm là Tuệ đã giải thoát. Nhìn Tâm

https://tieulun.hopto.org

mà không cảnh là Tâm đã giải thoát.

Tâm giải thoát là thấy tâm không vật (tâm không tạo hình sắc pháp) nói về lý là tâm vô niệm, là tự thể vô niệm. Thấy (Ngũ ấm) như tự thân cái đang là, lặng yên, bất động mà có thể hành hoạt ngũ căn ứng dụng.

Nhờ Tâm giải thoát mà Tuệ "đôi lư" không trở ngại. Không còn cảnh ngữ và cảnh trí ràng buộc, "Thấy cái Thấy không nguyên nhân hay đối tượng thì gọi là THẤY TÍNH. Thấy tính là cái THẤY bùng vỡ. Bùng vỡ không từ cái hiểu và cái tu hay không tu. Bùng vỡ không có cái âm thanh hay hình sắc, như sau một giấc ngủ vừa mở mắt dù mắt có chạm vào tướng hình mà không bị "trước vật" không có cái biết mình thấy hay không thấy mà phát minh ra CÁI BIẾT TRONG BIẾT. TRONG CÁI BIẾT RÕ RÀNG KHÔNG VẬT KHÔNG TÂM, LÀ CÁI THẤY KHÔNG PHẢI BẰNG MẮT. (Không có một niệm tin tưởng hay nghi ngờ). Chính từ cái "KHÔNG THỜI KHÔNG" đó tạm gọi là THẤY hay KIẾN TÁNH hay ĐẠO, NGỘ hay ĐẮC.

Kiến tánh, giác ngộ, Đắc đạo đều không thể chỉ đúng vào cái phi trạng thái của người đã trở thành THỰC TẠI. Không có người đạt chân lý, vì Chân lý vượt khỏi sự hiện hữu và phi hiện hữu.

https://tieulun.hopto.org

IV

Có người nói "Chân lý không có đường vào" (nhiều chủ đề thuyết giảng của Krishnamurti như Tobe A Human) nhưng cả trăm tác phẩm của Krishnamurti đều là chỉ dẫn con đường đến và còn có những tác phẩm lớn hùng mạnh như núi lửa phun trào giọng siêu nhân của Nietzsche như "ZARATHUSTRA đã nói như thế" Ecco Homo…

Những tác phẩm và luận thư thế giới có trên một vạn cuốn đều là những "Tưởng - Thuyền" của tư duy, người đọc nó như cưỡi lạc đà qua sa mạc. Kinh, Luận, Tạng và trước tác của Phật giáo cũng đồng như tất cả tầm, tư của Ba ngàn thế giới (Dục, Sắc và vô sắc). Pháp âm Phật như tiếng gầm của sư tử. Gần gũi hơn còn có "Ao Pháp" trong Thiên tông như Trang Chu hóa bướm, hay như Mục đồng trên lưng trâu giữa buổi chiều vàng.

Người đọc, học và tầm cầu như thuyền, sóng. Và nước chở thuyền là Chân lý.

Chân lý là "một Khái niệm", như một làn sóng trên biển (không khác với đại dương).

Trong giấc ngủ giữa lòng thuyền, ta giật mình thức dậy từ "Mắt không tầm" vào không giới hạn, biển và không gian, thuyền và nước đều bừng sáng, cái không lời rỗng suốt, an nhiên không còn "có cái gọi là tâm: Chân lý, Thực tại".

https://tieulun.hopto.org

Sau cùng, điều mà chúng ta có thể có thì không có trong phân biệt, không có trong cái biết từ trong kinh nghiệm ký ức.

Từ tâm lặng lẽ thanh tĩnh không có niệm, từ chỗ không có niệm, ngay đó nhận biết chỗ "Không - Sanh" nơi nào không có sự sanh diệt, không thể nói ra, không thể mô tả nơi đó là "Thực Tại" nơi đó là "CHÂN LÝ", nơi đó là TÂM.

Dù có thấy đi thấy lại trăm ngàn lần vẫn không thay đổi điều thấy được không hề khởi nghi hay tín…

Thấy như thế thì gọi là THẤY TÍNH hay KIẾN TÍNH, GIÁC NGỘ.

Nếu ai không thể xoay tâm nhìn vào trong được, thì hãy để nổi lên tâm một âm "OM" hay một câu thần chú AMITABHA (không gián đoạn).

Lời kết:

Cái "Tôi" đồng nghĩa là trống rỗng cùng một nghĩa với âm "OM" của Phạn ngữ, có nghĩa là không tính (Sunyata). Amitabha là vô hạn (không giới hạn) vô lượng (không thể tích phân hạn lượng).

Khi làm nổi lên trong Tâm OM AMITABHA thì cũng giống như ta phóng ra chất ảnh của Hydrocarbon. Hợp chất này ta có thể thấy được nhiều mặt như khí, lỏng hay rắn. Niệm được kiên

https://tieulun.hopto.org

định như tăng dần các nguyên tử carbon cùng lúc với Hydrogen thì Hydrocarbon có khuynh hướng trở thành chất rắn, carbon có hóa trị 4, hydro có hóa trị 1 thành những mối nối kết hợp và biến đổi. Tâm hay Vật chỉ là một giống như Thorium là tên của thần Thor (của Na uy).

AMITABHA phát lên trong tâm như một âm lượng chìm. Âm lượng này từ không tính mà có các mối nối liên tục của hạt âm, cũng là khí rửa nghiệp làm cho các chuyển động (vọng tưởng) trở thành trong suốt cũng như hợp chất benzen (hợp chất thơm) hòa tan thấu suốt các đặc chất khác.

AMITABHA hay OM là tính không nó tràn lấn cái vô hạn vào tất cả làm cho hữu thể trở thành kiến tính, trong cái thấy mùa xuân là ở đó.

https://tieulun.hopto.org

PHẬT TẠI TÂM, MA CŨNG TẠI TÂM

VU GIA

Tôn giáo không phải là luật pháp, nhưng tôn giáo nào cũng giáo dục, nhắc nhở con người tu tập cái tâm, trau dồi cái tâm, gìn giữ cái tâm trong sáng… Ngấp nghé đẳng tuổi "xưa nay hiếm", tôi thấy lời Phật dạy khi tâm được trong sáng (minh tâm) thì cuộc sống yên vui, ngược lại là đau khổ, luôn luôn đúng. Chữ tâm, chữ tài hiện nay sao mà lạc lối thế?

Thiện căn ở tại lòng ta/ Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài" (Truyện Kiều). Chưa lúc nào bằng lúc này, người ta nói nhiều về cái tâm của con người trong cuộc sống, về tài năng và tài lộc, và dường như… lạc lối. Về tài năng, chúng ta phấn đấu đến

https://tieulun.hopto.org

năm 2020 đào tạo bổ sung được ít nhất 20.000 tiến sĩ, đồng thời tăng tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trong các trường đại học, cao đẳng của cả nước; đến bây giờ số lượng người có chức danh giáo sư, phó giáo sư và có học vị tiến sĩ nhiều nhất trong khu vực, song chất lượng thì đứng ở… xa xa. Về tài lộc thì ông Nguyễn Khoa Điềm, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, có phân tích rất sâu sắc trong bài trả lời phỏng vấn báo *Lao động*, ngày 5-6-2011: "Cái gì làm ra tiền thì đổ xô vào, cái gì không làm ra tiền thì bỏ, ngó lơ... là đang phổ biến. Khi bước vào thời kinh tế thị trường, chúng ta có một cái quên rất cơ bản, đó là kinh tế thị trường này chỉ phát triển khi các yếu tố khác cũng được phát triển thì mới có thể phát triển tốt và lành mạnh. Nếu chỉ thuần túy là thị trường, tức làm ra tiền, thì nó phát triển không những không bền vững mà còn đầy thảm họa. Hãy nhớ khi chủ nghĩa tư bản ra đời, kèm theo đó là các hệ tư tưởng quan trọng về dân chủ, nhân đạo, về quyền con người, về bảo vệ di sản truyền thống... để làm cho con người vững vàng hơn trước các giá trị đồng tiền. Còn hiện ta như đang thả hết, chỉ coi kinh tế là quan trọng. Chúng ta như một người lâu nay đói khát, bỗng dưng thấy một đống tiền trước mặt là tất cả cùng nhào vồ lấy cho thật nhiều mà quên mất các giá trị làm nên sự đứng

https://tieulun.hopto.org

đắn, tử tế của một con người".

Vì thế, cả chục năm qua, người ta thường kêu gọi mọi người hướng tới cái tâm thiện lương. Nhưng tâm là gì? Về nghĩa gốc, tâm là trái tim. Ở phương Đông, ngày xưa, người ta tưởng lầm rằng trái tim là chỗ nghĩ ngợi lo lắng, nên phàm cái gì thuộc về nghĩ ngợi lo lăng đều gọi là tâm. Sách *Đại học* luận rộng về cái tâm, lấy sự tu thân làm gốc, và viết: "Tự thiên tử dĩ chí ư thứ dân, giai dĩ tu thân vi bổn". Nho giáo nhắc nhở mọi người "Tồn tâm dưỡng tánh" nghĩa là gìn giữ cái tâm, nuôi nấng cái tánh. Nho giáo quan niệm "tiên thiên" là tánh, "hậu thiên" là tâm. Do vậy, cái tâm không phải do trời sinh mà ảnh hưởng từ gia đình và xã hội. Nhà Phật cũng nói: "Minh tâm kiến tánh", nghĩa là làm sáng cái tâm thì sẽ thấy cái tánh, và một khi "kiến tánh" thì sẽ "thành Phật". Phật dạy: "Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành".

Ở phương Tây, người ta cho rằng sự suy nghĩ, khôn ngoan do cái não; còn cái tình gốc ở tâm. Tâm mà phát ra lộn xộn, có khi trái lẽ là vì thiếu suy nghĩ. Các triết gia phương Tây gọi tâm là lương tâm. Về lương tâm, có phái chủ trương do sự kinh nghiệm mà hiểu biết, có phái cho rằng cái tâm tự nhiên khôn thiêng, có việc chẳng cần phải học hỏi hay là kinh nghiệm mà cũng biết được.

https://tieulun.hopto.org

Đức Thích Ca Mâu Ni, cho rằng tâm là chìa khóa để mở cánh cửa thiện lương trong mỗi con người và cần phải thường xuyên tu tập mới có. Ngài dạy:

"1- Ta không thấy một pháp nào khác, này các tỳ khưu, lại khó sử dụng, như tâm không được tu tập. Tâm không được tu tập thì khó sử dụng.

2- Ta không thấy một pháp nào khác, này các tỳ khưu, lại dễ sử dụng, như tâm được tu tập. Tâm được tu tập thì dễ sử dụng.

3- Ta không thấy một pháp nào khác, này các tỳ khưu, lại đưa đến bất lợi lớn, như tâm không được tu tập. Tâm không được tu tập đưa đến bất lợi lớn.

4- Ta không thấy một pháp nào khác, này các tỳ khưu, lại đưa đến lợi ích lớn, như tâm được tu tập. Tâm được tu tập đưa đến lợi ích lớn.

5- Ta không thấy một pháp nào khác, này các tỳ khưu, đem lại đau khổ, như tâm không được tu tập, không được làm cho sung mãn. Tâm không được tu tập, không được làm cho sung mãn, đem lại đau khổ.

6- Ta không thấy một pháp nào khác, này các tỳ khưu, đem lại an lạc, như tâm được tu tập, được làm cho sung mãn. Tâm được tu tập, được làm cho sung mãn, đem lại an lạc"[1].

Do đó, tâm không phải là vật có hình tướng mà hễ ai đó muốn là có thể tìm nó ở đâu đó mang về cho

https://tieulun.hopto.org

mình là được chứ không cần tu tập, chẳng cần trau dồi. Đạo giáo cũng khuyên con người cần phải "Tu tâm luyện tánh", chứ không phải tự dưng mà có. Cái xấu cứ như cỏ dại, không cần chăm sóc nó cứ tốt tươi. Cái tốt như danh hoa, phải che chắn nắng mưa, tưới bón cẩn thận, thậm chí phải thức khuya dậy sớm chăm sóc thì nó mới tỏa hương, tỏa sắc. Do vậy, chăm sóc cái tâm ít ra cũng như chăm sóc danh hoa mới hy vọng cái tâm trong sáng, cái tâm thiện lương, mới hy vọng cuộc đời tươi đẹp.

Khi con người không có cái tâm thiện lương, tức là không có lương tâm thì dẫn đến nhiều hệ lụy cho xã hội. Tại phiên họp thường kỳ của Chính phủ tháng 11-2016 vào chiều 28-11 tại Hà Nội, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, nói: "Có văn hóa từ chức không, có nghị định về vấn đề này hay không, ai làm việc đó? Chính là Bộ Nội vụ phải làm việc đó, trình Chính phủ". Tôi nghĩ, Bộ Nội vụ chỉ làm được phần nổi. Điều quan trọng là ý thức, tức là cái tâm của mỗi con người. Nếu một người có lương tâm thì không đợi người khác nhắc nhở, kêu gọi từ chức khi thấy mình không thể hoàn thành nhiệm vụ được giao. Từ Đông sang Tây, khi nhà nước hình thành đều có luật pháp. Luật pháp là "bức tường lửa" ngăn chặn cái xấu phát ra từ cái tâm không trong sáng ở mỗi con người. Luật pháp giúp con người sống có

https://tieulun.hopto.org

đạo đức hơn, văn minh hơn. Pháp luật sẽ bị vi phạm nếu xã hội có môi trường đạo đức tha hóa. Ngược lại, pháp luật không nghiêm cũng ảnh hưởng xấu đến đời sống môi trường đạo đức.

Tôn giáo không phải là luật pháp, nhưng tôn giáo nào cũng giáo dục, nhắc nhở con người tu tập cái tâm, trau dồi cái tâm, gìn giữ cái tâm trong sáng… Ngấp nghé đẳng tuổi "xưa nay hiếm", tôi thấy lời Phật dạy khi tâm được trong sáng (minh tâm) thì cuộc sống yên vui, ngược lại là đau khổ, luôn luôn đúng. Chữ tâm, chữ tài hiện nay sao mà lạc lối thế?

Tự mình làm điều ác/ Tự mình làm nhiễm ô/ Tự mình không làm ác/ Tự mình làm thanh tịnh/ Tịnh, không tịnh tự mình/ Không ai thanh tịnh ai" (Kinh Pháp Cú – *Phẩm Tự Ngã*). Như vậy, Phật cũng ta mà ma cũng ta. Phật tại tâm, ma cũng tại tâm. Trong lòng ai cũng có ma và cũng có thể trở thành ma, nếu lơ là, buông lỏng bản tâm của mình. Muốn có bản tâm trong sáng, không thể không tu tập. Nếu mỗi người đều có bản tâm trong sáng thì xã hội chỉ có tốt đẹp trở lên. Lúc đó, chính phủ chỉ tập trung lo những việc to lớn hơn cho đất nước, không còn phải kêu gọi "văn hóa từ chức", không còn kêu gọi "tìm người tài chứ không tìm người nhà", không còn phải lo "tất cả cùng nhào vồ lấy cho thật nhiều"…

https://tieulun.hopto.org

Mùa xuân – mùa của niềm tin và hy vọng – đang về với muôn loài. Chúng ta là chúa của muôn loài. Vì thế, chúng ta cố gắng trau dồi cái tâm, gìn giữ cái tâm để "làm nên sự đứng đắn, tử tế của một con người".

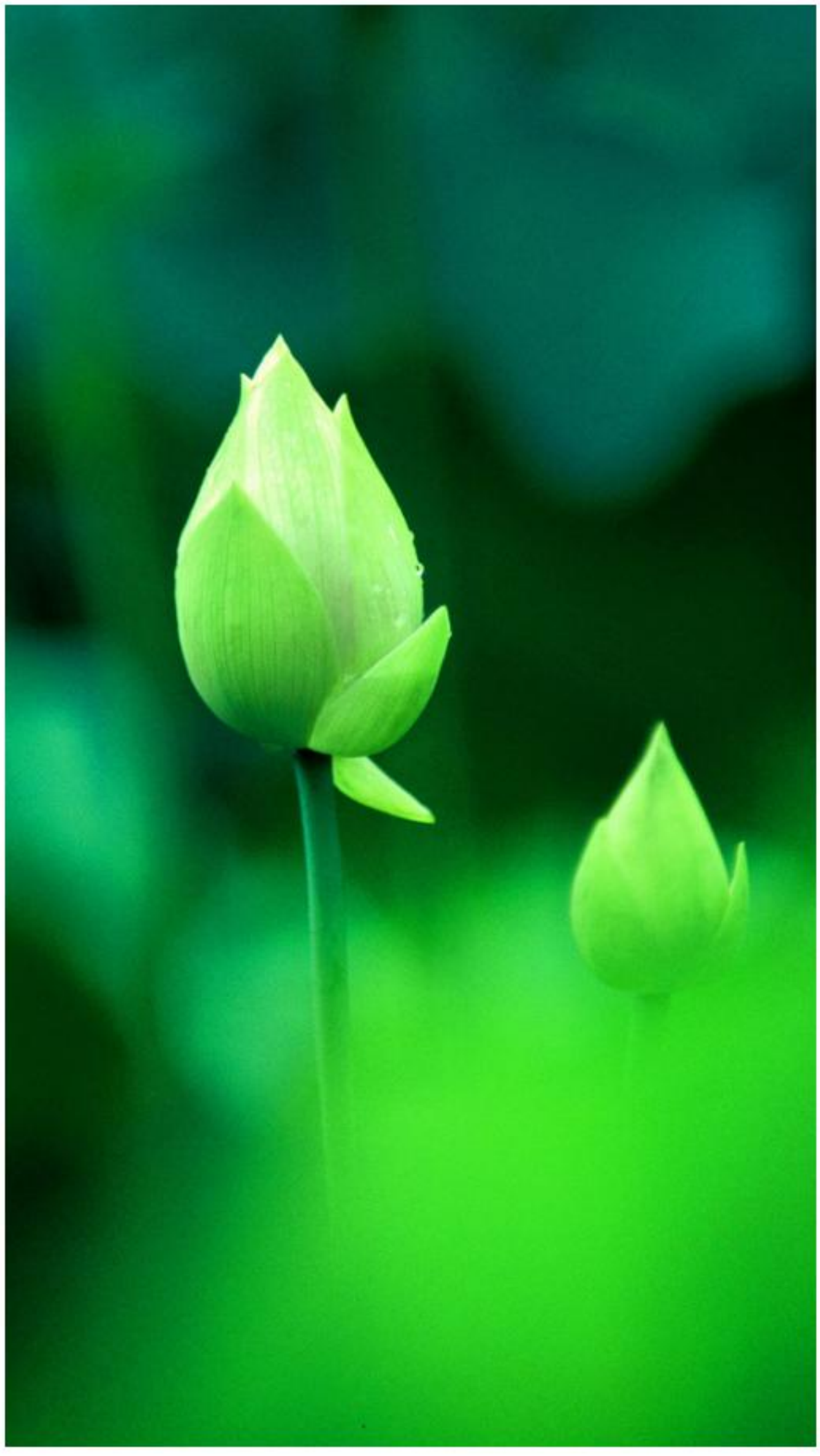

https://tieulun.hopto.org

KHÔNG GIỚI HẠN

DIỆU ANH (Hà Nội)

https://tieulun.hopto.org

Cái nhìn không giới hạn
Sắc màu và thời gian
Xoay nửa vòng đi bạn
Vẫn lằn chia rõ ràng

Một sắc vàng thuần khiết
Trải suốt miền bao dung
Một sắc xanh tha thiết
Trôi về phía vô cùng

Tôi yêu sự Minh triết
Bình yên và mộng mơ
Ôi sắc xanh bất diệt
Bên sắc vàng lãng du.

https://tieulun.hopto.org

DÒNG NƯỚC THANH XUÂN VÀ NGỌN NGUỒN THANH TỊNH

HUỲNH NGỌC TRẢNG

Giờ thì mỗi khi Tết đến, chúng ta thường hay nhắc đến "*Thịt mỡ dưa hành, câu đối đỏ / Nêu cao, tràng pháo, bánh chưng xanh*" cùng các tập tục lễ bái tổ tiên, gia thần, đi chùa, hái lộc... và dường như quên đi rằng Tết là một lễ tiết nông nghiệp, liên quan đến mùa vụ, gắn với sự chuyển mùa của trời đất; ở đó, nước là một đối tượng vốn được quan tâm

https://tieulun.hopto.org

hàng đầu, biểu thị niềm mơ ước "phong điều vũ thuận", là nguồn sống, là khởi nguyên của chu kỳ tái sinh và là phương tiện thanh tịnh hóa.

1. Cứ đến ngày 25 tháng Chạp, đa số chùa chiền, tu viện làm lễ Đưa Chư Thiên. Tập tục này phổ biến trong dân gian thành lệ cúng tiễn chư thần chư Phật về trời vào ngày 25 tháng Chạp, sau lễ đưa Ông Táo hai ngày trước đó. Kể từ khi lễ tất, tăng chúng ở chùa, ban hội hương ở đình miếu và mỗi tư gia đều tiến hành dọn dẹp, chùi rửa hương án, đồ tự khí, tượng thờ... mà không sợ việc "làm động" đến các đối tượng thờ tự thiêng liêng. Nước tắm tượng chư thần, chư Phật phải là thứ nước tinh khiết, thường là nước mưa, nấu trong chiếc nồi mới và pha thêm các mùi hương cây lá có tinh dầu thơm... Việc dọn dẹp, tắm tượng xong thì đem an vị vào chỗ cũ và buông màn che kín cẩn thận cho đến khi cử hành lễ rước thần vào ngày cuối năm. Thời gian này tịnh nhiên không đốt nhang, gõ chuông, dâng cúng lễ vật gì cả.

Tập tục tắm tượng và tẩy rửa đồ tự khí, bàn thờ, điện thờ vào ngày 25 tháng Chạp nói trên có lẽ là một biện sự từ nghi thức *Sái tịnh/ Sái thủy* của nhà Phật. Đây là nghi thức được thực hành khi tu pháp *Hộ ma* hoặc pháp *Quán đỉnh* trong Phật giáo, và là nghi thức phổ biến trong khoa nghi Phật giáo:

https://tieulun.hopto.org

rải nước thơm đã gia trì ẩn khế và chân ngôn để thanh tịnh đạo tràng - gọi là kiết giới thanh tịnh. Cần lưu ý rằng trong nghi thức tế lễ của Nho gia, nghi tiết *Quán tẩy* (Chánh tế đến nơi đặt thau nước: rửa mặt, lau mặt trước khi quỳ xuống niệm hương) cũng có ý nghĩa thanh tịnh bản thân trước khi thực hành nghi lễ thông linh với thần thánh.

Đối với người Việt, việc dùng nước nấu bánh chưng (pha với nước lạnh) để tắm cho trẻ vào chiều 30 Tết cũng như lệ "tắm tất niên" từ lâu đã là một cách thanh tẩy cuối năm có phần phổ biến. Người Chăm Islam có tập tục vào ngày mồng một cả làng ra sông tắm để gột rửa cái xấu của năm cũ. Người H"mông, vào đêm tối cuối năm, mẹ và con gái gọi nhau đi gội đầu bằng nước lá chua; rồi mồng một, cả làng bản gọi nhau ra bến nước, mỏ nước để rửa mặt, tắm gội. Người Gia Rai có 2 tập tục: 1/ Sau khi đưa tang về, ông đầu tộc rảy nước làm phép rửa nhà người chết và rảy nước lên người đi đưa đám ma để xua ma quỷ, hồn người chết ám; 2/ Sau lễ bỏ mả, mọi người té nước vào tang chủ hoặc đưa tang chủ ra suối tắm cho sạch sẽ: từ đây, người sống không còn ràng buộc với người chết nữa và sống với cộng đồng như mọi người... Dẫn ra một số trong nhiều tập tục dùng nước thanh tẩy của nhiều tộc người xứ ta ở trên để chỉ ra rằng đây là tập tục phổ biến, kể cả các

https://tieulun.hopto.org

tộc người không chịu ảnh hưởng của đạo Phật. Tập tục dùng nước như công cụ thanh tẩy trong nghi lễ phổ biến ở nhiều tôn giáo, nhiều dân tộc, kể cả trong nghi lễ của phù thủy Đạo giáo, cũng như nghi thức rảy nước trong lễ Ki-tô giáo.

2. Rõ ràng là rửa, gội, tắm... theo nghi lễ là biểu tượng của dòng nước làm sạch; và không chỉ là như vậy, hành vi nghi lễ này cũng bắt nguồn từ nghi lễ biểu trưng của nguồn nước; theo đó rửa, gội, đặc biệt tắm, là tiếp nhận sức mạnh, phẩm chất của nguồn nước làm cho người ấy được sạch sẽ, sảng khoái, tiêu trừ bệnh tật, nâng cao khả năng sinh sản, trí tuệ sáng suốt... Công năng tẩy rửa và phục hồi của tắm phổ biến trong cả đời sống thế tục lẫn trong việc thiêng liêng. Tắm là nghi thức trong các nghi thức ghi nhận những bước ngoặt trong cuộc đời mỗi con người: Sinh ra, bắt đầu có khả năng sinh sản và chết (chết ở đây được hiểu là chuyển kiếp, là chuyển từ thế giới bên này sang thế giới bên kia - nơi chốn chuẩn bị cuộc tái sinh/ đầu thai mới). Theo ý nghĩa đó, tắm vào thời điểm giao thừa của chu kỳ thời gian năm cũ - năm mới cũng hàm chứa ý nghĩa kép: tây uế và tái tạo sự sống. Tắm là dầm mình trong nước là sự trở về nguồn cội khởi nguyên, là tự tiếp cho mình từ kho dự trữ tiềm năng vô biên và lấy ở đó một sức mạnh mới. Do đó, nước không chỉ gột rửa,

https://tieulun.hopto.org

thanh tẩy mà còn là năng lực tái sinh. Từ đó, nước là nguồn gốc của sự sống, biểu tượng của khả năng sinh sôi nảy nở. Tập tục té nước vào nhau của một số dân tộc ở Đông Nam Á cũng mang ý nghĩa tẩy uế và tái tạo sức sống chứ không chỉ là một "biến thể" của tập tục cầu mưa như một số nhà nghiên cứu giải thích.

3. Về mặt tự nhiên, nước là thứ trời cho, là ân phúc của trời; đặc biệt, các cư dân nông nghiệp coi mưa là biểu tượng ban phúc, sông suối là tác nhân của phì nhiêu. Bởi vậy, cứ đến chiều 30 Tết, phổ biến tập tục gánh nước đổ đầy tất cả lu, ảng, ghè, hồ chứa và đậy giếng lại. Việc làm này biểu hiện điều cầu mong được sung mãn: đầy đủ, không thiếu thốn trong năm tới. Ở đó, nước được coi là cội nguồn của cuộc sống.

Tập tục múc nước giếng hay đi lấy nước suối (máng nước, mỏ nước) trong đêm trừ tịch để đem về cúng tổ tiên (cúng nước, nấu xôi cúng, pha trà cúng...) của các tộc người ở xứ ta cho thấy việc coi nước là vật phẩm tinh khiết có nguồn gốc thiêng liêng và có công năng khởi tạo nên sự hanh thông, cát tường - cụ thể là ấm no, hạnh phúc. Người Pu Péo, người Thái ở Mai Châu có tục sau bữa cỗ cuối năm không được rửa bát đĩa vì kiêng không để nước thiêng trôi đi... vô ích!

https://tieulun.hopto.org

Các tộc người miền núi xứ ta hầu hết đều cho rằng nước của trời làm ra thóc lúa; họ cũng coi trọng chức năng tái sinh của nước; đặc biệt nhấn mạnh nguồn gốc vũ trụ của nước mưa: là tinh dịch của trời làm thụ tinh cho đất. Chính vì coi nước là nguồn sống nên không ít dân tộc xem nguồn nước, bến nước, mỏ nước là địa điêm thiêng, là đôi tượng câu cúng, tạ ơn vào dịp cuối năm cũ, đầu năm mới. Trong các lễ vật dâng cúng bến nước luôn phải có một bầu nước. Bầu nước cúng này có phần tương đồng với tục cúng nước (chén, bát...) trong lễ cúng thần - Phật, tổ tiên và tục lấy nước đầu năm từ giếng, suối, mỏ nước, máng nước để cúng tổ tiên nói trên. Điều này chỉ ra rằng các hình thức có khác song đều cùng một tín lý.

https://tieulun.hopto.org

4. Nói chung, dù có khác biệt ở từng tọa độ địa lý - dân tộc, song ý nghĩa tượng trưng của nước đều quy về ba chủ đề chính: 1/ Nước là dạng thức thực thể của thế giới, là nguồn gốc của sự sống. 2/ Nước là yếu tố tái sinh thể xác và linh hồn, biểu tượng của khả năng sinh sôi nảy nở. 3/ Nước là biểu trưng cho tính thanh khiết, hiên minh và khoan dung, đức hạnh. Trong các tập tục văn hóa, tín ngưỡng, các biện sự cụ thể có thể biếu đạt riêng từng chủ đề, song đa phần đều hàm chứa cả ba chủ đề - đậm nhạt không chừng.

Hầu hết các tôn giáo và thần thoại khai nguyên các dân tộc đều coi nước là khởi thủy cho cuộc sáng tạo thế giới. Bắt nguồn từ vũ trụ quan Ấn Độ cổ, thế gian luận về vũ trụ của Phật giáo thì toàn thế giới của chúng ta (lấy núi Tu di làm trung tâm, chung quanh có 4 đại châu, 9 lớp núi, 8 lớp biển), các đại châu - trong đó có Nam Thiệm bộ châu của loài người, là các lục địa nổi bồng bềnh trên biển nước thơm Hương hải. Dưới cái nhìn của nhà Phật, các kinh tạng xác định bản thể của nước là lắng trong / thanh tịnh nên dùng nước làm phép tu tập *(Thủy định, Thủy quán, Thủy tưởng quán, Từ bi thủy sám pháp...)* và từ cái nhìn tương tác viên dung giữa hiện tượng và bản thể (duyên khởi và thật tướng), nước được coi là biểu tượng cho 10 ý nghĩa của chân

https://tieulun.hopto.org

tâm *(Thủy dụ chân tâm thập nghĩa)* hay 10 thiện pháp của Bồ tát *(Thủy dụ Bồ tát thập chủng thiện pháp)*.

Rõ ràng, nước là thanh khiết, nhưng rửa tay chưa đủ để gạt bỏ tội lỗi về đạo lý; sạch sẽ da thịt chưa phải đã là thanh tịnh tâm trí, đạt đến thường lạc. Nói cách khác, cần có một chiêu kích quy chiêu hoàn hảo hơn, mới tương thích với bản chất xuất thế gian của nước.

Theo *Trừ cái chướng Bồ tát sớ vấn*, Bồ tát có khả năng dùng pháp thủy để cứu giúp chúng sanh khiến cho thiện căn của họ được tăng trưởng, trừ sạch được tội cấu, xa lìa sự nóng bức của sinh tử và dứt được tâm khát ái đặng thành tựu Bồ đề mà bước lên bờ giác như nước. Bản thể của nước vốn thanh tịnh - yên tĩnh, nhất là khả năng làm cho vạn vật tăng trưởng, tẩy sạch cấu uế, nóng bức gặp nước được mát mẻ, khô khát gặp nước được tươi mát. Chính 10 thuộc tính đó đã biểu thị khá tường minh 10 thiện pháp: 1/ *Chảy thấm vào đất* (Bồ tát dùng pháp thủy thanh tịnh điều phục tất thảy các chúng sanh không phân biệt); 2/ *Gieo trồng hạt thiện pháp* (Bồ tát gieo hạt bồ đề, dùng nước định tưới cho thành diệu quả); 3/ *Tin ưa hoan hỉ* (như dòng nước lớn, chảy thấm khắp và làm tươi tốt các loại thực vật); 4/ *Tiêu trừ cội gốc phiền não*; 5/ *Tự thể thanh*

https://tieulun.hopto.org

tịnh không xen tạp; 6/ *Dứt trừ sự nóng bức của phiền não*; 7/ *Ngăn được lòng ham muốn khát ái*; 8/ *Sâu rộng vô biên*; 9/ *Chỗ cao chỗ thấp đều đầy đủ* (Tùy theo căn khí cao thấp của tất cả loài hữu tình mà dùng phương tiện thích hợp để khai thị); 10/ *Dứt trừ trần lao* (Bồ tát dùng nước định huệ tưới nhuần tất cả hữu tình khiến họ từ bỏ tất cả tập khí thô ác, phát tâm dứt bỏ trần lao, phiền não đồng nhập vào cảnh giới thanh tịnh).

Ở một tầm kích khác tính/ bản thể thanh tịnh của nước cũng được quy chiếu với thuộc tính của chân tâm. Ở *Thủy dụ chân tâm thập nghĩa* này, chúng ta thấy cái nhìn khá tường minh về thể và tướng của nước: 1/ *Thể của nước là lắng trong thanh tịnh*; 2/ *Do bùn mà thành đục*; 3/ *Tuy đục nhưng không mất tính trong*; 4/ *Bùn lắng xuống thì nước trong hiện*; 5/ *Gặp lạnh thành băng có công dụng cứng chắc*; 6/ *Tuy có công dụng cứng chắc nhưng không mất tính mềm*; 7/ *Băng gặp nóng chảy thành nước* (trở về với tính ướt); 8/ *Gió nổi lên thì nước biến thành sóng, nhưng tính yên tĩnh vẫn không thay đổi* ; 9/ *Nước chảy từ chỗ cao xuống chỗ thấp nhưng tự tính thì bất động*; 10/ *Nước có hình dáng tùy theo đồ đựng nhưng không mất đi tự tính của nó.*

5. Khó có thể nói hết được nghĩa lý và công

https://tieulun.hopto.org

năng của nước trong giáo pháp và nghi lễ của nhà Phật và đó cũng không phải chủ đề của bài viết này. Ở đây, chỉ là một vài ghi nhận tản mạn về nước trong tập tục đón xuân của thế gian và nhân đó liên hệ đến các tầm kích xuất thế gian của nước.

Nước của mùa xuân là dòng nước thanh xuân. Thời điểm mà thế gian tiến hành lễ hội theo chu kì của năm tháng là thời điểm thiêng, là khoảnh khắc đặc biệt, bứt ra khỏi thời gian của cuộc sống thường nhật... và ở đó mọi thứ đều tìm lại được điều bí ẩn, huyền nhiệm vốn có của chúng. Nước là một ví dụ.

Có nhiều loại lễ hội, trong đó có những lễ hội đáp ứng những trói buộc không thể vượt qua của quy luật tự nhiên (như những biến đổi sinh lí và cái chết của qui luật sinh tử) và hành vi lễ hội thực ra là những cố gắng giải thoát con người khỏi mối sợ hãi cá nhân. Tết được gọi là lễ Chịu tuổi (Khmer) hay lễ Mừng tuổi - tức thời điểm đánh dấu sự già đi của mỗi cá nhân, tức chỉ rõ ra khoảng cách đến "đích cuối cùng" đã bị thu ngắn lại một lượng nhất định.

Cổ tích suy nguyên của chúng ta có câu chuyện kể về sự hèn nhát của thiên sứ nhà Trời trước lũ rắn độc nên đã buộc lòng nói ngược lời thiên khải rằng: "*Rắn già rắn lột, người già chui tuột hòm săng*". Con người phải lâm vào vòng sinh tử từ đó. Ở sử thi thần thoại *Đẻ đất đẻ nước* của người

https://tieulun.hopto.org

Mường cổ (gốc của nhóm Việt - Mường) cũng kể câu chuyện tương tự, nhưng cổ xưa hơn, mộc mạc hơn. Truyện kể rằng từ thuở xa xưa, khi đất còn bạc lạc, nước còn bời lời, đất trời còn dính làm một, bông cơm trái lúa ngày ấy chưa nên...

Đặt cho đá Chính Chi là kẻ đi rao
Rao từ mường dưới đất rao lên
Rao từ mường trên cao rao xuống:
Bắt đầu khi xưa con rắn chết cốt,
Con người lột lại
Cây trái năm được năm thua
Làm mùa năm cạn năm không...
(...)
Rắn đen nghe thật lời tiếng ấy,
Nghe hại thân, hạ mình
Ra đón cắn đá Chính Chi giữa đàng.
Rắn vàng nghe thật lời tiếng ấy,
Ra đón cắn đá Chính Chi giữa sá
Đá Chính Chi không dám đi rao, đi gọi.

Thế là, đá Chính Chi sợ, và sau đó đổi lại lời rao:

Bắt đầu con người xưa chết cốt,
Con rắn lột lại.
Rắn đen không đón đàng,
Rắn vàng không đón sá,
Cắn đá Chính Chi giữa đàng!

https://tieulun.hopto.org

Việc sinh tử là nỗi lo từ thời buổi bình minh của con người và mong muốn thoát khỏi điều đó cũng tồn tại thường xuyên nên mới ước ao: cây gậy đầu sanh - đầu tử của Tản Viên Sơn thánh/ Sơn Tinh, lá thuốc trường sinh của chú Cuội, thờ Thọ Tinh/ Ông Thọ, chọn giải pháp tu tâm hướng thiện để làm xúc động lòng công chính của Nam Tào - Bắc Đâu... Và rồi mỗi năm khi Tết đến, cùng với sự tái sinh của vạn vật con người cũng cần đến khả năng thanh tẩy và phục hồi của nước. Các tập tục liên quan đến nước ở thời điểm này là nhằm mục đích đó. Nước phép đầu năm là hai mặt của một mong muốn vô vọng: xóa bỏ dấu vết tàn phá của thời gian và đưa vào thế giới loài người một chút vĩnh cửu - vốn là đặc hữu của thần linh. Khác với kỳ vọng bất thành của dòng nước thanh xuân, nguồn nước thanh tịnh lại có khả năng thù thắng trong nỗ lực tu dưỡng nhằm gia tăng phẩm chất và giá trị cho cuộc sống ở đây và bây giờ.

https://tieulun.hopto.org

HƯƠNG XUÂN

HÒA PHƯƠNG

Bao năm rồi tụi mình xa cách
Hôm nay tình cờ gặp lại nhau
Chiều cuối năm gió xuân lành lạnh
Lòng mừng vui cảm xúc dâng trào.

Ngày xưa tụi mình là thiếu nữ
Vui hồn nhiên trong tuổi thanh xuân
Giờ gặp nhau mái đầu điểm bạc
Vô thường trôi nhìn lại... không ngờ!

https://tieulun.hopto.org

Kỷ niệm trở về trong ký ức
Ngược thời gian tìm lại hương xưa
Sân trường, áo trắng, chùm phượng vĩ
Tiếng ve kêu man mác hè về

Rời mái trường mỗi người mỗi ngã
Mỗi người trôi theo nghiệp riêng mình
Rồi mãi đua chen trong danh lợi
Được gì đâu, chỉ có ưu phiền...

Chuyện tụi mình dài như sông biển
Chuyện đời – chuyện đạo bấy nhiêu năm
Ước làm sao thời gian dừng lại
Trái đất ngừng quay không có đêm ngày.

Mùa xuân đang về trên khắp nẻo
Mai vàng khoe sắc nở đầy sân
Tách trà xanh ấm tình bạn cũ
Hương xuân xưa đọng mãi trong lòng.

https://tieulun.hopto.org

CON ĐƯỜNG ĐẠT ĐẾN BỒ ĐỀ TÂM TRONG PHẬT GIÁO TÂY TẠNG

MINH HIỀN - MINH BẢN

Lời mở đầu:

Các tài liệu trong bài viết này hoàn toàn dựa trên những tư tưởng, lời dạy, giảng giải và những chỉ dẫn phương pháp tu tập của Thiền sư Tây Tạng danh tiếng, ngài Gue/she/ Kelsang Gyatso hiện đang sống tại Âu châu.

https://tieulun.hopto.org

Tóm lược tiểu sử của Thiền sư Gue/she/ Kelsang Gyatso

Gue/she/ Kelsang Gyatso, sinh năm 1931, tại Tây Tạng, từ năm 8 tuổi đã theo học đạo tại các tu viện và đại học ở Tây Tạng trong suốt 20 năm và đạt cấp bậc Gue/she/ (Thượng tọa). Năm 1959, ngài đến ở Thiền viện tại Buxar, Ấn Độ. Sau đó, ngài rời Buxar để đến Mussoorie miền núi Ấn Độ để dạy học. Theo hướng dẫn của người thầy là Kyadje/ Tridjang
Rinpoche, ngài đã đi thiền định trong miền núi Hy Mã Lạp Sơn trong suốt 18 năm.

Năm 1977, được mời dạy tại Viện Manjushi tại Ulverton Anh quốc và sau đó rời khỏi nơi này để thành lập Truyền thống mới của Phật giáo Đại thừa Mật tông Tây Tạng vào năm 1991 với hơn một ngàn trung tâm gồm những nhóm người thực hành thiền định khắp các nước trên thế giới, trong đó Ngài thiết lập ba chương trình nghiên cứu tập luyện tâm linh. Đến nay, ngài đã giảng dạy và viết mấy chục cuốn sách về lý thuyết, quan niệm, phương pháp thực hành Thiền của Phật giáo Tây Tạng.

Năm 1997, Ngài đến dạy ở Trung tâm Thiền định Phật giáo Đại thừa Mật tông Tây Tạng Manjushi ở Anh quốc, số phật tử ngày một đông, trong các lễ hội quốc tế có hàng ngàn người từ các

https://tieulun.hopto.org

nơi trên thế giới đến tham dự. Ngài cũng đã đào tạo hàng trăm giáo sư với phẩm chất cao và một cộng đồng to lớn cho nam và nữ tu sĩ.

Vào tháng Giêng năm 1987, khi ngài đến Tharpaland ở miền Nam xứ E/cosse và ở ẩn trong 3 năm. Giữa những buổi thiền định, ngài đã viết nhiều cuôn sách như:

- La voie joyeuse de la bonne fortune (Con đường mang lại niềm vui của vận mệnh).
- La compassion universelle (Từ bi Phổ quát).
- La Manuel de Me/ditation (Cẩm nang Thiền định).
- Introdution an Bouddhisme (Dẫn nhập đạo Phật).
- Le Guide du pays des Dakinis.

...

Trong những lời giảng dạy, Gue/she/ Kelsang Gyatso nhấn mạnh đặc biệt về sự thiền định và những phương cách áp dụng trong đời sống hàng ngày nhằm đem lại sự phát triển tuệ giác, sự hiểu biết, tâm từ bi, khiến tinh thần chúng ta được an lạc và có được hạnh phúc, an bình nội tâm trong cuộc sống.

https://tieulun.hopto.org

I. Bồ Đề Tâm là gì?

1. Định nghĩa và khái quát

Bồ Đề Tâm được gọi là Giác tâm là Tâm hướng về giác ngộ, Tâm trong giác ngộ hay Tâm của sự giác ngộ. Định nghĩa theo Phật giáo Tây Tạng thì Bồ đề tâm có hai dạng, tương đối và tuyệt đối.

Bồ đề tâm tương đối được chia làm 2 cấp:

- Xuất phát từ lòng từ bi chân thật, người tu hành hướng về tất cả chúng sinh quyết tâm tìm giải thoát để cứu độ.

- Nhận biết sự cần thiết phải đạt tới giác ngộ viên mãn qua thực hành thiền định để mang lại lợi ích cho muôn loài.

Bồ đề tâm tuyệt đối chính là sự chứng ngộ về Tính không, từ lúc người tu hành trực nhận được tính không thì tâm thức nội tại lúc ấy chính là Bồ đề tâm tuyệt đối.

Theo truyền thống Mật tông Tây Tạng thì Bồ đề tâm là một sự thật cụ thể, sự thực hành Bồ đề tâm này có thể đưa đến một dạng giác ngộ mà toàn thân thể người tu hành có thể cảm nhận thật sự được.

Phật giáo Tây Tạng cũng được gọi là Lạt-ma giáo, là một hệ phái Phật giáo thuộc Phật giáo Đại thừa, được truyền bá nhiều nơi gần Hy Mã Lạp Sơn, đặc biệt ở Tây Tạng. Đặc trưng Phật giáo Tây Tạng là sự trộn lẫn của các giới luật của Thuyết nhất thiết

https://tieulun.hopto.org

hữu bộ và các phép tu của Kim Cương thừa. Các dòng tu quan trọng của Tây Tạng thường có một hệ thống gồm các tu viện, đồng thời cũng khởi nguồn từ các vị Đại thành tựu. Về mặt lý thuyết, ngoài A-tì-đạt-ma, Phật giáo Tây Tạng còn dựa vào các giáo pháp Đại thừa của ngài Long Thọ và Vô Trước, xem đó là hai lý thuyết căn bản mà đặc biệt là triết lý Trung quán cụ duyên của ngài Luận sư Nguyệt Xứng được xem trọng hơn hết. Ngoài ra, luận lý học cũng được đưa vào để luận giải các vấn đề có tính giáo khoa. Đặc biệt, các phép tu Tantra (Đạo giáo theo luật thiên nhiên) thường được dùng để biến các kiến thức lý thuyết thành kinh nghiệm bản thân. Phật giáo Tây Tạng tin tưởng vào sự đầu thai và sự tái sinh của con người.

Năm chủ đề quan trọng phải được học hỏi nghiên cứu trong một thiền viện tại Tây Tạng trước khi đạt được danh hiệu Gue/she/ gồm: Bát nhã Ba la mật đa, Trung quán, Nhân minh hoặc Lượng học, A-tì- đạt- ma và Luật lệ Phật giáo.

2. Tinh thần cao quý của Bồ đề tâm

Từ sự phát triển tình yêu thương và lo nghĩ về những người khác đến việc thực hành "lấy" và "cho" làm phát sinh bên trong chúng ta một sự thành quả đặc biệt của Bồ đề tâm. Bồ đề tâm sinh ra từ lòng từ bi phổ quát hay là "Đại bi", nó phụ thuộc

https://tieulun.hopto.org

vào tình thương yêu và lo nghĩ đến người khác, là lòng từ bi chân thật với bản năng tự nhiên rộng mở đến tất cả chúng sinh không có giới hạn, nó khác lòng từ bi thông thường là có giới hạn. Tình thương yêu và lo nghĩ có thể so sánh như với một đồng ruộng lúa, lòng từ bi so với những hạt lúa, "lấy và cho" so sánh với những phương pháp gieo trông cho những hạt giống và để Bồ đề tâm đạt được thành quả bội thu ở mùa gặt.

Trong chữ Bồ đề tâm, Bồ đề ở đây có nghĩa là giác ngộ, còn tâm có nghĩa là tinh thần. Như thế Bồ đề tâm có nghĩa là "tinh thần giác ngộ". Theo định nghĩa, đó là một tinh thần được khích lệ bởi đại bi đi tìm giác ngộ một cách tự nhiên để giúp đỡ trực tiếp chúng sinh. Việc thực hành, luyện tập theo những chỉ dạy để tiến bước trên con đường đạt đến Bồ đề tâm sẽ làm sinh ra bên trong chúng ta lòng đại bi hay lòng từ bi phổ quát, có nghĩa là sự mong muốn bảo vệ một cách tự nhiên cho tất cả chúng sinh đối với sự đau khổ, lòng đại bi này phải luôn có tuệ giác hiểu rõ về bản chất của khổ đau, khổ đau của chính mình và người khác. Không có đại bi, Bồ đề tâm không thể nào biểu hiện trong tinh thần của chúng ta. Ngược lại, khi chúng ta có đại bi mà đặc biệt là đại bi được sinh ra do sự thực hành trao đổi chính mình với những người khác thì Bồ đề tâm đó sẽ tự

https://tieulun.hopto.org

xuất hiện một cách tự nhiên.

Trong giáo pháp của đức Phật, tinh thần từ bi, thương xót chúng sanh là bản thể của Phật pháp, phát triển thiện tâm, Bồ đề tâm giúp con người hoàn thiện chính mình. Bồ đề tâm là phần tốt nhất chúng ta có thể có được và là phẩm chất cao cả nhất mà chúng ta có thê phát triên.

Chúng ta thường nghĩ, một người tử tế với bạn bè, chăm sóc cha mẹ chu đáo, và "cho" không tính toán để làm các việc thiện là người tốt. Nhưng những hy sinh cao cả hơn như hy sinh cả cuộc đời để làm nhẹ bớt và cứu vớt những khổ đau cho các sinh vật cảm thọ, tất cả nhờ vào sức mạnh của Bồ đề tâm. Nếu chúng ta có Bồ đề tâm, những trạng thái tinh thần tiêu cực như buồn rầu, giận dữ, tham lam, ghen ghét v.v… sẽ không tác động được vào chúng ta. Nếu chúng ta không tìm thấy được một công việc lương cao hay một ngôi nhà vừa ý hay có những người bạn tốt chúng ta không cảm thấy nghịch ý, khó chịu. Chúng ta sẽ tự nhủ rằng "Sự mong muốn chính của tôi là mong cầu giác ngộ, những tìm kiếm tầm thường dù sao đi nữa cũng còn liên hệ đến sinh tử luân hồi". Với một tinh thần tinh tấn mạnh mẽ sẽ không cho ý tưởng thương hại chính mình hay đổ thừa trách nhiệm người khác và không có gì cản trở sự tiến bước chúng ta hướng đến giác ngộ. Hơn nữa,

https://tieulun.hopto.org

với tinh thần vị tha cao cả của Bồ đề tâm, chúng ta sẽ thực hiện nhiều công việc, nhiều hành động xứng đáng làm lợi ích cho những người khác, và từ những điều này sẽ phát triển khả năng thích ứng để giúp đỡ người khác được thành công.

Chúng ta cần phải tham thiền về những lợi ích của Bồ đề tâm cho đến khi cảm nhận sâu xa sự tăng trưởng tinh thần quý giá này. Việc tham thiền phát triển Bồ đề tâm này từ bốn mặt: 1/ Kết quả của các công phu thực hiện, 2/ Sự phát triển sâu sắc hơn tuệ giác của mình, 3/ Nhớ ơn của bậc thầy hướng dẫn, 4/ Cố gắng liên tục hay tinh tấn trong thực hành.

Kết quả việc tham thiền phát triển Bồ đề tâm này giúp chúng ta có cơ hội quý giá để đạt được cuộc sống hạnh phúc, có được trí tuệ, thấu rõ Phật pháp.

(Còn tiếp)

https://tieulun.hopto.org

BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM
(TÂY PHƯƠNG TAM THÁNH)

LÊ SƠN PHƯƠNG NGỌC

Ban đầu, khi Phật A Di Đà còn là Chuyển luân thánh vương, thì Bồ tát Quan Thế Âm là hoàng trưởng tử của thánh vương và Bồ tát Đại Thế Chí là hoàng tử thứ hai của thánh vương. Hiện tại nơi thế giới cực lạc, thì hai vị Bồ tát này lurôn cận kề hai bên tả hữu Phật A Di Đà, suốt đời làm Bồ tát bổ xứ hầu

https://tieulun.hopto.org

hạ, phụ trợ Phật A Di Đà,

Đức Phật A Di Đà trụ thế chánh pháp thọ mệnh vô lượng kiếp, rồi nhập niết bàn. Sau đó rất lâu, chánh pháp suy yếu dần, đến nỗi bị diệt tận. Vào nửa đêm trước chánh pháp diệt tận, thì nửa đêm sau Bồ tát Quán Thế Âm thành Phật, có tên là *Phổ Quang Công Đức Sơn Như lai*, thọ trụ cùng chánh pháp, cũng đến vô lượng kiếp. Rồi cũng chờ đến nửa đêm trước chánh pháp bị diệt tận thì nửa đêm sau, Bồ tát Đại Thế Chí thành Phật, có tên là *Thiện Trú Công Đức Bảo Vương Như lai*. Vì thế, Phật A Di Đà là giáo chủ thế giới Tây phương cực lạc, Bồ tát Quán Thế Âm và Bồ tát Đại Thế Chí làm hiếp thị (hầu sát cạnh) cho Phật, phụ trợ cho Phật A Di Đà chuyên lo giáo hóa chúng sinh.

Một vị Phật với hai vị Bồ tát ấy được tôn xưng là Tây phương tam thánh.

o0o

Bồ tát Quán Thế Âm, tên tiếng Phạn phiên âm Hán Việt là *A Phược Lư Tiếp Đề Thấp Phạt La*, ngày xưa dịch là *Quan Thế Âm hoặc Quán Thế Âm*, dịch theo mới là *Quán Thế Tự hoặc Quán Tự Tại*. Truyền thuyết còn cho biết Bồ tát Quán Thế Âm là *cổ Phật tái lai*, vốn đã sớm tu tập thành Phật từ vô lượng kiếp trước, hiệu là *Chánh Pháp Danh Như lai*, nên gọi là *Quán Thế Âm cổ Phật*.

https://tieulun.hopto.org

Nếu lấy việc Bồ tát thiết tha với chuyện tế độ chúng sinh, dốc tâm cứu khổ, bất ly tịch quang, đảo giá từ hàng, làm tả phụ cho Phật A Di Đà nơi thế giới cực lạc, lại là người đắc lực giúp Phật Thích Ca Mâu Ni nơi thế giới Ta bà, hóa độ cho lục đạo chúng sinh đều được sinh vào chốn Cực lạc. Vì các công đức ây nên tại Trung Hoa có khâu hiệu lưu truyền *"nhà nhà Di Đà Phật, người người Quán Thế Âm"*.

Ý nghĩa của danh xưng Bồ tát Quán Thế Âm có hai loại giải thích:

Thứ nhất: Kinh *"Lăng Nghiêm – Quyển 6"* giảng rằng phương pháp tu hành của Bồ tát Quán Thế Âm thời tối sơ là **không để lọt tai tiếng bên ngoài mà hướng vào trong lắng nghe** *"văn tính của những gì có thể nghe được trong nhĩ căn của chính mình". Vì thế nên đạt đến "động tĩnh nhị tướng, liễu nhiên bất sinh"*. Chẳng những khác với nhĩ căn của loài người là nghe tiếng từ bên ngoài nên bị ngoại cảnh làm cho đảo điên chi phối hành động, làm nảy sinh phiền não tham sân, thọ ác, cấu thành ác nghiệp như giết người, trộm căp, dâm dục, láo xược... sẽ bị khổ báo sinh tử luân hồi chi phối đời đời. Quán Thế Âm cũng quán sát phân tích tính hư vọng bất thực của các loại âm thanh nơi thế gian có thể không nên tiếp thu để thâm nhập vào cảnh đại

https://tieulun.hopto.org

giải thoát của **như như bất động**.

Thứ hai: Kinh *"Pháp Hoa – Phổ môn phẩm"* giảng:

"Có vô lượng bách thiên vạn ức chúng sinh phải chịu khổ não, họ nghe dạy là nếu dốc lòng thành gọi tên Bồ tát Quán Thế Âm thì Bồ tát quán được âm thanh ấy, tức thì họ được giải tội".

Có nghĩa là chúng sinh nào gặp khi khổ não, chỉ cần nhớ đến Bồ tát Quán Thế Âm rồi chuyên tâm kiền thành niệm đến thánh hiệu Bồ tát thì Bồ tát nghe biết lời cầu khẩn của từng chúng sinh một và lập tức ra tay cứu tế cho từng người không bỏ một ai. Bồ tát quán triệt tất cả tiếng kêu cầu của chúng sinh nơi trần thế nên mời gọi là quán thế âm.

Kinh *"Bi Hoa"* cũng giảng:

"Phật Bảo Tạng thọ ký nói: Ngươi quán triệt chúng sinh, sinh đại bi tâm muốn chúng sinh cắt đứt mọi khổ não cho, muốn chúng sinh được an lạc, nay ta ban cho ngươi tên là Quán Thế Âm".

Có thể đọc trong kinh *"Hoa Nghiêm"* dựa theo tự tu pháp môn quán âm mà nói thì từ Phổ môn phẩm trong kinh *Pháp Hoa* cho đến kinh *Bi Hoa* cũng đều nói rằng Bồ tát Quán Thế Âm chuyên việc hóa độ chúng sinh (độ tha).

o0o

https://tieulun.hopto.org

Tại làm sao Quán Thế Âm còn gọi là Quán Tự Tại? Đó là căn cứ vào nguyên nghĩa của tên tiếng Phạn *A Phược Lư Chức Thấp Để Phạt La*. Từ này có nghĩa là *Quán chiếu túng nhiệm* hoặc có nghĩa là *Quán trú*, còn có nghĩa là *Quán chiếu vạn pháp nhi nhiệm vận tự tại*.

Đại sư Thái Hư giảng:

*"Bởi vì Bồ tát Quán Thế Âm có trí tuệ bát nhã, **chiếu kiến ngũ uẩn đều là không**, nên có khả năng cứu khổ cứu nạn. Người bình thường vì chấp ngũ uẩn là thế giới, là ngã nên không có được khả năng **chiếu kiến ngũ uẩn là không** mà có tự, có tha, có ngã, có nhân. Nếu có khả năng **chiếu kiến ngũ uẩn đều là không** thì nhân ngã (ta, người) đều không thể tiêu trừ. Khi thực sự đạt đến độ không người không ta (vô nhân, vô ngã) thì mới có thể lấy khổ nạn của chúng sinh làm khổ nạn của mình, mới có khả năng thành được Vô ngã đại từ đại bi, mới có khả năng hình thành nhân cách vĩ đại đại công vô tư, mới phát huy được tác dụng cứu khổ cứu nạn".*

o0o

Liên quan với Bồ tát Quán Thế Âm, phần lớn trong kinh điển Phật giáo Đại thừa đều đề cập đến, kể cả trong kinh điển của cả hai phái Hiển giáo và Mật giáo, chứng tỏ cả hai phái Phật giáo Hiển giáo và Mật giáo đều coi trọng vị đại Bồ tát này. Trong

https://tieulun.hopto.org

thế giới Phật giáo Trung Hoa các kinh văn chữ Hán ví như *"Pháp Hoa kinh - Phổ môn phẩm"* và *"Tâm kinh"*, hoằng dương và tụng trì Bồ tát Quán Thế Âm đặc biệt sâu rộng. Nội dung của *"Phổ môn phẩm"* trong kinh *Pháp Hoa* nêu trên thì viết nhiều về những chuyện *thị hiện hóa tích* của Bồ tát Quán Thế Âm cứu tế khổ nạn thực tế cho mọi chúng sinh bình thường trong sinh hoạt đời sống hàng ngày. Còn *"Tâm kinh"* thì viết về pháp môn tu hành của Bồ tát Quán Thế Âm, từ *duyên sinh không tính* của việc quán chiếu nhân sinh cùng vũ trụ mà chứng nhập lý thể cứu cánh, phát ra cái tâm đại từ đại bi với tinh thần cứu thế. Thậm chí trong các bảo tạng Phật giáo Trung Hoa còn lưu truyền rằng Bồ tát Quán Thế Âm sinh ra dân tộc Trung Hoa mà các nhà vua nổi tiếng, các vương cơ nổi tiếng cũng như các vị cao tăng, cũng đều là hóa thân của Bồ tát Quán Thế Âm. Ban Thiền lạt ma là hóa thân của Phật A Di Đà. Đạt Lai Lạt Ma cũng là hóa thân của Bồ tát Quán Thế Âm. Họ đều tin rằng thế giới như một đóa hoa sen, *lạp tác* tức ở trung tâm hoa sen nên có tên là *Bố đạt lạp cung*, là do tên tiếng Phạn văn *bổ đát lạc ca mà ra*. Trong nhà dân tại các địa phương có người Tây Tạng cư trú họ thờ *"sáu chữ chân ngôn"* là *"Ám ma ni bát di hồng"*, họ cho rằng công hiệu của việc tụng 6 chữ chân ngôn ấy thì to lớn lắm

https://tieulun.hopto.org

không biết bao nhiêu mà kể. Căn cứ các sách về đạo Phật cũng như việc thị hiện sau này cho biết sách viết về Bồ tát Quán Thế Âm thi có nhiều loại. Giới thiệu chủ yếu như sau:

"Bi Hoa kinh" giảng rằng Bồ tát Quán Thế Âm là pháp thân đại sĩ ở Nhất Sinh Bổ Xứ nơi thế giới Tây phương Cực lạc, là thái tử thứ nhất trong sô một ngàn người con trai của Chuyển luân thánh vương, là một vị đại Bồ tát thừa kế vị trí của Phật A Di Đà, và là Phật A Di Đà thời *Nhân địa*, đóng vai trò của Chuyển Luân thánh vương. Đại sĩ có danh hiệu là *Bất Phi*, sau khi xuất gia có hiệu là Quán Thế Âm, Bồ tát sẽ thành Phật sau Phật A Di Đà, hiệu là *Quang Minh Công Đức Sơn Vương Như lai*. Bấy giờ Quốc thổ của Bồ tát Quan Thế Âm được gọi là *"Nhất thiết trân bảo sở thành tựu thế giới"*.

Các kinh từ kinh *"Đại A Di Đà Phật"*, kinh *"Vô Lượng Thọ"* cho đến kinh *"Quán Thế Âm Thọ ký"* đều giảng rằng Bồ tát Quán Thế Âm đứng hầu bên cạnh Phật A Di Đà thường trú tại thế giới cực lạc, tôn Phật A Di Đà làm thầy, đồng thời phụ với Phật A Di Đà giáo hóa chúng sinh..

Kinh *"Quán Vô Lượng Thọ"* giảng rằng Bồ tát Quán Thế Âm ở trong Bảo Quang, tôn kính Phật A Di Đà. Nếu có chúng sinh nào cầu nguyện xin được sinh vào thế giới cực lạc, thì sau khi chúng sinh ấy

https://tieulun.hopto.org

lâm chung sẽ được các thánh chúng là Phật A Di Đà và Bồ tát Quán Thế Âm tay cầm đài sen tiếp dẫn chúng sinh đến thế giới ấy. Cho thấy đạo trường căn bản của Bồ tát Quán Thế Âm là thế giới cực lạc.

Trong kinh *"Hoa Nghiêm"* thuật chuyện đồng tử Thiện Tài trong quá trình Ngũ thập tam tham, có hỏi vị đại thiện tri thức thứ 28 vê Bô tát Quán Thê Âm thì vị đại thiện tri thức cho biết tại Nam Ấn Độ có ngọn núi tên là *Bổ Đát Lạt Ca*, có một vị Bồ tát ở trên đó, là Bồ tát Quán Tự Tại. Ngọn núi ấy ở ngoài biển khơi, kết thành từ nhiều loại châu báu, khắp nơi cây cối hoa quả xanh tốt sum suê, sông suối ao hồ, cảnh trí vô cùng tuyệt diệu. Bồ tát Quán Thế Âm ở đó ngồi thế kiết già, nhiều vị Bồ tát khác vây quanh ngài cung kính ngồi nghe Bồ tát Quán Thế Âm giảng pháp môn *Đại từ đại bi*.

Căn cứ vào ghi chép trong kinh *"Thiên thủ Đà la ni"*, thì *Chánh Pháp Minh Như lai* thuộc đời quá khứ hiện ra, là vị cổ Phật xuất hiện sớm nhất, vì hóa độ chúng sinh mà xuất hiện dưới thân một vị Bồ tát, cũng là một cách quyền biến, không phải là đạo trường cơ bản của vị cổ Phật ấy. Đức Phật Đà dùng toàn pháp giới quyền biến thập phương, thọ củng tam giới làm thể, xuất hiện Bồ tát thân là Bồ tát Quán Thế Âm.

Mật giáo hợp nhất Bồ tát Quán Thế Âm với

https://tieulun.hopto.org

Phật A Di Đà, cho rằng Bồ tát Quán Thế Âm là *nhân tướng* người của Đức Phật A Di Đà, còn Đức Phật A Di Đà là *quả đức* của Bồ tát Quán Thế Âm, nên tu trì theo pháp môn Di Đà. Người đời niệm công đức của thánh hiệu Bồ tát Quán Thế Âm, và niệm công đức của thánh hiệu A Di Đà Phật thì có thể tương phụ tương thành.

Vì hóa độ cho toàn thể rộng khắp mọi chúng sinh, Bồ tát Quán Thế Âm dùng đến 32 ứng thân trần sát. Kinh *"Lăng Già – Quyển 6"* viết:

"Nếu Bồ tát nào nhập Tam ma địa định, tu theo Vô lậu quả, thắng giải hiện viên, thì ta hiện ra Phật thân mà thuyết pháp, thì Bồ tát ấy mới được giải thoát. Nếu chúng sinh nào có được sở học tịch tĩnh diệu minh, thắng diệu hiện viên, thì ta đến trước mặt chúng sinh ấy, hiện tiếng nói của Thanh văn mà thuyết pháp thì chúng sinh ấy mới được giải thoát. Nếu chúng sinh nào muốn làm chủ trời thống lĩnh chư Thiên thì ta đến trước mặt chúng sinh ấy, hiện ra hình tượng của Đế Thích Thiên mà thuyết pháp thì chúng sinh ấy mới được giải thoát, mới được thành tựu. Nếu chúng sinh nào muốn thân mình được tự tại, du hành thập phương thì ta đến trước mặt chúng sinh ấy hiện ra thân Tự Tại thiên mà thuyết pháp thì chúng sính ấy mới được thành tựu. Nếu chúng sinh nào muốn thân mình được tự tại, phi

https://tieulun.hopto.org

hành trên không trung thì ta đến trước mặt chúng sinh ấy hiện ra thân Đại Tự Tại Thiên mà thuyết pháp thì chúng sinh ấy mới được thành tựu. Nếu chúng sinh nào ái thống quỷ thần, cứu hộ đất nước thì ta đến trước mặt chúng sinh ấy hiện ra một vị đại tướng quân mà thuyết pháp, thì chúng sinh ấy mới được thành tựu"... Căn cứ vào kinh *"Pháp Hoa"* bằng tiếng Phạn mới được phát hiện thì vào thời cận hiện đại chỉ có 16 ứng thân mà thôi. Số ứng thân nhiều ít khác nhau chẳng qua giữa truyền tụng và sự giản lược của người dịch thêm bớt mà ra, chẳng ảnh hưởng gì đến sự từ bi hóa hiện của Đức Quán Thế Âm. Đúng là:

"Thiên xứ kỳ cầu thiên xứ ứng
Khổ hải thường tác độ nhân chu."

Thế cho nên, trong họa tượng Bồ tát Quán Thế Âm, phần nhiều thị hiện dưới hình tượng nữ thân.

o0o

Bồ tát Quán Thế Âm là nam hay là nữ? Đó là thắc mắc của nhiều người. Thực tế, Quán Thế Âm là nam giới. Sách *"Bát thập Hoa Nghiêm"* viết: *"Dũng mãnh trượng phu Quán Tự Tại"*. Thánh tượng Quan Âm ở Trung Hoa cũng là một vị đại trượng phu, nhưng từ thời nhà Đường trở về sau xuất hiện tượng

https://tieulun.hopto.org

nữ của Bồ tát Quán Thế Âm. Bồ tát Quán Thế Âm chuyên hóa độ chúng sinh thì có thể hiện các dạng người nam, và cũng có thể hiện các dạng phụ nữ. Suy cứu thì thấy rằng Bồ tát Quán Thế Âm thường thường thị hiện nữ thân vì 2 nguyên do như sau:

- **Thứ nhất:** Chúng sinh nào gặp nhiều khổ nạn hơn hết thì được quan tâm cứu tê hàng đầu. Trong xã hội thời phong kiến, địa vị phụ nữ rất thấp kém, phải chịu nhiều nỗi thống khổ. Bồ tát Quán Thế Âm đã lấy việc cứu vớt khổ nạn của chúng sinh làm mục đích, thì tất nhiên Bồ tát ưu tiên cứu khổ cho là phụ nữ, giới chúng sinh chịu khổ nạn nhiều nhất. Vì thế mà Bồ tát hiện thân thành một phụ nữ thì tính đồng cảm càng tác dụng nhiều hơn, mới hướng giới phụ nữ theo con đường tu học Phật pháp nhằm giải trừ các nỗi khổ mà được giải thoát vậy.

- **Thứ hai:** Nội tâm phụ nữ nhu hòa từ ái, Bồ tát Quán Thế Âm hiện ra dưới dạng phụ nữ đại từ đại bi, chẳng qua là dùng hình ảnh người mẹ yêu thương con cái để tịnh hóa rộng rãi khắp người đời. Người mẹ yêu thương thế gian thì rất có tác dụng, song phạm vi lại rất là nhỏ và còn bị hạn chê. Vì như, theo tục lệ lâu nay thì cha mẹ "nuôi con phòng già", cho thấy trong việc cha mẹ từ ái với con có vẻ vô điều kiện mà lại có điều kiện đấy thôi. Còn từ bi tịnh hóa của Bồ tát với người thế gian thì quảng đại vì từ

https://tieulun.hopto.org

bi với tất thảy các loại chúng sinh, chứ chẳng riêng một bộ phận chúng sinh nào, nên dưới dạng phụ nữ thì Bồ tát không bó hẹp trong tình cảm mẹ yêu con mà dùng tinh thần mẹ yêu con để từ ái với tất thảy chúng sinh đều được thoát khổ mà an lạc, đều được sinh ra mà không phải chết đi, đều được là đẳng chánh giác.

Bồ tát Quán Thế Âm *thị hiện* dạng tướng phụ nữ, cũng là một loại *tượng trưng*, chứ không phải là thánh tượng của bản thân Bồ tát. Như tượng Quan Âm thiên thủ thiên nhãn cũng là một loại thủ pháp tượng trưng. Thiên thủ tượng trưng cho đại bi nguyện lực của Bồ tát Quán Thế Âm lan tỏa khắp trong toàn vũ trụ để nhận lời cầu nguyện của tất cả chúng sinh cùng một lúc các loại cầu nguyện khác nhau. Thiên nhãn tượng trưng cho trí tuệ vô hạn của Bồ tát Quán Thế Âm, cùng một lúc Bồ tát Quán Thế Âm biết hết những loại lời cầu nguyện khác nhau của chúng sinh trong toàn bộ vũ trụ, cũng đồng thời quyết định các phương pháp cứu tế cho mỗi loài chúng sinh khác nhau. Thế cho nên, Quán Thế Âm thiên thủ thiên nhãn biểu trưng *đại bi lực* và *đại trí lực* của Bồ tát Quán Thế Âm. Đến lai lịch của tượng Bồ tát Quán Thế Âm thiên thủ thiên nhãn, có rất nhiều loại truyền thuyết dân gian, chưa kể nghiên cứu thâm sâu của giới học thuật.

https://tieulun.hopto.org

Nghiên cứu kinh *"Đại bi tâm Đà la ni"* thấy viết: Thời quá khứ, sau khi Bồ tát thọ trì *"Đại bi chú"* nơi Thiên Quang Vương Tĩnh Trú Phật thì ngài phát một đại nguyện:

"Kể từ dây, ta phải gánh vác chuyện lợi ích an lạc của tất thảy các loài chúng sinh, nguyện từ thân ta sinh ra đủ ngàn tay, ngàn mắt ngay lập tức".

Khi phát ra đại nguyện này, quả nhiên từ thân Bồ tát sinh ra thiên thủ thiên nhãn. Quả thực đó cũng là tượng trưng của loại đại nguyện lực, đại trí tuệ vậy.

Trong trần thế, Bồ tát Quán Thế Âm linh cảm vô biên, thường xuyên ứng hiện độ hóa các loài chúng sinh. Theo lời kể, mỗi khi người ta niệm đến thánh hiệu của Bồ tát Quán Thế Âm thì có khi *đại cảm đại ứng*, có khi tiểu cảm tiểu ứng, không lần nào bỏ qua không ứng. Sách *"Quán Thế Âm cảm ứng lục"* viết về các việc ứng hiện của Bồ tát Quán Thế Âm gồm:

- **Thứ nhất**: ***Hiển cảm hiển ứng***: Nếu người ta dốc lòng thành lễ niệm thì lập tức được phò hộ, từ hung hóa lành, từ khó thành may đến dứt hết nghiệp chướng, phước tăng trí sáng là vậy.

- **Thứ hai**: ***Minh cảm minh ứng***: Nếu trong các đời kiếp trước từng dốc lòng tu hành, dù kiếp này chưa từng tu tập, nhưng nhờ đủ thiện căn thì cũng

https://tieulun.hopto.org

được phò hộ, chẳng biết chẳng cảm mà hết họa được phước, tiêu tận hết nghiệp chướng là vậy.

- **Thứ ba**: ***Minh cảm hiển ứng***: Nếu trước kia từng lập được thiện căn, thì nay được giúp đỡ là vậy.

- **Thứ tư**: ***Hiển cảm minh ứng***: Nếu đời này dốc lòng tu tập, chẳng thấy có chuyện phò trợ, trong cõi minh minh kế thừa sức từ bi, thì hung rút đi, tốt liền đến, tiêu tận hết nghiệp chướng là vậy.

- **Thứ năm:** ***Diệc minh diệc hiển cảm nhi hiển ứng***: Nếu đời trước từng lập thiện căn, đời nay dốc lòng lễ niệm, cầu mong được phò trợ thì chuyển họa thành phước là vậy.

- **Thứ sáu**: ***Diệc minh diệc hiển cảm nhi minh ứng***: Nếu đời trước từng lập được thiện căn, đời nay dốc lòng lễ niệm, trong cõi minh minh kế thừa sức từ bi thì gặt hái được các loại lợi ích là vậy.

Chính do bi nguyện rộng lớn sâu xa của Bồ tát Quán Thế Âm, cảm ứng quảng đại, cho nên trong Phật giáo sử truyền lại từ nhiều đời đến nay nhiều sự tích linh cảm và tín ngưỡng Bồ tát Quán Thế Âm được như thế không thể ghi hết được.

(Dịch từ sách Tịnh Độ tông)

https://tieulun.hopto.org

GIẤC MƠ XUÂN

NGÀN THƯƠNG

Chỉ còn một giấc mơ xuân
Hoàng mai năm ấy đã tàn nơi đâu?
Thoáng nghe khúc nhạc bên cầu
Tình xưa em vội quên sao tháng ngày
Thương vầng trăng lẻ đêm nay
Dòng Hương chảy mãi vơi, đầy nhớ nhung.

https://tieulun.hopto.org

MÙA XUÂN DI LẶC

TUỆ QUÁN

Lễ vía Đức Phật A Di Đà vào ngày đầu năm Tết Nguyên đán, vào ngày mùng một Tết Âm lịch. Lễ Giao thừa mừng xuân mới đồng thời cũng là lễ kỷ niệm Đức Phật Di Lặc đản sinh.

https://tieulun.hopto.org

Mùa xuân khí trời mát mẻ, cây cối đâm chồi nảy lộc, muôn loài hân hoan, vui vẻ. Con người cũng hạnh phúc, vui tươi, bao dung và tha thứ... Lời chúc đầu năm mọi người chúc nhau hạnh phúc, tươi vui, khỏe mạnh, an lạc. Đây là mong muốn, mơ ước chính đáng của con người, nhưng thực tế làm sao để có được hạnh phúc an vui một mùa xuân miên viễn? Nhà Phật không chỉ chúc suông, không chỉ mơ ước xa vời, mà rất thực tế gần gũi qua hình tượng và những lời dạy bảo của Bồ tát Di Lặc.

Kinh Hoa Nghiêm giới thiệu về thế giới siêu nhiên và duy nhất có Thiện Tài thâm nhập được để tiếp tục học đạo với Di Lặc Bồ tát. Theo kinh Nguyên thủy, có duy nhất Bồ tát Di Lặc được Phật thọ ký thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm đặt nặng vấn đề người hành Bồ tát đạo cần học với Di Lặc, vì Ngài thừa kế sự nghiệp của Đức Thích Ca.

Trong Lịch sử Thiền tông, Bố Đại Hòa thượng là hóa thân của Bồ tát Di Lặc. Đương thời không ai biết, Ngài hóa đạo tùy duyên, hoan hỉ và tự tại, thường mang một túi vải lớn, miệng lúc nào cũng cười tươi, Ngài hay chơi với trẻ em và phát quà cho chúng.

Ngài để lại bài kệ:

Di Lặc – Chân Di Lặc
Phân thân trăm ngàn ức

https://tieulun.hopto.org

Luôn luôn bảo người đời
Người đời tự chẳng biết.

Hình tượng Đức Phật Di Lặc mập mạp phúc hậu với cái bụng lớn, gương mặt rạng ngời với nụ cười an lạc. Ngài hay mang một túi vải lớn, chứa rất nhiều châu báu và hay phân phát cho trẻ em. Hình tượng Ngài ngôi thỏa mái, nụ cười vui tươi sảng khoái, mặc cho sáu đứa bé xung quanh chọc phá. Đứa thì lấy tay chọc vào mắt Ngài, đứa thì ngoáy vào tai Ngài, đứa thì lấy ngón tay nhét vào mũi ngài, có đứa nghịch ngợm cạy vào miệng Ngài, đứa thì chọc vào nách, xoa bụng Ngài,... Sáu căn Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân Ý, đây vốn là sáu tâm vương, xúc chạm sáu trần tương ưng: sắc thanh hương vị xúc pháp, sinh ra sáu thức: Nhãn, Nhĩ, Tỉ, Thiệt, Thân, Ý thức. Đây vốn là Diệu Như Lai Tạng, nhưng vì vô minh không rõ, thay vì giải thoát, an lạc thành ra phiền não, như trong kinh Lăng Nghiêm nói:

Tri kiến lập tri tức vô minh bổn
Tri kiến vô kiến tư tức Niết bàn.
(Thấy biết mà lập thấy biết, đó là gốc vô minh
Thấy biết mà không lập thấy biết, đó chính là Niết bàn).

Bồ tát Di Lặc ngồi an nhiên thoải mái, mặc cho sáu giặc lộng hành. Đối với sáu giặc này, mặc dù quậy phá người đời điên đảo, Ngài khéo hàng phục,

https://tieulun.hopto.org

chúng nó trở thành những đứa bé ngoan hiền dễ thương. Đây là diệu dụng của Tâm. Sáu căn luôn đối duyên, xúc cảnh với sáu trần, nhưng không hề dính mắc bởi sáu trần, nên Ngài luôn an lạc, với túi châu báu sẵn có, đem ra ban phát cho cuộc đời. Đây là diệu dụng, là châu Như Ý từ kho Như Lai vô tận...

Di Lặc cũng được coi là biêu tượng của sự hài hòa, niềm vui vô tư lự. Chỉ cần nhìn ngắm khuôn mặt Phật, người buồn phiền cũng thấy vui lên. Niềm vui lớn nhất của vị Bồ tát này là biến những buồn phiền, giận dữ, áp lực hay căng thẳng của con người thành hạnh phúc. Nụ cười nội tâm của Di Lặc luôn tỏa sáng trên khuôn mặt hiền từ. Phật xuất hiện ở đâu, ở đó có hạnh phúc.

Một người trở lại được Nguồn Chơn, dù vẫn sống giữa cảnh đời loạn động, trong tâm luôn an lạc, tùy duyên thuận pháp vào đời với Tâm Như Lai bất động. Thật không còn gì ý nghĩa hơn với ẩn dụ Phật Di Lặc xuất hiện ở đời với mùa xuân miên viễn.

Thời bây giờ, hình tượng Phật Di Lặc thật đa dạng. Tượng trưng cho sự thịnh vượng, Ngài cầm thỏi vàng, đồng tiền hay túi châu báu. Ẩn dụ cho sức khỏe và trường thọ, Ngài cầm hồ lô. Ẩn dụ cho may mắn, Ngài cầm gậy Như ý... Rồi theo phong thủy, họ đặt tượng Ngài theo hướng này, hướng kia để có tài lộc, may mắn,... Vô tình họ biến Phật Di Lặc thành

https://tieulun.hopto.org

ông Thần tài cầu phước tài lộc, mà không thấy được ý nghĩa thiết thực của việc tu học, ứng dụng lợi ích của Phật pháp trong cuộc sống như thâm ý của Ngài.

Đức Phật Di Lặc là do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu, hiện là Bồ tát ở cung trời Đâu Suất, thời vị lai sẽ thành Phật ở hội Long Hoa. Trong Thiên tông quan trọng việc tu tập thiết thực ngay nơi cuộc sống hiện tại. Hành giả công phu sáng tỏ trở về nguồn là hiện thân mùa xuân Di Lặc an vui hạnh phúc miên viễn.

Kết thúc, xin giới thiệu bài kệ của ngài Phó Đại sĩ, theo lịch sử Thiền tông ghi lại, cũng là hóa thân của Bồ tát Di Lặc:

Đêm đêm ôm Phật ngủ
Sáng sáng cùng thức dậy
Đứng ngồi vẫn theo nhau
Nói nín chung ăn ở
Mảy may không cách biệt
Giống hệt hình với bóng
Muốn biết chỗ Phật đi
Chính ngay tiếng nói này.

Lại nói:

Có vật trước trời đất
Không hình vốn tịch liêu
Hay làm chủ muôn vật
Chẳng theo bốn mùa tàn.

https://tieulun.hopto.org

NHẬN DIỆN KHỔ ĐAU

NGUYỄN VĂN QUÝ

Khổ - Duhkha, nhưng "ta có thể tạm dịch là Khổ. Không ai hiểu rõ nội dung này đầy đủ của "khổ" trừ bậc đại thánh, còn trên tầm tri kiến thấp hơn ta chỉ có thể hiểu nó một cách phiến diện"[1]. Tuy nhiên, chúng ta cũng thấy rằng, việc nhận diện Duhkha sẽ dễ dàng hơn việc tìm hiểu nội dung đầy tính triết học phức tạp của nó.

Một cách đơn giản là cái gì khiến cho con người cảm thấy khổ, khó chịu, lo lắng, bất an thì chính là

https://tieulun.hopto.org

Duhkha. Và cái gì là Duhkha thì cần phải chấm dứt, loại trừ. Quan niệm của đạo Phật cho rằng thế gian này không có gì ngoài sự khổ đau, cả hạnh phúc trần thế cuối cùng cũng kết thúc bằng khổ đau. Khổ đau tiếp nối khổ đau, trong hạnh phúc cũng đã hiện diện những mầm mống của khổ đau, nhưng không vì thế mà chán nản mà phải nhận diện nó. "Đức Phật dạy rằng, chúng ta nên nhận thức đau khổ là đau khổ, chấp nhận nó như thực kiến và chống lại nó"[2].

Duhkha - Khổ, đương nhiên cho đến nay vẫn luôn là một khái niệm quan trọng trong đạo Phật, nó được định nghĩa như sau: Khổ là "cơ sở của Tứ diệu đế. Khổ là một trong ba tính của sự vật. Không phải chỉ là những cảm thụ khó chịu mới là Khổ; Khổ dùng để chỉ tất cả mọi hiện tượng vật chất và tâm thức xuất phát từ ngũ uẩn, chịu dưới quy luật của sự thay đổi và biến hoại. Như thế, tất cả những điều an lạc đang có cũng là khổ vì chúng sẽ bị hoại diệt. Khổ xuất phát từ Ái và con đường thoát khổ là bát chính đạo. Chân lý thứ nhất của tứ diệu đế nói về tính chất của khổ như sau: Sinh là khổ; già là khổ; chết là khổ; lo lắng, than thở, buồn rầu, tuyệt vọng là khổ; không đạt gì mình ưa thích là khổ; nói tóm lại: mọi thứ dính líu đến ngũ uẩn là khổ"[3].

Khổ đau trong đạo Phật được các nhà nghiên cứu nhận diện trên hai phương diện chính là nguyên

https://tieulun.hopto.org

nhân, mức độ và hình thức[4].

Về nguyên nhân và mức độ khổ đau có ba loại khổ (Tam khổ) bao gồm:

- Khổ khổ (S: Duhkha-duhkha), nghĩa là khổ vì những sự khổ của thế tục, chẳng hạn khổ vì đói khát, khổ vì phải trải nạn chiến tranh và đây là mức độ khổ thấp nhất mà ai cũng cảm nhận được;

- Hoại khổ (S: Viparihāma-duhkha), nghĩa là khổ vì sự thay đổi. Ở mức độ này, ngay cả những kinh nghiệm tưởng có vẻ khoái lạc thì cũng là khổ. Bởi con người cảm thấy các kinh nghiệm đó là vui sướng là bởi họ đã so sánh chúng với những kinh nghiệm đau đớn. Sự vui sướng đó chỉ là tương đối. Trong khi đó, sự vật luôn thay đổi, vì vậy sau một thời gian thì những kinh nghiệm tưởng chừng là vui sướng đó chỉ còn là sự nhàm chán, không thỏa mãn[5] sự vui sướng rồi cũng mất đi;

- Hành khổ (S: Sahskāra-duhkha), nghĩa là khổ vì duyên sinh, tức trạng thái khổ ở kiếp này không chỉ là nền tảng cho cái khổ trong kiếp này mà còn là nền tảng cho đau khổ trong kiếp sau. Cái khổ này nôi tiếp nhau kéo từ đời này sang đời khác một khi con người vẫn nằm trong vòng vô minh[6]. Sự nhận biết về khổ ở mức độ này là sâu sắc nhất[7].

Về hình thức có tám loại khổ (Bát khổ) mà con người ai cũng phải chịu[8]:

https://tieulun.hopto.org

- *Sinh khổ:* Phật giáo quan niệm, con người khổ trong sự sinh sống. Ngay cả khi còn là một thai nhi thì con người đã khổ vì phải nằm trong bụng mẹ chật hẹp, người mẹ phải mang nặng đẻ đau cũng là khổ, con người phải mưu sinh để sống cũng là khổ.

- *Lão khổ:* Khi con người đến tuổi già thì thân thể không còn như trước, mắt mờ, tai điếc, khi huyết suy nhược, chân tay chậm chạp, nói trước quên sau không như ý muốn đó là khổ.

- *Bệnh khổ:* Đó là khi con người phải chịu đau đớn cả về thể xác và tinh thần khi mắc bệnh. Từ khi sinh ra cho đến khi chết đi, không ai là không từng trải qua một đôi lần mắc bệnh và thấu hiểu nỗi khổ khi bị mắc bệnh. Từ bệnh nhẹ như nhức đầu sổ mũi đến những trọng bệnh như u, nhọt, ung thư hành hạ,...

- *Tử khổ:* Khi con người sắp chết thì trong lòng sợ hãi thì đó là khổ. Thân xác phân hủy, gia quyến đau lòng đó là khổ. Và trong bốn hiện tượng vô thường này thì chết là cái khổ lớn nhất, làm cho chúng sinh trong thế giới trần tục này sợ hãi nhất.

- *Ái biệt ly khổ: Đ*ó là khi con người yêu thương nhau nhưng phải chia lìa. Chia lìa khi còn sống và chia lìa khi chết.

- *Sở cầu bất đắc khổ* (hay cầu bất đắc khổ): Đó là khi con người không được toại nguyện, những

https://tieulun.hopto.org

nguyện vọng, tham muốn, khao khát của bản thân không được như ý.

- *Oán tăng hội khổ:* Là khổ khi con người phải tiếp xúc với những thứ mình không thích. Không ưa nhau mà vẫn phải gặp nhau, ghét nhau mà vẫn phải ở chung với nhau,…

- *Ngũ uân khô*: Đó là vì con người có sự hội tụ và xung đột của ngũ uẩn (sắc, thụ, tưởng, hành, thức)[9] trong cơ thể. Chẳng hạn, mơ ước (tưởng) quá thì cũng khổ, biết (thức) nhiều quá cũng khổ,…

Như vậy, có thể thấy khổ đau theo quan niệm của đạo Phật được nhận diện ở hai bình diện là Thân khổ và Tâm khổ. Thân khổ có thể thấy rõ là những cảm giác đau đớn về thể xác, như nóng lạnh, bệnh tật,… còn Tâm khổ là những cảm giác trong tâm như buồn phiền, căng thẳng, trạng thái lo lắng bất an,… Hẳn nhiên, Thân khổ và Tâm khổ luôn luôn có sự dính kết, có sự liên quan mật thiết, không thể tách rời, khổ ở thân sẽ dẫn đến tâm khổ và tâm khổ cũng dẫn đến thân khổ. Đương nhiên, khổ đau được nhận diện ở đây là những nỗi đau đớn, khổ sở nói chung. Bởi có những nỗi đau chỉ khó chịu nơi tâm và cũng có những nỗi đau gây khó chịu nơi thân, có trường hợp có đau nhưng không khổ, có trường hợp có khổ nhưng không đau, điều này phụ thuộc vào từng người, đặc biệt là đối với các vị tu sĩ đạo Phật, khổ

https://tieulun.hopto.org

đau thường bị hạn chế, thậm chí chúng không còn xuất hiện đối với những người đắc đạo.

Nhìn chung, có rất nhiều khổ đau, nó muôn vàn dáng vẻ, mức độ biểu hiện hay không biểu hiện,... Việc nhận diện khổ đau theo quan niệm của đạo Phật là khiến cho con người nhìn thấy bản chất của khổ đau, sự xuất hiện và tồn tại của nó chính là trên nền tảng tham ái và chấp ngã (tham, sân, si). Bởi càng tham ái, càng chấp ngã thì càng nhận nhiều đau khổ, điểm mấu chốt là nhận diện khổ đau để khiến cho con người có cái nhìn chân thực về cuộc đời, hiểu được bản chất, quy luật của đời sống, của các sự vật, các hiện tượng trong thế giới xung quanh và trong chính bản thân mỗi con người để giảm thiểu nỗi khổ đau và không tạo ra những khổ đau mới trong cuộc đời, để từ đó con người gieo trồng được hạt giống được an lạc, hạnh phúc ngay trên thế gian này.

Sẽ là thiếu sót nếu không đề cập đến giải thoát, bởi khi nhận diện được khổ đau thì câu hỏi đặt ra là làm thế nào để thoát khổ đau. Giải thoát (S: Vimukti), theo quan niệm của Phật giáo đó là sự giải phóng ra khỏi khổ bằng cách thấy biết nguyên nhân của khổ và tận diệt nó, tức là thực hiện Tứ diệu đế và đoạn diệt ô nhiễm (S: ã srava). Giải thoát tức là ra khỏi ảo tưởng và khổ, thoát khỏi sự tái sinh trong

https://tieulun.hopto.org

luân hồi (S: Samsãra) và đạt Niết bàn (S:Nivãna).

Đối với nhân dân, "những bà già ngoáy trầu" mộ đạo Phật thì có lẽ họ không quá bận tâm nhận diện thế nào là khổ, cách thoát khổ, nhưng đối với các tu sĩ chắc hẳn họ không dừng lại ở việc "hiểu" bản chất của khổ. Vì thế, vấn đề giải thoát thường được tranh luận trong suốt tiên trình lịch sử của đạo Phật. Giải thoát là gì, tại sao phải giải thoát, sau khi giải thoát sẽ đi về đâu và ai là người được giải thoát. Đương nhiên là kèm theo nó là cả một hệ thống thuật ngữ, khái niệm "thiêng liêng" giải thích xung quanh vấn đề giải thoát. Chẳng hạn như Phật (Buddha), Như Lai (Tathãgata), Pháp (Dharma), Niết bàn (Nirvana),…

Hình ảnh những vị tu sĩ Phật giáo đã quá quen thuộc và gợi trong suy nghĩ con người trần tục về một cuộc sống có quá nhiều sự kiêng khem và tránh xa mọi thứ kích thích và cao hơn là từ bỏ hầu hết mọi sở hữu cá nhân, xa lánh gia đình, những người thân yêu nhằm thích nghi với cuộc sống cô độc để rèn luyện thân tâm nhằm đạt được sự giải thoát. Bóng Bồ Đề Đạt Ma lẻ loi ngồi suốt chín năm quán bích vô cùng ấn tượng, khiến không chỉ những người tu sĩ mà còn cho cả người trần tục thao thức mong muốn mình được sở hữu một tâm trạng lắng đọng, bình an nội tại như ngài. Nhưng rõ ràng, theo

https://tieulun.hopto.org

quan điểm của đạo Phật thì chỉ có Tứ chúng[10] mới có thể và kiểm chứng giải thoát là một "trạng thái tịch tĩnh" vi tế đến mức không phải ai cũng đạt được. Ngày nay, trong xã hội hiện đại, hình ảnh con người cá nhân đơn độc đi tìm sự tĩnh lặng trong tâm vẫn luôn có có sức hấp dẫn lớn đối với con người như thuở ban đầu, nhưng dường như việc chinh phục môi trường xung quanh nhằm đem đến sự sung túc, đầy đủ về vật chất cũng hấp dẫn không kém. Dẫu sao, nhận diện khổ đau và tạo lập phương pháp thoát khổ trên tinh thần 5 thiện căn và 4 tâm đã và đang đem đến những lợi ích tích cực trong cuộc sống cá nhân và trong cuộc sống xã hội.

Chú thích:

1. Edward Conze, Hạnh Viên dịch, Tư tưởng Phật giáo Ấn Độ, *tr46*

2. Junjiro Takakusu, (Bản dịch của Tuệ Sĩ), Các tông phái của đạo Phật, *Ban tu thư viện Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn, 1973, tr40.*

3. Ban biên dịch Đạo Uyển, Từ điển Phật học, *Công ty sách Thời Đại & Nxb Thời Đại, tr. 291.*

4. Xin xem thêm: Diệu Kim; Nguyễn Minh Tiến (2008), Đố vui Phật pháp. *Nxb Tôn giáo, tr. 137.*

5. Xin xem thêm: Đạt-lai Lạt-ma XIV, Võ Quang Nhân dịch, Nguyễn Minh Tiến hiệu đính (2007), Tứ

https://tieulun.hopto.org

diệu đế. Nxb Tôn giáo. tr. 112-113.

6. Xin xem thêm: Đạt-lai Lạt-ma XIV, Võ Quang Nhân dịch, Nguyễn Minh Tiến hiệu đính (2007), Tứ diệu đế. Nxb Tôn giáo. tr. 112-113.

7. Xin xem thêm: Diệu Kim; Nguyễn Minh Tiến (2008), Đố vui Phật pháp, *Nxb Tôn giáo, tr. 138.*

8. Xin xem thêm Diệu Kim, Nguyễn Minh Tiến (2008), Đố vui Phật pháp, *Sđd; Bộ môn Triết học (Khoa Triết học), Trường ĐH Kinh tế TP.HCM (2007),* Triết học Mác - Lê-nin, *Thành phố Hồ Chí Minh: Trường ĐH Kinh tế TP.HCM và Đoàn Trung Còn (1963),* Phật học từ điển 2, *Phật học tùng thơ, tr. 149.*

9. Theo quan niệm của đạo Phật, thân thể con người là nơi chứa năm thứ gọi là ngũ uẩn làm cho con người mê lầm mà khổ. Sắc thuộc những gì về vật chất, có hình tướng rõ ràng như thịt da, chân tay mắt mũi,...; Thọ thuộc về cảm xúc của con người khi gặp một biến cố nào đó, như gặp đáng tang mà sinh buồn, nghe tiếng sấm tiếng sét mà sợ hãi,...; Tưởng là trí nhớ, tượng trưng cho những gì không có hình như giận dữ, ý nghĩ, nôi nhớ,...; Hành có nghĩa là sự hoạt động, con người sống lúc nào cũng phải hoạt động thường xuyên, vận động chân tay, đầu óc suy nghĩ mưu sinh,...; Thức là ta biết ta đang sống nhưng không tự chủ được bởi bị chi phối của các

https://tieulun.hopto.org

uẩn nêu trên.

10. Tứ chúng là bốn hàng đệ tử của Phật bao gồm: Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, Ưu bà tắc và Ưu bà di. Tỳ kheo và Tỳ kheo ni là hai chúng xuất gia. Ưu bà tắc và Ưu bà di là hai chúng tại gia, dịch là Cận sự nam và Cận sự nữ, nghĩa là những người gần gũi Tam bảo, làm những việc hộ trì Tam bảo. Ngày nay thường gọi là cư sĩ nam và cư sĩ nữ.

https://tieulun.hopto.org

NGHĨ VỀ CÀNH MAI MÃN GIÁC

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

Như món quà để lại cho đời, trước lúc đi xa vĩnh viễn các thiền sư thường đọc lên một bài kệ ngắn. Đó là một hình thức di ngôn, nói lên chứng nghiệm sau cùng của thiền sư về lẽ sống chết của con người. Trong chiều sâu của thăm thẳm của thế giới thiền học, có bao nhiêu bài kệ mà sao gần 1.000

https://tieulun.hopto.org

năm qua, cành mai Mãn Giác vẫn sừng sững trong tâm thức muôn người?

Ra đời từ thông lệ, nhưng cả bài kệ *Cáo tật thị chúng* của Mãn Giác thiền sư[1] là một sự phá vỡ lẽ thường. Ngay từ hai câu đầu, khi thể hiện quy luật vận hành bất biến của vũ trụ, ông đã gieo vào ta một bất ngờ. Có một rạn nứt mơ hồ xuất hiện trong nhận thức cố hữu của ta: thông thường, người đời nghĩ *đến* rồi mới *đi (đáo – khứ) nở* rồi mới *rụng (khai – lạc)*, với Mãn Giác thì ngược lại:

Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai.
(Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân tới trăm hoa nở).

Tại sao vậy? Có lẽ trước hết đơn giản vì đó chính là sự trải nghiệm thực tại của cá nhân thiền sư, trong khoảnh khắc ông một mình đứng trên triền dốc, ngắm nhìn ánh hoàng hôn của đời mình. Bắt đầu bằng đi (khứ) vì ta sắp đi, xuất phát từ mối liên hệ với ta, một tâm trạng thực, chứ không là một tư duy giáo lý. Đồng thời, đó cũng là một phong cách tư duy căn bản của Thiền học mà thiền sư thấm nhuần: đập vỡ cái định kiến thường hằng để đưa về một thức tỉnh mới.

Nhưng ta là ai? Không có đất trời này thì ta làm sao có? *Có thì có tự mảy may. Không thì cả thế gian*

https://tieulun.hopto.org

này cũng không (Từ Đạo Hạnh). Tách biệt khỏi vũ trụ thì còn chi phận người? Cái tôi phương Đông, cái tôi thiền học, chính là cái tôi giữa muôn vàn duyên khởi. Lại cũng ở hai câu thơ đầu, cấu trúc từ ngữ toát lên hình ảnh: Những đổi thay nhỏ trong một trường tồn lớn, sự đổi thay có tính chu kỳ, không phải là một mất đi, lìa đứt hẳn.

Tuy nhiên, con người không phải là cây cỏ. Con người còn gắn liền với cõi thế, để rồi kinh qua suốt cuộc đời dài, con người không còn là sản phẩm thuở ban sơ của đất trời. Con người đã được in dấu vết trần gian: *Sự trục nhãn tiền quá (Việc đời ruổi nhau qua trước mắt)*, và hơn nữa, con người còn biết soi rọi vào chính mình, nhận ra mình biến đổi trong vô vàn tương xung rồi rắm: *Lão tòng đầu thượng lai (Tuổi già hiện đến từ trên mái đầu)*. Lão, đây thuần tuý là hình ảnh chỉ sự suy tàn về thân xác hay là một sự chín muồi về tâm linh? Là kết quả của quy luật tự nhiên hay là do sự đào luyện của con người qua cõi trần? Câu nói thật là đa nghĩa, đa thanh, có thể vui mà cũng lắm ngậm ngùi. Nhưng có lẽ trên hết là một ý thức tràn đầy về sự hiện hữu của mình: Ta già rồi, nghĩa là hành trình làm người của ta không còn bao nhiêu nữa, mối gắn bó của ta với cõi trần này chỉ còn mảnh như sợi tơ, mong manh trước gió. Và nếu con người có niềm tự hào "không giống cỏ cây thì con

https://tieulun.hopto.org

người cũng có niềm đau một đi không trở lại".

Nhưng kìa:

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận

(Đừng cho rằng xuân tàn thì hoa rụng hết).

Thiền sư đang nói với mình hay nói với người? Ông đang hy vọng hay là đã xác tín? Chỉ biết rằng, ông im lặng đưa bàn tay lên mà chỉ chúng ta:

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai

(Đêm qua một cành mai đã nở trước sân).

Không! Mãn Giác thiền sư không định xoa dịu nỗi khắc khoải tuyệt vọng của chúng sinh bằng một sắc mai vàng, cũng không rao giảng về lẽ sắc sắc,

https://tieulun.hopto.org

không không hay quy luật sinh hóa vô thủy vô chung của đất trời. Một lần nữa, thực tại và những điều trông thấy đã làm ông phá chấp. Dường như ông nói với chúng sinh: Đừng băn khoăn nhiều về lẽ tử sinh trừu tượng mơ hồ. Hãy bớt run sợ trước quy luật lạnh lùng của tạo hóa. Và nhìn kia, thực tại là khác hẳn: đa dạng, phong phú, bất ngờ!

Kỳ lạ thay, cái thông tuệ của cuộc đời 45 năm trần thế! Cho đến đầu thế kỉ XXI này, khi nhân loại tưởng chừng có thể ngạo nghễ thách thức thiên nhiên, có thể làm thay tạo hóa thì một nhà thơ lạc quan nhất cũng chỉ có thể hy vọng: *Như ngọn cỏ tàn, đến tiết lại trồi lên* (Chế Lan Viên), một chờ mong tái sinh thuận theo vũ trụ. Còn Mãn Giác thiền sư, gần 1.000 năm trước, đã mang khát vọng cưỡng lại quy luật bình thường: Ngay cả trong ngày xuân tàn vẫn có một cành mai nở. Và là *mai*, chứ không thể là *hoa* (một khái niệm chung chung, bất định). Chỉ một cành thôi: *nhất chi (mai)*. Có một cành mai ở nơi này trong tầm mắt ta, thì cũng có thể có một cành mai khác ở nơi mà ta chưa thấy tới. Nhưng dù sao, đã là *nhất* thì không thể tượng trưng cho cái phổ biến, tượng trưng cho tất cả.

Trên tro tàn, gạch vụn, và hư ảo của bể dâu, bất chấp cái khuôn khổ thời gian hạn định mà tạo hoá dành cho muôn loài, cành mai ấy đã âm thầm tích tụ

https://tieulun.hopto.org

nguồn nhựa nguyên sơ để hồi sinh, nảy lộc, trổ bông. Và rồi một đêm, bừng nở, không cần đợi ánh mặt trời: một sự tồn sinh hoàn toàn tự do, tự tại!

Cáo tật thị chúng đã vượt qua tính chất suy tưởng thuần tuý của triết học để trở thành thi ca. Hấp thu cái ngôn ngữ sơ khai hình tượng của đất trời và cái uyên áo của thiên, nó đã trở thành một bài thơ toàn bích.

Không hề dụng công nhưng toàn bài kệ là một cấu trúc ngôn từ cực kỳ tinh diệu. Nó phả lại nhịp đập sống động, ào ạt của dòng sông tồn sinh qua năm câu thơ đầu:

Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền quá
Lão tòng đầu thượng lai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận.

Mỗi câu chỉ 5-6 chữ lại có đến hai động từ, mà hầu hết là động từ chuyển động: *Khứ lạc / đáo khai / trục quá / tòng lai / vị lạc*. Bỗng dưng xuất hiện một câu thơ hoàn toàn vắng bóng động từ:

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Một câu kết sững lại, như cái bờ đê chắn dòng nước trôi xuôi, hay là chiếc cọc neo dòng thời gian không hề ngừng nghỉ?

Thế nhưng cũng chính đây lại là nơi thể hiện rõ

https://tieulun.hopto.org

cái bản lĩnh trác việt của bậc thiền giả ngộ đạo. Chấm dứt ở hình tượng bất động đó ư? Dẫu hiểu ngầm là cành mai nở, vẫn cảm giác một cái gì cố định không chuyển hoá sinh sôi. Mà tự bản chất, thiền học lại muốn chuyển đạt hết cái tự do, phóng nhiệm, sáng tạo của đất trời đến với con người.

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai... Ồ không, đó là cành mai của đêm qua. Nghĩa là bây giờ đã là một ngày mới. Cành mai chỉ lưu lại như một khoảnh khắc bừng thức tâm linh của Mãn Giác, còn trong dòng thời gian mải miết chảy về phía chúng ta và sau đó nữa, cành mai ấy lại hoá thân, tiếp tục nở hoa và tàn lụi: câu trả lời đó phải nằm trong sự sống của mỗi con người.

Bất giác tôi liên tưởng đến pháp danh mà bậc chăn dân sáng suốt của thời đại ấy đã dâng tặng thiền sư: Mãn Giác. Mãn Giác thiền sư: một nhà sư trọn vẹn thấu hiểu, tràn đầy thông tuệ. Còn có sự tôn vinh nào xứng đáng hơn cho bậc thiền giả này?

---

[1] Mãn Giác thiền sư sinh năm 1051, viên tịch năm 1096.

https://tieulun.hopto.org

SUY NGẪM LỜI THẦY TỔ (tt)

MINH NGỌC

Thế nào là phát tâm rộng lớn tu hành? Ngài nói: *"Cõi chúng sanh hết, nguyện ta mới hết; đạo Bồ đề thành, nguyện ta mới thành. Phát tâm như thế gọi là phát tâm rộng lớn vậy"*.

Cõi chúng sanh là chúng sanh trong ba cõi: Dục, Sắc và Vô sắc, khắp các loài sanh ra từ trứng, thai, ẩm ướt và biến hóa; hoặc là nói chúng sanh trong 10 pháp giới, gồm: địa ngục, bàng sinh, quỷ đói, A tu

https://tieulun.hopto.org

la, người, Trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, không một chúng sanh nào không phát nguyện độ cho.

Ở đây, chúng ta khoan nói đến các loài súc sinh, địa ngục, quỷ đói, mà chỉ nói loài người thôi, cũng thấy đã là vô biên vô số không thể hết rồi. Từ người thân bên cạnh đến người ngoài, kẻ oán thù v.v... người tu hành cũng đều phát nguyện hóa độ trọn vẹn. Tức học và hành theo hạnh của Bồ tát Quán Thế Âm, ứng hiện 32 thân, hoặc như hạnh nguyện của Bồ tát Địa Tạng: "Địa ngục chưa không thề không thành Phật".

Đạo Bồ đề thành, tức thành quả Phật. Muốn vậy, phải trải qua con đường hành Bồ tát đạo, dấn thân vào cõi hồng trần, bất chấp mọi hiểm nguy gian khó. Hễ nơi nào, thời nào còn có chúng sanh khổ, mê thì ta còn tiếp tục chuyển hóa họ thoát khổ đau được an vui. Đối với chúng sanh nào đã và đang có duyên với Phật pháp thì giúp họ theo đúng chánh pháp, giữ vững niềm tin Tam bảo, đối với chúng sanh chưa có duyên với Phật pháp thì nỗ lực tùy duyên, tiếp cận đem tâm lòng yêu thương chân thành chia sẻ vật chất cũng như tinh thần khiến họ được vơi đi niềm đau nỗi khổ, hướng tâm đến chỗ thiện lành. Như vậy gọi là phát tâm tu hành rộng lớn.

Thế nào là phát tâm tu hành nhỏ hẹp? *"Đó là*

https://tieulun.hopto.org

quán ba cõi như lao ngục, nhìn sanh tử như oan gia, chỉ mong độ mình, chẳng muốn độ người". Mục đích cuối cùng của người xuất gia theo Phật, là thoát ra khỏi lao ngục ba cõi. Ba cõi không an cũng như nhà cháy. Mình thoát khỏi họa nhà cháy, nhưng phải quay vào trong nhà để cứu lấy mọi người được thoát chết như mình. Tùy theo khả năng, điều kiện mà cứu giúp, không được tự mình vui hưởng giải thoát. Tấm gương đức Phật Thích Ca - Thầy của chúng ta, sau khi chứng thành đạo quả, không hưởng thụ Niết bàn tịch diệt, mà vẫn lăn xả vào đời ngũ trược, 45 năm hành đạo thuyết pháp độ sanh. Chúng ta là đệ tử ngài sao có thể làm trái ngược lại Thầy, chỉ biết sung sướng bản thân ư?

Cũng vậy, sanh tử xem như oan gia, chẳng ai muốn gặp lại oan gia đòi nợ cả. Một lần trả nợ cho xong, để rồi không còn gặp nữa. Thế nhưng còn sợ gặp thì còn nợ, hết nợ thì dù có gặp cũng chẳng hề hấn gì. Tư tưởng rộng lớn là ở chỗ này. Không phải trả nợ sanh tử cho mình là xong, mà phải vì những người khác, giúp họ cách trả nợ mới thôi.

Như vậy, việc trước tiên là mình phải thoát khỏi lao ngục, trả được nợ xong, sau đó hoặc cùng lúc giúp mọi người đều được an vui như mình, đó mới là phát tâm tu hành rộng lớn.

https://tieulun.hopto.org

Thế nào là phát tâm tu hành thiên lệch (Thiên)? *"Nếu còn thấy có chúng sanh ở ngoài tâm để nguyện độ, cho đến quả Phật ở ngoài tâm để nguyện thành, công huân tu tập chẳng thể quên, nhận thức thấy biết chẳng thể diệt, phát tâm như thế gọi là thiên lệch vậy".*

Còn thấy ở ngoài tâm tức còn kẹt ở đối tượng thấy (sở kiến) Bởi thật ra chẳng có chúng sanh cho đến quả vị Phật nào ngoài tâm cả. Tâm này có chúng sanh, có Phật đạo. Tâm này tạo ra tất cả pháp giới từ phàm phu đến Thánh Hiền. *Tâm như người họa sĩ, vẽ đủ thứ hình dáng* (Kinh Hoa Nghiêm). Còn thấy chúng sanh ngoài tâm để rồi phát nguyện độ, tức phát nguyện còn có điều kiện, còn bị vướng ở cảnh bên ngoài. Còn thấy Phật đạo ngoài tâm để phát nguyện thành tức phát nguyện còn có sở chứng. Như học sinh vì muốn có bằng cấp đỗ đạt nên mới học, nếu không muốn có bằng cấp thì không học. Cho dù là muốn học vị hay thông thái, uyên bác cũng đều là còn chấp chặt, vướng mắc ở cảnh làm điều kiện cần đủ để phát sinh ý nguyện.

Hơn nữa, công lao tu tập, nhận thức có được, trải qua biết bao gian lao khổ cực, ngày nay mới được, là lúc ta nhận được "phần thưởng" xứng đáng, "tự hào", "tự mãn" trước thành quả đạt được. Thế mà phải xem như *nhạn bay qua giữa bầu trời, bóng*

https://tieulun.hopto.org

chìm dưới dòng nước lạnh, nhạn không có ý lưu lại dấu vết, nước chẳng có tâm giữ bóng làm gì? (Hương Hải Thiền sư); Đức Phật hơn 45 năm thuyết pháp, *Ta chưa từng nói một câu*. Nếu còn tính toán công huân như Lương Vũ đế; để rồi bị trêu cợt, chua chát rằng *chẳng có công đức gì* cả (Bồ đề Đạt ma); hay lên núi tìm Phật, đê rôi tiu nghỉu, chưng hửng... *trong núi vốn không có Phật, Phật ở trong tâm ta. Nếu tâm ta lắng lại và trí tuệ xuất hiện thì đó chính là Phật. Nếu bệ hạ giác ngộ được chân lý ấy thì tức khắc thành Phật ngay tại chỗ, không phải đi tìm cực nhọc ở bên ngoài* (Thiền sư Đạo Viên) để quay về triều chính. Đó chính là phát tâm thiên lệch tu hành còn bị kẹt vậy.

Thế nào là phát tâm tu hành tròn đầy (Viên)? *"Nếu biết rõ tự tánh là chúng sanh nên nguyện độ thoát, tự tánh là Phật đạo nên nguyện thành tựu; không thấy một pháp nào lìa tâm mà riêng có. Đem cái tâm hư không, phát cái nguyện hư không, hành cái hạnh hư không chứng cái quả hư không, cũng không có cái tướng hư không có thể đắc, Phát tâm như thế gọi là phát tâm tu hành tròn đầy".*

Như trên đã giải thích, tất cả đều chỉ một tâm này tạo tác, mà tâm là dụng của tánh cho nên Tổ Đạt Ma mới đề ra yếu chỉ Thiền tông: *Trực chỉ nhân*

https://tieulun.hopto.org

tâm, kiến tánh thành Phật; hay *kiến tánh khởi tu*. Tâm như là sóng, Tánh như là nước. Sóng không ngoài nước, nước không ngoài sóng mà riêng có. Cho nên, thấy được tự tánh là thấy được tánh duyên sanh, tức là thấy được tánh Không. Không mà có bởi không phải thật không; Có mà không bởi đó là giả có. Thật Giả - Có Không, cặp phạm trù đôi đãi đã mất thì nguyện độ thoát, nguyện thành tựu mà như không nguyện; không nguyện độ mà không chúng sanh nào chẳng độ; không nguyện thành tựu mà chẳng quả vị Phật nào không thành tựu.

Như hư không vốn không đầy không thiếu, không chướng ngại, ngăn cách ở không gian, không thay đổi biến hoại theo thời gian, không loại trừ không lựa chọn một vật nào để dung nạp, không nhiễm ô không trong sạch, không hạn hẹp không bao trùm; mà hư không vốn thể tánh của nó là *bổn lai vô nhất vật, chư pháp từ xưa nay, tánh nó thường vắng lặng*. Cho nên đem cái tâm hư không là cái tâm không còn "bị" phân biệt nhơ sạch, đúng sai, có không, được mất, hơn thua... chi phối; phát cái nguyện hư không là phát nguyện trùm khắp không ngăn ngại bởi đối tượng độ, đối tượng chứng đắc; hành cái hạnh hư không là cái hạnh kham nhẫn như hư không dung nạp chẳng chọn lựa vật; chứng cái quả hư không là chứng cái quả không mà có, có mà

https://tieulun.hopto.org

không tức Chân không Diệu hữu; mà cũng chẳng có cái tướng hư không có thể đắc, bởi đã là hư không với nghĩa của nó là tịch nhiên thì làm gì có cái tướng để mà vin theo phan duyên. Mà chỉ là cái tâm không trụ vào đâu cả thì mới hiểu rõ cái tướng hư không đó. Phát tâm như thế mới thật sự gọi là phát tâm tu hành tròn đầy.

Tóm lại, Tổ Thật Hiền nhận thấy phần đông người tu hành sai lạc là do từ đầu tiên phát tâm không đúng mà dẫn đến kết quả không tốt, nên Ngài nhắc nhở hai chúng xuất gia và tại gia nên cẩn trọng cái tâm. Đối với người xuất gia phải luôn luôn giữ cho trọn vẹn cái phát tâm tốt đẹp ban đầu là: Chân chính, chân thật, rộng lớn và tròn đầy; còn người tại gia muốn xuất gia cũng phải từ căn bản 4 tâm này mà hướng tới. Cho dù thời đại nào, hoàn cảnh nào thì lời Thầy Tổ đúc kết những kinh nghiệm tu tập, hành đạo cũng là khuôn vàng thước ngọc đáng để hàng hậu bối suy ngẫm để mà noi theo vậy.

https://tieulun.hopto.org

ĐI TÌM LỜI CHÚC CHO TUỔI TRẺ - MÙA XUÂN

NGUYÊN CẨN

Từ nỗi lo mùa xuân trước

Năm ngoái, cũng trên *Từ Quang*, chúng ta đã tâm sự với nhau ước mơ về một mùa xuân ấm áp bao dung mà nhân loại, trong đó có chúng ta mải mê, mệt mỏi kiếm tìm mà đến xuân này, thế giới vẫn

https://tieulun.hopto.org

chưa hết hận thù, bạo lực. Vẫn còn đó tiếng súng ở Aleppo (Syria) hay Mosul (Iraq); vẫn còn đó tiếng bom nổ bất ngờ ở Paris hay Bagdha hay ở những nơi đông người khác trên mặt đất này!

Riêng tại đất nước ta, bạo lực trong hành xử giữa người với người cũng làm chúng ta nhức nhối hàng ngày khi những người, phân đông còn trẻ, manh động dễ dàng giết nhau chỉ vì một cái nhìn, một sự hiểu lầm trên facebook, một sự giành giật ái tình, một nỗi bực dọc vô cớ vì người bạn của mình chưa kịp trả nợ, hay không chịu uống nốt một ly bia... Mạng người chết đơn giản như trong phim, sao mà rẻ vậy! Thế nên chúng ta vẫn cứ thao thức trăn trở vì một nền văn hóa mang tính người, nói theo ngôn ngữ triết học là nhân bản. Ông Nguyễn Xuân Phúc hồi làm phó thủ tướng đã từng la lên: "Văn hóa gì mà quẹt xe là đánh nhau, giết nhau?". Ông cũng xót xa khi đòi hỏi ngành giáo dục nhìn lại mình. Nhưng lỗi không chỉ của ngành giáo dục, mà của toàn xã hội. Tình thần "tranh chấp" không khoan nhượng và dùng bạo lực diễn ra đều khắp trải dài mọi khung thời gian và không gian, từ nông thôn đến thành thị, từ sáng tinh mơ đến nửa đêm về sáng. Có gây sự là có máu đổ. "Tập khí" ấy không biết hình thành từ bao giờ quanh ta, trong ta? Nên chăng hãy lấy sự can đảm quyết liệt ấy để thể hiện mình

https://tieulun.hopto.org

như một chiến sĩ. Chiến sĩ là người can đảm mà can đảm là biết sợ, chỉ có kẻ liều mới không biết sợ. Nói theo ngôn ngữ nhà Phật, mình phải sợ cái "nhân" ác mà mình gieo chứ! Vì nhân quả là một quy luật khách quan muôn đời, không ai thay đổi được. Chogyam Trungpa có lần viết: *"Phần lớn những hỗn loạn trong thế giới xảy ra bởi vì người ta không nhận thức và thưởng thức được mình. Không bao giờ phát triển thiện cảm và hòa dịu đối với chính mình, họ không thể trải nghiệm sự hài hòa hay an bình bên trong họ và bởi thế, cái mà họ phóng chiếu cho người khác cũng bất hòa và rối loạn"*. (Shambala - Con đường thiêng liêng của người chiến sĩ). Nói cách khác như Phật ngữ "Tâm bình, thế giới bình". Trungpa lấy hình tượng người chiến sĩ "giác ngộ", dạy chúng ta phấn đấu mạnh mẽ, vượt lên chiến thắng chính mình.

Đến lời chúc cho mùa xuân này

Tuổi trẻ - nếu xem họ là những chiến sĩ đấu tranh cho hạnh phúc và tự do luôn được xem như mùa xuân của cuộc đời, vì các em còn nguyên sức lực, trí tuệ và ước vọng tương lai, lao mình về phía trước.

Chúc gì đây trong mùa xuân này? Khi suy nghĩ về một lời chúc hay lời nhắn gửi cho tuổi trẻ xuân này, khi bản thân mình và thế hệ cha anh đã đi qua

https://tieulun.hopto.org

bên kia sườn dốc của cuộc đời, tôi tình cờ đọc lại bài thơ IF của Ruyard Kipling viết năm 1895 mà giáo sư Nguyễn Văn Lương khi giảng dạy chúng tôi ở Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn - khoa Anh ngữ năm 1974 đã đọc cho cả lớp nghe bản dịch của thầy. Thầy rất tâm đắc vì đó là lời dặn đầy đủ và chu đáo của người cha cho đứa con trai của mình trở thành một con Người đúng nghĩa. Hãy cùng tôi đọc lại xem người xưa dạy gì cho tuổi trẻ và xem những lời dạy ấy còn phù hợp với chúng ta hôm nay không?

Ruyard Kipling dạy con ông rằng:

Nếu trong lúc mọi người hoảng hốt
Con thản nhiên không chút kinh hoàng
Nếu con không chút hoang mang
Người càng ngờ vực lại càng tự tin.

(khổ thứ 1 -câu 1-4)

Có ai đó nói rằng để kinh nghiệm tính không sợ hãi cần phải kinh nghiệm sự sợ hãi. Sợ hãi có thể khoác nhiều chiếc áo khác nhau. Chúng ta thiếu tự tin khi đối mặt với cuộc đời khi mới lớn: thất nghiệp, công việc không phù hợp, tình yêu phản bội, gia đình không thông cảm, tài năng bị ruồng bỏ... Người ta có nhiều cách để đem nỗi sợ hãi ra khỏi tâm thức, nhưng phần đông nhờ vào ngoại cảnh hay tha lực: có người lao vào internet, tìm kiếm bạn bè điên cuồng trên facebook, Instagram,... kết mọi quan

https://tieulun.hopto.org

hệ có thể chia sẻ, hay đàn đúm tụ tập, hy vọng tìm thấy sự bình an trong đám đông? Có người uống bia rượu, có người, tệ hơn, tìm đến cần sa hay ma túy, và sống trong thế giới ảo giác, tương tự như có những em chơi games suốt ngày. Có em, gia đình giàu có, đến vũ trường nhảy nhót, tìm sự lãng quên, kết bạn và nghĩ rằng mình sẽ thoát được nỗi sợ: cô đơn, buồn chán, và cả cái chết. Có người thích chơi chữ nói rằng tiếng Việt có từ "không sợ", Hán Việt là vô úy, trong khi tiếng Anh là fearless, nghĩa là less fear (ít sợ hãi) mà đúng ra phải là "vượt trên nỗi sợ". Tuổi trẻ phải khắc phục nỗi sợ bằng sức mạnh nội tâm của chính mình, vì không ai khác có thể làm điều đó thay cho mình! Không có tha lực hay ngoại nhân nào giúp giảm bớt nỗi sợ nếu mình không tự vượt qua!

Xuân nhẫn nhục

Muốn đạt tâm thức ấy, Kipling dạy con rằng:

Nếu luyện đủ tâm can nhuệ khí
Để bền gan quyết chí đến cùng
Thịt tan xương nát mặc lòng
Gian nan lao khổ không chùng không lay.
(khổ thứ 6- câu 21-24)

Sự nhẫn nhục là một phẩm chất mà con người cần có. Riêng nhà Phật cũng đòi hỏi rất cao ở người Phật tử. Nó đi cùng vơi lòng quyết tâm tự chuyển

https://tieulun.hopto.org

hóa tâm mình. Ban đầu, người ta ví tuổi trẻ như con nai tuyết, với cái sừng rất mềm nhưng càng lớn lên nó càng phát triển thành bốn hay mười nhánh nhọn có thể chiến đấu tự bảo vệ được. Ban đầu, khi vào đời chúng ta có thể rất nhu mì hiền hòa, thậm chí còn biết buồn rầu và dịu dàng.Nhờ thế, tuổi trẻ sau những gian nan, trở nên can đảm khi cần thiết. Nhưng sự can đảm của tuổi trẻ phải vững vàng như người chiến sĩ, vừa mềm vừa cứng. Trungpa chấp nhận nỗi buồn như bài test cần thiết. Không có nỗi buồn nó sẽ như một cái tách sứ, sự can đảm bấp bênh, rớt xuống là vỡ tan. Nhưng sự hiền hòa bên trong con người cương nghị và can đảm khiến chúng ta như tách sơn mài, rớt xuống lại bật lên: "Sự biểu lộ của tánh thiện luôn tương ứng với sự dịu dàng-không hề yếu đuối, lãnh đạm..." (Trungpa -sđd) Tuổi trẻ hôm nay thiếu quyết tâm hay thiếu can đảm khi đối diện những khó khăn trong cuộc đời, vì các em lớn lên trong vòng tay cha mẹ nên khi phải đối diện thực tại, có em hoảng loạn và quyết định lầm lạc. Kipling muốn con mình giữ vững sự kiên định, không lay chuyển trước mọi bất trắc của lòng người và sự việc, mang tâm an lành đi giữa cuộc đời sóng gió, nói theo Phật ngữ "tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến".

https://tieulun.hopto.org

Nếu chờ đợi không phiền không giận,
Nếu bị lừa con vẫn thẳng ngay;
Ghét ghen không biết mảy may,
Cũng không kiêu ngạo, ta đây hơn người,
(khổ thứ 2 - câu 5-8)

...

Nếu suy nghĩ nhưng cười do dự
Vẫn mơ màng, tư lự thời không
Suốt đời thất bại thành công
Xem như không đáng bận lòng mày râu,
(khổ thứ 3- câu 9-12)

Chúng tôi ghi nhận tuổi trẻ hôm nay có những em mạnh dạn start up (khởi nghiệp) như những shop bánh mang thương hiệu Chewy Junior; như chuỗi cafe Urban station...; có em vận dụng kiến thức tin học tinh thông của mình vào việc bán hàng, đi chợ trên mạng; nhưng rất nhiều em, có đến hơn 200 nghìn cử nhân thạc sĩ vẫn đang chờ việc! Vậy mà khi có việc lại đắn đo về mức lương hay đãi ngộ, về địa bàn, cự ly di chuyển... Em để nỗi sợ sang bên và bước tới, mạnh dạn chấp nhận những công việc chưa như ý để thu hoạch kinh nghiệm trước khi tìm ra sở trường, sở đoản của chính mình và điều chỉnh sở thích hay công việc. Thời cơ không chờ đợi ai!

https://tieulun.hopto.org

Xuân kiên định

Kipling ném những đồng xu hy vọng cuối cùng của con ông lên mặt bàn vì ai biết được, tuổi trẻ mà, thiếu kinh nghiệm, dễ thất bại trắng tay. Phải nghĩ đến kịch bản tồi tệ nhất có thể xảy ra chứ! Thì sao?

Nếu dám vất bạc tiền danh vọng,
Đánh một bàn túi rông như chơi,
Ra đi lập lại cuộc đời,
Không hề to nhỏ nửa lời tiếc than,

(khổ thứ 5- câu 21-24)

Là trang nam nhi (hay nữ nhi) cũng vậy vì thời đại này bình quyền cả rồi, thanh niên phải có dũng khí dám đứng lên dù có vấp ngã. Điều quan trọng không phải là bao nhiêu lần vấp ngã mà là bao nhiêu lần đứng lên để tiếp tục đi tới. Chưa hết, trắng tay thôi sao? Còn tha nhân nữa, Họ luôn phán xét tuổi trẻ khắc nghiệt, thậm chí gièm siểm nặng lời. Thái độ đối với họ sao đây khi họ "ném đá" sau lưng ta, gài bẫy triệt hạ ta. Kipling cũng đã từng trải qua nên ông dặn con:

Nếu không giận thấy câu mình nói
Bị người đem thay đôi đặt bày
Cơ đồ tan vỡ phút giây
Cũng không nao núng đắp xây lại liền,

(khổ thứ 4- câu 13-16)

https://tieulun.hopto.org

Thế đấy, luôn kiên định. Không xao động trước vọng ngữ, xảo ngôn, mưu ma chước quỷ của người đời, hiện nay kẻ xấu nhiều ngang hoặc hơn người tốt. Tuổi trẻ cứ phải lầm lũi bước qua, rồi sẽ đến lúc công thành danh toại.

Xuân hòa hợp và tinh tấn

Khi đã thành công rồi thì thói thường tuổi trẻ dễ sanh kiêu ngạo, hãnh tiến và coi thường người khác. Hiểu nên Kipling lại dặn con:

Nếu không ngại bùn lầy nước đọng
Nếu quyền cao chức trọng không kiêu,
Mọi người ai cũng kính yêu
Bạn thân đều khó làm xiêu lòng vàng,

(khổ thứ 7- câu 25-28)

Phật đã đề cao sự bình đẳng vì "máu chúng sinh chỉ một màu". Hãy sống hòa hợp cùng quần chúng trong ý nghĩa tương tức, tương sinh, đồng cảm. Được như thế, tuổi trẻ sẽ tiếp thu cái hay của những người đi trước bổ sung cho những thiếu sót của mình. Ai cũng có cái hay cho mình phải học. Cuối cùng, Kipling dặn con:

Nếu con chẳng khinh thường ngày tháng
Mỗi phút giây mỗi gắng cần lao
Dù không chức trọng quyền cao
Cũng không thẹn mặt anh hào nam nhi.

(khổ thứ 8- câu 29-32)

https://tieulun.hopto.org

Lúc nào cũng vậy. Học và làm việc luôn là chìa khóa của thành công. Học trong sách vở, trong công việc, trong thực tế. Học từ người trên và cả kẻ dưới. Luôn tâm niệm "Hôm nay, phải tốt hơn hôm qua", khiêm tốn nếu muốn đi xa. Vậy là chàng tuổi trẻ của chúng ta có 11(mười một) chữ NẾU phải ứng xử, phải hành động đê trở thành một con người đúng nghĩa. Chàng phải khiêm cung, nhã nhặn, kiên nhẫn, duy lý, trung thực, đáng tin cậy và tự tin dù có ai hoài nghi đi nữa. Chàng phải sống trước sau như một, trên dưới như nhau, đứng vững trước những âm mưu, những vu khống, vọng ngữ của thế nhân.. Được như thế, chàng đã trở thành một "thắng nhân" đúng nghĩa!

Mùa xuân, hãy chúc cho tuổi trẻ giữ được sự kiên định và tinh tấn trong công việc, nhẫn nhục trong ứng xử đời sống, và can đảm đối diện với thực tại, dù đẹp hay phũ phàng với sự can đảm hay lòng vô úy. Vì như Steve Job nói: "Hãy cứ khát khao, hãy cứ dại khờ". Để rồi mong sao quanh ta là những con người tuổi trẻ, tâm hồn tràn đầy khí phách và nhiệt huyết, những con người sẽ hoàn thiện nhân cách để là chính mình.

Hãy chúc nhau một mùa xuân như thế!

https://tieulun.hopto.org

Ghi chú

Nguyên tác bài thơ IF

By Ruyard Kipling

If you can keep your head when all about you
Are losing theirs and blaming it on you,
If you can trust yourself when all men doubt you,
But make allowance for their doubting too;
If you can wait and not be tired by waiting,
Or being lied about, don"t deal in lies,
Or being hated, don"t give way to hating,
And yet don"t look too good, nor talk too wise:

If you can dream - and not make dreams your master;
If you can think - and not make thoughts your aim;
If you can meet with Triumph and Disaster
And treat those two impostors just the same;
If you can bear to hear the truth you've spoken
Twisted by knaves to make a trap for fools,
Or watch the things you gave your life to, broken,
And stoop and build "em up with worn-out

https://tieulun.hopto.org

tools:

If you can make one heap of all your winnings
And risk it on one turn of pitch-and-toss,
And lose, and start again at your beginnings
And never breathe a word about your loss;
If you can force your heart and nerve and sinew
To serve your turn long after they are gone,
And so hold on when there is nothing in you
Except the Will which says to them: "Hold on!"

If you can talk with crowds and keep your virtue,
Or walk with Kings - nor lose the common touch,
If neither foes nor loving friends can hurt you,
If all men count with you, but none too much;
If you can fill the unforgiving minute
With sixty seconds" worth of distance run,
Yours is the Earth and everything that"s in it,
And - which is more - you"ll be a Man, my son.

https://tieulun.hopto.org

Ý NGHĨA LỄ HỘI RẰM THÁNG GIÊNG
MĀGHAPŪJA

TUỆ ÂN

Ngày rằm tháng Giêng có hai ý nghĩa chính:

1. Ngày Đại hội thánh tăng tại Veluvana (Trúc Lâm tịnh Xá).

2. Ngày đức Phật tuyên hứa và khẳng định với Ma vương rằng 3 tháng nữa Ngài sẽ nhập Niết bàn.

Lễ hội rằm tháng Giêng là ngày đại hội thường

https://tieulun.hopto.org

lệ của chư Phật được gọi là Caturangasannipāta. Tuy nhiên, theo lịch sử những vị Phật Chánh giác trong quá khứ thì số tăng hội, thời kỳ đại hội, địa điểm có phần khác với đức Phật Gotama. Còn những yếu tố căn bản cho kỳ đại hội thì hoàn toàn giống nhau. Dường như đây là truyền thống của chư Phật. Đại hội thánh tăng thời kỳ đức Phật Gotama hội đủ bôn chi phần là:

1. Tổ chức đúng vào ngày trăng tròn tháng giêng Māgha.

2. Đại hội có 1.250 vị tỳ khưu, tự động đến bái kiến đức Phật mà không có sự thỉnh mời hay hẹn trước.

3. Số tăng hội 1.250 vị đều xuất gia Thiện Lai Tỳ khưu (Ehibhikhu).

4. Các ngài đều là Bậc Thánh tăng.

Đại hội thánh tăng này khai mạc đúng vào ngày trăng tròn tháng Giêng âm lịch tại Veluvana. Trong đại hội, đức Phật thuyết cho 1.250 vị tỳ khưu về giới bổn Pātimokkha, được phân chia làm hai phần:

1. Giáo giới Ovadapātimokkha: Đức Phật tóm lược Giáo pháp của Ngài thành ba câu kệ ngôn:

Không làm điều ác (Sabbabābassa akaranam),
Làm các hạnh lành (Kusalassu upasampadā),
Giữ tâm ý trong sạch (Sacittapariyotapanam).

Đây là giáo giới của chư Phật trong quá khứ

https://tieulun.hopto.org

cũng như của Đấng Đạo sư lúc đó.

2. Đức Phật giảng về Anāpātimokkha, có nghĩa là Ngài chuẩn y giới luật cho chư tỳ khưu phải hành lễ Bố tát (Uposatha) mỗi tháng hai kỳ vào ngày 15 và 30 (hoặc 29). Lễ Bố tát là một hình thức giúp các vị xuất gia quán chiếu lại giới hạnh của mình cho được tịnh nghiêm, nêu có sơ sót trong tiêu giới thì ngày hôm đó các vị sám hối với nhau.

Ngày nay, chư Tăng hệ phái Phật giáo Nguyên thủy Theravāda vẫn còn gìn giữ truyền thống này vì Giới luật là nền tảng của Phật giáo, Giới luật còn thì Giáo pháp còn. Trong Tam Tạng kinh điển, đức Phật Thế tôn tuyên bố rằng theo thời gian, Luật tạng sẽ hoại diệt sau cùng. Khi nào Luật tạng hoại diệt thì lúc đó là thời mạt pháp, là khởi điểm hết nhiệm kỳ Giáo pháp của một vị Phật Chánh Đẳng Giác.

Đồng thời với ý nghĩa trên, ngày rằm tháng giêng còn được Kinh Đại Bát Niết Bàn ghi như sau:

Đức Thế tôn cùng chư Tỳ khưu Tăng từ kinh thành Rājagaha du hành đến kinh thành Vesāli. Một hôm, Đức Thế Tôn ngự vào thành Vesāli khất thực, sau khi thọ thực xong Đức Phật dạy bảo Đại đức Ānanda cùng ngự đến ngôi tháp Cāpālacetiya. Sau khi Đức Thế tôn ngự trên chỗ ngồi đã trải sẵn, Đại đức Ānanda đảnh lễ Đức Thế tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức Thế tôn dạy rằng: - Này

https://tieulun.hopto.org

Ānanda, bậc nào đã thường tiến hành 4 pháp thành tựu (idhipāda), đã tiến hành trở thành thuần thục, đã tiến hành trở thành nền tảng vững chắc, có căn bản, đã luyện tập thành thói quen hằng ngày, thường tinh tấn không ngừng tiến hành 4 pháp thành tựu này.

Này Ānanda, bậc ấy có khả năng duy trì trọn kiếp tuổi thọ hoặc hơn kiếp tuổi thọ như ý.

Này Ānanda, Như Lai đã thường tiến hành 4 pháp thành tựu, đã tiến hành trở thành thuần thục, đã tiến hành trở thành nền tảng vững chắc, có căn bản,

https://tieulun.hopto.org

đã luyện tập thành thói quen hằng ngày, thường tinh tấn không ngừng tiến hành 4 pháp thành tựu này.

Này Ānanda, Như Lai cũng có khả năng duy trì trọn kiếp tuổi thọ (100 năm) hoặc hơn kiếp tuổi thọ (hơn 100 năm) vậy.

Đức Thế Tôn đã dạy gián tiếp như vậy, mà Đại đức Ānanda không hiêu, nên không thỉnh mời Đức Thế tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế tôn, kính xin Ngài duy trì suốt kiếp tuổi thọ (100 năm).

Kính xin Ngài duy trì trọn kiếp tuổi thọ, để tế độ cho phần đông chúng sinh, để đem lại sự lợi ích, sự an lạc phần đông chúng sinh, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc cho chư thiên và nhân loại.

Bởi vì, khi ấy Đại đức Ānanda bị Ma vương quấy nhiễu, nên không hiểu ý của Đức Thế tôn. Dù Đức Thế tôn dạy như vậy lần thứ hai, lần thứ ba, Đại đức Ānanda vẫn không hiểu được; Ngài đảnh lễ Đức Thế tôn, rồi xin phép đi ra ngoài ngồi dưới gốc cây không xa nơi Đức Thế tôn.

Khi Đại đức Ānanda vừa mới ra ngoài, Ác Ma Thiên liền đến hầu Đức Thế tôn, rồi đứng một nơi hợp lễ và bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế tôn, kính xin Ngài tịch diệt Niết bàn, kính xin Ngài tịch diệt Niết bàn ngay bây giờ! Bây giờ là lúc tịch diệt Niết bàn của Ngài.

https://tieulun.hopto.org

Thật ra, Ác Ma Thiên đã nhiều lần đến thỉnh Đức Thế tôn tịch diệt Niết bàn, những lần trước Đức Thế tôn đều khước từ. Nhưng lần này, Đức Thế tôn hứa với Ác Ma Thiên rằng:

- Này Ác Ma Thiên, ngươi hãy yên tâm, không lâu nữa, Như Lai sẽ tịch diệt Niết bàn. Kể từ nay chỉ còn ba tháng nữa, Như Lai sẽ tịch diệt Niết bàn.

Như vậy, Đức Thế Tôn có trí tuệ sáng suốt, xác định thời gian ba tháng nữa sẽ xả tuổi thọ, xả sinh mạng của Ngài, tại ngôi Tháp Cāpālacetiya, đó là vào ngày rằm tháng giêng (âm lịch). Ngay khi ấy, trái đất rùng mình chuyển động.

Đại đức Ānanda thấy điều lạ thường, trái đất rung chuyển nên vào hầu Đức Thế tôn, bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế tôn, do nguyên nhân nào làm trái đất rung chuyển, bạch Ngài.

Đức Thế tôn dạy rằng:

- Này Ānanda, ngay hôm nay, vừa rồi, Như Lai có trí tuệ sáng suốt hứa với Ác Ma Thiên rằng: "Chỉ còn ba tháng nữa, Như Lai sẽ tịch diệt Niết bàn".

Nghe như vậy, Đại đức Ānanda kính thỉnh rằng:

- Kính bạch Đức Thế tôn, con xin kính thỉnh Ngài duy trì tuổi thọ trọn kiếp tuổi thọ (100 năm). Con xin kính thỉnh Ngài duy trì tuổi thọ trọn kiếp tuổi thọ, để tế độ cho phần đông chúng sinh, để đem lại sự lợi ích, sự an lạc phần đông chúng sinh, để

https://tieulun.hopto.org

đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc cho chư thiên và nhân loại.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này Ānanda, con chớ nên thỉnh Như Lai nữa; bây giờ không phải lúc thỉnh cầu Như Lai nữa. Như Lai đã gián tiếp dạy con nhiều lần mà con vẫn không hiểu, con không có lời thỉnh câu Như Lai. Nay Như Lai đã hứa với Ác Ma Thiên rồi, không thể nào khác được.

Đại đức Ānanda cảm thấy buồn vô hạn, hối hận về điều sơ suất của mình, nên Đức Thế tôn an ủi Đại đức Ānanda rằng:

- Này Ānanda, Như Lai đã từng dạy rằng: "Sống xa lìa nhau, chết biệt ly với những người thân yêu, các bậc kính mến ấy, đó là điều hiển nhiên. Do đó, làm sao lại có thể, có những người thân yêu, các bậc kính mến ấy theo ý muốn của mình được!".

Những pháp nào đã sinh rồi, hiện hữu rồi, do nhân duyên cấu tạo rồi, chắc chắn có sự hủy hoại là thường, dù có mong muốn rằng: "Xin pháp ấy đừng hủy hoại", đó là điều không thể nào có được.

Để kỷ niệm ngày lịch sử trọng đại đó, hệ phái Phật giáo Nguyên thủy Theravāda tổ chức lễ rằm tháng giêng bằng nhiều hình thức nghi lễ khác nhau: như lễ hội đặt bát đến chư Tăng, lễ thọ giới, lễ quy y, lễ thuyết pháp, lễ thọ đầu đà... nhằm giúp người

https://tieulun.hopto.org

Phật tử có cơ hội gieo duyên lành trong chánh pháp.

Đặc biệt là lễ Đầu đà (Dhutanga): thức một đêm không ngủ để tưởng nhớ đức Phật - một con người vĩ đại, với một lý tưởng phi thường, suốt cuộc đời tận tụy hy sinh vì quyền lợi của tha nhân. Thông thường, trong đêm đầu đà có nhiều tiết mục để người Phật tử tham gia học và thực hành thêm về giáo lý. Những tiết mục đó thường là Thuyết pháp, Chiêm bái Xá lợi, Hành thiền, Vấn đáp Phật pháp, Hái hoa chánh pháp, Luận đạo v.v. Người tham dự một đêm đầu đà, qua những mục đó, chắc chắn sẽ được hiểu biết giáo lý căn của đức Phật và sẽ có thêm niềm tin vững chắc ở Tam bảo.

https://tieulun.hopto.org

Lời Chúc Đầu Xuân

Nhạc & Lời
LÊ KHẮC THANH HÒA

Xuân nay tôi chúc muôn người được an lành Trong tâm ai nấy xin đừng để
Xuân nay tôi chúc muôn người niềm an lạc Bao nhiêu ân oán Xuân này nguôi
oán thù Trao nhau muôn đóa hoa của tình nhân loại
dứt bỏ Những theo Chánh pháp tâm từ bừng giác ngộ
Yêu thương lan đến khắp cả cùng vũ trụ Đem an vui đến cho cả muôn
Luôn luôn tinh tấn không ngừng tự nỗ lực Hăng say ta quyết cứu độ muôn
loài Bỏ đường vào mê tối Theo về nẻo chính ngay.
loài . Giới Luật làm nguồn gốc Với Định được chánh tâm
Tâm hồi được thong sáng Thoát khỏi cảnh luân hồi Xuân nay tôi xin
Trí tuệ dường thanh Kiếm Chém dứt ái dục lạc Xuân nay ta chiến
chúc Muôn người lòng Từ Bi.
thắng Muôn não phiền khổ não.

https://tieulun.hopto.org

QUÁN TỰ TẠI HÀNH THÂM

HẠNH PHƯƠNG

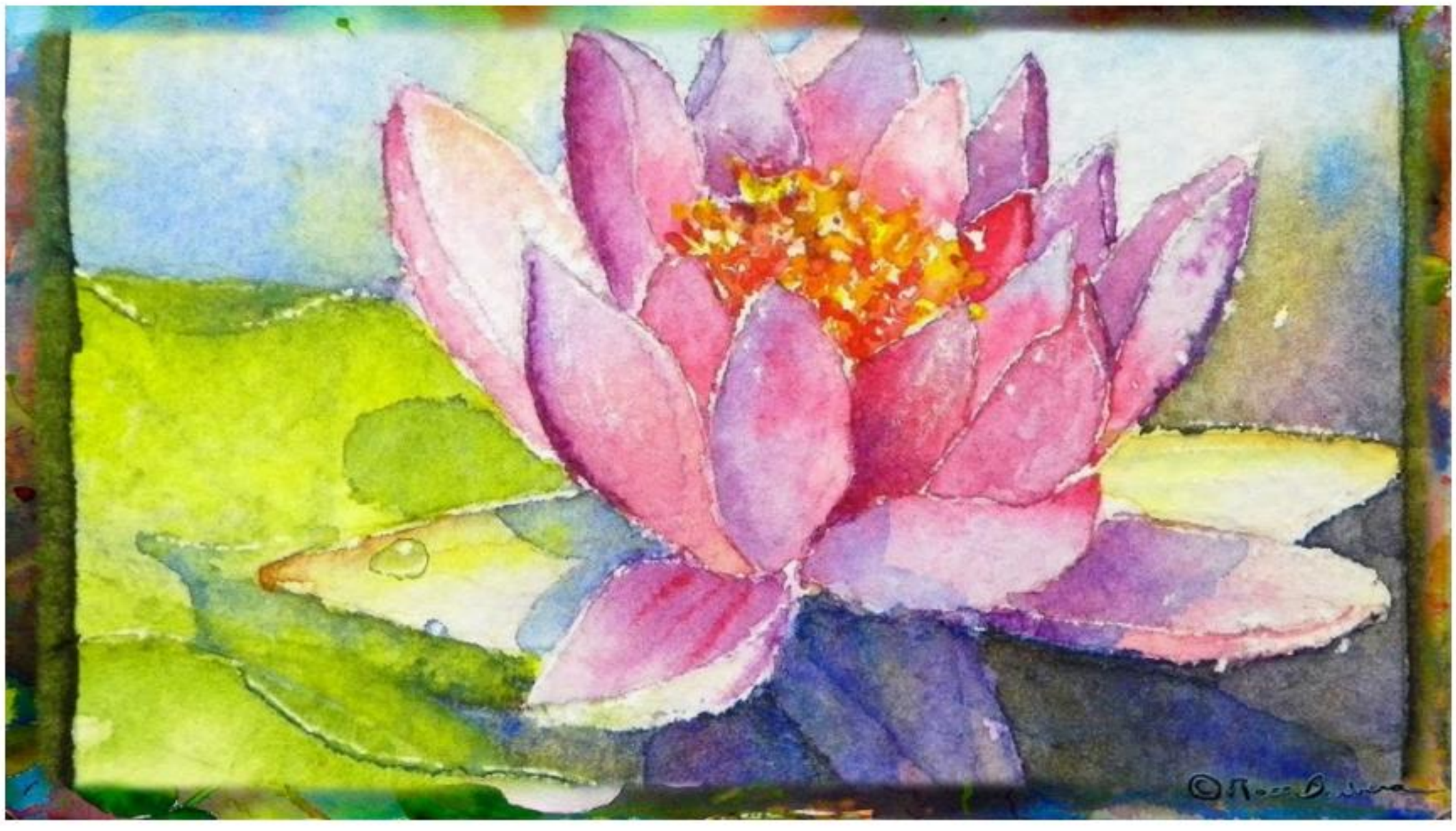

Chớ nghĩ ta có những một trăm năm để mưu cầu sự nghiệp

Có những mảng đời, những sinh thể không quá một sát na.

Thế thì hãy từng mỗi phút, mỗi giây an trú thân tâm trên

những bước chân trùng trùng điệp điệp

https://tieulun.hopto.org

Đi sâu vào Bát nhã Ba la mật đa.

Không ai có quyền cầm tay dắt bạn đi trên con đường về phía

bên kia tịch diệt

Đức Phật đã trỏ rồi: HÃY TỰ MÌNH THẮP ĐUỐC MÀ ĐI

Thế thì hãy đoan thân nghiêm tọa trên tòa cỏ cát tường

đơn sơ thanh khiết

Quán hành thâm tự tại đại từ bi.

Tự chính mình bước những bước chân trên con đường tìm cầu

giải thoát

Mỗi chính mình tứ đại lưu ly

Chính Đức Phật không bao giờ hứa khả dắt ta về tới bến bờ

kia khoáng hoạt

Hãy tự ta khiêm cung bước mỗi bước nhu mì...

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni!

Chắc hẳn Ngài sẵn sàng chia cho con tòa sen pháp tọa

Úm ma ni pát mi hồng

Úm ma ni!

https://tieulun.hopto.org

Khai bút đầu Xuân

Xuân đến xuân đi cho lòng nhớ
Hoa nở hoa tàn để luyến lưu
Đời vẫn vô thường, như nhắc nhở
Dừng tâm, kẻo lạc nẻo sương mù

https://tieulun.hopto.org

Thế giới muôn ngàn, ôi náo động
An nhiên thường trú, giữ tâm không
Hiểu rồi, cười mỉm khi xuân đến
Khoác áo lạnh thôi, lúc lập đông.

Tết đến, trẻ thơ vui rộn rã
Hồn nhiên, câu hát thái bình ca
Nụ cười Di Lặc còn xuân mãi
Lắng lòng, hoa nở mãi trong ta...

Chúc cho hạnh phúc mọi nhà
An vui, no ấm, thái hòa nước non
Xuân về, giữ tấm lòng son
Đạo tâm sáng mãi, xuân còn, còn xuân...

https://tieulun.hopto.org

Mừng Xuân Di Lặc

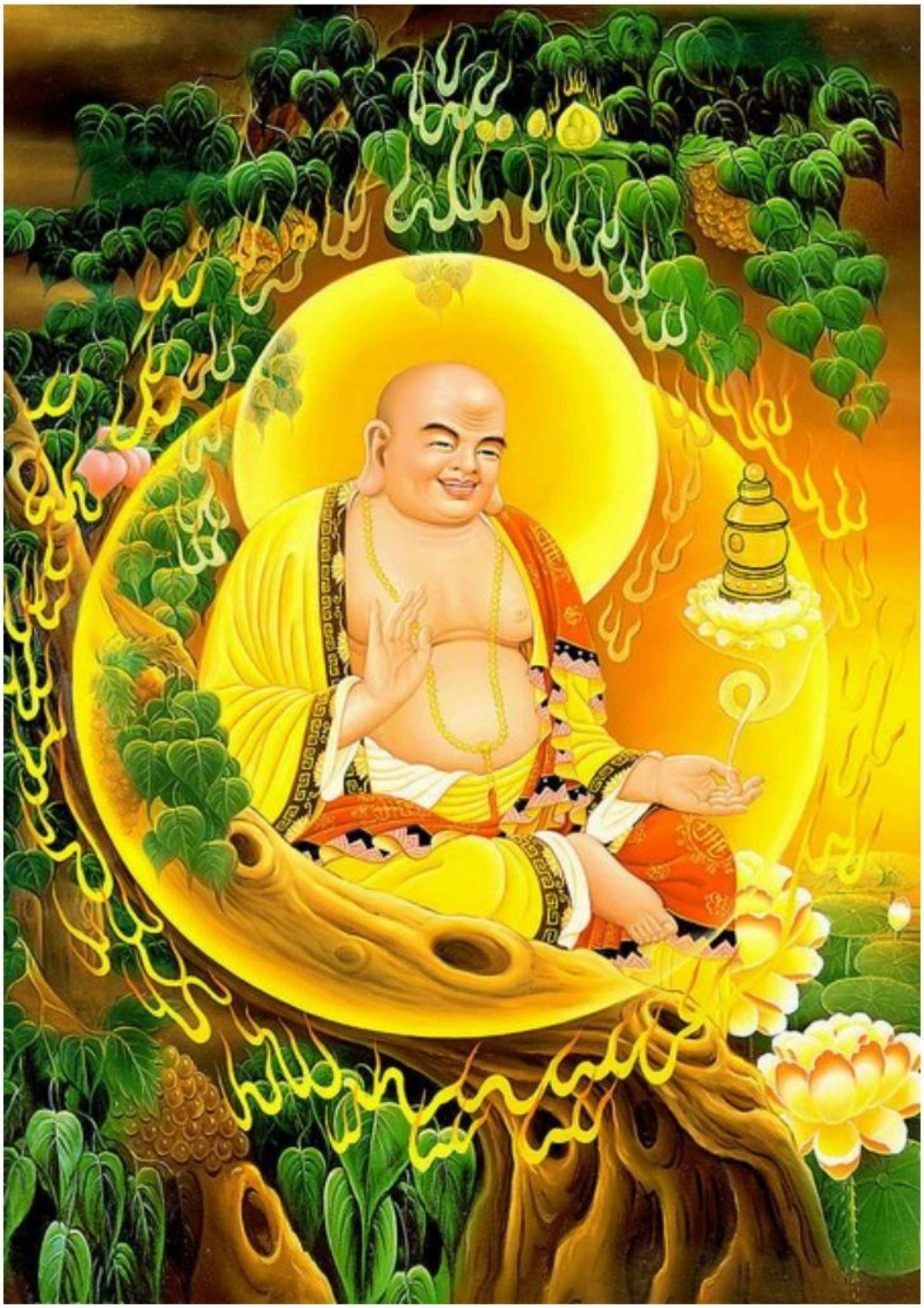

https://tieulun.hopto.org

Nụ cười Di Lặc sáng ngời
Xóa bao phiền muộn một đời gian lao
Xuân về mai nở đón chào
Đến chùa lễ Phật cùng nhau vui cười
Chắp tay con hướng về người
Nhắc con - an lạc vui tươi tràn trề
Nhắc con - chớ lạc nẻo mê
Tham, sân, si bỏ, trở về nẻo ngay
Giữ thân, miệng, ý... hàng ngày
Mùa xuân luôn hiện ở đây bên mình
Dẫu cho lục tặc vây mình
Cũng không vướng bận, chúng sinh độ rồi
Vô thường, vô ngã, ai ơi
Vô ngôn thuyết pháp, nụ cười nguyên xuân
Chúc người tinh tấn, chuyên cần
Long Hoa hẹn gặp, mùa xuân an lành!

https://tieulun.hopto.org

TẾT ĐẾN, NHỚ VỀ HÁT SẮC BÙA PHÚ LỄ

LÊ HẢI ĐĂNG

Khi những giai điệu rộn ràng về mùa xuân vang lên trên sóng phát thanh, truyền hình, trong miền ký ức sâu thẳm cá nhân tôi lại văng vẳng tiếng ca, tiếng nhạc của nhóm Sắc bùa lang thang trong những đêm thanh vắng. Xưa kia, khuất nẻo cõi trời Nam xa xôi ở huyện Phú Lễ, tỉnh Bến Tre đón Tết bằng một tục lệ vô cùng độc đáo, hết sức lạ lùng đó là tục hát Sắc bùa.

Hát Sắc bùa là loại hình nghệ thuật dân gian mang ý nghĩa chúc tụng nhân dịp đầu năm mới. Loại

https://tieulun.hopto.org

hình nghệ thuật này "mở màn" vào giữa đêm giao thừa. Thuở làng quê bình yên còn ngủ quên trong thói quen văn hóa, tiếng đàn, tiếng hát, tiếng trống, tiếng phách của đội Sắc bùa có khả năng khuấy động, phá tan bầu không gian tịch mịch. Đội Sắc bùa đàn hát say sưa trong đêm, đi giữa con đường làng quanh co, hữu tình, di chuyên từ nhà này sang nhà khác.

Một đội Sắc bùa có từ 4 đến 12 người, sắp thành hàng dọc, vừa đi vừa hát. Họ ra đi trong đêm và trở về khi trời tảng sáng. Lối diễn xướng này diễn ra suốt quá trình di chuyển cho đến lúc thực hành nghi lễ, nên có thể nói, hình thái "động" là một đặc điểm nổi trội. Từ lúc đội hình sắp xếp chỉnh tề, đi đầu là cái kể với chiếc trống cơm đến các con xô sử dụng đàn cò, phách tiền, phách cái, hát Sắc bùa luôn phơi bày dưới dạng "động". Loại hình nghệ thuật này sớm thể hiện nhu cầu "xã hội hóa" bằng hình thức diễn xướng đa năng, vừa mang tính chất nghi lễ, chúc tụng, vừa thỏa mãn nhu cầu giải trí. Đội hát Sắc với âm thanh đặc trưng vô hình trung đã thông tin cho người ta biết về lộ trình lưu diễn của mình trên những nẻo đường thôn quê. Cung cách trình diễn đó quy tụ nhiều hình thức đa dạng, từ tập hợp Lý đi đường cho đến các bài hát thủ tục, hát góp vui, hát chúc và hát lúc ra về.

https://tieulun.hopto.org

Theo nhà nghiên cứu Huỳnh Ngọc Trảng, hát Sắc bùa có nguồn gốc từ hát Xéc bùa của người Mường. "Xéc pùa" có nghĩa là xách cồng, đánh cồng. Như vậy, từ một dạng thức thuần nhất là xách cồng, đánh cồng, hát Sắc bùa đã trải qua quá trình tích hợp nhiều yếu tố, từ khí nhạc đến thanh nhạc, rồi gia nhập yếu tố nghi lễ trở thành loại hình diễn xướng tổng hợp. Cùng với quá trình thiên di của người Việt về phương Nam, hát Sắc bùa không ngừng bổ sung nhiều yếu tố mới, từ văn hóa Hòa Bình đến Hà Nội, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên – Huế, Quảng Ngãi vào tới Bến Tre. Vùng đất phương Nam trở thành điểm dừng chân cuối cùng của hát Sắc bùa. Song, trong quá trình trôi dạt vào phương Nam, chẳng biết vì lý do gì mà hát Sắc bùa chỉ còn lưu lại trên mảnh đất Phú Lễ, tỉnh Bến Tre. Vùng đất ấy có khả năng níu chân nghệ nhân hát Sắc bùa, nhờ đó loại hình nghệ thuật độc đáo hát này có cơ hội được lưu truyền.

Xưa kia, hát Sắc bùa thường kéo dài từ đêm trừ tịch tới ngày mùng 7, thậm chí có thể đến hết tháng giêng. Đội hát Sắc bùa có khoảng trên dưới 10 thành viên, ít nhất là 4 người, nhiều lên tới 12 người. Họ lập thành từng nhóm có tổ chức. Trưởng nhóm đóng vai trò tập kết nhân sự, lên kế hoạch tập luyện, thậm chí có thể dạy dỗ thành viên, đồng thời kiêm "bầu

https://tieulun.hopto.org

sô". Sau khi sở đắc khối lượng bài bản nhất định, đội Sắc bùa lên đường lưu diễn. Trong nhóm, có một người làm Cái kể, sử dụng trống cơm, những người khác làm Con xô, sử dụng đàn cò, sênh tiền, sênh cái. Hát sắc bùa mang nhiều tính chất khác nhau. Theo tên gọi, đây là hình thức diễn xướng nghi lễ tông hợp, kêt hợp ca, nhạc, (nghe nói xưa kia còn có múa) và hoạt động nghi lễ (dán bùa). Đứng ở hình thái diễn xuất, hát Sắc bùa vừa diễn trên đường đi với tập hợp làn điệu Lý đi đường, vừa xảy ra tại tư gia bằng hình thức hát thủ tục, hát chúc, hát giúp vui và hát chia tay. Xét về bài bản, nó gồm các bài lý, vè, hát đối đáp với cách thức một người xướng và tập thể xô. Vì thế, hát Sắc bùa không giống như những thể loại dân ca thông thường được trình diễn bằng hình thức đơn ca, có thể hát tùy lúc, tùy nơi mà phải tiến hành theo trình tự, có cơ cấu, tổ chức, có nghi thức, có xướng - xô, kể - đáp. Không phải ngẫu nhiên, nhạc cụ gõ chiếm vị trí chủ lực ở loại hình nghệ thuật này. Đối với dạng thức nghệ thuật tổng hợp, quy tụ nhiều thành viên, cơ cấu tổ chức phức hợp, nhạc cụ gõ đóng vai trò giữ nhịp giúp cho mọi nguồn lực được tập trung. Hình thức tổ chức trên có thể hình dung như phương thức làm việc nhóm. Để đạt được sự thống nhất, bên cạnh vai trò thủ lĩnh của trưởng nhóm, còn phải triển khai nguyên tắc thống

https://tieulun.hopto.org

nhất nhằm kết hợp mọi thành viên. Và ở đây, nhạc cụ gõ đã được huy động vào vai trò giữ nhịp, đàn cò với cơ cấu duy nhất một thành viên đi giai điệu cùng lời hát theo phương thức bè tòng. Trong đêm 30 tịch mịch, mọi vật như đang chờ điều gì đó đang sắp sửa thì tiếng nhạc rập ràng của hát Sắc bùa khỏa lấp được khoảng trông vô biên giữa đất và trời.

Về trình tự, hát Sắc bùa, gồm: hát đi đường, hát thủ tục, hát chúc, hát giúp vui và hát giã từ.

- Hát đi đường chủ gồm yếu gồm các bài lý, như: *Ai đi đường thẳng, Lá da lá dà, Trèo lên cây ổi, Ngó lên trên chợ Tổng Châu, Lý ông Hương, Rủ nhau xuống biển bắt cua, Lý bằng răng, Ếch kêu, Bắt con cá lóc, Cô Sáu cô Bảy manh manh...*

Loại bài bản này hấp thu từ những làn điệu dân gian, sau khi du nhập hát Sắc bùa, chúng thay đổi về cách thức trình diễn (tập thể), thống nhất loại nhịp (nhịp 2 theo nhịp bước chân) và kết hợp với trống cơm, sênh tiền, phách, đàn cò.

- Hát thủ tục, gồm các bài: *Mở cửa rào, Mở ngõ, Cõi Nam, Khai môn, Rước xuân, Chơi xuân, Tiên sư, Trừ tà, Xốc quách, Dán bùa, Dẫn bùa.*

Ở phần hát thủ tục, mỗi bài đánh dấu như một mắt xích quan trọng trong hoạt động nghi lễ. Bài *Mở cửa rào*, hát khi nhà gia chủ đang cửa đóng then cài, đội Sắc bùa sắp hàng bên ngoài trình bày:

https://tieulun.hopto.org

Cái kể: *Nhà ông cửa kín rào cao*
Con xô: *Tôi vô chẳng đặng đứng ngoài tôi rao*
Cái kể: *Hôm qua để ngõ ông chờ ai*
Con xô: *Hôm nay tôi tới ngõ gài khăng khăng*
Cái kể: *Hôm qua để ngõ ông chờ trăng*
Con xô: *Hôm nay tôi tới khăng khăng ngõ gài*
Cái kể: *Nhà ông có thằng tớ trai*
Cái kể – Con xô hợp ca: *Sai ra mở ngõ, đàn trai tôi hát bùa. Sai ra mở ngõ, đàn trai tôi hát bùa.*

Dựa vào hệ thống bài bản hát Sắc bùa, chúng ta hoàn toàn có thể phân chia được tiến trình qua từng giai đoạn.

Trong khi hát bài *Mở cửa rào*, chủ nhà bước ra chờ phía bên trong sân, đội Sắc bùa hát tiếp bài *Mở ngõ*. Như tiếng gọi của khách, chủ nhà mở cửa mời toàn đội hát vào nhà. Trong quá trình di chuyển, tiếng đàn, tiếng hát vẫn tiếp diễn. Sau đó, đội hát trình bày các bài chính của nghi lễ, gồm: *Cõi Nam, Khai môn, Rước xuân, Chơi xuân*. Bốn bài này đều mang tính chất "dẫn nhập", đón rước nàng Xuân đến với gia chủ. Rồi tới bài *Tiên sư* nhằm tạ ơn người thầy: "*Tiên sư là tướng ở trời. Thờ khắp mọi nơi. Ta thờ chung thiên hạ...*". Nhờ có những người thầy đem đến nghề nghiệp, công cụ mưu sinh, từ đó mới có: "*Năm mới giàu sang. Gia quan tấn lộc*".

Ở hát Sắc bùa, tính chất xâu chuỗi của các nghi

https://tieulun.hopto.org

thức trải qua từng giai đoạn liên quan mật thiết với nhau. Sau khi cúng Tiên sư đến nghi thức trấn yểm, với bài: *Trừ tà, Xốc quách, Dán bùa, Dẫn bùa.* Đây là bước quan trọng, chiếm vị trí trung tâm của nghi lễ. Điểm khác biệt của hát Sắc bùa Phú Lễ chính nằm ở hoạt động trấn yểm. Nó là sản phẩm gia nhập sau bước chân xê dịch của cư dân, từ đó làm thay đổi căn bản loại hình nghệ thuật diễn xướng này. Vậy, tại sao hát Sắc bùa miền Nam lại có thêm hoạt động bùa chú, vốn chịu ảnh hưởng từ Đạo giáo? Có lẽ, vì vùng đất mới phương Nam xuất hiện nhiều thế lực (vô hình) mà công cuộc khẩn hoang ban đầu đã gặp trở ngại. Nói theo ngôn ngữ đương thời, nơi đây xuất hiện nhiều nhóm lợi ích. Sau khi người Việt tiến vào vùng đồng bằng Nam Bộ đã phải tiếp nhận thêm những phương thức ứng xử mới, đa dạng. Họ nhận những người xa lạ làm bầu bạn, hàng xóm là những người khác biệt về văn hóa. Trong bối cảnh ấy, hoạt động bùa chú như một bảo chứng tâm lý cho phép người Việt cộng sinh với những người có truyền thống khác.

- Hết phần hát thủ tục, đến hát Giúp vui, đa số gồm các bài hát chúc, các bài lý, vè, như: *Chúc nghề làm ruộng, Chúc nghề dệt vải, Chúc nghề thợ mộc, Chúc nghề đan lát, Chúc nghề thợ hồ, Lý đầu cần vắn, Lý đầu cầu dài, Lý lơ thơ, Lý mười hai tháng,*

https://tieulun.hopto.org

Vè cá biển, Vè cá đồng, Vè con tôm, Vè con chim, Vè đá banh...

- Cuối cùng là hát chia tay, gồm bài *Giã từ, Đi ra* đóng vai trò kết thúc, chấm hết cho một cuộc hát.

Xét về âm nhạc, hát Sắc bùa khu biệt rõ rệt giữa những bài hát ở phần thủ tục và phần còn lại. Trong hoạt động nghi lễ, thủ tục luôn mang tính chất bảo thủ truyền thống. Ở đây, những bài hát thủ tục cũng tuân theo quy luật này. Qua đó cho thấy, rất có thể trong các bài hát thủ tục còn ẩn chứa mầm mống, dấu vết của loại hình nghệ thuật tiền thân. Các bài hát thủ tục khá giống nhau về tính chất âm nhạc, hàng âm đơn giản, đa số gồm 3, 4 âm, như bài: *Mở cửa, Khai môn, Rước xuân, Chơi xuân, Tiên sư, Trừ tà, Dẫn bùa, Từ giã, Đi ra.* Giả thiết về nguồn gốc Mường ở hát Sắc bùa có khả năng tiềm ẩn đâu đó những dấu hiệu còn lẩn khuất trong loạt bài trên!

Hát Sắc bùa từng đứng trước nguy cơ thất truyền vào những năm cuối thế kỷ XX, khi lớp nghệ nhân lớn tuổi lần lượt ra đi. Công tác sưu tầm nghiên cứu, bảo tồn tiến hành nhiều năm qua đến nay đã đem lại kết quả cho sự hồi sinh của hát Săc bùa. Trên những nẻo đường xa xôi, chúng ta vẫn còn cơ hội nghe được âm thanh đặc trưng của hát Sắc bùa gửi đến cuộc sống này bức thông điệp có từ ngàn xưa.

https://tieulun.hopto.org

LỄ HỘI SEN DÔLTA MỘT NÉT VĂN HÓA PHẬT GIÁO CỦA NGƯỜI KHMER

DANH HỮU LỢI

Hằng năm, cứ sau lễ nhập hạ hai tháng, hầu hết người Khmer ở Nam bộ tổ chức lễ báo hiếu ông bà tổ tiên và gọi là lễ Đôlta (lễ cúng ông bà). Lễ Sen

https://tieulun.hopto.org

Đôlta được tiến hành trong vòng 16 ngày kể từ ngày 16 đến ngày 30 tháng Bhaddapada (Phăt tăk bot, tương tương với tháng 8 ÂL). Từ ngày vào lễ, người Khmer ở các phum, sóc thường đem nếp, gạo, vật thực, trái cây,... đến dâng cúng chùa. Theo quan sát của chúng tôi, ở các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang,... không chỉ riêng người Khmer thực hiện các nghi lễ này mà còn có người người Kinh, người Hoa cùng nhau tổ chức đến chùa để cúng Phật và cầu siêu cho tổ tiên, phản ánh mối quan hệ giao lưu văn hóa mật thiết giữa ba cộng đồng này ở vùng đất Nam bộ. Buổi tối, Phật tử đến chùa thỉnh chư Tăng tụng kinh phúc chúc, cầu an và tập trung nghe thuyết pháp... để hồi hướng phước báu cho những người đã quá cố. Ngoài ra, theo phong tục truyền thống, Phật tử còn đi vòng quanh chánh điện ba vòng và để cơm, vật thực ấy vào trên mâm đã sắp sẵn. Công việc này chỉ thực hiện vào lúc trời còn tờ mờ sáng vì họ cho rằng nếu để tới sáng thì tất cả thân và miệng ma quỷ là thân bằng quyến thuộc của họ sẽ biến nhỏ đi bởi ánh sáng hoặc sự sợ hãi bởi sự thấy biết của con người. Đến ngày 30 tháng Bhaddapada là ngày cuối của mùa báo hiếu, hầu như tất cả người Khmer đều tập trung tại chùa, người bưng mâm cơm, người mang khay bánh kẹo, người đem hoa quả... để dâng đến chư Tăng và cung thỉnh chư Tăng tụng kinh hồi

https://tieulun.hopto.org

hướng. Sau đó, chương trình lễ hồi hướng Phchum Benh mới thật sự hoàn mãn.

Được biết, Phchum Benh là tên gọi của lễ Đôlta. Phchum Benh nghĩa là lễ tụ hội phước đức. Người Khmer xem lễ Đôlta là lễ lớn nhất trong các lễ hội truyền thống của cộng đồng. Về mặt tính chất, hầu như bất cứ lễ gì của người Khmer hướng đến mục tiêu tạo phước đức và để hồi hướng cho thân bằng quyến thuộc đã quá vãng, đồng thời cầu an cho thân bằng quyến thuộc còn hiện tiền. Truyền thống lễ Sen Đôlta của người Khmer đã có từ xa xưa và tiếp tục lưu truyền cho đến ngày nay. Tất nhiên, nó có trước khi đạo Phật truyền vào xã hội người Khmer. Nhưng đến khi đạo Phật ảnh hưởng đến văn hóa của họ thì truyền thống lễ hội Sen Đôlta vẫn được duy trì, phát triển theo con đường văn hóa dân gian và tích hợp với tục lệ thờ cúng tổ tiên ông bà, đồng thời bị chi phối bởi giáo lý đạo Phật đã nâng giá trị văn hóa - xã hội của lễ hội này với nhiều ý nghĩa tốt đẹp hơn.

https://tieulun.hopto.org

Nguồn gốc của lễ hội Sen Đôlta của người Khmer Nam bộ có môi quan hệ mật thiết với chu kì của nghề nông nghiệp lúa nước một vụ trong năm. Bắt đầu khoảng tháng 4 âm lịch là gieo hạt, đến tháng 8 âm lịch mới cấy mạ, tháng 10 âm lịch thì gặt lúa về nhà. Cho nên, đến tháng 8 âm lịch, mùa cấy đã sắp xong, đồng thời mùa này cũng là mùa mưa. Thời điểm này còn là thời gian rãnh rỗi, nên người Khmer thường chống xuồng, chèo ghe giữa miền sông nước Nam bộ đên thăm hỏi ông bà cha mẹ của họ đã già yếu. Thậm chí, có người phải đi xa mới tới được những nơi ở xa xôi của ông bà cha mẹ. Họ mang theo khô, gạo, trái cây, vật thực,... để vừa biếu

https://tieulun.hopto.org

cho ông bà cha mẹ vừa là thực phẩm mang ăn theo đường xa. Có người may mắn thì tìm gặp được ông bà cha mẹ của mình, còn người không may thì vĩnh viễn không gặp được các cụ vì do tuổi già sức yếu đã qua đời... Dần dần, những người cùng đi hẹn hò gặp nhau ở một chỗ nào đó để làm lễ nhớ ơn, hoặc cùng chia buôn với bạn bè đôi với những ai không gặp được ông bà cha mẹ. Sau này, khi có chùa thì họ hẹn nhau tụ hội về đây để tưởng nhớ ông bà tổ tiên của minh. Như vậy, đây trở thành một quy định tự nhiên trong cộng đồng rằng cùng tổ chức làm lễ Sen Đôlta từ ngày 16 đến ngày 30 tháng Bhaddapada. Mặt khác, tại sao họ lại kéo dài thời gian tổ chức lễ đến nửa tháng như vậy? Nguyên nhân là vì có người ở rất xa tận trong rừng sâu, vùng nông thôn hẻo lánh cùng với phương tiện đi lại khó khăn nên họ phải kéo dài thời gian tổ chức lễ để cho mọi người tề tựu về chùa thật đông đủ. Ngày nay, tùy theo điều kiện, có chùa tổ chức 15 ngày, có chùa tổ chức lễ hội Sen Đôlta 3 ngày hoặc 7 ngày, thậm chí có chùa chỉ tổ chức một ngày một đêm. Bên cạnh đó, lễ Đôlta truyền thống của người Khmer còn gắn với một truyền thuyết có nguồn gốc từ kinh Phật: Thuở xưa, ở một vương quốc nọ, tại hoàng cung đêm đêm người ta nghe tiếng gào khóc thê thảm, hòa lẫn tiếng kêu oan của ma quỷ. Nhà vua không chợp mắt được,

https://tieulun.hopto.org

cả triều đình lo lắng, tất cả vua quan đều buồn rầu vì không rõ nguyên nhân của tiếng kêu oan đó. Thuở ấy, đức Phật Thích Ca còn tại thế. Cũng nhân lúc đức Phật Thích Ca đến thuyết giảng, nhà vua hỏi: Vì sao trong hoàng cung mỗi đêm lại có tiếng kêu oan và than khóc như vậy? Đức Phật giải thích rằng: Đó là ma quỷ thuộc dòng tộc, thuộc những người liên hệ đến nhà vua khi còn ở trần gian nhiều đời nhiều kiếp trước, nay ở dưới âm phủ cực khổ thiếu ăn, thiếu mặc đến cầu khẩn xin ăn uống nơi nhà vua. Họ cũng có thể là vong hồn của kẻ cô đơn không người thân tộc họ hàng, không có con cái cúng cơm, các vong hồn ấy luôn bị đói rét. Muốn dứt được tiếng kêu oan đó, nhà vua phải cho người nấu cơm, vo thành nhiều nắm để xung quanh hoàng cung và mời các vong hồn đó đến ăn. Phải làm như vậy liên tục trong vòng 15 ngày. Tuy nhiên, ta không thể cho vật thực, đồ ăn trực tiếp được, mà phải dâng cúng vật thực đồ ăn đến các vị có giới đức rồi nhờ các vị có giới đức ấy tụng kinh hồi hướng thì các ma quỷ mới thọ hưởng được do phép hồi hướng đó. Nhà vua làm đúng như vậy, ma quỷ được hưởng đầy đủ vật thực nên đêm thứ nhất không có nghe tiếng rên khóc. Qua đêm thứ hai, nhà vua lại nghe tiếng rên khóc tiếp. Sáng sớm hôm sau, nhà vua đến chùa chỗ đức Phật ngự và bạch với đức Phật. Đức Phật dạy tiếp rằng: Đêm

https://tieulun.hopto.org

trước, ma quỷ được ăn no đầy đủ nên không rên la, đêm sau lại rên la tiếp là vì chỉ ăn uống đầy đủ mà chưa có đồ mặc nên bị rét lạnh. Nhà vua nghe xong thì cho người chuẩn bị y áo cùng vật thực làm lễ dâng cúng đến chư Tăng và nhờ chư Tăng hồi hướng tiếp. Nhà vua không còn nghe tiếng rên than của ma quỷ nữa. Từ đó, mỗi năm cứ đến thời điểm này là nhà vua lại cho thỉnh chư Tăng đến để làm lễ hồi hướng cho ma quỷ và những người đã quá cố[1].

Ngày nay, khi tổ chức lễ Đôlta, người Khmer chủ yếu làm theo truyền thống của đạo Phật, nhưng phần nào đã trở thành lễ Đôlta Khmer hóa, chứ không còn thuần túy như trong kinh nữa. Ban ngày, Phật tử đến chùa tổ chức dâng lễ vật cúng Phật và dâng cơm cho Sư trong vòng 15 ngày. Chiều tối, mọi người thường đến chùa nghe chư Tăng tụng kinh, thuyết pháp. Sau đó, ngày 30 ÂL của tháng, người ta đến chùa tổ chức cầu siêu cho vong hồn những người đã quá cố sớm được siêu thoát. Thông thường, lễ này gồm ba giai đoạn: Canh benh, Sen Đôlta và Chun Đôlta. Ba giai đoạn được tổ chức liên tiếp nhau cả trong chùa và riêng đối với từng gia đình:

Canh benh: Theo phong tục ngày xưa, các vị trong ban quản trị chùa (đứng đầu là Achar Vat[2]), trước ngày lễ thường đi vận động đồng bào Phật tử

https://tieulun.hopto.org

Khmer ở từng phum, sóc rồi phân công nhau theo từng nhóm góp gạo, thức ăn, rau quả… để đem lên chùa. Các ông già, bà lão cùng đi tới chùa tổ chức dâng cơm cho các vị sư và sau đó, vo cơm thành từng nắm để trên một bàn riêng và cúng cho vong hồn những người quá cố. Có nơi tổ chức dâng cơm đặt vào bình bát của các vị Sư. Việc vo cơm đó phải thực hiện liên tục trong suốt thời gian lễ nên gọi là canh benh. Canh benh chỉ tổ chức chủ yếu trong chùa, nó mang ý nghĩa là nhằm cúng vong hồn chung cho tất cả mọi người đã quá cố thể hiện ý nghĩa từ bi, lối sống nhân ái cộng đồng, chứ không chỉ riêng của từng gia đình và từng tộc người.

Sen Đôlta (cúng ông bà, những người trong thân tộc): là nghi thức được tổ chức riêng ở mỗi gia đình. Tùy theo mỗi gia đình mà quy mô của việc tổ chức không giống nhau. Thường trước ngày cúng, nhà nào cũng gói bánh, trái cây để làm lễ vật đi dâng cúng chùa và tiếp khách. Khi cúng, người ta khấn mời hết ông bà, cha mẹ nội ngoại hai bên đã quá vãng nhiều đời, nhiều kiếp và kể cả những người khuất mặt không quen biết cũng được nhắc mời đến ăn chung mâm cơm. Bởi lẽ, theo quan niệm của đồng bào Khmer, nếu không mời thì sợ rằng những vong hồn đơn độc, không có người thân dâng cúng, chắc chắn không dám đến dự chung. Bởi vậy, mới

https://tieulun.hopto.org

gọi lễ này là lễ Sen Đôlta.

Giai đoạn Chun[3] Đôlta: Vào những ngày cuối của lễ, bên cạnh việc đi chùa làm lễ, ở từng gia đình, người Khmer cũng tổ chức tiễn đưa ông bà, gọi là lễ Chun Đôlta. Ở những nơi có sông nước, sau khi tổ chức cúng trong nhà xong, họ làm một bẹ chuối nhỏ, trong đó có hình nộm băng giây hoặc băng bẹ chuôi tượng trưng cho hai người, một nam và một nữ ngồi trên đó (được xem là người hộ tống ông bà), rồi để thức ăn mọi thứ một ít, kể cả gạo, muối, tiền, bạc và cắm cây cờ bằng giấy trên mũi xuồng rồi thả xuống nước hoặc cũng có thể để ở một góc đường nào đó, gọi là tiễn đưa ông bà để kết thúc lễ.

Đặc biệt, ở Thành phố Hồ Chí Minh, hằng năm, lễ Đôlta được tổ chức trọng thể tại chùa Candaransi (Quận 3) và chùa Pôthivong (quận Tân Bình). Vừa mới 4 giờ sáng, hàng trăm Phật tử người Khmer, kể cả người Kinh, người Hoa mang nhang, đèn, trái cây, bánh ngọt... hội tụ về chùa làm lễ cúng ông bà. Khoảng 5 giờ sáng, tính từ ngày bắt đầu làm lễ Canh benh, các vị Sư tập trung lên chánh điện tụng kinh câu siêu cho những người quá cô đang gửi hài cốt trong chùa. Sau lễ tụng kinh, bà con Phật tử thắp nhang, đốt nến. Ngoài cơm vắt ra, còn có bánh ngọt, mía, chuối, nhãn, ... và một ít tiền để trong mâm. Trên mâm có cắm các lá cờ đỏ, tất cả các mâm được

https://tieulun.hopto.org

đặt xung quanh chánh điện và trước tháp cốt. Kèm theo đó là tiếng trống kết hợp với tiếng chiêng để gọi vong hồn đến ăn. Tất cả diễn ra trong không khí linh thiêng, người sống tưởng về người đã chết, họ đọc kinh cầu nguyện cho vong hồn thoát khỏi cảnh đòi khát và sớm được đầu thai vào một kiếp mới. Buổi tôi, phân đông người Khmer, có cả người Việt, cũng đến chùa lễ Phật, nghe chư Tăng tụng kinh và cúng dường cầu phước. Ngày thứ bảy và chủ nhật, tranh thủ thời điểm nghỉ cuối tuần, nhiều Phật tử đến chùa tổ chức trai Tăng, tức làm đám phước, để cầu nguyện tổ tiên họ được siêu thoát và bản thân nhận được nhiều phước báu hiện tiền. Những năm gần đây, ngày kết thúc lễ, chùa Candaransi tổ chức lễ bát hội với sự tham dự của hàng trăm chư Tăng từ nhiều ngôi chùa theo truyền thống Nam tông. Trên 1.000 Phật tử tụ họp để dâng lễ vật cúng dường cho chư Tăng tạo nên một khung cảnh trang nghiêm và mang ý nghĩa đạo đức, đó là tôn vinh lòng hiếu kính tổ tiên của con người Việt Nam. Lễ hội Sen Đôlta ở chùa Candaransi và chùa Pôthivong là một nét văn hóa độc đáo của tộc người Khmer ở thành phô này, góp phần tạo nên tính đa dạng văn hóa lễ hội, văn hóa Phật giáo của người dân nơi đây.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

o0o

Lễ hội Sen Đôlta có rất nhiều ý nghĩa là góp phần rất lớn trong việc hình thành nhân cách, đạo đức của người Khmer Nam bộ qua nhiều thế hệ, tiêu biểu nhất là lòng hiếu thảo với ông bà tổ tiên, gắn con người với gia đình và nguồn cội. Ngoài ra, điều này còn cho thấy đạo đức Phật giáo và đạo đức xã hội vốn có sự tương đồng và tương quan sâu sắc, đồng thời tạo ra nền tảng đạo đức xã hội, duy trì lối sống tốt đẹp của người Khmer ở các phum, sóc. Mặt khác, qua lễ hội này cho thấy nét văn hóa của người Khmer Nam bộ gắn liền với ngôi chùa, là cách để tôn vinh văn hóa Phật giáo trong tổng thể văn hóa của họ. Điều này còn giúp cho Phật giáo thấm sâu vào đời sống vật chất, tinh thần của người Khmer Nam bộ trong cuộc sống hiện tại, giúp họ vượt qua nhiều khó khăn, tạo niềm tin tưởng để vươn lên. Kết nối cộng đồng còn là một giá trị quan trọng của lễ hội Sel Đônta ngày nay. Hiện có nhiều thanh niên người Khmer đi làm ăn xa, nhất là ở Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều tỉnh, thành Đông Nam bộ. Vì thế, dịp lễ này, họ tranh thủ về quê để đến chùa cúng ông bà, tổ tiên và họp mặt gia đình. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhiều người Khmer đến chùa Candaransi và Pôthivông lễ Phật, nghe thuyết pháp và tổ chức trai tăng. Chính nhờ vào những lễ hội truyền thống,

https://tieulun.hopto.org

trong đó có lễ Sel Đôlta, là cơ hội kết dính họ với văn hóa truyền thống của tộc người, tránh đi sự xao lãng, phai nhạt bản sắc văn hóa tộc người Khmer.

Lễ hội Sel Đôlta của người Khmer Nam bộ là một nét văn hóa Phật giáo mang nhiều ý nghĩa tốt đẹp nên cần được bảo tồn và phát huy giá trị một cách hợp lý đê góp phân tô đẹp và tạo nên tính đa dạng của văn hóa Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh hội nhập với cộng đồng Phật giáo quốc tế.

---

1. Chuyện này, được ghi trong Kinh Chú Giải Ngạ Quỷ Sự hay Petakatha (Pết-tăc-ka-tha) và trong Tam Tạng Kinh (Quyển IV, trang 360).

2. AcharVat người hướng dẫn, dẫn kinh, trong ban nghi lễ chùa.

3. Chun là đưa, tiễn. Chun Đôlta đưa tiễn ông, bà.

https://tieulun.hopto.org

NIỀM XUÂN

NGUYÊN THỌ

Mai, đào, lan, cúc trang đài
Nở muôn nghìn cánh trao ai hương lành
Ba miền rộn rã yến oanh
Hân hoan đón Tết đan thanh tuyệt vời
Dang tay hít thở lượng trời
Bên em nhan sắc mộng ngời yêu thương.

https://tieulun.hopto.org

NGÀY XUÂN NGHĨ VỀ HẠNH HỶ XẢ CỦA BỒ TÁT DI LẶC

VIÊN THẮNG

Sau những ngày mưa to, bão lụt làm cho cây cối ngả nghiêng, từng cơn gió lạnh buốt giá tràn về của mùa đông cũng đã qua, trong cái gió se lạnh và cơn mưa phùn lất phất, cây cối bắt đầu xanh tươi trở lại căng đầy nhựa sống, báo hiệu một mùa xuân nữa lại về. Ngước nhìn tượng Bồ tát Di Lặc ngồi phơi ngực

https://tieulun.hopto.org

bày cái bụng to tướng, miệng cười toe toét, làm tôi chợt nhớ đến bốn câu thơ:

Đức Di Lặc ngồi trơ bụng đá
Mặc bụi trần bám đã rồi rơi
Dẫu cho trần thế đầy vơi
Dửng dưng như một nụ cười vô duyên.

Có thể nói Bồ tát Di Lặc là vị Bồ tát duy nhất được các tông phái Phật giáo như Tiểu thừa, Đại thừa và Mật tông đều tôn kính. Trong các kinh điển cổ ngữ tiếng Phạn, Pali, cũng như kinh điển Đại thừa chữ Hán và tiếng Tây Tạng đều có nói đến vị Phật tương lai này. Đặc biệt, theo truyền thống Phật giáo Việt Nam, Bồ tát Di Lặc có một vị trí khá quan trọng. Bởi vì, người Việt đã tôn thờ Bồ tát gần cả nghìn năm qua.

Trong các kinh điển chép lại, Bồ tát Di Lặc phát nguyện tu hạnh từ bi, hỷ xả đem đến sự an lạc giải thoát cho mọi người. Bởi vì ngài thấy các pháp do nhân duyên sanh khởi không thật, nên ngài không còn bị trói buộc vào ngã chấp[1] và pháp chấp[2]. Câu chuyện sau đây là một minh chứng hạnh tu buông xả của ngài.

Một hôm, Hòa thượng Bảo Phước gặp Hòa thượng Bố Đại[3] liền hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Hòa thượng Bố Đại thả cái bao lớn xuống đất,

https://tieulun.hopto.org

đứng thẳng khoanh tay. Hòa thượng Bảo Phước hỏi tiếp:

- Chỉ có như vậy, hay còn có việc hướng thượng?

Hòa thượng Bố Đại mang bao lên vai đi thẳng.

Đọc qua câu chuyện, chúng ta thấy rõ hạnh tu buông xả của ngài - thể hiện hành động là thả cái bao xuống đất. Vì thế, khi nào đó, chúng ta chiêm ngưỡng kỹ hình tượng ngài thể hiện qua ánh mắt từ bi và nụ cười an lạc. Ngài thường nở nụ cười như thế là biểu hiện tâm hồn từ bi, hỷ xả, luôn luôn hoan hỷ đem sự an lạc, yêu thương đến cho mọi người; nhìn miệng ngài cười làm cho chúng ta quên đi những lo lắng buồn rầu xảy ra trong cuộc sống hàng ngày; ngắm kỹ đôi mắt hoan hỷ của ngài như chưa hề biết đau khổ là gì, làm cho chúng ta quên đi bao oán giận ai đó gây cho mình đau khổ. Đặc biệt, ngài phanh cái bụng to đùng phơi trần ra cho cả tam thiên đại thiên thế giới cùng ngắm, như để dung chứa tất cả những thói hư tật xấu của chúng sanh mà ngài sẵn sàng bao dung, tha thứ cho họ. Vì thế, mọi người thường tán thán ngài:

"Miệng cười hoan hỉ thứ tha
Bao dung tất cả chan hòa thế nhân
Tay mang túi dạo hồng trần
Bụng to dung chứa vô ngần pháp tu".

https://tieulun.hopto.org

Hay:

Bụng to, má núng đồng tiền,
Vây quanh sáu trẻ ngửa nghiêng reo hò.

Còn hàng phàm phu chúng ta luôn bị trói buộc đau khổ triền miên vì chấp "cái tôi" và "của tôi". Những điều này chúng ta thấy nhan nhản trước mắt xảy ra cuộc sông hàng ngày là ai cũng muôn mình hơn người khác. Vì muốn mình tài giỏi, giàu sang, địa vị, danh vọng hơn mọi người nên họ ra sức tranh đua học tập và làm việc, không còn thời gian dành cho người thân. Thế nhưng có những người khi có đầy đủ tiền tài, danh vọng trong tay, vẫn chưa thỏa lòng, lại còn muốn quyền cao chức trọng hơn nữa nên lo chạy chức, chạy quyền. Điều này đức Phật dạy: "Lòng người như túi tham không đáy". Lại có người thấy người nào hơn mình thì tâm ganh tỵ nổi lên tìm cách bôi nhọ họ, có khi làm cho họ bị thân bại danh liệt. Có người vì chiếc ghế địa vị mà họ sẵn sàng dùng mọi thủ đoạn hạ gục đối phương để mình đạt đến mục đích. Vì họ tiến thân bằng tâm bất thiện nên địa vị cũng không giữ bền lâu:

Một dãy giang sơn cảnh đẹp thay
Cơ đồ người trước kẻ sau giành
Người sau cướp được khoan cười vội
Chẳng bấy lâu sau có gã tranh[4].

Còn về những vật sở hữu bên ngoài thuộc về

https://tieulun.hopto.org

"của tôi" thì ai cũng muốn mình hơn người khác, nên từ nhà cửa, vợ con, xe cộ v.v... Bất cứ việc gì mình cũng phải hơn mọi người. Vì họ có tâm tham vọng như vậy, nên khi con còn bé bắt đầu bước vào lớp một thì các bậc phụ huynh đều muốn cho con mình được học tập trong một ngôi trường tốt nhất, để sau này các bé lớn lên có sẵn kiến thức cơ bản để thi vào học các trường danh tiếng, khi con mình ra trường sẽ làm ông này bà nọ, làm rạng danh cho cha mẹ, ông bà, dòng họ tổ tiên, nên gần tới kỳ nhập học là họ chạy đua chọn trường chuyên, lớp chọn. Họ phờ phạc vận dụng triệt để các mối quan hệ, dốc cả "tình" lẫn "tiền" để đặt chỗ cho con. Họ không biết là vô hình trung gây cho con một tâm trạng áp lực học rất nặng nề...

Bởi vì chúng ta tham vọng quá nhiều, không chịu bằng lòng sống với hiện tại những gì mình đang có, là vì chấp "cái tôi" và "của tôi" quá lớn nên chúng ta bị trói buộc trong đau khổ triền miên. Chính vì thế đức Phật dạy: "Buông xả tất cả sẽ được tất cả".

Nhân dịp xuân về, những ngày đầu năm mới cũng là vía của Bồ tát Di Lặc, tôi ngồi suy ngẫm về hạnh nguyện của Bồ tát cũng là để sách tấn mình cố gắng tu tập thực hành theo một chút hạnh nguyện của ngài, là tập buông xả từ từ những pháp bất thiện

https://tieulun.hopto.org

trong tâm như tham, sân, si, mạn, nghi… cho đến vật chất bên ngoài để cảm nhận sự an lạc từ trong tâm mình. Tôi xin mượn bốn câu thơ của nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương để kết thúc bài viết:

Còn gặp nhau thì hãy cứ vui
Chuyện đời như nước chảy hoa trôi
Lợi danh như bóng mây chìm nôi
Chỉ có tình thương để lại đời[5].

---

1. Ngã chấp (còn gọi là nhân chấp): Vì hàng phàm phu không biết thân người là do năm uẩn giả hòa hợp, nên cố chấp năm uẩn trong thân có nhân ngã thường nhất và chủ tể.

2. Pháp chấp: Vì hàng phàm phu không rõ các pháp do nhân duyên sanh như huyễn, như hóa nên cố chấp pháp có thật tánh.

3. Hòa thượng Bố Đại là hóa thân của Bồ tát Di Lặc.

4. Hòa thượng Thích Từ Thông.

5. Bài thơ Còn Gặp Nhau.

https://tieulun.hopto.org

NỒNG NÀN SẮC HƯƠNG HOA SỨ

NGUYỄN ĐÌNH THỐNG

Nhà thơ Trần Ngọc Phụng ra đi vào đầu mùa hoa sứ. Dường như, đó là sự sắp đặt cuộc đời của anh:

Mai này thân gửi cỏ cây
Hương hoa sứ dẫn hồn bay về trời.

(Thành phố ngàn hoa sứ)

https://tieulun.hopto.org

Trong số những người tôi quen, hiếm thấy ai yêu Vũng Tàu một cách lạ lùng như nhà thơ Trần Ngọc Phụng. Anh đã đi suốt dặm dài đất nước, đến Vũng Tàu, anh thốt lên: ĐÂY RỒI. Và anh chọn nơi này làm bến đậu. Hồi ấy, Vũng Tàu còn là thị xã, phố nhỏ, nhà nhỏ, người thưa. Nhiều người dân đã vượt biên ra đi tìm cuộc sống mới nơi chân trời, góc bể. Rồi Vũng Tàu khởi sắc với những định hướng phát triển du lịch, dịch vụ dầu khí và hải sản, người theo nhau đến Vũng Tàu, tìm cơ hội làm giàu. Trần Ngọc Phụng đến Vũng Tàu để làm thơ. Những tập thơ của anh đều ra đời ở Vũng Tàu: *Chiều ca dao, Trốn tìm, Ru vầng trăng thức, Gió luồn kẽ tay*...

Với nhiều người, nét đẹp của Vũng Tàu ngưng đọng nơi Núi Lớn – Núi Nhỏ, bồng bềnh Bãi Trước – Bãi Sau – Bãi Dâu – Bãi Dứa hay bừng lên từ ngọn lửa trên những giếng dầu ngoài khơi. Nhưng với Trần Ngọc Phụng, Vũng Tàu thẳm sâu một nét đẹp riêng, như cõi mơ:

Tôi lạc trong ngàn hoa sứ
Vũng Tàu như thể thiên thai.
(Thành phố ngàn hoa sứ)

Đà Lạt từng được vinh danh là thành phố của muôn hoa, muôn sắc. Nhưng Trần Ngọc Phụng cảm

https://tieulun.hopto.org

nhận được một hương sắc riêng của thành phố Vũng Tàu nồng nàn sắc hương HOA SỨ, quanh co ven Núi Lớn – Núi Nhỏ – Bãi Trước – Bãi Sau – Bãi Dâu – Bãi Dứa, hoa sứ nở bốn mùa, đặc biệt là khi tiết thu sang, xuân đến:

Hong trong gió nắng mùa khô
Sứ càng đong đưa cất mật
Những ngón tay trần chân chất
Dâng hoa bảy sắc cho đời.

(Thành phố ngàn hoa sứ)

Hành trình thơ của Trần Ngọc Phụng như người rong chơi đi tìm cái đẹp, tìm tình yêu, để nâng niu, trân trọng, như là tài sản vô giá, của riêng mình:

Bước nương nhè nhẹ rong chơi
Em sợ đạp bông sứ rụng
Hoa tươi như còn lay động
Lìa cành chẳng sấp lòng đau
Thanh cao nắng gió nhiệm màu
Thơm mát đại dương lượng cả
Hoa sứ mang hồn xứ sở
Vũng Tàu riêng dành riêng ai?

https://tieulun.hopto.org

Với anh, cái đẹp và tình yêu chỉ dành riêng cho người biết cảm nhận và chia sẻ. Những năm tháng sống ở thành phố của ngàn hoa sứ, anh đã cảm nhận được nhiều. Gặp anh hồi sức giữa hai ca mổ, anh sảng khoái tâm tình: cuộc đời mình được nhiều hơn là mất. Sống thế là lời rồi.

Anh đã làm nhiều nghề: dạy học, quản lý văn hóa, giảng dạy văn chương, hành chính,... nhưng được nhất là làm thơ. Với anh, công việc, cuộc sống, đường đời cũng chỉ là trải nghiệm, để làm thơ:

Đường thẳng là đường ngắn nhất
Suốt bao năm ta chẳng thể nghi ngờ
Nhưng mỗi khi tôi đi thẳng vào sự thật
Thì lại không đến đích bao giờ
(Đường thẳng)

Anh là người thủy chung với Vũng Tàu. Sau này, còn nhiều dịp đi xa, thăm lại mọi miền đất nước, anh về cõi Phật, lên tận đỉnh Phù Vân (Yên Tử), *ngất ngây rừng trúc tiếng chuông chiều, gạn đục sắc lòng trần thế*, nhưng hồn thơ anh không nương cõi Phật mà đeo đẳng cõi trần:

https://tieulun.hopto.org

Lên cao chót vót Phù Vân
Giật mình: Điện thoại túi quần lại kêu
(Nỗi niềm Yên Tử)

Mỗi chuyến đi về, anh kể cho bạn bè nghe những phát hiện mới, những nét đẹp, thú vui trên mỗi nẻo đường, rồi kết luận: không đâu hơn Vũng Tàu. Anh yêu Vũng Tàu, một tình yêu nồng nàn sắc hương HOA SỨ.

Trước nhà, anh trồng một rặng sứ, như là tình yêu anh dành cho thành phố Vũng Tàu. Anh đã tạc cho Vũng Tàu một tượng đài về HOA SỨ: *Vũng Tàu như thể thiên thai/ thành phố của ngàn HOA SỨ.*

Tôi đã từng nói với KTS Nguyễn Trọng Huấn và các nhà kiến trúc khi phác thảo quy hoạch Vũng Tàu đừng quên phát hiện của Trần Ngọc Phụng về nét đẹp thơ mộng nhất: *Hoa sứ mang hồn xứ sở.../ Vũng Tàu như thể thiên thai/ Thành phố của ngàn HOA SỨ.*

Vũng Tàu, mùa hoa sứ.

https://tieulun.hopto.org

ĐIỀU MỚI LẠ

DIỆU ANH

https://tieulun.hopto.org

Có cái gì như một điều mới lạ
Vạn vật yên, tâm cũng bình yên
Nét vui buồn chỉ vài ba chấm phá
Đến hay đi là hai chữ tuỳ duyên

Không trăn trở, âu lo, phấp phỏng
Không giận hờn, yêu ghét, hơn thua
Sau khoảng lặng là vô vàn khoảng rỗng
Chiếc lá trên tay đủ sắc bốn mùa

Ngày ngắn lại đêm như không có
Mỗi bước đi thêm chút ngỡ ngàng
Sông không sóng và chiều im gió
Nơi cuối trời lặng lẽ nửa vầng trăng.

https://tieulun.hopto.org

MÙA XUÂN

HƯƠNG LIÊN

Ngày xuân vui Tết hỏi chào nhau
Xuân đến trăm hoa nở muôn màu
Giờ xuân chờ đợi giao thừa đến
Mai vàng hé nụ nhẹ vươn cao

https://tieulun.hopto.org

Nắng xuân dìu dịu trên hoa lá
Mây xuân lướt thướt ở trên cao
Gió xuân phe phẩy tà áo mới
Mưa xuân tô hồng tuổi hoa đào

Hương xuân bát ngát tình viễn xứ
Sông núi bao la, biển dạt dào
Chồi xuân đơm lộc màu xanh biếc
Hoa đồng cỏ nội cảnh tiêu dao...

Trời xuân ấm áp lòng nhân thế
Đất xuân sản xuất bậc anh hào
An khang xin chúc câu thịnh vượng
Mùa xuân Di Lặc đẹp vui nào!

Việt Nam truyền thống nét xuân hoa
Mỗi độ xuân lai nguyện thái hòa
Đất nước phồn vinh nhiều thắng lợi
Hồn xuân vang vọng khắp muôn nơi!

https://tieulun.hopto.org

GIÁ TRỊ GIÁO DỤC TỪ CHƠN LÝ "TÁNH THỦY"

LIÊN HIẾU

Thông thường, khi nói đến giáo dục, người ta thường đề cập đến học đường, đến giáo án, đến phương pháp truyền đạt, v.v. Giáo dục Phật giáo theo nghĩa rốt ráo không giới hạn nơi học đường hay sách vở mà tất cả mọi sự, mọi việc xảy ra trong cuộc sống hằng ngày đều là những bài học để chúng ta trải nghiệm lời chư Phật, chư Tổ dạy. Nói cách khác, khi nói đến giáo dục Phật giáo là nói đến con đường

https://tieulun.hopto.org

Tu và Học thông qua Giới, Định và Tuệ. Hòa thượng Bobhi trong bài viết "*Mục tiêu của giáo dục Phật giáo*" đã khẳng định: Giáo dục Phật giáo trên bình diện rốt ráo đã áp dụng đúng nguyên nghĩa của từ "giáo dục", vì "giáo dục" nghĩa đen là "sinh ra" hay là "mang đến"; ngụ ý rằng nhiệm vụ thật sự của nền giáo dục là khơi dậy trong tâm người học tiềm năng bẩm sinh cho sự hiểu biết và nhận thức thấu đáo vấn đề[1]. Nếu nhìn từ góc độ này, những lời dạy Tổ sư Minh Đăng Quang trình bày trong *Chơn lý Tánh Thủy* nói riêng và trọn bộ *Chơn Lý* nói chung chính là con đường giáo dục Phật giáo với những giá trị sống thực tế. Tổ sư với phương châm "Nối truyền Thích Ca Chánh Pháp" đã thắp sáng lên ngọn đuốc tuệ mà Đức Thế tôn đã khơi nguồn hơn 2.600 năm, Ngài đã mở ra một chân trời mới thông qua những ảnh dụ về Nước rất gần gũi và rất thực tế trong cuộc sống hằng ngày.

1. Tính thanh lọc của nước và bản tâm thanh tịnh

Hình ảnh dòng nước có ảnh hưởng khá lớn trong quá trình thành tựu đạo quả của Tổ sư Minh Đăng Quang. Đầu tiên, tại đầu gành bãi biển Mũi Nai, Hà Tiên, nhìn cảnh biển trời bao la, sóng biển vào ra, bọt nước tụ tán, Tổ sư đã ngộ lý vô thường, đầy vơi, còn mất, có không... của cuộc đời. Sau đó,

https://tieulun.hopto.org

trong bộ *Chơn Lý*, Tổ sư đã dành trọn một quyển (Chơn lý Tánh Thủy) để nói về đặc tính của nước, Tổ sư đã cụ thể hóa hoạt tính của nước qua những ví dụ thực tế và liên hệ đến phẩm chất tu tập của một vị xuất gia. Tổ sư giải thích: "Người ta giặt rửa cái dơ vào trong nước, thì với sự yên lặng, cái dơ lóng xuống đáy, hay cùng có sóng gió là cái dơ ây bị tạt phải lên bờ. Sự điềm tĩnh của người tu cũng y như vậy, hạ bỏ tất cả phiền não xuống tận đáy lòng, cùng khi nói làm xô dẹp qua một bên, mà tánh người tu vốn thường trong sạch và yên lặng. Nước dơ thì nó tự rửa lấy nó bằng sự yên lặng chớ chẳng nhờ ai"[2]. Một lần nữa, để nhấn mạnh tính thanh lọc cố nhiên của nước, Tổ sư nói: "Những khi bão tố, nước đục dâng lên, tràn vào ao nước trong cao ráo, khi đến đó rồi là ở yên đó và lần hồi phải tự lóng trong, theo như chất nước ao trong"[3].

Cả hai lời dạy trên, Tổ sư đều đề cập đến tính chất thanh lọc của nước, nước bị đục là do vấy bùn, khi bùn lóng xuống thì nước tự nhiên trong. Tâm thanh tịnh lặng yên được Tổ sư ví như nước trong, và các phiên não chính là những bùn dơ, cáu bân. Nước có khả năng tự thanh lọc vì bản chất của nó vốn là trong sạch, chỉ vì bị những cái dơ bên ngoài khuấy động nên nước bị đục, nếu để yên bùn dơ và cáu bẩn lóng xuống thì nước sẽ trở lại sạch trong mà

https://tieulun.hopto.org

không cần phải nhờ ai giúp sức. Babu trong quyển *"Cuộc sống - một điều bí ẩn"* kể lại câu chuyện liên quan đến tính thanh lọc của nước. Ngày nọ, Đức Phật cùng các vị đệ tử trên đường du hóa, khi đi qua một hồ nước, Đức Phật và các vị đệ tử dừng lại nghỉ chân, khi ấy Đức Phật nói với một trong các đệ tử: "Ta thấy khát rồi, con hãy lấy một ít nước từ hồ lên cho ta uống". Vị đệ tử đi đến hồ nước nhưng chẳng may có một chiếc xe bò vừa mới đi ngang nên nước trong hồ bị vấy bùn rất đục. Vị đệ tử nghĩ thầm: "Làm sao ta có thể đưa chỗ nước có bùn này cho Ngài uống được". Vì vậy, vị ấy trở lại chỗ Đức Phật và thưa: "Kính bạch Thế tôn, nước trong hồ đó rất đục, con không nghĩ là Ngài có thể uống được". Nửa tiếng sau, Đức Phật lại nói vị đệ tử ấy hãy quay lại hồ lấy ít nước cho Ngài uống. Lần này cũng vậy, nước vẫn đục nên vị đệ tử quay trở lại và nói với Đức Phật giống như trước. Lần thứ ba, Đức Phật lại bảo vị ấy đi lấy nước, lần này nước hoàn toàn trong sạch vì bùn đã lắng xuống, vị ấy lấy một ít nước vào bình và mang đến dâng Đức Phật. Nhìn bình nước sạch trên tay vị đệ tử, Đức Phật dạy: Nước bị vẫn đục là do bùn, nếu để yên cho bùn lóng xuống thì nước sẽ tự nhiên trong mà không cần phải dụng công, không cần phải nỗ lực. Bản chất của tâm cũng vậy, luôn thanh tịnh và trong sáng. Do đó, khi

https://tieulun.hopto.org

tâm phiền muộn, lo lắng hay bất an, đừng cố gắng, đừng nỗ lực loại bỏ các phiền não mà hãy học cách nhìn và quan sát, và cần có thời gian các phiền não sẽ tự lắng dịu và ổn định, như nước đục lóng bùn sẽ tự trong[4].

Trong cuộc sống hằng ngày, khi đối duyên tiếp cảnh tâm chúng ta thường phản ứng, thường chạy theo những cái thích ý vừa lòng và loại trừ những cái mình không ưa, không thích. Trong tu tập thì mong loại bỏ các phiền não, cố gắng hết sức để loại bỏ nó, và mong đạt được trạng thái tâm an tịnh. Thái độ tu tập này không đúng với lời dạy của chư Phật, chư Tổ. Trong Chơn lý Tánh Thủy, Tổ sư ví phiền não như bùn, tâm an tịnh ví như nước trong. Muốn có nước trong chúng ta không thể bỏ nước đục ấy, cũng không thể vớt bùn ra khỏi nước, cái có thể làm là biết nước bị đục vì bùn nên cứ để cho nước lặng yên, tự nó sẽ trong. Đối với phiền não cũng vậy, cố gắng muốn dẹp bỏ phiền não đồng nghĩa với sân, mong đạt được trạng thái yên tịnh đồng nghĩa với tham, vì tu không phải là đạt được mà là thấy ra được thực tánh của các pháp. Tại đây, nêu không khéo chúng ta sẽ đối diện với cái tham và sân mà không thấy được thực tánh pháp trong hiện tại, và như vậy chúng ta sẽ không bao giờ có được "hồ nước trong".

https://tieulun.hopto.org

2. Đặc tính kết dính của nước và sự hòa hợp dung thông

Trong nhiều bài kinh, Đức Phật giải thích nước là một trong bốn đại (đất, nước, lửa, gió) hay là bốn yếu tố chính yếu tạo nên cơ thể vật lý của một chúng sanh. Theo Vi Diệu Pháp, đặc tính của nước là sự kết dính và chính nhờ đặc tính này mà mọi vật được kết giữ lại với nhau thành một khối gọi là cơ thể, là nhà, là bàn, ghế, v.v. Trong thực tế, chúng ta không thể dùng tay chạm vào đặc tính của nước mà chỉ có thể biết được đặc tính này thông qua suy luận từ sự kết dính của các vật chất xung quanh[5]. Tính kết dính của nước hiện hữu trong tất cả các vật chất từ lớn cho đến cực nhỏ, và điều đặc biệt là trong đất, trong lửa và trong gió đều có đặt tính của nước. Cả bốn yếu tố vật chất này hỗ tương với nhau để tồn tại và phát triển. Thế nên, Tổ sư viết: "Nước là một chất lỏng chan hòa với tất cả các chất, cũng như sự không xan tham, chan sớt sống chung cùng với chúng sanh", và "nước không có hột phân tách, cũng như lòng sống chung từ bi bác ái, đại đồng, bình đẳng của nhà đạo đức, không chia rẽ phân biệt, ích kỷ riêng tư"[6].

Điều đáng ghi nhận nơi đây là vào thập niên 1940-1950, Kinh - Luật - Luận của cả hai trường phái Nam truyền và Bắc truyền phần nhiều còn

https://tieulun.hopto.org

nguyên chữ Pāli và Hán, vả lại thời gian học đạo và hành đạo của Tổ sư cũng không dài lắm, thế mà Tổ sư đã hệ thống và trình bày một số phạm trù giáo lý căn bản liên hệ đến Vi Diệu Pháp bằng những ngôn từ rất giản dị, rất dễ hiểu để giới thiệu đến mọi tầng lớp quần chúng một cách hết sức khoa học. Từ tính chất kết dính, chan hòa của nước, Tổ sư liên hệ đến tâm từ bi bác ái, đại đồng, bình đẳng của nhà đạo đức; và các mối quan hệ trong cuộc sống, quan hệ giữa người với người, giữa quốc gia này với quốc gia khác, Ngài dạy: "Tuy nước ao này, ao kia cách khoảng, nhưng nó cũng có hang mạch thông đồng; cũng như xứ đạo đức bên này, nước quân tử bên kia, tuy xa cách nhưng lý trí điên lành lúc nào cũng dung hợp làm một, mà không ai ngăn cản được"[7].

Có thể nói một trong những đặc tính làm nên sức mạnh của nước chính là tính kết dính không phân rã và khả năng dung nạp rất lớn của nó; sự gắn kết như một động lực để chan hòa và cộng hưởng. Tổ sư giải thích: "Nước bao giờ cũng thấm nhuần trong đất làm cho đất dính liền không đến nỗi phải khô khan ra bụi. Cũng như giáo lý thánh hiền lúc nào cũng từ bi thương xót kẻ lợi danh ác quấy, ban bố dạy khuyên. Cảm hóa lần lần, chớ không nỡ để cho họ chia rẽ tương tàn sát hại lẫn nhau"[8]. Nếu con đường giáo dục Phật giáo đặt nền tảng trên sự cộng

https://tieulun.hopto.org

hưởng và thẩm thấu như đặc tính của nước mà Tổ sư Minh Đăng Quang đã trình bày trong *Chơn lý Tánh Thủy* thì sẽ xóa bỏ được vách ngăn giữa các dòng tư tưởng, tông môn, hệ phái theo đúng tinh thần hòa hợp cộng trụ của Phật giáo.

3. Tính thích nghi của nước và sự tùy duyên thuận pháp

Một điều rất dễ thấy ở nước là tính thích nghi, dù tồn tại ở bất cứ môi trường nào nước luôn tương thích với vật chứa dù cho vật chứa đó là tự nhiên hay do nhân tạo, như chai nước, chén nước, thùng nước, lu nước, vòi nước, hồ nước, vũng nước, ao nước, v.v. Đây không phải là cách ứng xử ba phải, mà là khả năng thích ứng vô hạn của nước, và chính điều này đã làm nên sức mạnh vô song của nước. Dựa vào đặc tính này, Tổ sư liên hệ đến cách ứng xử tùy duyên thuận pháp, vô ngã vị tha của người đạt ngộ. Tổ sư nói: "Nước tuy dẻo dai mềm yếu nho nhã nhu hòa chan sớt theo hình lớn nhỏ, mà lại bền bỉ mạnh cứng to lớn... Tuy mềm yếu lỏng nhẹ trôi chảy chiều chuộng như sợ sệt, ai muốn sao theo vậy, cũng như không ta, không tự chủ, không nhứt định, là cái sống của chúng sanh, sống theo nhân duyên, mà như thế mới là một sức mạnh, to lớn, ích lợi bền dài sống mãi"[9].

Nước nói riêng và mọi sự vật trên thế gian này

https://tieulun.hopto.org

nói chung luôn luôn biến đổi theo nguyên lý tự nhiên của nó hoặc theo tiến trình nhân quả sanh diệt. Như nước sông, nước biển nóng thì bốc hơi bay lên không trung thành mây, mây gặp điều kiện lạnh ngưng tụ lại và tạo thành mưa, mưa rơi trở lại sông ngòi, biển cả. Đây là sự tương giao hòa quyện của nước cũng như của mọi sự vật trên thê gian, nêu biêt được nguyên lý này chúng ta sẽ dễ dàng sống thuận theo sự vận hành của pháp chứ không sống theo ý tư riêng của mình. Ai sống thuận theo pháp thì an vui, thuận theo ý riêng hay thuận theo bản ngã sẽ mãi khổ đau, phiền lụy. Thế nên, Tổ sư khẳng định "ai muốn sao theo vậy, cũng như không ta (không có tự ngã), và đó chính là cái sống của chúng sanh, sống theo nhân duyên, mà như thế mới là một sức mạnh, to lớn, ích lợi bền dài sống mãi".

Lời dạy của Tổ sư về cách sống thuận theo nhân duyên, sống không chấp trước vào hình thức bên ngoài, có thể xem là đồng tư tưởng với câu nói cốt lõi trong kinh Kim Cang "Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm" (nên không có chỗ trụ mà sanh tâm). Sống theo sự vận hành của pháp, sông theo sự việc xảy ra trong hiện tại mà không bám víu vào bất cứ một hình thái nào, vì không bám víu là tự tại giải thoát; bám vúi là ao tù và là tự cô lập mình. Có thể nói "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" hay "Sống theo nhân duyên" là

https://tieulun.hopto.org

chìa khóa để mở cánh cửa tâm an tịnh, giúp chúng ta sống trong trần mà không bị trần lôi kéo, vẫn thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị, thân xúc chạm nhưng tâm vẫn không đắm nhiễm, vẫn an nhiên tự tại; và cũng chính nhờ cách sống này mà chúng ta có thể giữ tâm thăng bằng giữa những thăng trầm của cuộc sống. Giống như nước, một mặt có thể uôn cong theo mọi ngõ ngách, uyển chuyển theo địa hình, nhưng mặt khác bao giờ cũng vươn tới thế cân bằng. Nói cách khác, cân bằng là thế tồn tại ổn định của nước. Dựa vào đặc điểm này, Tổ sư đã đưa ra cách hành xử tuyệt vời giúp người hành pháp có thể sống thong dong tự tại giữa đời thường. Ngày nọ, Đức Phật đang ngự tại Tịnh xá Kỳ Viên, khi đêm gần mãn có một vị chư thiên đến bạch Đức Phật về phúc lành cao thượng, Đức Phật dạy: "Khi xúc chạm việc đời, tâm không động không sầu, tự tại và vô nhiễm, là phúc lành cao thượng"[10].

Đường đời muôn vạn nẻo, các pháp sanh khởi cũng muôn ngàn sai biệt, nếu chúng ta cứ áp dụng một bài học duy nhất hoặc cứ rập khuôn theo quan điểm của riêng mình, muốn sự việc hay muốn những người xung quanh mình phải như thế này hay phải như thế kia... thì chúng ta sẽ không bao giờ thấy được thực tánh của các pháp. Thế nên, phải biết tuỳ duyên, nói theo lời Tổ sư "là sống theo nhân duyên",

https://tieulun.hopto.org

phải biết thích nghi như nước "ở bầu thì tròn, ở ống thì dài", có như vậy chúng ta mới có thể trải nghiệm được những vui buồn trong cuộc sống và có thể vượt qua chính mình.

4. Khả năng dung chứa của nước và thái độ sống chấp nhận

Mở đâu *Chơn lý Tánh Thủy*, Tô Sư giải thích nghĩa của từ "quân tử" và sau đó Tổ Sư so sánh tâm của người quân tử giống như nước, nên gọi là "Tâm thủy, trôi bay khắp cùng thiên hạ, do đó mà được chỗ hơn người"[11]. Tổ sư dạy tiếp: "Người quân tử thắng được cái ý của mình, thắng được cái thô lỗ, cộc cằn, thắng được cái tự đắc, tự cao, kiêu hãnh, ngã mạn chấp ta, nên gọi là cái thắng hay, ít ai làm được mới là quý"[12]. Mỗi người sanh ra đều mang những đặc tính gần giống nhau, tuy nhiên trong quá trình tồn tại và phát triển mỗi người lại tự trang bị cho mình một thái độ sống khác nhau, và chính điều này đã tạo nên sự khác biệt lớn trong xã hội, nên có người được gọi là quân tử và có người bị nói là tiểu nhân... Nắm rõ nguyên lý này, Tổ sư giải thích rõ ràng những hoạt tính của nước, qua đó Tổ sư liên hệ đến cách sống, cách cư xử cần phải có của một người đệ tử Phật, Ngài dạy: "Nước bao giờ cũng mát, dầu có bị đốt nấu đi nữa, thì sau đó nó cũng mát trở lại tánh cũ. Cũng như người quân tử không bao

https://tieulun.hopto.org

giờ sân giận, dầu phải bị ai gây gổ khêu chọc"[13]; và cũng "không ai chém giết đánh đập được nước, dầu sau cơn bị động rồi thì nước vẫn trở lại bằng phẳng như nhiên, như không có chi hề hấn. Người quân tử cũng vậy, chẳng bất bình ai cả, chẳng chi làm tổn hại xao xuyến tâm người".

Trong Kinh Đại giáo giới La-hầu-la[14], Đức Phật dạy La-hâu-la hãy học cách ứng xử như nước, dù cho người ta có đổ vào nước những thứ sạch sẽ, thơm tho... hay giặt, rửa trong nước những thứ bất tịnh, hôi hám..., thì nước cũng không vì thế mà đầy vơi hay dậy sóng. Vì sao? Vì nước có dung tích rộng lớn, có khả năng lưu chuyển, có thể tiếp nhận và chuyển hóa tất cả những gì đã tiếp nhận. Chính vì thế nên Tổ sư dạy nước bao giờ cũng mát và có khả năng dung chứa tất cả, nếu tâm ai rộng lớn bao la, khoan dung độ lượng như nước, thì cũng có thể tiếp nhận và chuyển hoá tất cả mọi bất công, oan ức... và những thứ ấy sẽ không thể làm cho người ấy đau khổ hay phiền lụy được.

Có thể nói một trong những nguyên nhân chính làm cho cuộc sống của con người vốn đã khổ lại càng khổ thêm đó là thái độ không chấp nhận hay là dễ dàng phản ứng với những việc trái ý. Thông thường, khi những việc vừa ý, vừa lòng xảy ra thì hầu như ai cũng dễ dàng chấp nhận; nhưng khi đối

https://tieulun.hopto.org

diện với những việc trái ý nghịch lòng thì không dễ gì chấp nhận được, thế nên người ta thường có những thái độ phản ứng theo chiều hướng tiêu cực như bực mình, sân giận..., và khi phản ứng tức là bản ngã sanh khởi, có bản ngã thì có khổ đau. Trong giai thoại Thiền kể lại câu chuyện Thiền sư Bạch Ẩn, bị người ta vu oan và bồng đứa bé đến giao cho Ngài. Dù là việc không có nhưng Thiền sư không tranh cãi, không phản ứng mà chỉ đáp vỏn vẹn hai tiếng "Thế à". Rồi sau đó, đương sự cảm thấy lòng ray rứt nên đến xin lỗi Thiền sư và bồng đứa trẻ về, giao đứa trẻ cho người, Ngài cũng chỉ thốt lên hai tiếng "Thế à". Chuyện tốt hay xấu, khen hay chê, được người tán thán hay bị mất danh dự, đối với Thiền sư Bạch Ẩn chỉ là sự vận hành của pháp, nên Thiền sư đã chấp nhận để sống thuận theo pháp, sống thuận theo "Tâm thủy" của người quân tử.

William James - nhà triết học, tâm lý học lừng danh người Mỹ cũng đã phát hiện ra rằng con người có thể thay đổi cuộc đời bằng cách điều chỉnh thái độ sống của mình. Mac Anderson trong quyển *"Điều kỳ diệu của thái độ sống"*[15] cũng đồng quan điểm trên, ông cho rằng thái độ sống là yếu tố vô cùng quan trọng đối với cuộc sống và công việc của mỗi người, bởi lẽ thái độ sống không chỉ ảnh hưởng đến hạnh phúc hay sự thành tựu của riêng

https://tieulun.hopto.org

mình, mà còn tác động đến người thân, đến bạn bè, đến những người cộng sự, những đồng nghiệp, và những người quanh mình. Thế nên, trong cuộc sống hằng ngày cho dù chúng ta sống với thái độ như thế nào khi tiếp xúc với ngoại cảnh, thì chúng ta vẫn có thể lựa chọn và hoàn toàn làm chủ thái độ sống của mình. Chúng ta không thể thay đổi quá khứ, không thể thay đổi người khác, cũng không thể làm thay đổi được những sự việc đã xảy ra hay sẽ xảy ra. Điều duy nhất chúng ta có thể làm được đó chính là thay đổi thái độ sống của mình.

Lời kết

Có thể nói bao trùm toàn bộ *Chơn lý Tánh Thủy* là con đường giáo dục tâm, là bài học giữ tâm ý trong sạch và cao thượng mà Tổ sư Minh Đăng Quang muốn gửi đến những người học đạo; phải luôn trau dồi tâm thủy, tánh thủy, học tập đạo thủy để mà tu tâm và hành đạo vì "nước là đạo, là pháp, nước là thiện, là lành... Nước là quân tử, là Phật, mà các bậc đại hiền muốn cho tất cả đều tu và chỉ đạo cho ngó thấy, lấy nước mà so sánh dễ hiểu, mong cho cõi đời trở nên xứ Phật, xứ đạo đức, xứ hiền lương, chớ nào có bảo việc hơn thua tranh lợi"[16]. Các pháp thế gian luôn xoay vần biến đổi được mất hơn thua..., và chính nhờ những thăng trầm này mà đời sống của mỗi người được tồn tại, nếu nghiêng về

https://tieulun.hopto.org

một phía sẽ bị đổ vỡ. Điều này đã được Tổ sư chỉ rõ với sự liên hệ đến đặc tánh của bốn đại trong phần kết luận *Chơn lý Tánh Thủy*, Ngài nói: "Sự nóng, lạnh, mát, nguội phải dung hòa, đừng cái nào nhiều ít mà mang khổ. Hay cũng như là ở đời phải có lỏng, có đặc, có hơi, có nóng, đều đủ mới không tai nạn. Nên nhớ rằng: Thái quá bất cập, nêu thiêu một pháp thì ba pháp kia cũng khó đặng bình yên đứng vững"[17].

Chú thích:

1. Bhikkhu Bodhi, Aims of Buddhist Education (Sri Lanka: BPS, 1997), Newsletter Essay No. 35.

2. Tổ Sư Minh Đăng Quang, Chơn Lý, tập 1 (Hà Nội: Nxb Tôn giáo, 2009), tr. 436-437

3. Sđd, tr. 439.

4. Babu, Life- A Mystery (New Delhi: Education Publishing, 2011), tr. 126

Kinh Đại Bát Niết-bàn (HT. Thích Minh Châu dịch, Trường Bộ Kinh, Viện Nghiên Cứu PHVN, 1991, tr. 134-135) có nói đến việc Đức Phật dạy Tôn giả A-nan đi lấy nước cho Ngài uống, Tôn giả A-nan cũng đi lấy đến lần thứ ba mới có nước trong cho Phật uống, nhưng bài kinh này không đề cập đến lời Phật dạy sau khi có nước trong.

https://tieulun.hopto.org

5. Bhikkhu Bodhi, A Comprehensive Manual of Abhidhamma (Sri Lanka: BPS, 1993), tr. 238.

6. Tổ sư Minh Đăng Quang, Chơn lý, tập 1 (Hà Nội: Nxb Tôn giáo, 2009), tr. 430, 431

7. Sđd, tr. 432.

8. Sđd.

9. Sđd, tr. 433-434.

10. HT. Viên Minh, Sách học Kinh Tụng Pali (Chùa Huyền Không ấn hành), tr. 52.

11. Tổ sư Minh Đăng Quang, Chơn Lý, tập 1 (Hà Nội: Nxb Tôn giáo, 2009), tr. 429.

12. Sđd, tr. 434.

13. Sđd, tr. 430-431.

14. HT. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ Kinh (Viện Nghiên Ccứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1992), tr. 129.

15. Mac Anderson, Điều kỳ diệu của thái độ sống (Nxb TP. Hồ Chí Minh, 2013), tr. 6.

16. Tổ sư Minh Đăng Quang, Chơn Lý, tập 1 (Hà Nội: Nxb Tôn giáo, 2009), tr. 436

17. Sđd, tr. 447.

https://tieulun.hopto.org

CHÙA BỬU LONG

HỮU CHÍ

Chánh điện chùa Bửu Long.Ở một hướng đi bên phải chánh điện là Bảo tháp Gotama Cetiya.

Trong số 1.121 ngôi chùa tại TPHCM, có 17 ngôi chùa Nam tông Kinh và 2 ngôi chùa Nam tông Khmer theo như thống kê của Thành hội Phật giáo TP.HCM.

Chùa Bửu Long tôn thờ Hòa thượng Hộ Tông là vị khai sáng Phật giáo Nam tông, vị Tăng thống đầu

https://tieulun.hopto.org

tiên của Giáo hội Phật giáo Tăng già Nguyên thủy Việt Nam.

Chùa Bửu Long được xem là ngôi tổ đình của Phật giáo Nam tông Việt Nam và được đánh giá là ngôi chùa tiêu biểu của hệ phái Nam Tông[1]

Tổ đình Bửu Long, tọa lạc trên một ngọn đồi phía Nam thuộc Công viên Lịch sử và Văn hóa Dân tộc, số 81, đường Nguyễn Xiển, tổ I, ấp Thái Bình I, phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên khu đất này, khoảng 14 ha, do cư sĩ Võ Hà Thuật mua lại và khai khẩn thêm từ năm 1942 để làm tịnh thất hành thiền dưới sự hướng dẫn của Thiền sư Hộ Tông, vị tổ khai sơn Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam.

Để tiện việc tham vấn, cư sĩ Võ Hà Thuật xây dựng một thiền thất trên một vị trí cao ráo để thỉnh Thiền sư Hộ Tông về dạy thiền, giảng đạo. Từ đó, nơi đây trở thành một đạo tràng hành thiền chỉ quán rất nghiêm mật cho những ai ưa thích pháp hành giải thoát. Năm 1958, khi Giáo hội Tăng Già Nguyên thủy Việt Nam đã được chính thức thành lập, Thiền sư Hộ Tông được chư tăng tôn thỉnh đảm nhiệm chức vụ Tăng Thống Ban Chưởng quản Giáo hội Tăng Già Nguyên thủy Việt Nam.

Năm 1965, cư sĩ Võ Hà Thuật chính thức được

https://tieulun.hopto.org

Thiền sư Hộ Tông truyền thọ đại giới, pháp danh là Lão Tâm, và được Hòa thượng Viện chủ giao cho quản lý thiền viện. Năm 1969, Đại đức Lão Tâm tịch, Hòa thượng giao lại cho Đại đức Ngự Tâm trụ trì. Năm 1976 Đại Đức Ngự Tâm qua đời, Đại Đức Tăng Huệ thay thế. Năm 1981, Hòa thượng Viện chủ viên tịch sau khi đã di chúc lại cho Thượng tọa Viên Minh thay thế Ngài điều hành Phật sự tại Thiền viện Bửu Long. Năm 1982, Thượng tọa Viên Minh được Giáo hội Tăng Già Nguyên thủy Việt Nam bổ nhiệm về thừa kế chức vụ Viện Chủ Thiền viện Bửu Long. Lúc bấy giờ, vì Thượng tọa Viên Minh đang giữ chức vụ Tổng Thư ký Giáo hội Tăng Già Nguyên thủy Việt Nam kiêm Phó Trụ trì chùa Kỳ Viên, trụ sở Giáo hội, chưa thể về nhậm chức được nên đã cử Đại Đức Bửu đức thay thế. Đến năm 1992, Đại đức Bửu Đức đi du học nước ngoài, Thượng tọa Viên Minh mới chính thức về đảm nhiệm chức vụ mà Tổ giao phó.

Thiền viện Bửu Long ngày nay được xem như là tổ đình của Phật giáo Nam tông Việt Nam. Tổ đình ở đây không có nghĩa là ngôi chùa đầu tiên của Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam, mà là địa điểm cư ngụ và tôn thờ vị khai sáng Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam, nơi mà Tổ đã tịnh cư gần 30 năm để hành đạo và hoằng dương độ chúng, và cũng là nơi mà

https://tieulun.hopto.org

Ngài đã an nhiên thị tịch. Hiện nay, tháp thờ Xá Lợi của Tổ tọa lạc ngay sau Bồ Đề Phật Cảnh, nơi mà hàng năm vào ngày 26 tháng 7 Âm lịch, chư Tăng, Tu nữ và Phật tử Nam tông trong cả nước quy tụ về để hành hương chiêm bái và làm lễ tưởng niệm đến vị Tổ khai sơn Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam.

Bảo tháp tôn thờ Xá lợi Phật Gotama và chư vị Thánh Tăng

Kiến trúc chùa theo văn hóa Phật giáo cổ đại và liên tục được trùng tu tôn tạo. Hiện nay, tổ đình Bửu Long gồm có chánh điện, tăng xá, trai đường, tăng

https://tieulun.hopto.org

khách đường, tổ đường, thiền thất của chư tăng, ni viện, ni xá và am thất của nữ tu, tịnh nhân. Chánh điện ngày nay được trùng tu từ di tích cũ nơi tổ sư và Đại đức Lão Tâm để lại, chủ yếu là tôn tạo cho khang trang và tiện nghi hơn nhưng vẫn giữ lại hình dáng như cũ, chỉ thêm phần tiền đường. Ngoài ra còn có một động khô hạnh tưởng niệm 6 năm Bồ tát tu khổ hạnh và một Bồ Đề Phật Cảnh tưởng niệm ngày Đức Phật thành đạo, một tượng Phật nằm tạc từ đá granite dài 8m, nặng trên 50 tấn. Đặc biệt, chùa Bửu Long có bảo tháp Gotama Cetiya do Hòa thượng Viên Minh, cùng với các hàng Phật tử gần xa trong nước và ngoài nước, đồng tâm hiệp lực thực hiện theo ý nguyện xưa của Sư tổ để tôn thờ xá lợi Đức Phật Gotama và Chư Thánh Arahán. Bảo tháp được khởi công xây dựng đầu tháng 8 năm 2007, hoàn thành tháng 10/2011 và khánh thành năm 2013. Bảo tháp có 7 tầng, tổng diện tích trên 7.000 m^2, tháp chính cao 57 m (80 m so với mặt biển), là một kiến trúc vừa hoành tráng hiện đại vừa biểu hiện nét cổ kính của nền văn minh Suvannabhumi cổ đại trong vùng Đông Nam Á.

Bảo tháp tọa lạc trên một ngọn đồi nên không khí nơi đây mát mẻ quanh năm, kết hợp với khuôn viên rộng rãi, cây xanh phủ bóng làm cho du khách cảm thấy tâm hồn thanh tịnh dịu dàng khi bước chân

https://tieulun.hopto.org

đến nơi này.

Tổ đình Bửu Long có sự kết hợp độc đáo bởi lối kiến trúc của bốn quốc gia gồm Ấn Độ, Myanmar, Thái Lan và Việt Nam. Do đó, Bửu Long mang một vẻ đẹp riêng, độc đáo và lạ so với những ngôi chùa khác trong nước.

Ngoài việc sinh hoạt tôn giáo, Thiên viện Bửu Long còn quan tâm đến công tác từ thiện xã hội nên đã thành lập một Ban Từ thiện và một Chi hội Chữ thập đỏ, một phòng khám bệnh phát thuốc miễn phí hoạt động vào mỗi ngày thứ Bảy hàng tuần, hoạt động rất tích cực trong các công tác cứu trợ thiên tai, giúp đỡ các trại phong, dưỡng lão, cô nhi, trẻ em khuyết tật, mổ mắt nhân đạo, xây nhà tình thương, cấp học bổng cho học sinh nghèo và tài trợ thường xuyên cho một số cụ già neo đơn không nơi nương tựa.

Thiền viện Tổ đình Bửu Long đã được công nhận là môt hạng mục trong Công viên Lịch sử Văn hóa Dân tộc, phù hợp với quyết định của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đặt văn phòng Ban Phật giáo Nam tông tại đây làm Trung tâm nghiên cứu và giới thiệu lịch sử hình thành, phát triển, tổ chức, sinh hoạt, và sự cống hiến của Phật giáo Nguyên thủy cho nền văn hóa, giáo dục, đạo đức, cho sự tiến bộ của nền văn minh nhân loại.

https://tieulun.hopto.org

Những ngày lễ lớn của Tổ đình:

1. Lễ Tam Hợp (Đản Sanh, Thành Đạo, Niết bàn) – ngày Rằm tháng Tư ÂL.

2. Lễ Để Bát Báo Hiếu – ngày Rằm tháng Bảy và 30 tháng Tám ÂL.

3. Lễ Giỗ Tổ Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam – ngày 26 tháng Bảy ÂL.

4. Lễ Dâng Y Kathina – ngày 17 tháng Chín ÂL.

1. HT Thích Trí Quảng - Phật giáo Việt Nam một tương lai tươi sáng, báo Giác Ngộ số 866, 7/10/2016.

https://tieulun.hopto.org

XUÂN VỀ RỒI

VƯƠNG ĐÌNH KHOÁT

Thấm thoát ba xuân đến cảnh chùa
Buông lòng ganh tị cố hơn thua
Tu tâm dưỡng tánh tầm công đức
Gắng sức thiền xuân đã mấy mùa

https://tieulun.hopto.org

Có bạn đồng tu dẫn dắt đường
Bằng tình hỷ xả lẫn yêu thương
Hằng tuần luận Pháp nghe bài giảng
Chiếu kiến hành thâm Bát Nhã trường

Các đệ cùng huynh lắng tịnh lòng
Thầm nghe Đức Phật ở bên trong
Lời kinh diệu pháp cùng nhau xướng
Mở lối cung trời ước đợi mong

Tết đến thêm xuân nhắc lại mình
Dòng đời trắc trở kiếp nhân sinh
Nhân duyên tạo tác gây nên quả
Định luật Vô Thường khắp chúng sinh

Tích phước gieo duyên tứ chánh cần
Gieo lòng thiện nghiệp mỗi mùa xuân
Chung tay tạo tác rừng công đức
Nguyện bước con đường các thánh nhân.

https://tieulun.hopto.org

LỜI NGUYỆN ĐẦU XUÂN

VÂN HÀ

Lạy Thế tôn cho con nhiều nghị lực
Giữa mê hà đừng lụy với tình yêu
Vững lòng tin dù nắng sớm mưa chiều
Con sợ lắm, nghiệp duyên còn nặng trĩu

https://tieulun.hopto.org

Thế tôn ơi, trong cõi đời dâu biển
Con thấy mình yếu đuối giữa cuồng phong
Nghiệp tham sân, còn mang nặng bên lòng
Con lo sợ đắm chìm trong tăm tối

Bạch Thế tôn con dâng lời sám hối
Xin ơn ngài ban tín lực cho con
Đường còn xa, tâm sức có mỏi mòn
Nhờ nguyện lực, con vuông tròn quả phước

Kìa hoa nở, chim ca chào non nước
Xuân đã về, muôn vật trỗi hoan ca
Con mơ rằng đấy tiếng của Tần Già
Đang đón rước hồn con về cõi Phật.

https://tieulun.hopto.org

ẢO TƯỞNG CUỘC ĐỜI (tt)

TRẦN TAM NGUYÊN

Những sử gia, tiền sử gia, những nhà nhân chủng học, sinh vật học, kế tiếp đến những nhà địa chấn học, những nhà thiên văn học, vật lý học, toán học và dựa một cách liên tục trên những bài vở, trên những liên lạc thư từ, trên những chứng kiến, trên những mô tả, trên những hóa thạch, rồi trên những quan sát bầu trời, và trên lý thuyết, thứ này đến thứ khác làm sống trở lại dưới mắt chúng ta một quá khứ bất ngờ. Chúng ta hầu như biết tất cả các thời đại kể cả nguồn gốc của chữ viết, khởi đầu của canh nông, nghệ thuật, những cuộc di dân từ Phi châu sang Á

https://tieulun.hopto.org

châu và Âu châu, từ sự đi qua của những người sơ khai đứng lên và suy tư. Và hơn nữa những hình thức đầu tiên của sự sống, sự sắp đặt của hệ thống mặt trời, sự tách rời của những thiên hà, sự rời xa nhau giữa thiên hà này với thiên hà khác. Sự bắt đầu của mọi sự vật hình như nổi lên hơn trong những chuyện truyên kỳ và khoa học cho chúng ta biết đên vụ nổ lớn khởi nguồn.

Những gì khối óc dạy cho chúng ta biết là chúng ta đã đi ra từ một câu chuyện dài có nhiều dáng dấp của một thiên anh hùng ca, của một đại nhạc hội kịch trường, của tiểu thuyết với một bắt đầu và một kết thúc, với những nhân vật khác chính chúng ta, một loại trò chơi đối nghịch và một chút khủng khiếp diễn ra trong lúc đó. Chúng ta đi ra từ câu chuyện này nhưng chính chúng ta cho nó ý nghĩa, chúng ta sẽ chẳng là gì cả nếu không có câu chuyện đó, nhưng nó cũng chẳng là gì cả nếu không có chúng ta; chúng ta là những nhân vật của cuốn tiểu thuyết đầu tiên này, nhưng chính chúng ta đã viết ra nó, hay ít nhất là đã khám phá ra nó. Chúng ta ở giữa sự huy hoàng đó hay nói đúng hơn cuộc phiêu lưu duy nhất không hiện hữu đó. Tất cả những thứ khác, tất cả những gì chúng ta sống, sáng chế, kể lể, vẽ ra hay mơ ước, những gì chúng ta gọi là nghệ thuật, văn chương, kỹ nghệ, thực nghiệm, khám phá chỉ là

https://tieulun.hopto.org

sự bắt chước mờ ảo, một phần nhỏ, một sự tạo dựng trở lại vụng về, và chỉ một phần sự huy hoàng của nó.

Nhưng những thứ gần như không gì cả đó của thế giới này đã bị mang đi bởi thời gian. Những thứ đó ở dưới ánh mặt trời, người Hy Lạp gọi là thế giới tuyệt vời. Tôi rất sung sướng và hãnh diện là một con người được tham gia vào cuộc đời này bên cạnh những con mèo, con lừa, con voi, những cây ô-liu mà đối với tôi thật gần gũi và thân mến.

Tất cả những gì ở trong thời gian sẽ đi qua với thời gian, chẳng có gì thuộc về thế giới mỏng manh và tạm bợ này với chỉ được một chút tôn trọng, một chút bằng lòng hài hước xa vời. Người ta rất có thể chết một cách tốt đẹp, cho danh dự tổ quốc, cho sự tin tưởng và cho những gì yêu thương. Nhưng con người đã bị trói buộc vào sự vĩnh cửu một cách không dè dặt, không hạn chế.

Vĩnh cửu là gì? Chúng ta biết rất rõ ràng, đó là những gì chúng ta hằng mong muốn. Chúng ta đi đến vĩnh cửu bởi vì chúng ta được sinh ra và bởi vì chúng ta sẽ chết. Sự sống chỉ là chốn tiền đình và mở đầu cho sự chết. Sinh ra không khác gì là bắt đầu sự chết. Những sự vật trang nghiêm bắt đầu với sự chết. Chúng ta sống một ít thời gian và chúng ta sẽ chết mãi mãi dù cho chúng ta có tin hay không đến

https://tieulun.hopto.org

một vài thứ gì đó sau khi chết, tất cả chúng ta sẽ đi vào trong vĩnh cửu ngay khi chúng ta đi ra khỏi thời gian, nghĩa là lúc chúng ta chết. Vấn đề duy nhất là biết được sự vĩnh cửu này phải chăng trống rỗng, không có một chút ý nghĩa nào hay nó đầy một niềm hy vọng mù mịt, mờ tối có khả năng cho nó một ý nghĩa.

Sự thật là chúng ta tự cho quá to lớn, quá quan trọng đối với chúng ta. Chúng ta bị xé ra giữa sự bé nhỏ và sự to lớn, giữa sự đói khổ và giàu mạnh. Chúng ta không là gì cả, không thể đối phó với quyền hành của một tinh thần khép kín trong một cơ thể đi đến chỗ vỡ tan, tàn rụi và chỉ xuất hiện để vội vàng biến mất. Mỗi người chúng ta là một ông vua đầy quyền hành, liên tục, huy hoàng, nghèo khó, cung hiến để biến thành những hạt bụi và gặm nhấm những hy vọng. Chúng ta không biết tại sao được sinh ra và cũng không biết chết là một đày đọa hay được ban ơn. Câu hỏi vang danh của Descartes là một trong những câu hỏi nổi tiếng trong triết học: "Tôi có hiện hữu không? Tôi có sống không? Tôi có là tôi không?" Tất cả là một trò đùa. Rất có thể rằng đời sống, lịch sử, vũ trụ chỉ là một loại của giấc mơ, nhưng không một ai cho rằng mình tham dự vào giấc mơ này hay nghĩ rằng mình là một diễn viên đi vào trong thời gian, chỉ cần chúng ta đau khổ, vui cười,

https://tieulun.hopto.org

có thú vui hay đau đớn, khó chịu để biết được, chắc chắn rằng chúng ta thuộc về thế giới này. Không một ai tự hỏi nó là gì, nhưng mỗi người chúng ta không bao giờ ngừng tự hỏi sẽ trở thành gì sau khi đã trả lại những gì mà chúng ta gọi một cách tế nhị cái "hơi thở cuối cùng".

Ném vào trong cuộc đời mà không hỏi gì cả, tôi tự hỏi không dứt là đã đến làm gì ở bên bờ sự bận rộn này, luôn luôn la lết trong bóng mờ và sinh trở lại dưới một hình thể khác. Đến từ kinh nghiệm của những người khác và một loại hiển nhiên nội tại, chỉ có một điều chắc chắn đó là cuối cùng cái chết chiến thắng, tôi sẽ chết và anh cũng thế.

Chúng ta không thể biết gì cả những gì chờ đợi chúng ta sau khi chết, tức là khi chúng ta đi ra khỏi thời gian. Có lẽ không có gì cả chăng? Có thể không gì cả, hay có thể vài thứ gì đó mà người ta không thể nói được gì cả, có điều đáng ghi nhận đó là sự cắt đứt rất rõ ràng giữa một bên là cuộc đời và thời gian và một bên nữa là cái chết và vĩnh cửu. Người ta có thể hầu như cho rằng tất cả đều được sắp đặt để chúng ta không biết gì cả về nguồn gốc, khởi đầu và kết thúc của chúng ta.

Sự sống khiến chúng ta bận rộn rất nhiều. Spinoza nhắc nhở chúng ta rằng triết học là một sự suy ngẫm đời sống chứ không phải cái chết. Tất cả

https://tieulun.hopto.org

những gì dành sẵn cho chúng ta là cuộc đời và thời gian, duy chỉ có chúng cho phép chúng ta hành động, làm lụng, vui chơi và nói năng trò chuyện. Chúng ta có thể đi ra khỏi cuộc đời và thời gian đó, dĩ nhiên chúng ta đi ra khỏi chúng bằng một thứ tầm thường là cái chết, nhưng cái bí mật sâu xa nhất chung quanh con đường bắt buộc phải đi qua đó là những gì ở đằng sau nó. Vào lúc chết cũng như vào lúc sinh ra, người ta nói rằng chúng ta đi ra khỏi một sự thật để đi vào một giấc mơ, hay có thể rằng chúng ta đi ra khỏi một giấc mơ để đi vào một sự thật. Sự bắt đầu và kết cuộc đều là một bí mật. Và điều vướng bận đó là giữa chúng – cuộc đời, thời gian, lịch sử, vũ trụ - cũng là một bí mật. Nhưng chúng ta quá quen thuộc với bí mật này như cái cảm tưởng về một con cá sống ở trong nước. Sự vĩnh cửu làm chúng ta kinh động và sự chết làm chúng ta sợ hãi, ngược lại sự sống và thời gian dường như phù hợp với chúng ta. Thật lạ lùng nhưng con người quen thuộc những điều đó. Điều giản dị là sống ở đó khiến tôi luôn luôn kinh ngạc và sự bí mật của thời gian dường như không dò xét được.

Dĩ nhiên, tôi không tin và không ai có thể tin rằng con người từ nguồn đã đi qua trên trái đất này. Sự sống đã cho họ, hay đúng hơn cho vay mượn, họ không bước ra từ chỗ hư không. Tôi cũng không tin

https://tieulun.hopto.org

họ là kết quả của sự ngẫu nhiên. Tôi nhận thức được sự ngẫu nhiên đóng một vai trò to lớn trong vũ trụ, nhất là trong sự sống mà đến nỗi con người xem đó là chuyện bình thường, tự nhiên. Tôi không tin những giải thích như vô số những phép lạ trên đời sống hằng ngày về sự vận hành lịch sử của chúng ta. Măt là một phép lạ, thây là một phép lạ, tai và nghe là những phép lạ, thân của con bò cạp, con kiến, con ong, con cá, con người là một phép lạ. Tiến trình của những ngôi sao trong không gian bành trướng nhanh chóng là một phép lạ và diễn tiến lịch sử là một phép lạ. Phép lạ hơn nữa là sự điều chỉnh đúng nguyên tắc của những luật lệ vũ trụ. Trăm lần, ngàn lần, thế giới này sẽ có thể và phải có thể tự sụp đổ. Tất cả đều giữ vững, vận hành, dĩ nhiên rất tệ và khá hơn. Điều thường xuyên nhất của thế giới là có sự tồi tệ, bất công, ác liệt, đôi khi sụp đổ. Nhưng cuối cùng thế giới vẫn còn đó, nó có phía tốt đẹp, nó chống đỡ bão tố, nó giữ vững trong những sụp đổ thiên tai, ngay cả thỉnh thoảng nó đến được một mùa hè êm ả, một cặp yêu thương sung sướng, một đứa trẻ con nô đùa đâu đó. Tất cả đều chống đỡ và vận hành. Có thể nào cho đó là sự ngẫu nhiên phiêu lưu của vũ trụ và tiếp theo là của diễn tiến lịch sử hay không? Một, hai rồi ba ngẫu nhiên, không có gì tầm thường cả, cũng không có gì tự nhiên hơn trong một thế giới mà ở đó không

https://tieulun.hopto.org

dứt những con đường đi chéo nhau và những số phận của sự cần thiết.

Dĩ nhiên, con người tự do, hơn ba tỉ năm sự sống vượt qua một cách chậm chạp và thành công trong mọi giai đoạn tiếp nối giữa quán tính của nguyên liệu và sự tự do của tinh thần bằng sự di động, tự động và phản ứng theo điều kiện, sự tô chức và điều chỉnh tức thời, kỷ niệm, cảm xúc và cuối cùng sự độc lập, sự chọn lựa, sự mơ ước, dự án, sự tự do và tình yêu. Vâng, chúng ta tự do, chúng ta có thể đi bên trái, bên phải, chấp nhận, từ chối, sáng tạo, làm một chút những gì chúng ta muốn của một cuộc đời mà chúng ta đã không chọn lựa. Mỗi người là chủ những quyết định của mình được làm trong đầu hay tưởng tượng trong đầu. Những chuyển động thoải mái và hầu như dễ dàng để tiên liệu, nhất là cái tự do lẫm liệt của chúng ta bất ngờ, kinh ngạc nổi lên khắp nơi. Chúng ta không thể bay trong không gian bằng những phương tiện riêng tư, không thể lùi sống trở lại trong quá khứ, từ chối được sinh ra, làm những gì không như mong muốn, làm một con người khác hơn là chính mình. Chúng ta bị nhốt trong lịch sử và trong chúng ta. Sự tự do không cho phép chúng ta thoát ra khỏi lịch sử. Chúng ta có thể cho một ý nghĩa mới cho quá khứ và trong một số biện pháp nào đó có thể thay đổi nó. Trong tương

https://tieulun.hopto.org

lai, chúng ta sẽ có thể thay đổi những điều đó để cho sự tốt nhất và xấu nhất, nhưng chúng ta sẽ luôn luôn ở trong câu chuyện, trong lịch sử. Theo công thức của Raymond Aron thì con người làm lịch sử nhưng họ không biết lịch sử của họ làm. Chúng ta tự do nhưng ở trong lịch sử và trong thời gian, chúng ta không có quyên thoát khỏi thê giới, khỏi chính chúng ta và khỏi cái chết.

Bởi những lý do này nên tôi không tin vào lịch sử của vũ trụ, của con người, của cuộc đời mà tất cả chỉ là ảo tưởng, chỉ là một cuộc phiêu lưu, một tiểu thuyết, một thiên anh hùng ca, chỉ là một loại sân khấu nhà hát bao la đã trống rỗng trước đó, rồi chúng ta bị đẩy vào trong đó như là những diễn viên. Chúng ta bước lên sân khấu khi được sinh ra và đi ra khỏi sân khấu khi chết đi. Giữa sự sinh ra và sự chết chúng ta nói ra những bài tuồng. Tuồng tích này được đọc bởi không gian và thời gian, bởi câu chuyện lịch sử, bởi địa lý, bởi tình trạng của chúng ta. Dĩ nhiên, chúng ta có quyền ứng khẩu, sửa đổi, chải chuốt trở lại, nhưng trong những giới hạn chật hẹp.

Trên sân khấu có những vai trò rất tuyệt vời, có những diễn viên lớn và có những tác dụng. Tất cả những diễn viên đều giống như nhau, nhưng có những tài tử thì được người ta nhớ lâu dài. Những

https://tieulun.hopto.org

diễn viên như Homère, Platon, Alexandre le Grand, Gengis Khan, Rembrandt, Shakespeare, Goethe, Napoléon Bonaparte, Chateaubriand, Tolstoi, Proust, Churchill, Staline, đều không quên. Chúng ta ghi nhớ những cử chỉ và những đối thoại của họ, tài năng và tài ba thiên thần của họ. Người nhắc tuồng, người mở màn, người lo máy móc bên cánh gà, bên trong sân khấu, người trang hoàng, người trang điểm cũng đều là những diễn viên. Chính khán giả cũng là một thành phần diễn viên. Và đám đông dân chúng ngoài đường, những người ngoại quốc qua đường, những ngân hàng, những người không nhà, những người bệnh tật ở bệnh viện, những người lính ở binh trại, những tù nhân ở trong tù, tất cả đều là những diễn viên và chỉ là diễn viên. Những họa sĩ, điêu khắc gia, kiến trúc sư, nhạc sĩ, những người tình, những văn sĩ đều là những diễn viên và những độc giả, khán giả cũng là những diễn viên. Lớn hay nhỏ, vui vẻ hay khổ đau, thiên thần hay tồi tệ, giàu mạnh hay nghèo khó, tất cả đều là những diễn viên với vai trò của họ để diễn. Trình diễn là bắt buộc, chúng ta không có sự lựa chọn, không làm thinh, ngậm miệng trong một góc, diễn trong yên lặng là vai trò của người diễn câm. Chúng ta có thể cười mọi thứ và chế diễu mọi người và chế diễu chính mình, đó cũng là những vai trò tốt đẹp. Anh có thể không làm gì cả

https://tieulun.hopto.org

và người ta sẽ quên anh, có thể khiếu nại, có thể nổi giận, trù ẻo tác giả hay đạo diễn, nếu anh làm giỏi giang, mạnh bạo thì anh để lại tiếng tăm trong lịch sử ca kịch. Mỗi người chúng ta thay đổi vai trò trong suốt cuộc đời, rồi chúng ta sẽ chết trên sân khấu như Molière. Người ta đi qua trực tiếp từ sấn khấu ca kịch và bi kịch sang những bí mật của thê giới khác.

Trong cảnh hỗn độn này, tôi có ba điều tin tưởng: điều thứ nhất giản dị và rõ ràng nhất đó là không có gì đẹp hơn cái thế giới tạm bợ này, thật tàn nhẫn và thật vui sướng, sáng tỏ, ấm cúng được làm bởi một ngôi sao mà chúng ta gọi là mặt trời, có nước, có những con trừu, những ngọn núi, những lịch sử chiến tranh, những đau khổ về tình yêu, những con số, những cuốn sách, những bí mật, những cây ô-liu này, những con voi này, những tham vọng, những đam mê, những tư tưởng mới bất chợt làm vỡ tung như những trái lựu đạn và những giấc mơ của những cô gái trẻ. Dù rằng biết bao nhiêu bất hạnh, biết bao những khó khăn, đau khổ, nhưng thật là hạnh phúc được sinh ra đời.

Có vẻ ngược lại với điều thứ nhất, điều tin tưởng thứ hai có một vài sự kiện hơi mờ tối: sự sinh ra, đó là bắt đầu sự chết và cuộc đời mà tôi yêu mến biết bao là một loại ảo tưởng với sự hiển nhiên mọi sự vật tự tiêu tán nhanh chóng hơn và cứ thế tiếp tục

https://tieulun.hopto.org

không bao giờ chấm dứt. Sự tin tưởng thứ hai này đến từ xa của sự tin tưởng thứ nhất. Với những hạnh phúc và ưu phiền của nó, với những bi thảm và hân hạnh của nó, sự hiện hữu tồn tại trên trái đất này xuất hiện với tôi như một cái rây để sàng lọc, một loại tập sự, một bằng chứng, một cuộc thi tuyển phải vượt qua, nhưng đê đến được gì và đê đến đâu?

Điều tin tưởng thứ ba của tôi ít bảo đảm và dễ phản đối nhất, nó mang dưới hình thức một cuộc đánh cá: tôi không tin do một sự ngẫu nhiên đã tổ chức tạo dựng sự vật, với một luật lệ và một tài ba thiên thần bất ngờ, thế giới chung quanh tôi và có chính tôi trong đó đang vận hành. Dù với tất cả những nghi ngờ, tôi đặt tất cả hy vọng trong một sự cần thiết mờ tối và trong một sức mạnh vô hình mà ở đó tôi thấy nguồn gốc của sự thật này, của pháp lý này và vẻ đẹp này, ở đó chúng ta chỉ biết được những phản ảnh và phản chiếu của chúng mà thôi và chúng ta thỏa thuận gọi là thượng đế hay đấng toàn năng.Không dám chắc rằng thượng đế phải chết cũng như thế giới là phi lý, tôi nghiêng hơn về phía một bí mật, một bí hiểm, một huyền bí không tùy thuộc vào tôi, đó là một thứ khác tối đen mịt mù còn lại trong tôi.

Cuối cùng, chỉ còn một sự việc chắc chắn đó là tôi sẽ chết. Cuộc đời đối với tôi là một cuộc phiêu

https://tieulun.hopto.org

lưu hơn là một sự vui sướng. Tôi mong đợi thản nhiên, không nóng nảy, một loại phiêu lưu khác cũng tầm thường và cũng hấp dẫn như tôi đã đến trên những sân khấu của rạp hát, hình ảnh này bao gồm lúc tôi rút lui về hưu trí và những lúc từ biệt sân khấu này. Tôi đã tưởng tượng ra bức tranh, trong loại như là những hình nhỏ ngây thơ trên chiếc phong bì mà trong đó một gia đình mệt mỏi, chán nản tự bỏ rơi trong sự đau khổ.

Tôi không biết thượng đế có hiện hữu hay không. Tôi hy vọng là có. Ai có thể trả lời cho tôi bằng "có" hay "không", một câu hỏi vượt sức của chúng ta? Thượng đế hay thiên nhiên đã không cho phép tôi định đoạt một bí mật, một huyền bí khá xa ở phía trên tôi. Sự nghi ngờ ép buộc thường xâm chiếm tôi, tuy sáng chói trong đó niềm hy vọng.

Tôi đã hầu như không làm gì cả trong suốt thời gian mà thượng đế hay đấng toàn năng cho tôi vay mượn trước khi lấy trở lại, nhưng với sự vụng về và ngu dốt, tôi không bao giờ ngừng lại, từ chỗ tận cùng đổ nát của tôi, đi tìm kiếm con đường đang sống, con đường sau khi lìa cuộc đời mà có thể chỉ còn là cát bụi, tôi luôn đi tìm kiếm chân lý và cuộc đời.

https://tieulun.hopto.org

HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ ĐỘ VỚI PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO (1930–1945)

THÍCH NGUYÊN PHONG

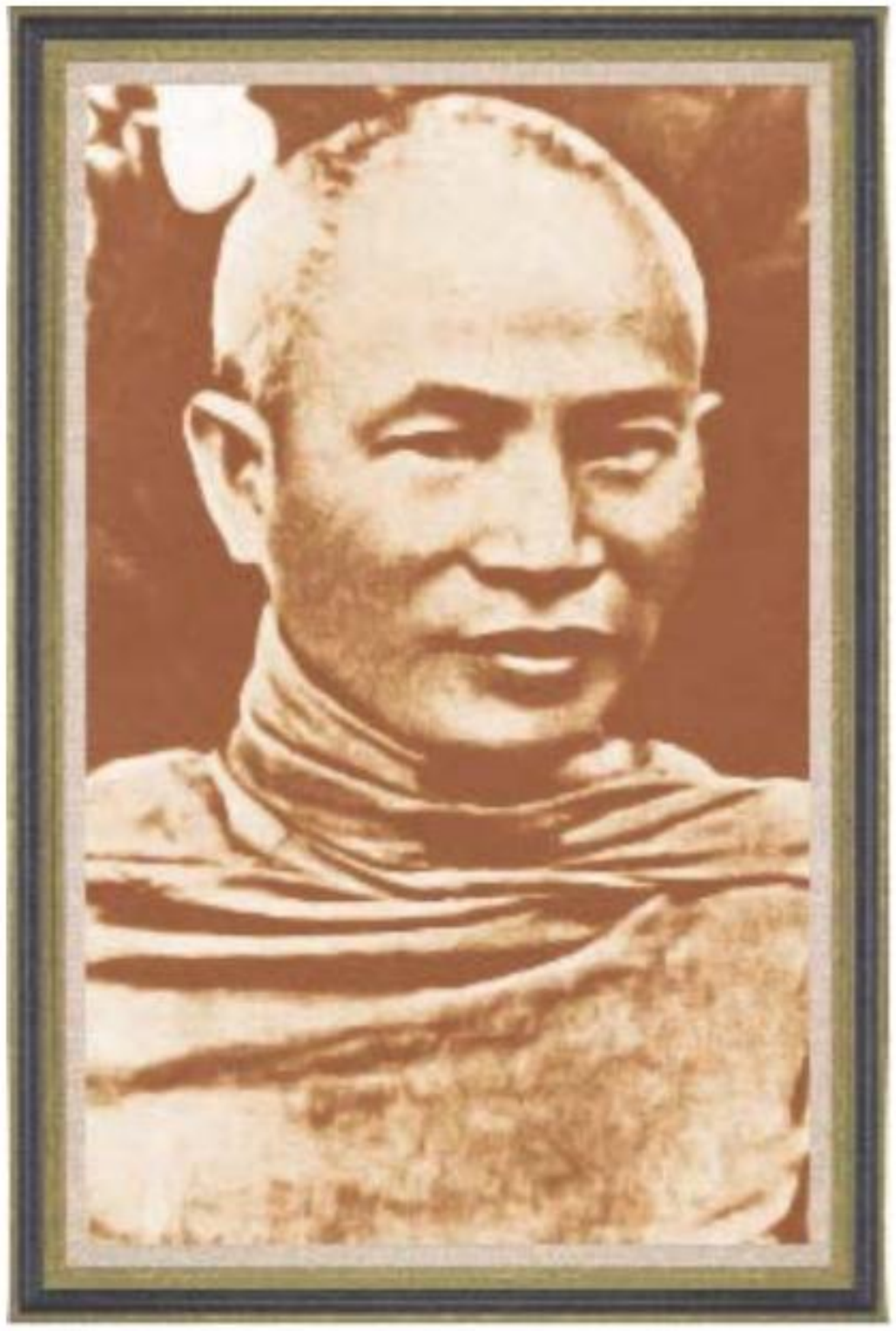

Tháng 8 năm 1931, Hội Nghiên cứu Phật học Nam Kỳ ra đời, quyết định ra nguyệt san *Từ bi âm* làm cơ quan hoằng dương Phật pháp.

Từ bi âm số 2 ra ngày 15-2-1932 ngài Trí Độ chúc mừng sự ra đời của tạp chí hoằng dương Phật

https://tieulun.hopto.org

pháp:

Đèn kinh soi kẻ con đường lạc,

Chuông pháp kêu người giấc mộng say.

Từ bi âm số 3, ra ngày 1-3-1932 ngài có bài giải thích nghĩa *Từ bi âm*. Sau khi phân tích thể tính của Từ bi, danh từ của Từ bi, Từ bi có khác nhau, Từ bi có ẩn hiện, Phật diễn ra pháp Từ bi, Từ bi âm có ích lợi, ngài Trí Độ kết luận: "Tiếng Từ bi có sức mạnh rất thần, chuyển đặng kẻ ác bạo làm người hiền lành, khiến đặng kẻ ngu muội thành người Tiên Thánh".

Ngài Trí Độ đã biên dịch ra quốc văn và có giải thích sự tích:

1. *Kinh A Di Đà*, đăng trên số 2 ra ngày 15-2-1932 đến số 10 ra ngày 15-5-1932;

2. *Kinh Vu Lan Bồn*, từ số 11 ra ngày 1-6-1932 đến số 14 ra ngày 15-7-1932.

3. *Kinh Phổ Môn*, đăng trên số 16 ra ngày 15-8-1932 đến số 26 ra ngày 15-1-1933.

4. *Kinh Kim Cương*, từ số 27 ra ngày 1-2-1933 đến số 48 ra ngày 15-12-1933.

Bên cạnh đó ngài Trí Độ còn viết về lịch sử các vị Bồ tát:

1. *Sự tích đức Quan Âm Bồ tát*, số 20 ra ngày 15-10-1932.

2. *Sự tích đức Đại Thế Chí Bồ tát*, số 21 ra ngày 1-11-1932.

https://tieulun.hopto.org

3. *Sự tích đức Văn Thù Sư Lợi Bồ tát*, số 22 ra ngày 15-11-1932.

4. *Sự tích đức Địa Tạng Bồ tát*, số 24 ra ngày 1-12-1932.

Về Luận, ngài viết:

1. *Luận về Sóng thức* (tức Duy thức), từ số 8 ra ngày 15-4-1932 đến số 11 ra ngày 1-6-1932.

2. *Phép lạy hồng danh sám hối*, số 15 ra ngày 1-8-1932. (về giáo lý).

3. *Lời thích nghi ba câu hỏi của ông Hà Văn Ngọc*, số 22 và 23 ra 1-11 và 15-11- 1932.

4. *Vui và khổ*, số 91 ra tháng 11 năm 1941.

5. *Sau khi chết còn hay mất*, số 197 ra tháng 5 - 1942.

6. *Có đời sau hay không* (bài lược thuật kinh Trường A Hàm), số 197 ra tháng 5 năm 1942.

7. *Xuân và trường xuân*, số 205 ra tháng 1 năm 1943.

8. *Nghiệp sai biệt của chúng sinh*, số 205 ra tháng 1 năm 1943.

9. *Xuân tâm*, số 217 ra tháng 1 năm 1944.

Trên tạp chí *Viên âm*, ngài Trí Độ có hai bài viết:

1. *Tâm kinh tổng luận*, số 6 ra ngày 1 tháng 5 năm 1932.

2. *Giá trị thiết thực của nhân sinh*, số 39 ra

https://tieulun.hopto.org

tháng 8 năm 1940.

Tâm kinh tổng luận là bài tổng luận của ngài Trí Độ sau khi đã giải thích từng chữ "Bát nhã ba la mật đa tâm kinh". Ngài cho rằng kinh này nói về trí tuệ của chân tâm, tu theo trí tuệ thì thoát khỏi dòng mê, bước lên bờ giác, trừ duyên phiền não, được quả Bồ đề, vượt vòng sinh tử, chứng đạo Niết bàn, xa lìa bá tánh phàm phu, chứng đặng bậc thánh trí.

PGS Nguyễn Duy Hinh (1930 – 2008) đã tỏ lời thán phục bài *Tâm kinh tổng luận* của ngài Trí Độ: "Kinh Bát nhã ba la mật đa tâm kinh chỉ có 268 chữ Hán đã quá hàm súc, nay ngài Trí Độ chỉ giải bằng một chữ TÂM thì quá độc đáo"[1].

Bản dịch kinh Bát Nhã Ba la mật đa tâm kinh trong *Tâm kinh tổng luận* được ngài Trí Độ làm tài liệu giảng dạy tại Phật học đường Báo Quốc, Huế.

Với những bài viết trên, Hòa thượng Thích Trí Độ đã góp phần tích cực vào công cuộc hoằng dương Phật pháp, truyền bá giáo lý của đức Phật Thích Ca tới tăng ni, Phật tử.

Nhờ trình độ Hán học và Phật học vững chãi, lại từng làm giảng sư nên những bản dịch kinh có diễn giải sự tích của ngài Trí Độ dễ hiểu và hấp dẫn độc giả. Ví dụ, trong *Từ bi âm*, số 2 ra ngày 15 tháng 2 năm 1932, trong bản dịch *Phật thuyết A Di Đà kinh*, phần chữ Hán dài 1 trang, ngài Trí Độ diễn nghĩa dài

https://tieulun.hopto.org

tới 4 trang. Trong đó phần giải nghĩa và sự tích rất rõ ràng và tỷ mỉ, như Kỳ Đà, Cấp Cô Độc, Xá Lị Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp... là ai? Tinh xá, Tỳ khưu, A La Hán, Thiên Nhân là gì? Hoặc *Phật thuyết Vu Lan Bồn kinh*, đăng trên số 11 ra ngày 1 tháng 6 năm 1932, phần chữ Hán dài 1 trang, ngài Trí Độ diễn nghĩa dài 4 trang rưỡi. Trong đó, ngài giải nghĩa một cách tường tận Vu Lan Bồn, Sáu phép thần thông, Đường Ngạ quỷ là gì; giải thích các sự tích tay trái che miệng bát, tay phải bốc đồ ăn hay đồ ăn chưa để vào miệng đã hóa ra lửa khiến người đọc dễ hiểu. Với các kinh *Phổ Môn, Kim Cương* ngài cũng giải nghĩa và giải thích sự tích như vậy.

Bản dịch kinh *Bát nhã ba la mật/ đa tâm kinh* của ngài được Hòa thượng Tố Liên đưa vào dịch phẩm "*Sự lý lễ tụng*"với lời tán thán: "Bản dịch kinh Bát Nhã trong cuốn sách này, cả về các bài Dịch và Giảng đều của Sư cụ Trí Độ là giám đốc Phật học đường Hội Phật học Trung Việt, vì tôi thấy bản Dịch, Giảng của Ngài giản dị mà dễ hiểu nên tôi mới đưa vào đây"[2].

Các bài giới thiệu sự tích đức Quan Thế Âm Bồ tát, đức Đại Thế Chí Bồ tát, đức Văn Thù Sư Lợi v.v... của ngài Trí Độ vừa khái quát, ngắn gọn mà lại đầy đủ và dễ hiểu.

https://tieulun.hopto.org

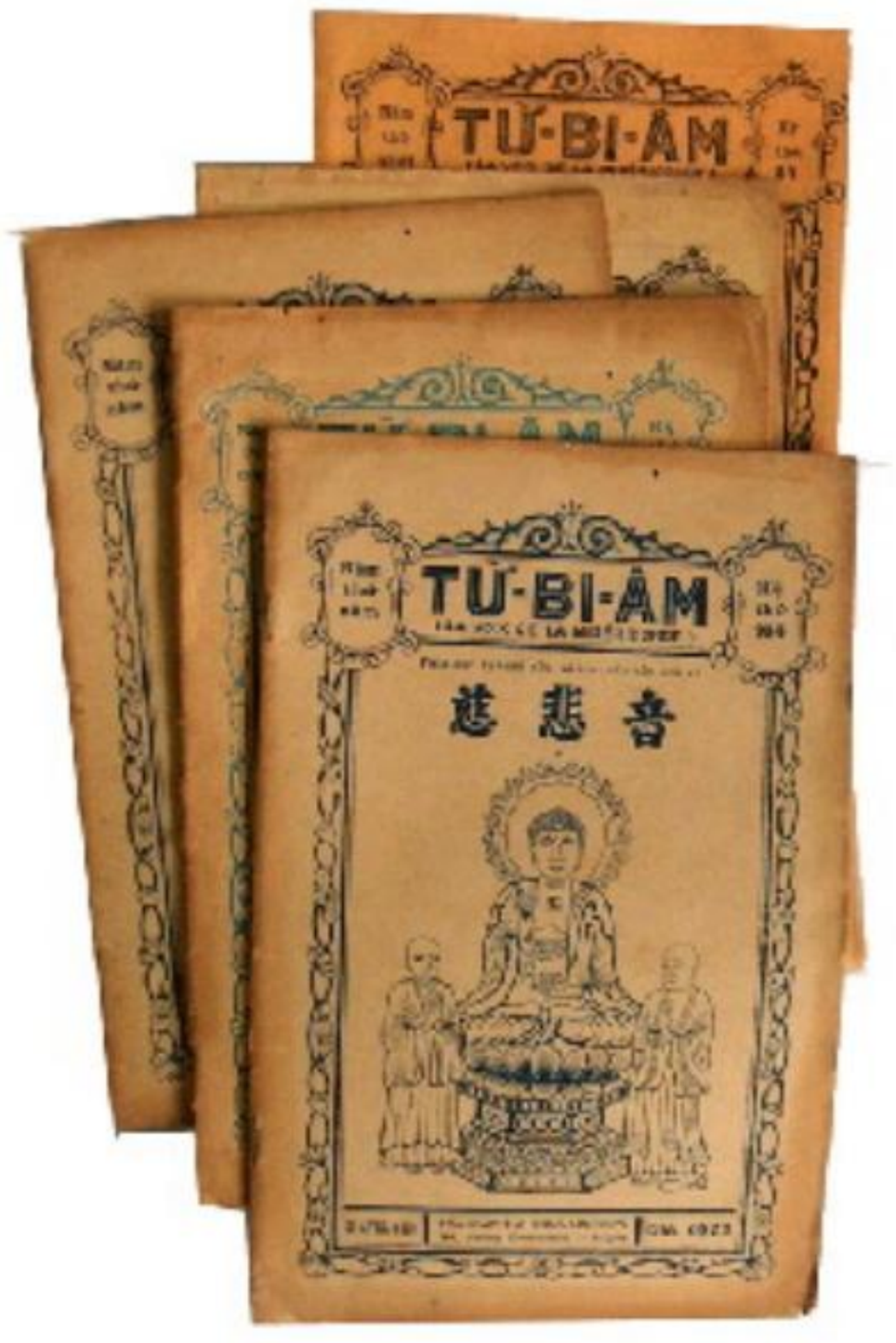

Bán nguyệt san Từ Bi Âm

Ngài Trí Độ có lẽ là một trong ít người đầu tiên viết những bài luận về Duy Thức (mà lúc đó ngài gọi là sóng thức) bằng Quốc ngữ đăng liên tục trên *Từ bi âm* từ số 8 ra tháng 4 đến số 11 ra tháng 6 năm 1932. Bài viết của ngài ngắn gọn, lời lẽ đơn giản và dễ hiểu trước một chuyên luận khó. Vì thế mà năm 1946 ngài được Hội Phật giáo Việt Nam mời ra Hà Nội giảng về môn này tại trường Tăng học Quán Sứ.

Đây là một cống hiến của ngài về phương diện Phật học.

https://tieulun.hopto.org

***

Có thể nói công cuộc chấn hưng Phật giáo từ năm 1930-1945 đã tạo nên diện mạo mới cho hệ thống giáo dục Phật giáo, và chính hệ thống này đã đào tạo nhiều tăng tài, nhiều bậc cư sĩ đức trọng tài cao góp phần vào sự phát triển của Phật giáo Việt Nam thê kỷ XX. Diện mạo mới đó là các trường Phật học tập trung, có thi tuyển, có chương trình đào tạo đối với từng cấp (hệ thống dọc) của các Hội Phật học xuất hiện bên cạnh các trường Gia giáo, trường Hạ (hệ thống ngang) của các Sơn môn, Pháp phái.

An Nam Phật học hội đã đi tiên phong trong công tác đào tạo tăng tài, và đã gặt hái những kết quả khả quan trên lĩnh vực này.

Năm 1934, ngài Trí Độ trở về Bình Định tham gia giảng dạy Phật pháp tại tổ đình Thập Tháp, rồi cùng Thượng tọa Thích Mật Khế thực hiện các Phật sự do Hội An Nam Phật học phân công tại tỉnh Quảng Ngãi. Và sau đó không lâu, năm 1935 ngài được Hòa thượng Giác Tiên mời ra Huế tham gia giảng dạy tại An Nam Phật học đường cùng với ngài Thích Mật Khê. Vốn được huân luyện vê sư phạm và là giảng sư Phật pháp tại Bình Định, ông đã đưa vào Trường An Nam Phật học lối giảng dạy có phương pháp rất được các học tăng ưa thích.

"Ngài Trí Độ Đốc giáo nguyên là vị Giáo sư

https://tieulun.hopto.org

trường tỉnh (năm 28 tuổi đỗ bằng tốt nghiệp Giáo sư, 34 tuổi lại đậu bằng trợ giáo, về giáo lý nhà Phật trước đó ngài thụ giáo với Hòa thượng Bích Liên. Năm 37 tuổi lại cầu pháp với ngài Phước Huệ tại chùa Thập Tháp. Vì thế, ngài Trí Độ học và dạy đủ phương pháp sư phạm và giáo lý có căn bản lắm"[3].

Ngài Trí Không soạn giả cuốn *Tổ đình Ấn Quang và lịch sử phát đạt của Phật giáo Việt Nam từ 1950 trở đi*, có đoạn:

"Tại trường Báo Quốc, cụ Lê Đình Thám lo việc bên Hội Phật học, mỗi tuần thứ Bảy Ngài dạy học tăng bên Báo Quốc, ấy là dạy tập diễn giảng. Ngài dạy hết sức tận tình, sửa từng lỗi chính tả trong các bài nộp cho Ngài duyệt qua trước. Ngài Pháp sư Trí Độ, vốn tốt nghiệp trường Sư phạm nhà nước, làm việc đồng thời học Phật pháp với cụ Thập Tháp (tức Quốc sư Phước Huệ), sau xuất gia làm giáo sư trường Báo Quốc, do đó lối dạy của Ngài thật nghiêm khắc theo đường lối sư phạm, chế độ roi mây sẵn sàng ứng chiến, nên một số học tăng tuổi trẻ có hơi lơ đễnh là bị roi mây khống chế hẳn hoi, coi như họ được huấn luyện nghiêm khắc, không lôi thôi được.

Với kinh nghiệm gần 10 năm giảng dạy và làm Đốc giáo tại Phật học đường Báo Quốc, ngài Trí Độ đã cùng Ban Giảng sư của An Nam Phật học hội

https://tieulun.hopto.org

biên soạn hoạch định một chương trình mới thực hiện từ năm 1944, trong đó: Sơ đẳng học trong hai năm; Trung đẳng học hai năm; Cao đẳng học trong hai năm với các môn thiết thực hơn.

Theo chương trình này, những học tăng tốt nghiệp Cao đẳng, nếu muốn thành giáo thụ các trường Phật học thì phải ở lại nghiên cứu và tu tập thêm ba năm nữa tại trường[4].

Chương trình này thực tế hơn chương trình trước nhiều và cũng hàm chứa một số các tác phẩm mới những sách giảng lục của Thái Hư và Đại Viên. Muốn vào học, học tăng phải trải qua một kỳ khảo thí. Trình độ căn bản là:

1- Đậu Sơ học Pháp - Việt.

2- Biết đọc và biết viết chữ Hán.

3- Quốc ngữ phải thông thạo. Có thể dịch một bài Kinh Luận từ chữ Hán ra quốc ngữ và một vài câu quốc văn ra chữ Hán.

Có thể nói, gần 10 năm gắn bó với Phật học đường Báo Quốc, Hòa thượng Trí Độ đã có công đào tạo cho xứ Huế nhiều tăng tài lỗi lạc mà từ năm 1950 trở về sau, những tăng sĩ này đủ sức làm cho Phật giáo xứ Huế long thịnh và vượt qua nhiều cơn sóng gió như các Thượng tọa Thích Trí Quang, Thích Trí Thuyên, Thích Thiện Hoa, Thích Thiện Hòa, Thích Trí Tịnh v.v…

https://tieulun.hopto.org

Năm 1944, Hòa thượng cùng với Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám đã dày công trong việc chuyển trường lên Lựu Bảo để thành lập Đại tùng lâm Kim Sơn. Nhưng không may, gặp thời khó khăn về kinh tế, Hội An Nam Phật học cũng như Sơn môn Huế không đủ sức nuôi nổi học tăng. Tăng sinh cũng không đủ sức đóng tiền ăn. Tùng lâm Kim Sơn bị đóng cửa, và một số học tăng cấp trung học và sơ học phải khăn gói vào Nam để tìm nơi ăn học"[5].

Đánh giá công lao của Hòa thượng Thich Trí Độ đối với sự nghiệp đào tạo tăng tài cho chấn hưng Phật giáo nước nhà, trong lễ kỷ niệm "50 năm (1920-1970) phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam" tổ chức tại Sài Gòn, Thượng tọa Thích Thiện Hoa Viện trưởng Viện Hóa đạo, nhấn mạnh:

"Những nhân vật hữu công với Phật giáo miền Trung: Bên Cư sĩ có: Cụ Lê Đình Thám pháp danh Tâm Minh (một cư sĩ có công nhất với Phật giáo miền Trung), cụ Trí Độ (một vị có công nhất với Phật học đường Báo Quốc)..."[6].

Đầu năm 1946, Hội Việt Nam Phật giáo (Hội Phật giáo Bắc Kỳ đổi tên từ sau Đại hội đồng thường niên ngày 19 tháng 5 năm 1945) thỉnh Pháp sư Thích Trí Độ và Thượng tọa Thích Trí Quang ra giảng dạy tại lớp Phật pháp cho các tăng sinh tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Ngài Trí Độ dạy môn Duy thức, còn

https://tieulun.hopto.org

ngài Trí Quang dạy kinh Lăng Nghiêm.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, chiến sự bùng nổ ở Hà Nội, trường tăng học Quán Sứ phải tản cư về chùa Phúc Chỉnh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình (nay thuộc xã Nam Tiến, thành phố Ninh Bình). Từ đây, ngài Trí Quang về Quảng Bình và tham gia Phật giáo cứu quốc tỉnh. Còn ngài Trí Độ về chùa Đào Viên ở Thanh Hóa, rồi hoạt động trong Hội Phật giáo cứu quốc ở vùng tự do xứ Thanh.

---

1. *Nguyễn Duy Hinh*, Lịch sử đạo Phật Việt Nam, *Nxb Bách khoa và Nxb Tôn giáo, 2009, tr.547.*

2. *Sa môn Tố Liên*, Sự lý lễ tụng, *Nxb Tôn giáo, 2016, tr.8.*

3. *Vân Thanh*, Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam, *Phật học viện và các chùa Sài Gòn xuất bản, 1974.*

4. *Nguyễn Lang*, Việt Nam Phật giáo sử luận, *tập 3, Nxb Văn học, 1994, tr.104-105.*

5. *Trí Không*, Tổ đình Ấn Quang và lịch sử phát đạt của Phật giáo Việt Nam từ 1950 trở đi, *chùa Xá Lợi ấn hành, 2009.*

6. *Thích Thiện Hoa*, 50 năm (1920 - 1970) chấn hưng Phật giáo Việt Nam hay là Ghi ơn tiền bối, *Viện Hóa đạo, Sài Gòn, 1970.*

https://tieulun.hopto.org

CAO THĂNG BÌNH

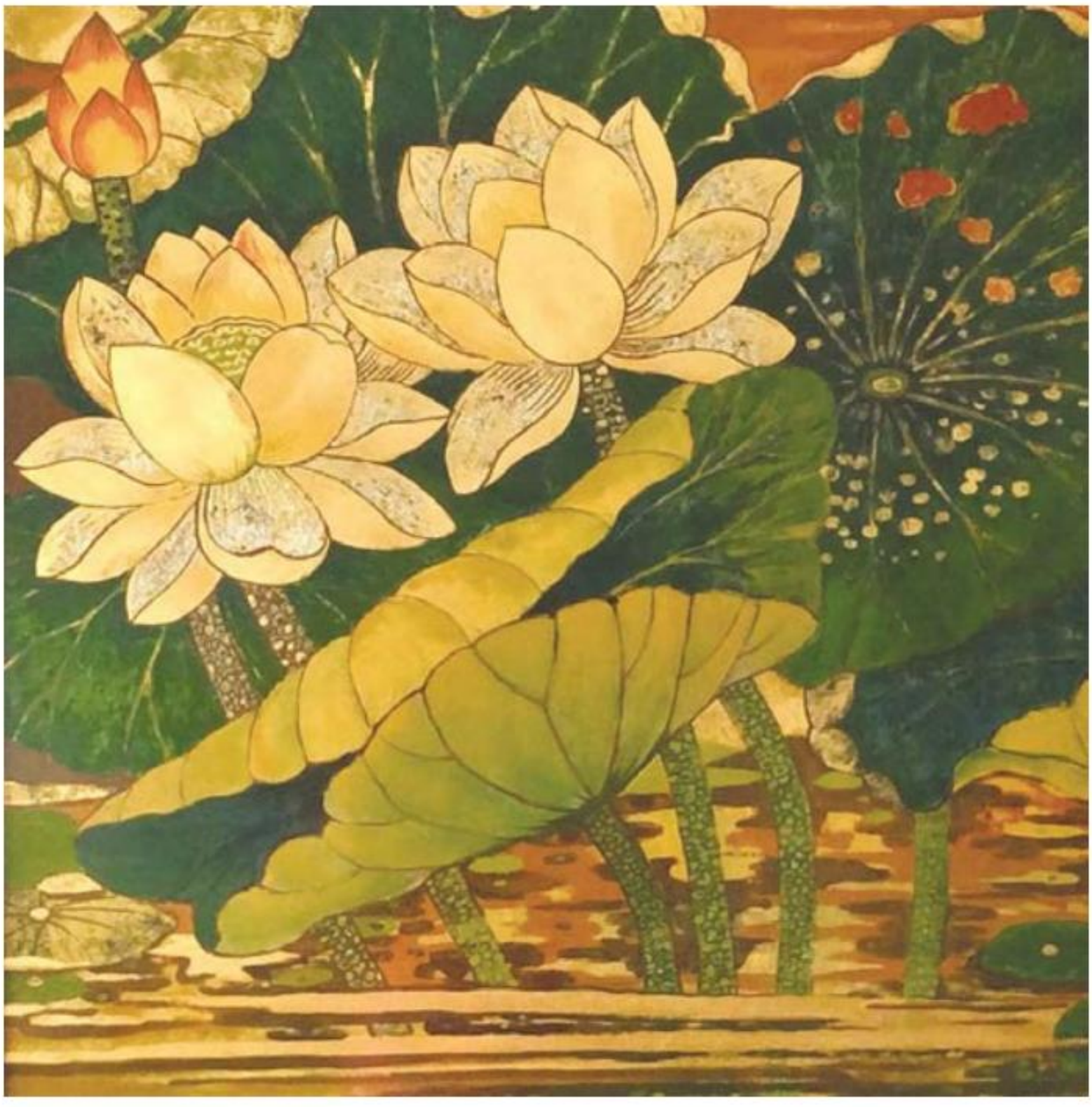

Kho tàng tâm thức

"Khi ta thường xuyên tiếp xúc với hạt giống tích cực ta sẽ cảm thấy hạnh phúc, khi tiếp xúc với hạt giống tiêu cực ta sẽ đau khổ. Nhưng dù là hạnh phúc hay khổ đau, tất cả cũng đều vô

https://tieulun.hopto.org

thường...”

Tâm ta ví như đất nên được gọi là Tâm địa, ở đó có đủ các hạt giống tốt xấu. Khi hạt giống nào được tiếp xúc thường xuyên, chúng nổi lên bề mặt nên dễ nhớ dễ tìm. Các hạt giống nào bị lãng quên, chúng nằm sâu bên dưới. Tâm ta luôn cuộn xoáy và các hạt giống thay nhau chìm nổi kể cả khi ta ngủ. Khi ta nhớ về một việc gì, tâm sẽ liên tục đào bới cho đến khi tìm gặp mới thôi.

Khi tâm trở nên rộng lớn, nó lớn đến nỗi không có vật nào có thể nằm ngoài nó. Khi tâm nhỏ nhé, nó nhỏ đến nỗi không có vật nào vào được bên trong nó. Tâm ôm ấp mọi sự việc trong đời, kiếp này kiếp trước và nơi lưu giữ những ký ức đó gọi là Tàng Thức (tức là kho tàng tâm thức). Người không tu hành thì tàng thức hỗn tạp nên sinh ra nhiều tạp niệm, chúng luôn quấy rối họ kể cả trong giấc ngủ.

Trong Duy Thức học, Tàng thức còn gọi là A Lại Gia thức, là thức số 8 đứng sau Ngã thức. Khi sự vật nào đó xuất hiện trong Tàng thức, Ngã thức lập tức bám theo để tư duy, phân biệt, chấp ngã.

Khi ta tiếp xúc với hạt giống tích cực, Ngã thức sẽ phân biệt đưa đến cảm giác hạnh phúc, khi tiếp xúc với hạt giống tiêu cực ta sẽ có cảm giác đau khổ. Nhưng dù là hạnh phúc hay đau khổ tất cả cũng đều vô thường, chúng rồi sẽ qua nhanh như giấc mộng.

https://tieulun.hopto.org

Người tu hành cần buông bỏ, không chạy theo Ngã thức để cho Tàng thức trở nên thanh tịnh, rỗng lặng.

Nơi trú của nghiệp lực

"Chết không phải là hết. Dù 5 giác quan đã hư hoại nhưng nghiệp lực vẫn còn trong Ngã thức và Tàng thức, chúng đi theo ta vào kiếp sống mới..."

Khi thấy một điếu thuốc, cơ thể người nghiện

https://tieulun.hopto.org

dâng lên cảm giác thèm thuồng, các phản ứng trong cơ thể trỗi dậy thúc giục họ đưa tay cầm lấy điếu thuốc. Các nhà khoa học xem đó là phản xạ có điều kiện. Tuy nhiên, có một nhân tố quan trọng hơn mà ta không biết đó là sự lôi kéo nằm sâu trong tâm thức, nó còn được gọi là nghiệp lực.

Một sự vật thường tác động vào ta theo 3 mức độ: Mức thứ nhất, chúng xâm nhập qua 5 giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân), tạo ra cảm giác dễ chịu sung sướng. Ở mức thứ hai, chúng tác động vào não bộ (phần ý thức) tạo nên trí nhớ và ý thức ham muốn. Ví dụ như trong một số trường hợp người tuy sắp chết nhưng vẫn thấy thèm một thứ gì đó, mặc dù lúc đó cơ thể không hề có nhu cầu. Ở mức thứ ba, chúng tác động vào ngã thức tạo nên sự phân biệt và chấp chặt về hình ảnh của vật đó và nó cũng xuất hiện thường xuyên ở tàng thức. Khi đó, hình ảnh đó sẽ được mang từ kiếp này sang kiếp khác.

Chết không phải là hết. Mặc dù lúc đó sáu giác quan đã hư hoại nhưng nghiệp lực vẫn còn sâu trong Ngã thức và Tàng thức, chúng sẽ đi theo ta vào kiếp sống mới. Điều đó giải thích tại sao ta có thể yêu hay ghét một người ngay lần đầu tiên gặp gỡ. Tu hành là để làm sạch Ngã thức và Tàng thức, qua đó mới có thể thoát khỏi nghiệp lực.

https://tieulun.hopto.org

CHÙA THIÊNG*

ĐẶNG HÙNG ANH

Chuyện xưa ở Thăng Long
Có vua Lý Thái Tông
Một hôm trong giấc mộng
Thấy Bồ tát Quan Âm

https://tieulun.hopto.org

Ngài ngồi trên tòa sen
Hào quang tỏa dịu hiền
Đưa bàn tay hóa độ
Dắt nhà vua bước lên

Cầu mong điềm phước duyên
Vua nghe lời Sư khuyên
Mang hình một hoa sen

Chùa Thiêng: đóa sen hồng
Ngàn năm với núi sông
Giữa Thăng Long - Hà Nội
Hương thơm nối bao lòng.

---

[*] Chùa Một Cột

https://tieulun.hopto.org

HIỆN TƯỢNG TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN TẠI KHÁNH VÂN NAM VIỆN

DƯƠNG HOÀNG LỘC

Toàn cảnh gian thờ chính tại Khánh Vân Nam Viện

Tam giáo đồng nguyên là ba tôn giáo, gồm Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo cùng hòa vào làm một. Hiện tượng này phổ biến ở một số nước Á Đông, điển hình là Trung Quốc và Việt Nam. Trong lịch

https://tieulun.hopto.org

sử, Nho giáo có sự ảnh hưởng sâu rộng, từ tầng lớp trí thức, quý tộc đến tất cả người dân. Vì nó chi phối gần như tất cả mối quan hệ xã hội thông thường, trong một khoảng thời gian rất dài. Ngày nay, tầm ảnh hưởng của nó vẫn còn tương đối mạnh mẽ. Bên cạnh đó, "hầu hết các tác giả khi cho đạo Khổng một tính chất gọi là tôn giáo nào đó đều đưa vào đó việc thờ Trời thờ Đất, thờ Thần Nông, thờ mùa màng, thờ vong linh các bậc tôn kính, thờ quỷ thần linh thiêng vạn vật và cuối cùng là chính việc thờ cúng ông bà".

Đạo giáo và Phật giáo cũng là tôn giáo du nhập vào Việt Nam. Theo trình tự, có lẽ Đạo giáo đã tới và ảnh hưởng trong văn hóa Việt Nam trước, rồi sau mới tới Phật giáo. Nhưng người Việt Nam khi được hỏi, hoặc nếu tự nhận mình theo tôn giáo gì thì hầu hết sẽ trả lời là đạo Phật, hoặc trả lời là không có đạo. Và dù họ nói không theo tôn giáo nhưng vẫn có thờ cúng tổ tiên, ông bà cha mẹ. Và họ nghĩ đó là những đặc trưng hoặc là của đạo Phật, hoặc là do tín ngưỡng, tập tục lâu đời của người Việt nên cứ noi theo. Ngược lại, nếu hỏi về Đạo giáo, thì gần như không ai biết cả. Nhưng nếu nhìn vào sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh của người Việt, ta đều thấy các hoạt động đó hầu hết là sản phẩm (hoặc là bị ảnh hưởng) từ Đạo giáo. Ví dụ như việc lập bàn thờ Thổ Địa, bàn thờ ông Táo mà gần như tất cả mọi nhà đều

https://tieulun.hopto.org

có hoặc như các nghi thức cúng động thổ, nhập trạch, khai trương, các hoạt động coi bói đầu năm, tử vi…

Có thể nói Đạo giáo có sự ảnh hưởng sâu rộng trong văn hóa Việt Nam. Nhưng theo thời gian, nó bị tan biến vào trong Phật giáo và Nho giáo, mà người ta hay nói *Tam giáo đồng nguyên*. Thế nhưng nhìn vào lịch sử cận đại và hiện đại, hầu như ta chỉ thấy sự *thắng thế* của Nho giáo rồi Phật giáo. Vị trí của Đạo giáo gần như chỉ còn trong cộng đồng người Hoa, mặc dù đây là một trong những tôn giáo lâu đời nhất trên thế giới. Chính xác hơn, phải nói là tại Việt Nam gần như Đạo giáo đã bị "hòa tan" vào Nho giáo và Phật giáo, khó có thể nhận biết rạch ròi được. Khánh Vân Nam Viện ở TP.HCM ban đầu là của Đạo giáo, về sau chịu sự quản lí của Giáo hội Phật giáo người Hoa, thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Vì thế, chắc chắn ngoài đặc trưng Đạo giáo của mình, tầm ảnh hưởng của Phật giáo tại Khánh Vân Nam Viện cũng không nhỏ cùng với nó là Nho giáo, và truyền thống hiếu học của người Trung Quốc từ xưa tới nay. Cho nên, thông qua cách bài trí bàn thờ tại chính điện, chúng ta dễ dàng thấy được nhận thức và ứng xử đối với tam giáo của cộng đồng người Hoa và cả người Việt sau này.

https://tieulun.hopto.org

SƠ LƯỢC VỀ "KHÁNH VÂN NAM VIỆN"

Khánh Vân Nam Viện có tên gọi đầy đủ là Trà Sơn Khánh Vân Nam Viện, nhưng thường được gọi là chùa Khánh Vân hay chùa Khánh Vân Nam Viện. Đây là một cách gọi không đúng. Một phần do sự ảnh hưởng của người Việt và đạo Phật: trong đạo Phật, các cơ sở thờ cúng không phân biệt quy mô, đều gọi là chung là "chùa". Lâu dần hình thành thói quen, nên cộng đồng người Hoa cũng gọi nơi này là "chùa". Ngoài ra, về mặt tổ chức hành chính thì Khánh Vân Nam Viện hiện đang chịu sự quản lí của Giáo hội Phật giáo người Hoa, thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nên để tạo sự nhất quán, các giấy tờ cũng ghi là "Chùa Khánh Vân Nam Viện". Chính cách gọi này đã mang một hàm ý nhỏ về việc Đạo giáo bị nhập trong Phật giáo tại Việt Nam thời hiện đại.

Khánh Vân Nam Viện chính là quy mô thu nhỏ của Nam Hải Trà Sơn Khánh Vân Động tại Trung Quốc, được du nhập vào khu vực Sài Gòn – Chợ Lớn từ những năm 1930. Ngoài ra, nơi đây cũng thường được gọi là chùa Lữ Tổ. Lữ Tổ là cách gọi kính trọng dành cho Lữ Đồng Tân, một trong tám vị tiên (Bát Tiên) trong văn hóa Trung Hoa, nên chùa còn có tên gọi dân dã hơn là chùa Ông Tiên (hay chùa Tiên Ông). Giữa bàn thờ chính có để tượng Lữ

https://tieulun.hopto.org

Tổ trong lồng kính, với trang phục đạo sĩ, râu tóc đề huề, phong thái tiêu dao. Đồng thời, có một tượng nhỏ mặc áo xanh cho những ai có nhu cầu thỉnh về nhà thờ.

Như vậy, riêng về tên gọi "Khánh Vân" đã phản ánh tinh thần của Đạo giáo thể hiện từ huyền thoại. Theo đó, các vị thần tiên trong cô tích, hâu hết đêu cưỡi mây để đi từ nơi này sang nơi khác. Đám mây đó là mây ngũ sắc, với màu sáng rực rỡ. Lâu dần, sự xuất hiện của mây nhiều màu cũng là biểu tượng cho điềm lành, cho sự may mắn, cát tường. Và nó được gọi là "khánh vân". Về sau này, "khánh vân" cũng thường được sử dụng trong Phật giáo, cũng với một số ý nghĩa tương đương khi thông báo điềm may mắn hoặc cảnh báo trước khi một vị Phật hay Bồ Tát xuất hiện. Tuy nhiên, nhìn dưới góc độ bản sắc văn hóa thì nó gần như là "phương tiện di chuyển" riêng biệt của các vị thần – tiên mà thôi (cả trong văn hóa Trung Hoa và sau này là Việt Nam nữa). Vì hầu hết hình thức mô tả các vị Phật hoặc là ngồi trên toà sen (như Phật Tổ, Quan Thế Âm Bồ tát), hoặc là ngồi trên một số linh thú làm vật cưỡi (như voi sáu ngà của Phổ Hiền Bồ tát, sư tử lông xanh của Văn Thù Bồ tát, hoặc như con Đế Thính của Địa Tạng Vương Bồ tát, hoặc như ngài Quan Thế Âm Bồ tát cưỡi Rồng), chứ ít có vị Phật nào dùng mây làm phương

https://tieulun.hopto.org

tiện như các vị Thần – Tiên của Đạo giáo lắm. Cho nên, ngay trong tên gọi, Khánh Vân Nam Viện đã mang một đặc trưng văn hóa Đạo giáo rõ rệt: nó gắn liền với phong cách thoát tục, tiêu dao tự tại của các Ông Tiên (ở đây chính là Lữ Tổ và các vị thần tiên tại Khánh Vân Nam Viện).

Theo kỷ yêu mà ban hộ tự ghi chép lại, cho tới 2013, chùa đã có 88 năm hoạt động với hơn 2.000 tín đồ (chủ yếu là người Hoa) và đã qua 3 đời trụ trì:

- Đệ nhất đạo trưởng trụ trì từ 1936-1943 là Trần Khải Minh;
- Đệ nhị đạo trưởng trụ trì từ 1944-1968 là Âu Diệu Duyên;
- Đệ tam đạo trưởng trụ trì từ 1968-2013 là Châu Viêm;
- Đệ tứ và đương nhiệm đạo trưởng từ 2013 tới nay là Châu Huê Bang.

KHU VỰC THỜ CHÍNH: TỪ TÔN TAM ĐẾ, HUỲNH ĐẠI TIÊN, HOA ĐÀ TIÊN SƯ

Bàn thờ tại chính điện của một cơ sở thờ cúng là quan trọng nhất, có giá trị và sự ảnh hưởng lớn tới toàn bộ thiết chế của nó. Các vị trí khác chỉ là phụ trợ thêm vào mà thôi.

Khu vực này gồm ba bàn thờ. Chính giữa thờ bốn vị, một tượng lớn nhất đặt trên cùng, và ba tượng còn lại đặt ngang một hàng phía dưới. Tất cả

https://tieulun.hopto.org

gọi chung là *Từ Tôn Tam Đế*. Bốn tượng này đều làm bằng gỗ, đã rất cũ, hiện đặt trong một lồng kính. Đây là bốn vị thần quan trọng nhất, ảnh hưởng đến triết lý tu tập của các Đạo sĩ tại Khánh Vân Nam Viện.

Cận cảnh Từ Tôn Tam Đế

Bốn vị ấy được giải nghĩa dựa trên quan niệm của Đạo giáo, và ý kiến của Đạo trưởng trụ trì (thầy Châu Huê Bang) gồm:

• *Từ tôn* chính là Từ Hàng Đạo Nhân, một trong mười hai đệ tử của Nguyên Thủy Thiên Tôn. Trải qua sự giao lưu tiếp xúc với văn hóa Phật giáo, Từ Hàng Đạo Nhân được "Phật hóa" trở thành hoá thân

https://tieulun.hopto.org

của Quan Thế Âm Bồ tát. Và hiện tại, mọi người cũng quen gọi là Phật Bà Quan Âm theo sự chấp nhận của số đông. Tại điện thờ này, không thể chụp rõ được tượng *Từ Tôn*, vì tượng ở trên tầng cao, lại có rèm che không thể nhìn rõ mặt. Và ngày thường thì không cho người lạ vào khu vực này, nên chỉ có thê xác định được vị trí tượng, với toà sen được tạc ở phía dưới. Đồng thời, hai bên có tượng Kim Đồng và Ngọc Nữ hộ giá.

• Phía dưới, thấp hơn tượng Quan Thế Âm, là ba tượng cùng đặt chung một tầng. Lần lượt từ phải qua trái là Quan Thánh Đế Quân (tức Quan Công), Văn Xương Đế Quân và cuối cùng là Phù Hựu Đế Quân (tức Lữ Tổ - Lữ Đồng Tân). Ba vị này được xưng tụng là *Tam Đế*.

Cả bốn tượng đều rất cũ kĩ. Đặc biệt là dung mạo của Tam Đế khá giống nhau. Chỉ có thể phân biệt rõ dựa vào trang phục: Lữ Tổ mặc đạo bào, lưng đeo kiếm. Văn Xương Đế Quân và Quan Thánh Đế Quân thì phân biệt theo mũ áo, một bên là văn quan, một bên là võ quan.

Từ Hàng Đạo Nhân được tiếp biên thành Quan Âm Bồ tát trong Phật giáo không chỉ là một hiện tượng tôn giáo thú vị, mà còn là một hiện tượng văn hóa đặc biệt. Nó phản ánh quá trình Phật giáo từ Thiên Trúc (nước Ấn Độ xưa) du nhập và phát triển

https://tieulun.hopto.org

tại Trung Hoa, kéo theo nhiều sự thay đổi của các tôn giáo bản địa, trong đó có Đạo giáo. Tuy Đạo giáo có phần thất thế trong lịch sử xã hội trước Phật giáo, nhưng việc xây dựng huyền thoại mới từ một tàn tích văn hóa tôn giáo cũ, trong một hệ thống tôn giáo mới, nhằm *phục sinh* và nâng tầm giá trị của các đấng Thiêng liêng là một trong những hiện tượng phổ biến trong quá trình giao lưu tiếp xúc ở bất kì nền văn hóa nào trên thế giới.

Ở Việt Nam thời cận đại, thì Đạo giáo gần như chỉ còn tồn tại trong những tàn tích văn hóa, dường như bị hoà tan trong những tín ngưỡng dân gian. Nói một cách khác, Đạo giáo ngày nay chỉ còn là tàn dư, ngoài những giá trị bản sắc hết sức căn bản còn lưu truyền như là hạt nhân văn hóa của nó, thì sự dị biệt cũng khá nhiều so với Đạo giáo Trung Hoa, nên người dân phổ thông khó nắm được khái niệm về thần phả của tôn giáo này, đặc biệt là các thiết chế của Đạo giáo truyền thừa đến ngày nay có nhiều sự pha trộn giữa tín ngưỡng cổ truyền và các hình tượng thần mới được xây dựng. Vì thế, việc xây dựng và tô chức săp xêp một ban thờ, với vị trí tôi cao của Quan Âm – Từ Hàng Đạo Nhân tạo nên một sự đồng nhất, tránh được sự xung đột mâu thuẫn quan niệm của Phật giáo và Đạo giáo. Bên cạnh đó, nó còn thu hút được một số Phật tử cũng có thể đến

https://tieulun.hopto.org

viếng Khánh Vân Nam Viện như là viếng chùa cầu an, một trong những truyền thống của dân tộc (một phần cũng vì đã thống nhất cách gọi tên thành "chùa" theo quy định của Giáo hội Phật giáo Việt Nam). Từ đó, củng cố thêm công năng (vốn đã có) là *cứu khổ cứu nạn* của ngài Quán Thế Âm Bồ tát, đáp ứng thêm nhu câu của Phật tử vôn chiêm sô đông tại Sài Gòn, đồng thời tăng sự đoàn kết, thống nhất tôn giáo giữa Đạo giáo và Phật giáo.

Đạo giáo coi trọng Bồ tát, vì theo quan niệm của họ khi chịu tiếp biến từ Phật giáo thì Bồ tát là một vị thần nhưng có đầy đủ quyền năng của một vị Phật. Từ các huyền thoại, ngài Quán Thế Âm Bồ tát đã đắc đạo, trở thành Phật. Nhưng vì tâm nguyện cứu vớt toàn bộ chúng sinh, nên quay trở về cõi Ta bà, dùng thần thông của mình mà giúp đỡ mọi người. Cái hạnh nguyện này lại rất phù hợp với tinh thần phổ độ đã có từ xa xưa của Đạo giáo. Và giờ nó được đẩy tới đỉnh điểm với giá trị to lớn hơn. Vì thế, nó dễ dàng được Đạo giáo chấp nhận.

Tương tự như vậy, cách sắp xếp Tam Đế, với Văn Xương Đế Quân được đặt chính giữa cũng cho thấy tầm quan trọng của vị thần này. Qua đó cũng bộc lộ chức năng riêng và vai trò riêng.

Văn Xương Đế Quân là một vị thần phù hộ cho chuyện học hành thi cử, công danh sự nghiệp của

https://tieulun.hopto.org

người Hoa. Sau này, ảnh hưởng tới cả văn hóa Việt Nam. Có nhiều cổ tích về vị thần này, trong đó bao gồm những giả thuyết cho rằng Vạn Thế Sư Biểu – Khổng Phu Tử với trí tuệ phi phàm cũng là hóa thân của Văn Xương Đế Quân. Thêm vào đó, nếu xét dưới góc nhìn văn hóa, các nước như Trung Hoa, Việt Nam đều chịu ảnh hưởng của Không giáo (Nho giáo), nên con đường tiến thân lập nghiệp là học hành để thi ra làm quan. Từ đó, dẫn tới sự trọng việc học. Việc khẳng định vị trí chính của Văn Xương Đế Quân, cũng chính là "thông điệp" của Khánh Vân Nam Viện: ngay phía dưới nhu cầu hạnh phúc bình an trong cuộc sống (được đảm bảo bởi việc sẽ tránh khỏi những đau khổ từ "Quan Âm Bồ tát"), là một tinh thần học tập rèn luyện không ngừng. Chính tinh thần ấy mới tạo sự liên kết độc đáo các tín ngưỡng, chứ không phải là một tinh thần đậm chất Đạo giáo qua hình tượng Lữ Tổ, hay tinh thần anh dũng của Quan Thánh Đế Quân. Tinh thần học hành luôn đi kèm với truyền thống của người Trung Hoa lẫn Việt Nam và còn truyền giữ cho tới ngày nay.

Ngày nay, tuy có sự thay đổi về bản chất (ý nghĩa thực sự) của việc học, nhưng Văn Xương Đế Quân vẫn có giá trị "thiêng liêng" của mình. Vì xã hội Việt Nam hiện đại rất coi trọng bằng cấp mà việc học càng trở nên quan trọng. Thế nhưng không

https://tieulun.hopto.org

nhiều nơi có chức năng tâm linh để thỏa mãn nhu cầu được may mắn hanh thông trong học hành thi cử này của cộng đồng (người ta hay nói *học tài thi phận* mà). Hoặc có, nhưng lại không có vị trí quan trọng như tại Khánh Vân Nam Viện. Ví dụ như tại Hội Quán Ôn Lăng đường Lão Tử (thường được gọi là chùa Quan Âm), cũng có bàn thờ Văn Xương Đê Quân, nhưng được đặt chung với Hoa Phấn Phu Nhân, cùng "thứ bậc" với nhiều bàn thờ khác, nên so ra, kém phần trang trọng và quan trọng.

Văn Xương Đế Quân đồng thời cũng tượng trưng cho công danh sự nghiệp, nên trong thời buổi kinh tế thị trường lại có thêm chức năng của một "Thần Tài", nghĩa là vị thần mang lại tài lộc của cải cho công việc làm ăn, cũng như thăng quan tiến chức. Vì có công danh sự nghiệp thì đương nhiên đồng thời cũng có tăng thêm thu nhập, như người ta thường nói *thăng quan phát tài*.

Như vậy, ta có thể thấy tinh thần Tam giáo đồng nguyên, hay Đạo giáo hoà nhập trong Nho giáo và Phật giáo qua cách sắp xếp vị trí của các vị thần quan trọng nhất tại Khánh Vân Nam Viện. Việc săp xếp coi trọng vị thế của Phật giáo nhất (qua vị trí cao nhất dành cho Quan Thế Âm Bồ tát), sau đó đến vai trò của Nho giáo (vị trí của Văn Xương Đế Quân như vừa trình bày trên đây) đã thể hiện sự khiêm

https://tieulun.hopto.org

nhường của một tôn giáo lâu đời nhất Trung Quốc là Đạo giáo.

Khẳng định được vai trò và tầm quan trọng của chuyện học hành, tu dưỡng qua vị trí của Văn Xương Đế Quân, ta thấy vị trí *tả phù, hữu bật* của Quan Thánh Đế Quân và Phù Hựu Đế Quân trở thành những yêu tô trợ giúp, cũng quan trọng trên con đường tu/học. Cần phải có một tấm lòng trung nghĩa chính trực, vũ dõng anh minh như ngài Quan Thánh Đế Quân và một tấm lòng nhân ái luôn sẵn sàng chống lại cái xấu, bảo vệ mà cứu giúp mọi người như Phù Hựu Đế Quân.

Tuy Lữ Tổ - Phù Hựu Đế Quân là một vị thần quan trọng, có ý nghĩa và ảnh hưởng lớn tới Đạo giáo nói chung và tại Khánh Vân Nam Viện nói riêng, nhưng chỉ có vị trí khiêm tốn, nằm bên phải của Văn Xương Đế Quân. Thế nhưng trong văn hóa Trung Hoa, bên phải của bậc quân vương, luôn là người tin cậy nhất. Và thực tế trong sinh hoạt của Khánh Vân Nam Viện, mỗi năm ngày giỗ Lữ Tổ là ngày lễ quan trọng nhất. So sánh quy mô thì lại luôn luôn hoành tráng hơn ngày lễ của Văn Xương Đế Quân và Quan Thánh Đế Quân.

Xem xét vị trí thờ, tương tự ta cũng suy ra được vai trò của vị Hoa Đà Tiên Sư (bên phải của bàn thờ Từ Tôn Tam Đế) và Huỳnh Đại Tiên (bên trái của

https://tieulun.hopto.org

bàn thờ Từ Tôn Tam Đế). Hoa Đà Tiên Sư vốn là một nhân vật vào thời Tam Quốc (cùng thời với Quan Công). Sau này được suy tôn thành Thần vì khả năng chữa bệnh của mình. Khả năng chữa bệnh này cũng tương tự như vị Huỳnh Đại Tiên. Cũng có huyền thoại cho rằng Hoa Đà chính là hóa thân của Huỳnh Đại Tiên ở trên trời, vì vị thần này có một hồ lô chứa nước phép có thể chữa lành mọi chứng bệnh, đồng thời kéo dài thọ mạng. Ở Hồng Kông, miếu thờ Huỳnh Đại Tiên là một trong những điểm tham quan có số lượng du khách viếng thăm nhiều nhất. Cũng có lí do tâm linh thông qua nhiều lời đồn đãi về tính linh thiêng, hữu cầu tất ứng của vị thần này nơi đây. Không chỉ là trị bệnh, mà còn ban cho mọi người tài lộc. Vì thần có một phép *chỉ đá hóa vàng*, có thể đáp ứng được nhu cầu giàu sang của nhân loại, nên theo cách gọi của người Hương Cảng, họ cũng hay gọi là Huỳnh Tài Thần, nghĩa là vị thần họ Huỳnh mang lại tài lộc. Một số huyền thoại khác cũng cho rằng ngài có quan hệ hảo hữu với Lữ Tổ. Cả hai vị thường đánh cờ trên thiên giới với nhau, nên thông thường nơi nào có thờ Lữ Tổ thì nơi ấy có thờ Huỳnh Đại Tiên và ngược lại.

Với sự an vị tượng tại Khánh Vân Nam Viện, một lần nữa vai trò được đề cao tại tọa vị bên phải chánh điện của Hoa Đà Tiên Sư. Thêm vào đó, vị

https://tieulun.hopto.org

Thần Y này phổ biến trong văn hóa Việt Nam (và cả Trung Hoa) nhờ bộ tiểu thuyết *Tam Quốc Diễn Nghĩa*, chỉ thua Quan Thánh Đế Quân một chút.

Một lý do nữa trong việc Khánh Vân Nam Viện đề cao công năng trị bệnh của vị Thần Y này, vì quan niệm coi trọng sức khỏe hơn là tiền bạc. Con người có sức khỏe rồi mới có thể lao động làm việc tạo ra của cải vật chất. Có tiền mà không có sức khỏe thì cũng không thể nào hạnh phúc được. Điều này có nhiều sự tương đồng với quan niệm của người Việt. Hầu hết các vị Thần/Phật đều có "công năng" chữa bệnh, giúp con người vượt qua được đau khổ do bệnh tật. Nhưng vị thần "chuyên biệt" chỉ đảm nhiệm một chức vụ này như Thần Y Hoa Đà (và Huỳnh Đại Tiên) thì hiện chỉ duy nhất Khánh Vân Nam Viện là có thờ.

KẾT LUẬN

Hiện tượng *Tam giáo đồng nguyên* tại các cơ sở thờ cúng, khá phổ biến trong văn hóa Việt Nam. Thể hiện rõ nhất là việc thờ cúng các vị Phật, Bồ tát của Phật giáo song song với các vị Thần của Đạo giáo. Tuy nhiên vai trò của Phật giáo lúc nào cũng được đề cao qua cách thể hiện bàn thờ Phật trang trọng, đặt tại trung tâm thờ cúng của các chùa. Đạo giáo cũng có vai trò nhưng thể hiện mờ nhạt hơn qua hình tượng các vị thần là hộ pháp chốn Phật môn. Còn

https://tieulun.hopto.org

hình tượng Nho giáo thì gần như không thấy. Nếu miễn cưỡng, chỉ có thể nhận ra qua cách thờ cúng tổ tiên, ông bà, và điều này thì không phải là đặc trưng của Nho giáo.

Thế nhưng tại Khánh Vân Nam Viện, vị trí của Nho giáo qua hình tượng của vị thần được cho là hoá thân của Không Tử được thể hiện trang trọng tại chính điện. Đây là điểm khác biệt rất rõ. Cả ba tôn giáo này thể hiện hài hòa, với ý nghĩa, tầm quan trọng và sự ảnh hưởng gần như tương đương nhau. Tuy cách thể hiện dành cho đại chúng thì phải cụ thể hoá, từ đó mà có sự phân biệt "cao, thấp". Nhưng tất cả đằng sau nó là một ý nghĩa sâu xa hơn, trong quan niệm và văn hóa ứng xử của cộng đồng người Hoa. Nó là một nét bản sắc văn hóa riêng biệt của họ vậy.

Thêm vào đó, Đạo giáo ở đây còn có chức năng đoàn kết cộng đồng người Hoa, nó hoàn thiện và kết hợp các vị Thần - Tiên nơi các Hội quán của từng nhóm người (vốn chỉ mang tính cục bộ, và vì thế phần nào gây chia rẽ; khi những nhóm người với ngôn ngữ khác nhau chỉ sinh hoạt tại Hội quán riêng mà ít có sự giao lưu với Hội quán khác). Bởi vì trong tiến trình lịch sử của người Hoa, thì Đạo giáo có nguồn gốc lâu đời nhất, thấm sâu nhất trong văn hóa. Cho nên giữa việc các Hội quán với một số vị

https://tieulun.hopto.org

Thần phổ biến trong tín ngưỡng Trung Hoa được đưa sang để thoả mãn nhu cầu tâm linh của một tập thể nhỏ lẻ, thì việc thành lập Khánh Vân Nam Viện, một nơi sinh hoạt Đạo giáo đã có một ý nghĩa to lớn, kết hợp và phục vụ cho cả cộng đồng người Hoa nói chung. Cụ thể hơn, việc sát nhập các vị thần như Quan Công vào một thân phả với quy mô rộng lớn hơn, hệ thống chặt chẽ hơn, quy cũ rõ ràng hơn bằng một lý luận mang tính truyền thống cộng đồng trong một thiết chế đặc thù của Đạo giáo. Tiến trình đó có cơ sở từ trong những huyền thoại hình thành dân tộc, nên nó dễ dàng thực hiện.

Có thể trong quá trình này, người Hoa cũng mang theo Phật giáo của riêng mình. Nhưng so với Phật giáo của người Việt có rất nhiều tương đồng, và tầm ảnh hưởng của nó cũng không thể bằng được tôn giáo bản địa, vì Phật giáo đã sớm bén rễ sâu trong tâm thức người Việt rồi, nên họ càng đẩy mạnh các tín ngưỡng bản sắc của dân tộc như một cơ chế tự vệ văn hóa. Từ đó, các giá trị này được bảo tồn và phát huy cho tới ngày nay. Do đó, sự hòa trộn của Nho giáo (nằm trong văn hóa ứng xử), Đạo giáo và Phật giáo của người Hoa cũng có nhiều sự khác biệt so với người Việt. Sự thể hiện này cụ thể tại bàn thờ nơi chính điện.

https://tieulun.hopto.org

DU LỊCH TÂM LINH MỘT CÁI NHÌN THAM CHIẾU QUA THIỀN VIỆN BONGEUNSA HÀN QUỐC

ĐỖ THỊ MINH THÚY

Chính điện của Điện Yeongsan-jeon nơi tượng trưng cho đỉnh Vulture (Ấn Độ)

Du lịch tâm linh là một khái niệm xuất hiện trong xã hội hiện đại. Bản chất của du lịch tâm linh là dựa vào tài nguyên văn hóa tâm linh để làm kinh tế. Hàn Quốc là một quốc gia có nền

https://tieulun.hopto.org

văn hóa gần gũi với Việt Nam trong quá khứ; trong hiện tại văn hóa Hàn Quốc cùng với sự phát triển của kinh tế đã có những bước phát triển vượt bậc vươn ra thế giới. Trong phạm vi bài viết, qua trường hợp thiền viện Bongeunsa của Hàn Quốc chúng tôi muốn đưa ra cái nhìn tham chiêu về việc phát huy các di sản văn hóa thông qua các hoạt động du lịch tâm linh.

Du lịch tâm linh là một khái niệm xuất hiện trong xã hội hiện đại có một phần nội hàm trùng với khái niệm hành hương. Nếu hành hương là một khái niệm xuất hiện từ xa xưa gắn liền với các nghi thức tôn giáo, là nghĩa vụ bắt buộc của mỗi tín đồ theo định kỳ tới cầu nguyện tại các vùng đất thiêng nơi phát tích của đạo như Jezuzalem của người theo đạo Thiên chúa, người theo đạo Do Thái, Thánh địa Mecca của người theo đạo Hồi, thì du lịch tâm linh có đối tượng gồm người theo đạo đến để cầu nguyện và du khách đến thuần túy vì mục đích khám phá văn hóa. Điểm khác biệt lớn giữa du lịch tâm linh với hành hương ở chỗ du lịch tâm linh nhắm tới mục đích kinh tế. Bản chất của du lich tâm linh là dựa vào tài nguyên văn hóa tâm linh để làm kinh tế. Hoạt động du lịch tâm linh được thực hiện bởi các công ty du lịch xúc tiến đưa khách đến các địa danh. Hoạt động du lịch tâm linh còn do chính giới tăng lữ và

https://tieulun.hopto.org

các tín đồ tại cơ sở thờ tự thực hiện, đây là một khía cạnh khá mới mẻ ở Việt Nam, nhưng ở Hàn Quốc đã có nhưng bước phát triển. Đặc biệt, du lịch tâm linh là một trong những hoạt động góp phần chấn hưng Phật giáo tại Hàn Quốc.

Hàn Quốc là một quốc gia có nền văn hóa gần gũi với Việt Nam trong quá khứ; trong hiện tại văn hóa Hàn Quốc cùng với sự phát triển của kinh tế đã có những bước phát triển vượt bậc vươn ra thế giới, đặc biệt có sự chuyển đổi từ một quốc gia chịu nhiều ảnh hưởng của Phật giáo, Nho giáo sang một quốc gia có đa số dân theo đạo Tin Lành. Trong phạm vi bài viết, qua trường hợp thiền viện Bongeunsa của Hàn Quốc, chúng tôi muốn đưa ra cái nhìn tham chiếu về việc phát huy các di sản văn hóa thông qua các hoạt động du lịch tâm linh.

Vài nét về Thiền viện Bongeunsa

Thiền viện Bongeunsa là ngôi đền nổi tiếng của Hàn Quốc không chỉ về giá trị lịch sử, văn hóa mà còn là một mô hình thành công phát triển du lịch tâm linh trong việc mang lại lợi ích kinh tế từ các giá trị văn hóa truyền thống, bảo tồn, phát huy một cách hiệu quả di sản văn hóa.

Bonngeunsa thuộc Samseong-dong, quận Gangnam-gu, thành phố Seoul, Hàn Quốc. Chùa được Quốc sư Ven.Yeonhoe xây dựng vào năm 794,

https://tieulun.hopto.org

dưới triều vua Wonseong. Đến triều đại Joseon (1392 – 1910), sự phát triển của Phật giáo gặp nhiều khó khăn do chính sách đề cao Khổng giáo bài Phật giáo. Thiền sư Ven.Bowu, trụ trì tại Bongeunsa được coi là người có công chấn hưng Phật giáo, và là người đặt nền móng cho Bongeunsa phát triển, trở thành trung tâm Phật giáo Thiên tông tại Hàn Quốc. Trong suốt chiều dài lịch sử, mặc dù bị Nhà nước kiểm soát việc tuyển chọn sư sãi, Bongeunsa vẫn luôn giữ vai trò một trung tâm lớn đào tạo các vị thiền sư, đặc biệt các thiền sư thuộc dòng Thiền thực hành ở Hàn Quốc.

Vào cuối triều Joseon, thiền sư Ven.Younggi cho xây dựng trong khuôn viên Bongeunsa, tòa nhà Pan-Jeon để chứa kinh Phật, đến nay vẫn còn lưu giữ được 81 bản khắc gỗ kinh Hoa Nghiêm nổi tiếng. Cũng trong thời gian này, Jeonghee Kim, bút danh Chusa là nhà giáo và là nhà thi pháp lớn nhất Hàn Quốc - người tạo dựng dòng thi pháp đặc biệt Chusache cư ngụ tại chùa.

Bước vào thời hiện đại, Bongeunsa trải qua các giai đoạn suy thoái. Thiền sư Ven.Youngam đã dần dần tập hợp Phật tử trên toàn quốc, phát triển Bongeunsa trở thành một ngôi chùa lớn nhất hiện nay. Vào năm 1960, Viện Dịch thuật Dongguk được thành lập tại đây và trở thành Viện hàng đầu dịch

https://tieulun.hopto.org

kinh Phật từ tiếng Trung sang tiếng Hàn, ngôi chùa trở thành chiếc nôi của phong trào chấn hưng Phật giáo tại Hàn Quốc.

Bongeunsa hiện nay có quần thể kiến trúc khá bề thế, tổng thể có 10 cụm kiến trúc, điêu khắc đáng chú ý:

- Công Như thị (Jinyeo-mun) với hàm ý bước qua ranh giới tượng trưng này ta sẽ tới một thực tại nguyên sơ như nó vốn có.

- Điện Dharma (Beopwang-ru) là nơi gặp gỡ của các vị thượng tọa và thực hành nghi lễ buổi sáng. Tại đây, thờ 3.300 pho tượng Bồ tát thu nhỏ nhằm tôn vinh lòng từ bi cứu nạn cứu khổ chúng sinh theo tinh thần Phật giáo, đồng thời thể hiện tôn chỉ của ngôi chùa về con đường thực hành tu trì giữa nhân gian.

- Nhà học (Seonbul-dang) được xây dựng dưới triều Joseon, là nơi giảng dạy, đào tạo thiền sư. Đây là một mẫu mực về kiến trúc cổ của Hàn Quốc, có giá trị về lịch sử, văn hóa không thể tìm thấy ở các ngôi chùa khác.

- Đại điện (Daewoong-jeon) là tòa nhà trung tâm được ví như trái tim của Bongeunsa. Gian giữa thờ Phật tổ Như Lai, hai bên là Đức Phật A Di Đà và Đức Phật Dược Sư, tại đây diễn ra hầu hết các hoạt động thường nhật của ngôi chùa.

https://tieulun.hopto.org

Điện Dharma (Beopwang-ru) thờ 3.300 pho tượng Bồ tát thu nhỏ

- Điện Jijang-jeon thờ Đức Phật Địa Tạng, người bảo hộ các linh hồn, vị Phật từ chối về thế giới cực lạc, ở lại nhân gian nguyện cứu tất cả các chúng sinh.

- Điện Yeongsan-jeon được xây dựng ở vị trí cao nhất, từ đây có thể nhìn toàn cảnh khuôn viên Bongeunsa. Tòa nhà này tượng trưng cho đỉnh Vulture ở Ấn Độ, nơi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết giảng Phật pháp. Để tái tạo bối cảnh lịch sử này, chính điện thờ tượng Đức Phật Thích Ca Mâu

https://tieulun.hopto.org

Ni, hai bên là 2 đệ tử xuất sắc Phật Ma Ha Ca Diếp và A Nan Đà cùng với 16 vị La hán (được thể hiện trong tranh vẽ trên tường).

Nhà học (Seonbul-dang) nơi giảng dạy, đào tạo thiền sư

- Điện thờ báu vật của thần Bắc Đẩu (Bukgeukbo-jeon). Việc thờ sao Bắc Đẩu cho thấy ảnh hưởng của Đạo giáo tới Phật giáo tại Hàn Quốc, đồng thời đây còn là sự tiếp nối việc thờ cúng bảy ngôi sao thuộc chòm sao Đại Hùng vốn được coi là các vị thần bảo trợ sinh sản, tuổi thọ, sự giàu có và

https://tieulun.hopto.org

mùa màng trong tín ngưỡng dân gian Hàn Quốc.

- Thư viện (Pan-jeon) đã được đề cập ở trên, đây là tòa nhà lâu đời nhất trong khuôn viên Bongeunsa. hiện lưu trữ 3.438 bản kinh Phật, bao gồm bài luận cổ về kinh Hoa Nghiêm. Đáng chú ý trên tường gian chính giữa treo một bức thi pháp được biết tới là tác phâm cuôi cùng của nhà thư pháp huyền thoại Jeonghee Kim.

- Tại Bongeunsa có hai gác chuông khá đặc biệt, không phải về kiến trúc mà là về bốn kỳ vật treo bên trong gồm: một đại hồng chung, một giá chiêng, một giá trống và một con cá gỗ. Bốn vật dụng này được dóng lên vào mỗi sáng sớm và chiều tối nhằm cứu vớt tất cả sinh linh trong vũ trụ: Những âm thanh của chuông cứu vớt các linh hồn thoát khỏi địa ngục; Những âm thanh của trống cứu vớt linh hồn các loài động vật; Những âm thanh của chiêng cứu vớt các linh hồn lang thang trong không trung, đặc biệt là linh hồn các loài chim; Âm thanh của cá gỗ cứu vớt linh hồn các loài vật lang thang trong nước... để đưa tất cả các linh hồn đó lên thiên đường. Bên dưới tháp chuông là hồ nước tròn, chính giữa dựng tượng Đức Phật Quán Thế Âm Bồ tát trên tay cầm bình Cam lồ - vị Phật nghe, nhìn, thấu hiểu mọi nỗi khổ thế gian. Cụm kiến trúc bao gồm gác chuông, hồ nước và Đức Phật Quán Thế Âm Bồ tát mang tính biểu tượng về

https://tieulun.hopto.org

triết lý cứu độ chúng sinh của đạo Phật, đồng thời ghi nhận dấu ấn Phật giáo Hàn Quốc.

Một trong hai gác chuông

- Các pho tượng có giá trị về văn hóa, nghệ thuật tại Bongeunsa:

Gồm bốn pho tượng bằng gỗ tạc bốn vị vua Trời lấy nguyên mẫu từ văn hóa Ấn Độ. Theo truyền thuyết, mỗi vị trấn giữ một phương trời bảo vệ Phật Tổ tu luyện trong rừng. Mỗi pho tượng là một tác phẩm đặc sắc trong loại hình tượng này tại Hàn Quốc với nét mặt nhân từ, nụ cười rạng rỡ.

https://tieulun.hopto.org

Tượng Phật Di Lặc được tạc từ đá hoa cương cao 23 m, mô tả Đức Phật đến thế gian cứu độ chúng sinh. Đây là một công trình đồ sộ, đá dùng xây tượng được lấy từ Iksan, tỉnh Jeolla nơi Đức Di Lặc được đặc biệt tôn thờ. Bức tượng là minh chứng đức tin của các Phật tử tại Hàn Quốc.

Một sô hoạt động du lịch tâm linh tại Bongeunsa

Trước hết, do đặc thù của Phật giáo Hàn Quốc không phải là tôn giáo chiếm ưu thế trong xã hội, để tồn tại và phát triển như phần trên đã trình bày, từ những năm đầu thế kỷ XX, Phật giáo Hàn Quốc đã tiến hành nhiều hoạt động nhằm chấn hưng Đạo, dưới sự dẫn đắt của thiền sư Ven.Youngam, Phật tử đã phát triển Bongeunsa trở thành một ngôi chùa lớn, đại diện cho Phật giáo Hàn Quốc. Từ kết quả của quá trình nỗ lực bền bỉ của toàn thể Phật tử Hàn Quốc, ngày nay Bongeunsa đã viết lên trang sử mới, trở thành trung tâm thực hành Phật giáo lớn nhất ở Hàn Quốc. Các thiền sư thực hành tu luyện thiền song song với việc tham gia vào các công việc xã hội. Việc quản lý tài chính của chùa được mở rộng với sự góp mặt của Phật tử. Các phật tử không chỉ hoạt động tôn giáo một cách tích cực qua các nghi lễ thờ cúng mà còn là các tình nguyện viên tham gia các công việc xã hội, thông qua các hoạt động đó đã

https://tieulun.hopto.org

đem những điều răn dạy của Phật Tổ lan tỏa rộng khắp chúng sinh, giúp cho Phật giáo hiện đại Hàn Quốc vươn tới cộng đồng.

Để tạo nguồn tài chính duy trì hoạt động và phát triển, Bongeunsa có nhiều hoạt động kinh tế sáng tạo, thích ứng với nhịp sống hiện đại, năng động của một thành phô hiện đại như Seoul. Chương trình du lịch tâm linh tại chùa là một hoạt động nổi bật hướng tới hai mục tiêu: mục tiêu kinh tế và mục tiêu hoằng dương Phật pháp. Hiện Bongeunsa có hai gói tour dài ngày và ngắn hạn. Gói thứ nhất 2 ngày một đêm thực hành thiền tại chùa của các du khách với kinh phí 50.000won/người (được bắt đầu từ 2g chiều ngày đầu tiên, kết thúc vào 9g sáng ngày thứ hai). Lượng khách được nhà chùa tiếp đón cùng lúc khoảng từ 10 đến 30 người. Du khách sẽ được trải nghiệm sống như một thiền sư, hưởng không khí trong lành tĩnh mịch với tiếng chuông chùa ngân nga trong đêm khuya thanh vắng, uống trà đạo, đàm đạo cùng các thiền sư và thực hành thiền như lần trang hạt, quỳ lạy 108 lần. Gói thứ hai chỉ thực hiện trong 2g tiếp đón từng nhóm du khách cỡ khoảng 5 người (khách nước ngoài được xếp lịch từ 2g đến 4g30 chiều ngày thứ 5 hàng tuần), đem đến cho du khách những trải nghiệm nhỏ về văn hóa Hàn và văn hóa Phật giáo gồm: Tham quan chùa, dự trà đạo, thực

https://tieulun.hopto.org

hành thiền, làm đèn hoa sen với kinh phí 20.000 won/ người.

Việc lôi cuốn sự đóng góp của Phật tử tại Bongeunsa cũng rất đáng lưu ý, tại bất cứ ban thờ nào trong chùa cũng không đặt hòm công đức. Ban trị sự chùa cho xây dựng bên ngoài khuôn viên ngay gân công chính một cửa hàng gôm các gian bán đô lưu niệm; gian bán thực phẩm đồ chay; gian bán quần áo, giầy dép (gồm đồ đã dùng và đồ mới tồn kho)... do Phật tử cúng dường và được điều hành bởi các Phật tử. Hoạt động nhộn nhịp mua bán tại cửa hàng phục vụ các Phật tử, du khách đã đem lại nguồn thu đáng kể. Chúng tôi tới viếng thăm đền trong dịp sang công tác tại Hàn Quốc năm 2011 đã chứng kiến hình ảnh những phụ nữ trẻ mang những bộ quần áo được giặt là cẩn thận treo trên mắc, phủ ni lông tới chùa làm từ thiện, sau khi được tiếp nhận đã được treo bán ngay tại cửa hàng mà không cần qua khâu xử lý làm sạch. Với phương châm gắn đạo với đời trong mọi hoạt động đã khiến Bongeunsa - báu vật trong di sản văn hóa Hàn Quốc, ngôi chùa nghìn năm tuổi tràn đầy sức sống giữa một Seoul hiện đại.

***

https://tieulun.hopto.org

Từ các hoạt động của chùa Bongeunsa, đặc biệt qua hoạt động du lịch tâm linh đem đến cho chúng ta cái nhìn tham chiếu, suy nghĩ về cách thức khai thác di sản đem lại lợi ích kinh tế và hoằng dương Phật pháp một cách chính thống. Ở Việt Nam, Phật giáo có lợi thế trong hòa đồng với tín ngưỡng dân gian với một sô lượng Phật tử đông đảo, tuy nhiên việc tiếp xúc giữa các vị sư và Phật tử thường có khoảng cách, làm thế nào để giáo lý của Phật đến với người dân một cách nhuần nhị, tự nhiên rất cần vai trò dẫn dắt của các vị cao tăng, cũng như làm thế nào thay đổi việc cúng dường của các tín đồ một cách đẹp đẽ, trang trọng hơn. Việt Nam có rất nhiều ngôi chùa có vị trí thuận lợi, có kiến trúc, lịch sử lâu đời cùng các di vật có giá trị, làm thế nào để phát huy các giá trị đó một cách chủ động không chỉ trông chờ vào các tác động từ bên ngoài tới từ các công ty lữ hành, từ lòng sùng kính của thiện nam tín nữ mà rất cần sự chủ động từ chính các vị sư trụ trì để du lịch tâm linh đạt tới hai mục tiêu là vừa khai thác di sản đem lại lợi ích kinh tế vừa hoằng dương Phật pháp.

Ảnh, tài liệu cho bài viết lấy từ chuyến đi Hàn Quốc tháng 10 năm 2011 của tác giả.

https://tieulun.hopto.org

HÀNG CHÂU

Quê tôi ở tận Tây Ninh, giáp với nước bạn Campuchia. Đi theo con đường lộ đất đỏ trải đá xanh lên huyện Tân Biên, bên tay trái mờ mờ thẳng hàng rừng cây cao lá xanh um trông như hàng rào ranh giới. Vào buổi sáng tinh mơ hay buổi chiều tắt nắng, nhìn xa xa nao nao, buồn ơi là buồn! Tôi chuẩn bị túi vải, sách vở đi xa bốn năm để tiếp tục việc học. Hôm sau, tôi cúi đầu từ giả chào sư phụ ở ngôi chùa làng nhỏ bé cổ xưa. Thầy nhìn tôi trìu mến với lời

https://tieulun.hopto.org

chúc, ước vọng toại nguyện.

Từ lúc 10 tuổi cho đến hôm nay đã sang tuổi 18, cuộc đời tôi luôn có lời nhắn nhủ của bậc sinh thành. Là một thanh niên quê mùa, ở vùng sâu vùng xa, tôi báo cho mẹ biết, tôi được Thầy chấp thuận vào dự học một trường Trung cấp ở tỉnh Đồng Nai. Mẹ vui mừng lắm! Ngày vào trường , mẹ đưa tôi ra tận bên xe đò. Qua khung cửa nhỏ, bàn tay mẹ nắm lấy bàn tay tôi, đôi mắt thoáng ướt, mẹ dặn:

- Ráng nghe lời Thầy, chăm chỉ học nghe con!

Tôi khẽ nói:

- Mẹ yên tâm, con sẽ cố gắng học.

Chiếc xe đò lăn bánh mà tôi cảm nhận ánh mắt của mẹ vẫn nhìn theo hun hút về hướng Biên Hòa.

Chiếc xe Honda chở khách ngừng trước cổng ngôi chùa "Phật Hiện" cạnh cánh rừng tràm xanh ngát. Xuống xe, tôi đứng nhìn thoáng chút bỡ ngỡ, rồi từng bước vào bên trong. Một khuôn viên thật rộng với ngôi chánh điện, đằng sau bức tường rào cánh cửa khép kín là dãy nhà hai tầng với nhiều gian phòng.

Vị tu sĩ mặc áo dài màu vàng bên trong cánh tay dài màu nâu đưa tôi vào phòng khách. Tôi khẽ nhìn vị thầy, người có gương mặt toát ra vẻ hiền hòa, âm điệu nói chậm rãi dễ cảm.

- Em ở tỉnh nào vậy?

https://tieulun.hopto.org

- Thưa ở Tây Ninh, vì lỡ chuyến xe nên vào trường muộn.

Thầy giới thiệu sơ về thời khóa biểu học và sắp xếp việc ở nội trú. Tôi lắng nghe, trong lòng hơi bối rối vì lần đầu tiên tôi mới được biết thầy. Vị tu sĩ có phong cách khác hẳn với người thầy dạy văn hóa phổ thông. Chiếc áo màu vàng của nhà tu làm cho người tiếp xúc đối diện như có một khoảng cách, phải thận trọng trong từng lời nói. Nhưng với thầy Quản viện của Trường Trung cấp Phật học Đồng Nai này như có một cái gì thân thiện, gần gũi. Phải chăng ở thầy toát ra đức hạnh và lòng nhân ái. Thầy hướng dẫn tôi nhìn khái quát ngôi trường, giới thiệu về sự sinh hoạt hằng ngày của chư Tăng. Thời gian khóa học tu được khép kín. Hằng ngày, từ 3 giờ 30 sáng đến 22 giờ, học viện khép mình vào công phu tu tập như bái sám, tọa thiền, tụng kinh và học tập kinh điển.

Lớp học thật trang nghiêm. Những đôi mắt mở to hướng về vị giáo thọ đang giảng về "Sự sống".

- Sống là gì, các huynh đệ có biết không? Thế nào để sống cho đáng sống? Thế nào sống cho đúng ý nghĩa của cuộc sống? Sống chỉ là một ngôn từ đơn giản chỉ về sự hình thành bằng nỗ lực của thân xác và trí tuệ...

Ngoài sân, ánh nắng bắt đầu lên cao hắt nhẹ qua

https://tieulun.hopto.org

khung cửa sổ vào đôi hàng ghế ở lớp có tiếng nhúc nhích của một tăng sinh tránh nắng. Trên bục, vị giáo thọ vẫn say sưa giảng, có lúc nhìn học trò, có lúc quay lưng đi trên bảng.

- Tít! Tít! Tít! Tiếng chuông điện thoại reng reng giữa sự tĩnh lặng của lớp học mà con muỗi, con ong vo ve cũng nghe rõ. Đôi ba gương mặt quay nhìn về hướng góc cuối lớp, rồi lại vội vã nhìn lên bảng. Hai mươi phút sau lại có tiếng reng, reng, rồi nhạc mở đầu khe khẽ.

- "Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào".

Ánh mắt người thầy hơi sững lại nơi tăng sinh đang cúi thấp đầu trả lời nho nhỏ vào chiếc điện thoại di động...

Tan lớp, tôi ngồi trên bậc thềm được bao phủ bởi tàng cây cổ thụ cùng gió phất phơ mát rượi. Lớp học gần 200 học viên từ các nơi về học. Mỗi người đến lớp, sống trong từng gia đình, hoàn cảnh khác nhau, nên cá tánh không ai giống ai, lại là con trai nên dễ háo thắng, bốc đồng. Tôi nhìn nơi trụ cột tường hướng gần cổng, một tăng sinh đang phì phèo rít thuốc lá, nhả khói lơ lửng bay. Có lẽ cả ngày kềm nhịn nên có đôi phút chiều giải khuây cảm thấy mãn nguyện lâng lâng. Các bạn trẻ sống ở vùng thị tứ bao điều lôi cuốn quyến rũ dễ xâm nhập vào người.

Gần cổng, phía tay phải có rừng tràm mát rượi,

https://tieulun.hopto.org

một tăng sinh đang mơ màng gắn vào tai "Écouteur" nghe nhạc cho cuộc đời ồn ào vui nhộn lên đôi phút. Sâu vào bên trong, đôi ba tăng sinh đùa giỡn, rượt cút bắt, chơi đá lon như để giãn gân cốt.

- Ê ăn gian!
- Ăn gian hồi nào?
- Đó! Đó!

Không chịu nổi cú chơi gian lận, cuộc xô xát "biểu diễn võ thuật" xảy ra. Người bạn ngồi cạnh đó không ngăn cản, chồm hổm vỗ tay reo. Rồi tai tiếng vào đến với Thầy Quản Viện. Buổi họp giao ban, thầy giáo thọ phản ánh giờ học ở lớp với Ban Giám hiệu nhà trường.

Nội quy trường rất nghiêm túc được phổ biến vào ngày khai giảng lớp. Trong giờ học lỡ vi phạm nội quy, nếu nhẹ thì sám hối, nặng thì mời rời khỏi trường, trừ khi được sự bảo lãnh của Bổn sư và sự hoan hỷ chấp thuận của Ban Giám hiệu thì tăng sinh ấy mới được trở lại học.

Cuộc sống của học viên được khép kín trong môi trường nội trú cắt hẳn ngoại duyên. Việc đi lại ra ngoài dường như hạn chế hoàn toàn. Mỗi lần có duyên sự, tăng sinh phải xin phép quý Thầy trong ban điều hành và được sự đồng ý của Bổn sư. Thế rồi cuộc họp của Ban lãnh đạo nhà trường ra quyết định "5 không":

https://tieulun.hopto.org

- Không nghe Radio.
- Không dùng máy vi tính.
- Không hút thuốc và dùng các chất kích thích.
- Không mang xe máy vào trường.
- Không sử dụng điện thoại di động.

Tôi nghe nói, thầy Quản viện thấy học viên bị lôi kéo, cuôn hút bởi các cảnh duyên bên ngoài làm ảnh hưởng việc tu học, thầy trăn trở nhiều đêm khuya vắng rồi mơ ước:

- Nếu có thần thông, tôi sẽ hô biến những chiếc điện thoại di động của các tăng sinh thành những mảnh sắt vụn, không sử dụng được và cũng hô biến đôi chân các vị không ra khỏi cổng trường trong suốt thời gian bốn năm tu học.

Có lần học viên vi phạm nội quy, người phạm lỗi phải quỳ gối trước bàn thờ Phật sám hối, thầy Quản viện tự thấy mình chưa làm tròn bổn phận giáo dục học trò, nên cùng quỳ gối sám hối với người phạm lỗi. Giây phút ấy, các học viên cùng đứng lặng lẽ với tâm trạng phiền trách bạn mình. Tôi chợt nhìn thấy giọt nước mắt nơi khóe mắt thầy, không sao giữ nổi... Ôi giọt nước mắt nghĩa tình đầy lòng nhân ái của thầy làm xao động tim tôi với nhiều đêm thao thức không sao ngủ được.

Trong ngày vào học ở ngôi Trường Trung cấp Phật học Đồng Nai, có học viên khi nghe "5 không"

https://tieulun.hopto.org

cảm nghĩ rằng mình đã trở thành "người rừng" của thế kỷ XXI với nội quy thật khắt khe.

Thầy hiệu trưởng nhắc nhở:

- Phải tập trung vào việc học và việc tu. Ở vào thời đại văn minh này, muốn thực hiện được điều ấy quả là vô cùng khó khăn. Tỉnh lực cao, đạo tâm sâu, nhớ và hành trì liên tục lời Phật dạy.

Mùa thu, mùa của tiết trời se lạnh. Những chiếc lá màu xanh từ từ đổi sắc vàng, lòng người nao nao lắng đọng, bâng khuâng buồn xa xôi. Ngày tựu trường đã sang tháng mà tôi vẫn còn trăn trở nhớ mẹ. Người mẹ chịu cực khổ, tất cả tình thương dành cho đứa con. Lúc 4-5 tuổi, tôi vẫn còn ngủ chung với mẹ. Mẹ kể chuyện ông vua nước Việt mà dân gian gọi là vua Hùng giữ nước. Có đêm mẹ nhớ lại, những ngày khói lửa ngất trời, tất cả chạy xôn xao trong nước mắt. Xóm làng điêu tàn hết rồi bà con ơi!

Tôi hình dung tiếng mẹ sụt sùi. Lòng con người sao dã man nhẫn tâm đến như vậy. Bây giờ vào tu học, là mẹ muốn cho tôi có cái tâm là "người". Phải tận diệt cho hết lòng tham. Những giờ lên lớp thật quý báu. Các vị giáo thọ tâm huyết, hết sức chỉ dạy cho đàn hậu sinh tu tập sống xứng đáng. Mỗi bữa cơm trưa thầy Quản viện ngồi cạnh các tăng sinh, ấm cúng tình thầy trò dưới mái trường Phật học. Giây phút ấy, thầy nhắc nhở những điều mà tăng

https://tieulun.hopto.org

sinh băn khoăn trong việc học, trong nếp sống xảy ra ở trường.

Tôi khẽ thoáng nhìn thầy, người có cái tên mà giây phút ban đầu được biết, tôi rất ngạc nhiên vì cái tên ấy gắn liền với người phụ nữ đặc biệt, chị rất nổi tiếng với tình yêu quê hương đất nước mà từ lúc bé đến giờ tôi chăng thấy ai trùng với tên đó: MINH KHAI!

Thầy Minh Khai - Vị tu sĩ đức độ, giàu lòng nhân ái. Người Thầy yêu quý của tôi!

https://tieulun.hopto.org

CHÉN TRÀ VÀ DÒNG KINH VÔ TỰ...

NGUYỄN BÁ HOÀN

Kiếp sống của một con người dù dài hay ngắn cũng đều trôi qua rất lẹ, nhất là đối với những người

https://tieulun.hopto.org

đứng bên ngoài đã chạm ánh mắt vào cái giới hạn của kiếp người. Và dù sống lâu trăm tuổi hay vắn số khi tóc xanh còn để chỏm, thì đương khi con người ta đang sống, đang còn yêu thương, thù hận, còn bao dung độ lượng, còn hẹp hòi ích kỷ, thì sự đời nơi mỗi phận người đều là một thiên kinh sống động ý nghĩa nhất, đê con người chiêm nghiệm, trì tụng lây.

Thật vậy, kể từ khi cất tiếng khóc chào đời, cứ mỗi ngày trôi qua là thêm một dòng kinh in đậm lên nền cuộc sống, mỗi năm tháng trôi qua lại thêm một trang kinh, mỗi đời người là một quyển kinh dày mỏng tùy theo thọ mạng ngắn dài, đặc biệt nó đều sống động, đều kham nhẫn chịu đựng như nhau cả, trong đó chứa đầy những vui buồn, sướng khổ, hoa thơm, gai góc, nụ cười, nước mắt, thiện và ác, đúng sai, phải quấy, hạnh phúc và bất hạnh. Té ra, từ khi sự sống nảy mầm, con người đã viết nên những dòng kinh thấm đẫm chất người với dẫy đầy những toan tính "Ma Ma - Phật Phật", những dòng kinh có khi như những dòng thơ trữ tình bềnh bồng thăng hoa, cũng có khi như mang phải gáo nước đồng sôi, hòn sắt nóng, hình thành từ chất súc sanh địa ngục. Những mất mát hư hao đọng lại một cách thứ tự trong tiềm thức. Những đau khổ thì ngổn ngang, hạnh phúc thì dè chừng, thù hận và yêu thương trong dòng máu nóng và lạnh được phơi bày lên nền cuộc

https://tieulun.hopto.org

sống. Tất cả hiện thành từ tâm người, thông qua những suy nghĩ, nói năng, hành vi tạo tác nơi mỗi con người đã tạo nên cuộc sống muôn màu, muôn vẻ, tạo nên sự vững chắc của "cái tôi" vừa đáng yêu vừa đáng ghét. Kể cũng lạ thật, khi con người mải mê tạo tác, mải mê rong chơi và mải mê đi tìm lại chính mình, đã khiến bước chân lao vút đi cuông nhiệt. Con người đã đi ra, con người lại tìm ngõ ngách để đi vào và con người lại bỏ lại sau lưng tập đại thành tác phẩm của chính mình. Vì không đọc lại dòng kinh của ngày hôm qua, không đọc lại những trang kinh của năm kia, năm ngoái, con người đã khắc khoải và hồn nhiên quay tít theo vòng quay thế sự.

Sự sống nảy mầm hình thành nên kiếp sống, kiếp sống ngắn dài tùy theo vận mạng, xuôi theo tạo tác và trả vay nơi mỗi con người. Những kiếp sống tuần tự trôi qua, nhất thời cuốn theo vạn sự nhiễu phiền lẩm cẩm, nhưng lại chất chồng nợ nần trả vay, vay trả. Phú quý, nên hư, thành bại, lợi danh, được mất, sống còn... tuồn tuột ra đi, duy chỉ còn lại những trang kinh keo sơn trong tiềm thức là có chung có thủy. Những trang kinh im ỉm chờ thời và nhất là khi bản thân nơi mỗi người xảy ra biến cố, những trang kinh lòng mới cựa mình sống dậy. Một câu kinh của Phật gia nói rằng: "Tâm như họa sĩ

https://tieulun.hopto.org

giỏi”. Quả thật như vậy, mỗi con người đã vẽ nên cuộc sống với tối đa sức lực của mình cho đến khi trước mắt mịt mờ mới chịu nghe ngóng chính mình. Khi không còn sức để vẽ nên cuộc sống, con người mới ngồi lại bên chén trà mà ngẫm lại những việc mình làm, mà truy nhân chờ quả, mới chịu ngồi lại nhâp từng ngụm trà mà lân giở những trang kinh lòng để thống kê được mất, để nội soi và phán xét.

Khi hơi thở trở nên èo uột, khi việc vay mượn dưỡng khí của đất trời trở nên khó khăn, chật vật thì con người mới chịu lặng thinh và thống nhất với nhau về lý vô thường. Khi đó mới không còn hồ nghi về cái ý vị của chén trà. Khi đó mới hết thắc mắc hỏi rằng tại sao trong một chén trà lại có cả phong ba bão tố!

https://tieulun.hopto.org

TƯ TƯỞNG CỦA HẢI HÒA (NGUYỄN ĐĂNG SỞ) TRONG TÁC PHẨM *TRÚC LÂM TÔNG CHỈ NGUYÊN THANH*

HOÀNG THỊ THƠ

1. Nguyên Đăng Sở và tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*

1.1. Hoàng giáp Nguyễn Đăng Sở (1754 - 1840) sinh ở làng Hương Triện, Gia Bình, Bắc Ninh, trong một gia đình có truyền thống khoa bảng, pháp danh

https://tieulun.hopto.org

là Hải Hòa, tên hiệu là Kiên Trai[1]. Cụ được hưởng truyền thống giáo dục của dòng tộc từ nhỏ và sớm thành danh, sớm tham gia quan trường. Cuộc đời và danh tiếng của cụ gắn liền với sự thịnh suy của ba triều đại (Lê, Tây Sơn và Nguyễn[2]) nên sớm trải nghiệm "vô thường" của thế sự để có cái nhìn biện chứng. Đó là: 23 tuổi (1777) đỗ Hương cống; 33 tuổi (1787) đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ khoa thi Đinh Mùi niên hiệu Lê Chiêu Thống[3] và cụ được bổ chức Hiệu lý học sĩ ở Viện Hàn lâm, tước Hương Lĩnh bá; 36 tuổi (1790) giữ chức Quốc Tử Giám tư nghiệp và được ban tước Hòa Nghĩa hầu; 48 tuổi (1802) ra giúp vua Quang Trung (1753 – 1792) triều Tây Sơn (1778-1802), được bổ nhiệm Tả Thị lang bộ Lại và còn làm Phó sứ trong Sứ Bộ cuối cùng của nhà Tây Sơn đi sứ nhà Thanh (theo *Đại Nam thực lục*)[4]. Khi Ngô Thì Nhậm mở Trúc Lâm Thiền viện (1798) tại phường Bích Câu, gần Văn miếu Hà Nội hiện nay, cụ đã tham gia với pháp danh Hải Hòa, cùng Ngô Thì Nhậm và một số học giả khác đồng sáng tác cuốn *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*[5] (TLTCNT); Nhà Tây Sơn mất, nhà Nguyễn (1802-1945) lên thay, cụ lui về quê ở ẩn, rồi cáo quan xin nghỉ hưu (73 tuổi) nhưng vẫn mở trường Gia Hương (1827) dạy học, và thường thăm các chùa ở Chí Linh, Thanh Hà, Thanh Lâm thuộc Hải Dương[6]; Cụ mất

https://tieulun.hopto.org

vào giờ Tuất ngày Rằm tháng Năm năm Canh Tí, niên hiệu Minh Mệnh thứ 21 (1840) tại quê nhà, thọ 87 tuổi[7].

1.2. Tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh là một tác phẩm độc đáo trong toàn bộ trước tác tư tưởng Việt Nam nói chung và trước tác của các Nho gia hay Phật gia thê kỷ XVIII nói riêng. Tác phâm là sự kết hợp tam giáo (Nho, Phật và Đạo) cả về nội dung và hình thức lẫn phương pháp, với mục đích rõ ràng là nhằm giải thích, bảo vệ, chấn hưng Thiền Phật giáo Trúc Lâm, thông qua việc khẳng định và phát huy tinh thần nhập thế, yêu nước của Tam tổ Trúc Lâm. TLTCNT là sự phản ánh những đúc kết giá trị tư tưởng Tam giáo của những trí thức đang hướng về phục hưng Thiền Phật giáo ở Đại Việt thế kỷ XVIII.

+ Về hình thức văn bản, TLTCNT do 6 người, đều là đại trí thức có tước vị, cùng tham gia viết các phần khác nhau: φ Hải Lượng Thiền sư - tức là Ngô Thì Nhậm viết Chính văn, là tác giả chính[8]; κ Hòa thượng Hải Âu - tức Vũ Trinh, cháu rể thi hào Nguyễn Du và λ Hải Hòa - tức Nguyễn Đăng Sở cùng viết Thanh chú; μ Hải Huyền tức Ngô Thì Hoành, em ruột của Ngô Thì Nhậm viết Thanh dẫn; ν Bạch Túc Hải Điền Nguyễn Đàm Tử (còn gọi Nguyễn Hữu Đàm) hay Nguyễn Hành, tức cháu ruột

https://tieulun.hopto.org

thi hào Nguyễn Du, con trai thứ của Nguyễn Điều, viết Thanh tiểu khấu; o Phan Huy Ích viết Lời tựa.

+ Về tên gọi: Tác phẩm này có 6 tên gọi: φTrúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh Đại Chân Viên Giác Thanh, κNhị Thập Tứ Thanh, hay λThái Chân Viên Giác Thanh[9], hay gọi tắt là μKinh Viên Giác[10]. Phan Huy Ich còn gọi tác phâm này băng hai tên khác: νBộ sách "Hai mươi bốn thanh" hay oThuyết Tân Thanh[11].

Chữ Thanh này đã được định nghĩa rõ ràng: "... chính là cái thanh âm đứng đầu để phù trì Đạo lớn[12]". Cuối tác phẩm này có một bản đồ Hai Mươi Bốn Thanh Phối Khí Ứng Sơn, nhằm "thể hiện 24 tên mới đặt cho Bồ tát Quan Âm, mỗi tên ứng với mỗi thanh"[13]. Vậy, ở đây Thanh hàm ý như một phạm trù căn bản tích hợp được cả Nho và Phật. Đây cũng là một minh họa thú vị về mối liên hệ tư tưởng Nho - Phật ở Việt Nam thế kỷ XVIII.

+ Về kết cấu, căn cứ theo các nguồn văn bản[14] thì TLTCNT có thể chia thành 4 phần: 1- Lời tựa; 2- Nội dung chính là Đại Chân Viên Giác Thanh nói về 24 thanh, mỗi thanh lại chia làm 3 phần: thanh dẫn, chính văn, thanh chú; 3- Đại Chân Viên Giác Thanh Tiểu Khấu như một Phụ lục tóm lược lại những tư tưởng chính của từng thanh; 4- Phần Tam Tổ Hành Trạng lược truyện ba vị tổ của Thiền Trúc

https://tieulun.hopto.org

Lâm Yên Tử. Đến nay, cấu trúc 4 phần này của TLTCNT vẫn được thừa nhận.

+ Về mục đích: Phan Huy Ích trong Lời tựa đã nêu rõ mục đích là muốn "phù trì Đạo lớn" qua việc làm rõ mối quan hệ giữa Nho và Phật là "Cái thể thì đồng, nhưng cái dụng thì dị. Đồng là gốc mà dị là ngọn", nhằm khắc phục tình trạng "đả kích nhà Phật, đến nỗi Nho và Phật đối lập nhau... trở thành chia rẽ môn đình..."[15] thời đó.

+Về Phương pháp: Tác phẩm chủ yếu dùng phương pháp so sánh, đối chiếu và thông diễn Phật qua Nho, Đạo: "... đem hết những chỗ u huyền của nhà Phật,... mở toang những gì là tinh vi uẩn áo,... để tỏ rõ rừng Thiền" và để "tám bộ Phạn vương (Phật) không ra ngoài cung tường của Tố vương (Khổng Tử)"[16]. Thực chất, đó là sự tích hợp Nho, Phật và Đạo vì lúc đó cả Nho và Phật đều đã khẳng định được vị trí quan trọng trong nhận thức về chính trị, đạo đức, tôn giáo của người Việt. Các tác giả cùng viết tác phẩm này đều là Nho gia và Phật gia và đều thấy được sự "giống nhau về nguyên tắc, và chỉ khác nhau về cách thức ứng phó"[17] giữa hai giáo, mà Phan Huy Ích gọi đó là "khu Thích dĩ nhập Nho", còn Ngô Thì Nhậm thì khẳng định nguyên lý chung là "... đến chỗ cực kỳ tinh vi thiết yếu, thì chẳng có gì vượt ra ngoài Đạo lớn kia được[18]". Tuy nhiên, để

https://tieulun.hopto.org

thực hiện được sự kết hợp này các học giả và Nguyễn Đăng Sở phải đạt tới chỗ cốt yếu của cả hai đạo. Ở đây, để làm rõ hơn tư tưởng của Nguyễn Đăng Sở, bài viết này sẽ tập trung vào phần *Thanh chú* do Hải Hòa viết.

2. Tư tưởng cơ bản của TLTCNT và tư tưởng của Hải Hòa trong Thanh chú

2.1. *Tư tưởng cơ bản của TLTCNT:* Nhìn tổng thể, TLTCNT được triển khai tựa như một tác phẩm tổng hợp cả triết học - đạo đức - chính trị - tôn giáo gồm 24 thanh. Có thể tạm chia nội dung của tác phẩm thành 4 phần:

Phần thứ nhất bàn về những vấn đề triết học cơ bản có tính nền tảng cho toàn tác phẩm (bản thể luận, nhận thức luận), gồm 5 chương đầu: 1. Không Thanh lập luận về bản thể Tính Không; 2. Ngộ thanh bàn về biện chứng Trung đạo của mọi thái cực của tồn tại và phát triển; 3. Ẩn thanh phân tích Tính Không là khởi nguồn và trở về của tất cả nhưng vô hình vô tướng; 4. Phát tưởng thanh nêu nguồn gốc

https://tieulun.hopto.org

nhận thức và phân loại nhận thức; 5. Kiến thanh phân tích khả năng nhận thức chân lý tối hậu.

Phần thứ hai vận dụng quan điểm triết học trên vào những vấn đề lý luận triết học - tôn giáo, đạo đức mà trí thức Đại Việt quan tâm từ góc độ Nho, Phật, Lão thể hiện qua 2 chương: 6. Hoán thanh kêu gọi sự thức tỉnh đề biết khổ và thoát khổ; 7. Thoát thanh mở ra con đường cho sự phát triển mới.

Phần thứ ba là ứng dụng lý luận vào nhiều chủ đề đa dạng như: quan hệ tam giáo, đạo đức (phân loại Bồ tát và thánh nhân; quan hệ đức - tài), chính trị (trị quốc - trì quốc), tôn giáo (xuất gia và giải thoát; sinh - tử và giải thoát), văn hóa (định kiến; bình đẳng văn hóa) qua 13 chương[19].

Phần thứ tư một lần nữa hệ thống lại những tư tưởng triết học cơ bản của TLTCNT và khẳng định mục đích "phù trì Đạo lớn" của Phật giáo Thiền Trúc Lâm qua 4 chương cuối: 21. *Tàng thanh*; 22. *Hưởng thanh*; 23. *Lưu động thanh*; 24. *Dư thanh* với các chủ đề: Vô ngôn, vô tướng, vô thanh và Đạo; Phật, Nho, Đạo và biện chứng cuộc sống; Biện chứng phô quát của nhân - quả; Suy tôn Trúc Lâm Tam Tổ.

2.1. Tư tưởng cơ bản của Hoàng giáp Nguyễn Đăng Sở (Hải Hòa) qua các *"Thanh chú"* chủ yếu minh họa thêm cho phần Chính văn, song nhiều chỗ

https://tieulun.hopto.org

phát triển rộng thêm một số ý mới khá độc đáo, và có thể chia thành 4 nhóm vấn đề: Về tam giáo, Về giáo lý Phật giáo, Về bình đẳng văn hóa, Ca tụng Đức Phật và Tam Tổ, Về chấn hưng Thiền Trúc Lâm Yên Tử.

+ *Về tam giáo:* Nhất quán mới mục đích của TLTCNT, cụ luôn bám sát tư tưởng "Đạo chỉ có một mà thôi" như nguyên tắc chung để triển khai "Chỗ huyền diệu của Nho tức là Thiền, chỗ tác dụng của Thiền tức là Nho" hoặc để "... tìm cái gọi là Đạo, thì [Nho và Phật] có thể nhất quán được"[20]. Trên cơ sở đó cụ luôn đối chiếu có sàng lọc song trên tinh thần kế thừa cả Nho, Phật và Đạo: "Gạt bỏ văn từ kỹ xảo [Nho] và giới hạnh tầm thường [Phật] mà tìm cái gọi là Đạo" đê thây được "[Nho và Phật] có thê nhât quán được"[21]. Chẳng hạn, cụ đã lấy kiến thức uyên thâm về Dịch và Âm Dương Ngũ Hành để luận về sự bền vững của Phật giáo: "... Phật sinh ở phương Tây thuộc KIM, CANH TÂN, được cái chính khí của KIM... Gọi là "bảo kiếm kim cương bất sinh bất diệt" chỉ có kim cương là không vỡ nát..."[23]. Hay cụ dùng thuyết Âm - Dương tương ứng để giải thích quy luật nhân - quả, phúc - họa của Phật giáo rất thú vị: "Dương thì cứng khỏe, Âm thì chứa ẩn. Cứng khỏe là cái thể, chứa ẩn là cái dụng,... Hỏa (lửa) bắt gốc từ âm mà tác dụng ở dương, cho nên ngoài sáng

https://tieulun.hopto.org

trong tối... người kia làm được một việc thiện thì khoe... lại muốn được trời báo trả, như thế gọi là có "dương đức". Mà có dương đức thì có "âm phạt" như thế gọi là không biết dụng âm. Thủy (nước) bắt gốc ở dương mà tác dụng ở âm, cho nên ngoài thì tối mà trong thì sáng... cũng như người kia suốt đời làm việc thiện... không muôn được trời báo trả, như thê gọi là có "âm đức". Mà có âm đức thì tất có "dương báo", như thế gọi là biết dụng âm[24]". Cụ còn dùng cặp nghĩa "Dụng" - "Vô dụng" của Lão Trang để phân tích tại sao Phật giáo bền vững: "... vô dụng, đó là dấu mình ở chỗ kín vậy. Thuật có ẩn (kín) mới tinh, pháp có ẩn mới linh... cái vô dụng được sống lâu hay sao... Phật sinh ở phương Tây không những là vì bẩm thụ được cái cứng rắn của hành kim, mà cũng vì dấu mình ở trong cái vô dụng nên không gì hủy hoại được[25]".

Sang chủ đề đạo đức, cụ đã phân tích Nghĩa - Lợi, Vị kỷ - Vị nhân của Nho gia và Phật gia trong đánh giá nhân phẩm và làm rõ mối quan hệ chung riêng của chúng ở hai đạo: "Lấy nghĩa mà nói thì VỊ KỶ là quân tử, mà VỊ NHÂN lại là tiêu nhân; Lấy lợi mà nói thì VỊ NHÂN là quân tử mà VỊ KỶ lại là tiểu nhân... Muốn công tư cho rạch ròi, ... thì phải cân nhắc chữ NGHĨA và LỢI, nhưng muốn phân biệt NGHĨA và LỢI, thì lại phải ngược lên cho đến

https://tieulun.hopto.org

cái Tâm cái Tính của mình. Vì vậy cho nên nhà Nho nói phải chính tâm, phải thành tính, nhà Phật nói phải minh tâm, phải kiến tính, đều là cái người ta gọi là "đạo người quân tử rộng khắp mà kín đáo[26]".

Cụ đã truy nguyên chữ "Thiện" của Nho gia để cắt nghĩa lại chữ "Thiền" của Phật gia khá độc đáo: "Chữ "Thiện" nghĩa đúng của nó là lần lượt truyền thụ. Ngày nay vì nối nghiệp tổ sư thì gọi là (thiện sàng, thiện tọa)... Có biết đâu... không phải là truyền thụ cái ngôi vua, mà là truyền thụ cái tâm. ... Ngày nay các tăng chúng chỉ biết "tĩnh tọa, tức tâm" gọi là thiền định, bàn giảng chữ THIỀN ĐỊNH là "an định", như thế là sai hẳn cái nghĩa chữ THIỀN (thiện)... THIỀN ĐỊNH là truyền thụ cho nhau cái tâm tĩnh định[27]". Ở chương *Định thanh*, cụ cắt nghĩa chữ "gia" trong chữ "xuất gia" của Nho và Phật tuy khác nghĩa nhưng lại cùng về một chỗ, từ đó đánh giá cao việc Trần Nhân Tông lên Yên Tử dựng chùa như một chiến lược chính trị quân sự, tuy chưa tường minh nhưng rất thú vị: "Lấy vô số chúng sinh làm nhà, đó là cái nghĩa thiên hạ nhất gia vậy. ... Nếu cho rằng có xuất gia mới thành Phật thì Bồ tát xuất gia sao có trăm nghìn vạn ức quyến thuộc đi theo?... Người ta thấy Điều Ngự đệ nhất tổ đến ở chùa Hoa Yên thì bảo là [ngài] xuất gia. Ta biết rằng đức ngài lúc bấy giờ biết xem thiên hạ là công, trong

https://tieulun.hopto.org

nước vô sự, nhưng ở phía Bắc vẫn có nước láng giềng mạnh mẽ, chưa được an tâm... Cho nên nhằm được ngọn núi Yên Tử là núi cao nhất, phía Đông nhìn về Yên Quảng, phía Bắc liếc sang hai tỉnh Lạng, dựng lên ngôi chùa,... để xem động tĩnh, cốt để ngừa cái mối lo nước ngoài xâm phạm, thật là một vị Vô Lượng Lực Đại Thế Chí Bồ tát[28]".

Cụ thấy rõ điêm chung "Đạo lớn phù trì" của Tam giáo và phân tích một cách thuyết phục, độc đáo ý nghĩa siêu vượt của đạo TRÌ QUỐC theo tinh thần đề cao Phật giáo nhập thế: "Tam giáo một nguồn: cái yếu lĩnh của đạo TRÌ QUỐC là lấy cái vô vi làm gốc. Lấy vô vi làm gốc thì cần gì phải TRỊ QUỐC... Các vị tổ sáng lập ra tam giáo, sinh ra đồng thời, đều muốn kéo trở lại cái phong khí... mà chỉ có Thích Ca hành đạo ở Tây phương thu được kết quả... Khốn một nỗi là người hâm mộ thì nhiều mà người biết thì ít, người giác ngộ lại càng ít, mà người thực hành thì tuyệt nhiên không có... cho nên cái chất thuần phác mất đi, muốn TRÌ mà không được đó sao?"[29].

+ *Về giáo lý Phật giáo:* Cụ thể hiện tầm tri thức vững vàng về biện chứng Trung đạo Tính Không khi phân tích cặp phạm trù CÓ - KHÔNG cơ bản nhất của Thiền Phật giáo, đặc biệt khi vận dụng một cách say sưa, sáng tạo vào những vấn đề mà người Việt

https://tieulun.hopto.org

thời đó đang quan tâm như: khổ - giải thoát, sinh - diệt, lý - dục, xuất gia - tại gia, dụng - vô dụng, v.v.

Trong chương *Ẩn thanh* cụ đã bàn về biện chứng phổ quát hữu - vô, sinh - diệt trên cơ sở kết hợp tri thức uyên thâm cả tam giáo: "... giáo lý bắt gốc từ hư vô, thì sinh đâu có phải là nhất thiết đi theo [hình khí]. Khi mà công hành đã trọn vẹn, thì tiếc gì mà không diệt, nhưng diệt mà vẫn chân như, tuy không còn biến hóa nữa mà cái thần vẫn còn ở khắp nơi, thế thì diệt đâu phải là không còn có gì... Phật nói bất sinh bất diệt là nói về cái thể của Đạo. Cũng như nói: "Khi thánh nhân chưa sinh thì Đạo ở trong trời đất, khi thánh nhân đã sinh thì Đạo ở trong thánh nhân, khi thánh nhân đã mất thì Đạo ở trong Lục kinh. Đạo không hề có thêm bớt, đó là ý nghĩa của chữ "bất sinh bất diệt"... Nguồn Đạo sinh ra không cùng..."[30].

Cụ phân tích quan điểm của Phật giáo về Khổ và Địa ngục là ở tại Tâm một cách bình dị, gần gũi với người Việt: "Kẻ nào triền miên ân ái thì mãi mãi không tìm ra đường giải thoát; kẻ nào đắm đuối danh lợi thì đau đớn quằn quại trong vòng nước sôi lửa bỏng, ăn nằm trong cảnh phiền não lo âu, vô hình chung sa xuống địa ngục, vượt không khỏi, chạy không thoát". Từ đó cụ chỉ rõ con đường giải thoát đúng đắn bằng MINH TÂM, KIẾN TÍNH mà

https://tieulun.hopto.org

đức Phật dạy là để tâm trở về Tâm Không: "Khi người ta biết MINH TÂM, thì [thấy] tâm vốn là trong suốt... mà thành được Phật đạo, không nhơ không sạch, không thêm, không bớt, lìa hẳn được mọi nỗi khổ"[31]. Nhấn mạnh, tư tưởng cốt yếu của Phật giáo là chỗ "tâm đắc bên trong" chứ không phải chạy theo cái bề ngoài: "Đức Phật dạy người, chỉ quy ở chỗ tâm đắc bên trong, không cần người ta biết... Ở Nho mà có từ chương, ở Thích mà có chay cúng, đều là cái thô của Lý... Nếu bó hẹp trong từ chương chay cúng mà thôi, tức là làm hại Đạo vậy!"[32]. Cụ cho rằng yêu Phật đích thực là tại tâm chứ không phải chạy theo hình thức: "... kẻ nào biết Phật mà thành tâm thích Phật, thì không cần phải trang hoàng bảo tướng, phụng sự kim dung, không cần phải niệm luôn luôn, lạy luôn luôn mà tự dưng có Phật ở trong lòng vậy. Đạt Ma Thiền sư nói: "Tâm là Phật, Phật là tâm, không nên đem tâm mà rối Phật, không nên đem Phật mà rối tâm", như thế thì cần gì phải kính mộ Phật?"[33]. Quan điểm này rất tiến bộ mà đến nay vẫn có ý nghĩa nhắc nhở chúng ta.

Trong chương *Lưu động thanh*, cụ giải thích Kiếp, Luân hồi, Phúc, Họa của Phật giáo bằng đạo đức, tuy đơn giản và cũng không hẳn y nguyên giáo lý, song rất dễ hiểu và dễ noi theo: "Kiếp người có

https://tieulun.hopto.org

sinh hóa,... sinh ra rồi lớn lên, lớn lên rồi già đi, già đi rồi chết, chết rồi mà tinh thần không mất, lại thụ hình mà sinh... chăm làm mọi điều thiện, khi chết không rơi vào ma chướng, kiếp trước làm người, kiếp sau cũng làm người; phú quý mà vẫn cần kiệm, giữ khỏi cảnh nghèo, ngày nay phú quý, ngày mai lại phú quý, [người hữu đạo] được luân hồi như thế. Người vô đạo, thì kiếp trước làm người, kiếp sau làm súc sinh... Cái thuyết luân hồi của thầy ta, thật ra là từ Thích Ca..."[34] Cụ phân tích "tại tâm" là cái gốc của đạo đức Phật giáo, coi đó là cái quyết định mọi sự đúng đắn: "...làm thiện, làm ác, chỉ ở nơi tâm... cần phải từ cái tâm của ta mà nhìn... Cái đó gọi là Chân Tướng, Chân Kiến"[35].

Cụ đặc biệt đề cao phương pháp thiền định của Thiền tông để nội quán làm lộ rõ "thiên chân" vốn có và tự sáng tỏ được "cái tâm của chính mình"; "... đó là công phu của TỊCH DIỆT vậy, TỊCH là cái cơ động, DIỆT là cái triệu của khởi (dậy lên). Lòng dục lắng xuống (TỊCH), thì nhiên lý phát động; ... dập tắt (DIỆT) thì chân tính dấy lên (khởi). Nếu thật kiến được lòng dục và riêng hết thảy sạch lầu, thì cái thiên chân của ta sẽ trình lộ ra, ta sẽ tỏ rõ được cái tâm của chính mình, thấy được cái tính của chính mình... Chính vì biết lắng xuống (TỊCH), cho nên có sức hư không, chính vì có sức hư không, cho nên

https://tieulun.hopto.org

có mà cũng xem như không vậy"[36].

+ *Về bình đẳng văn hóa*, cụ có quan điểm tiến bộ về văn hóa phi thần quyền, đặc biệt nhấn mạnh văn hóa là của nhân loại, không phải của riêng một vị thánh hay vị tổ nào và không phân văn hóa cao thấp hay quý tiện: "Tự trời mà xem, không chia bỉ thử, nào phải đây là Trung Hoa thì quý, đó là Di Địch thì tiện! Tuy rằng tập tục bất đồng, ngôn ngữ khác nhau, nhưng những người bẩm thụ cái khí tốt đẹp của núi sông mà làm thánh hiền, thì chỗ nào chẳng có[37]". Theo đó cụ lập luận rằng "... đạo thống truyền đi từ một cái nguồn, không phải nó sinh ra từ thánh nhân, nhưng có Khổng Tử sinh ra mà vạn thế văn minh không bao giờ tắt. Nguồn Đạo tuôn ra không cùng, không phải có Phật mới sinh, nhưng có họ Mâu Ni sinh ra thì bánh xe đạo pháp thường chuyển, không có lúc nào diệt[38]". Từ đó, đề cao tiêu chuẩn "tại tâm" của Phật giáo: "Đông Di, Tây Nhung, Nam Man, Bắc Địch, vốn không khác gì Trung Quốc. Những ai giữ trọn được cái tâm ấy đều là thánh hiền hào kiệt... Áo cà sa của Thích Thị cũng chỉ là y phục của nước Thiên Trúc thôi! Phàm những người làm đồ đệ của Thích Ca thì tuân theo giáo huấn của Phật là quan trọng hơn mặc theo y phục của Phật... Giáo huấn của Phật là gì? Xin nói rằng nó ở trong chữ Tâm" và "... nhân nghĩa lễ trí do trời phú

https://tieulun.hopto.org

ở trong tâm, đều là giống nhau... Những ai giữ trọn được cái tâm ấy, đều là thánh hiền hào kiệt, đều biết chủ trì nước mình, làm quân trưởng cho dân mình[39]". Tới đây, hình như cụ đã ngầm dự báo về cái đẹp "tiềm ẩn" của Việt Nam trong so sánh không kém gì văn hóa Trung Hoa thời đó: "U thâm là cái chưa phát lộ. Vậy thì những chỗ xa vời hẻo lánh, với văn tự quăn queo, ngôn ngữ lúi lường mà cái đẹp còn chưa phát lộ, cũng sẽ đến thời thì phát lộ[40]". Như vậy, cụ đã đạt tới quan niệm bình đẳng văn hóa theo nghĩa hiện đại nhất từ rất sớm.

+ *Ca tụng Đức Phật và Tam Tổ*: Được cụ tiếp tục vận dụng biện chứng siêu vượt CÓ - KHÔNG vào phân tích thực chất giác ngộ và giải thoát Tâm của Phật và Tam Tổ: "Thích Ca thần thông... bảy ngày chỉ có một hạt gạo... đã bằng lòng đi xin ăn mà không chịu àm phép lạ, vì sợ mở đường cho điều quái gở. Cho nên nước ta rất nhiều cao tăng mà chỉ suy tôn Trúc Lâm Tam Tổ, ấy là vì không lưu truyền việc quái đản vậy..., vì lấy tâm mà tu đạo, lấy đạo mà làm cho tâm sáng tỏ, thì tự nhiên thành Phật,..."[41]. Cụ nhiều lần nhắc lại tấm gương dấn thân, nhẹ nhàng rũ bỏ danh vọng, quyền lực của Tổ: "... có nó (tiền tài, địa vị) mà bỏ được nó mới là khó... không có mà xem như là có, lại càng khó hơn nữa... Đạt nhân không nên vì có mà mừng, hãy nên

https://tieulun.hopto.org

bắt chước đức Giác Hoàng ta, đầy một lòng đạm nhiên đến mức xem rẻ hết thảy, không muốn tham dự... Mà cũng không nên vì không mà buồn, hay nên bắt chước Chuyết Công ta, nuôi cái khí hạo nhiên của mình, đến mức xem ngược hết thảy, ta không thiếu gì... Giác hoàng biến hóa phú quý, Chuyết Công biến hóa bần tiện, cho nên thành Phật."[42]; "Điều Ngự ngôi cao thiên tử... thế mà xem lục cung như bụi bặm, bỏ thiên hạ như dép rách, tuyệt không lưu luyến một mảy may[43]".

+ *Về chấn hưng Thiền Trúc Lâm Yên Tử*: Ở chương cuối (Dư thanh), cụ đã vận dụng biện chứng nhân - quả để khẳng định tất yếu phục hưng Thiền Trúc Lâm từ những việc làm của Tổ Trần Nhân Tông: "... phúc là cái đối lập với họa, phúc mà hưởng hết thì họa sinh; công là cái đối lập với với quá (lỗi), công mà kể hết thì quá (lỗi) sinh. ... Điều Ngự Giác Hoàng sang sông đánh tan quân Nguyên, làm vua một nước mà không đoái hoài quyền vị. ... Dịch nói: "quả lớn không ăn, người quân tử được xe". Có lẽ ngày nay Trúc Lâm hưng khởi, cũng là cái lý quả nhiên, tất nhiên[44]".

Thay lời kết: Tên tuổi và tư tưởng của Hoàng Giáp Nguyễn Đăng Sở được lưu trong chính sử, trên một số bia chùa, và đặc biệt trong tác phẩm TLTCNT với một số lập luận và phân tích độc đáo,

https://tieulun.hopto.org

tiến bộ trên phương diện đạo đức, chính trị, tôn giáo, lịch sử... với pháp danh Hải Hòa - người viết *Thanh chú*. Đến nay, khi bàn về tư tưởng Việt Nam thế kỷ XVIII các nhà khoa học vẫn không thể bỏ qua tác phẩm này, trong đó có đóng góp tư tưởng của cụ.

---

1. Ông nội của cụ là Nguyễn Đăng Hài, đỗ Tiến sĩ năm 1721, làm quan đến chức Hàn lâm viện thị chế, bố là Nguyễn Đăng Tôn, nho sinh trúng thức Chiêu Văn quán [Tham khảo: Bia ký: "Hương Triện lưu thạch" và "Hoàng giáp Nguyễn Đăng Sở và việc in kinh Phật" (2008) Thông báo Hán Nôm học].

2. Đó là triều đại: Lê trung hưng (1533–1789), triều Tây Sơn (1778 - 1802), và triều Nguyễn (1802-1945).

3. "Tư liệu mới về hành trạng hoàng giáp Nguyễn Đăng Sở", Báo Bắc Ninh: baobacninh.com.vn/.../tu-lieu-moi-ve-hanh-trang-hoang-giap-ngu...

4. Xem: Hoàng Xuân Hãn (1969). Bắc Hành Tùng Ký.

5. Mai Quốc Liên (chủ biên, 2001), Ngô Thì Nhậm tác phẩm, (t.1,4), Nxb. Văn học & Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Hà Nội; "Hoàng giáp Nguyễn Đăng Sở và bài kí trên chuông chùa Cổ Am (TBHNH 2012)" trong Thông báo Hán Nôm: www.

https://tieulun.hopto.org

Hannom.org.vn; "Hoàng giáp Nguyễn Đăng Sở - Người đề xuất Quốc hiệu Việt Nam": baobacninh.com.vn.

6. "Hoàng giáp Nguyễn Đăng Sở và việc in kinh Phật (TBHN 2008)". Nguồn: hannom.vass.gov.vn/noidung/ thongbao/ Pages/baiviet.

7. "Hoàng giáp Nguyễn Đăng Sở - Người đề xuất Quốc hiệu Việt Nam": baobacninh.com.vn/pagenews_detail.

8. Ở đây xưng danh ở ngôi thứ ba là "Hải Lượng Thiền sư", chứ không xưng ở ngôi thứ nhất. Có thể do người khác hoặc chính Ngô Thì Nhậm viết.

9. Ngô Thì Nhậm tác phẩm (2002), t 3, Sđd. tr. 137.

10. Ngô Thì Nhậm tác phẩm (2002), t 3, Sđd. tr. 211.

11. Bài Tựa của Phan Huy Ích nhắc tên "Trúc Lâm Đại Chân Viên Giác Thanh" trong Ngô Thì Nhậm tác phẩm (2002), t 3, Sđd. tr. 142.

12. Ngô Thì Nhậm tác phẩm (2002), t3, Sđd. 143.

13. Nguyễn Lang (1994), Sđd. tr. 272.

14. Theo Nguyễn Lang (1994) Sđd. tr. 269-271 và Ngô Thì Nhậm tác phẩm (2002) t3, Sđd. tr. 126-

https://tieulun.hopto.org

128, thì tổng số còn ba văn bản của Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh là: - A.2181 (chữ Hán khắc in, bị mất một số tờ), - A.460 (còn đủ) - MC 4207 TG (chép tay); Trong đó bản A 460 tương đối nguyên vẹn nhất.

15. Ngô Thì Nhậm tác phẩm (2002), t3, Sđd. tr. 141-143.

16. Ngô Thì Nhậm tác phẩm (2002),t3, Sđd. tr. 141.

17. Nguyễn Tài Thư (cb.,1989), Sđd. tr. 335.

18. Ngô Thì Nhậm tác phẩm (2002),t3, Sđd. tr.141.

19. 13 chương đó là: 8. Thu thanh; 9. Định thanh; 10. Tịch nhiên vô thanh; 11. Trác thanh; 12. Nhất thanh; 13. Xu thanh; 14. Biểu lý; 15. Hành thanh; 16. Đỗng thanh; 17. Minh thanh; 18. Phán; 19. Túc thanh; 20. Bất quả thanh.

20. Ngô Thì Nhậm tác phẩm (2002),t3, Sđd. tr.149. Chữ "Thiền" có nghĩa Phật giáo Thiền tông.

21. Ngô Thì Nhậm tác phẩm (2002), t3, Sđd. tr.149.

22. Theo Hà Đồ Lạc Thư phối hợp 4 phương 5 hành và 10 can, thì CANH TÂN thuộc phương Tây; trong 5 hành thì hành KIM thuộc phương Tây.

23. Ngô Thì Nhậm tác phẩm (2002), t3, Sđd. tr.173.

https://tieulun.hopto.org

24. Ngô Thì Nhậm tác phẩm (2002), t3, Sđd. tr. 213.

25. Ngô Thì Nhậm tác phẩm (2002), t3, Sđd. Tịch nhiên vô thanh: tr. 180.

26. Ngô Thì Nhậm tác phẩm (2002), t3, Sđd. tr. 179-180.

27. Ngô Thì Nhậm tác phẩm (2002), t3, Sđd. Biểu lý thanh: tr.192.

28. Sđd. Định thanh: tr. 176.

29. Sđd. Đỗng thanh: tr. 197.

30. Sđd. Ẩn thanh: tr. 158-159.

31. Sđd. Thoát thanh: tr. 172-173.

32. Sđd. Hành thanh: tr. 194.

33. Sđd. Phán thanh: tr. 205.

34. Sđd. Lưu động thanh: tr. 219.

35. Sđd. Kiến thanh: tr. 162.

36. Sđd. Tịch nhiên vô thanh: tr. 182.

37. Sđd. Tàng thanh: tr. 210.

38. Sđd. Phát tưởng thanh: tr.159.

39. Sđd. Phán thanh: 202.

40. Sđd. Bất quả thanh: tr.210.

41. Sđd. Hưởng thanh:215-216.

42. Sđd. Trác thanh: tr.186.

43. Sđd. Ngộ thanh: tr.154.

44. Sđd. Dư thanh: tr. 223.

https://tieulun.hopto.org

IM LẶNG ĐỜI RU

NGUYÊN THƯỜNG

Im lặng dòng sông
Tôi đã lắng nghe
Im lặng ngọn đồi
Tôi đã lắng nghe
Trái tim lạc loài
Tôi đã lắng nghe
Tôi đang lắng nghe
*Im lặng của tôi... **

https://tieulun.hopto.org

Trong thinh không nghìn trùng
Trôi từng giòng tâm thức
Rõ làn hơi thở nhẹ
Im lặng và lắng nghe...

Lắng nghe tâm nuối tiếc
Lắng nghe tâm giận hờn
Lắng nghe tâm lải nhải
Lắng nghe tâm mệt nhoài
Lắng nghe và lắng nghe
Tiếng vỗ một bàn tay
Thân tựa buông tất cả
Ta nguyên vẹn thường còn
Sáng lung linh nhật nguyệt
Vỗ về tâm bình yên.

Im lặng của đêm
Tôi đã lắng nghe
Im lặng của ngày
Tôi đã lắng nghe
Im lặng thở dài
Tôi đã lắng nghe
Nghe bao nỗi đau...
Im lặng... đời ru!

https://tieulun.hopto.org

NIỀM VUI HỌC PHẬT

HOẰNG AN

Mừng Ban Phật học ta
Trưởng thành mấy năm qua
Giờ trên đà phát triển
Ngày vang tiếng thơm xa

Qua chuyên đề học tập
Giáo thuyết lẫn thực hành
Nhờ các chị các anh
Đào sâu thêm lý thú

https://tieulun.hopto.org

Với sách xưa ghi chú
Của Cụ Mai Thọ Truyền
Đã tạo được cơ duyên
Mọi người cùng tiến bộ

Nhờ bạn, thầy giúp đỡ
Trao kinh nghiệm đủ đầy
Việc học ngày càng hay
Tu hành càng khởi sắc

Từ Quang cùng góp nhặt
Phật pháp lý đạo mầu
Giáo dục nghĩa thâm sâu
Thực hành theo chánh pháp

Mừng mùa xuân ấm áp
Đón chào Đinh Dậu niên
Chúc tập thể thuận duyên
Thân tâm thường an lạc.

Hoằng pháp càng phát đạt
Lợi ích khắp Sa bà
Để mọi người nhận ra
Bước lên bờ giải thoát.

https://tieulun.hopto.org

CÂU ĐỐI

HOẰNG AN

https://tieulun.hopto.org

MẪU CHUYỆN PHẬT GIÁO DÀNH CHO THIẾU NHI:

BỐN CỬA THÀNH

PHẠM QUỐC TRUNG

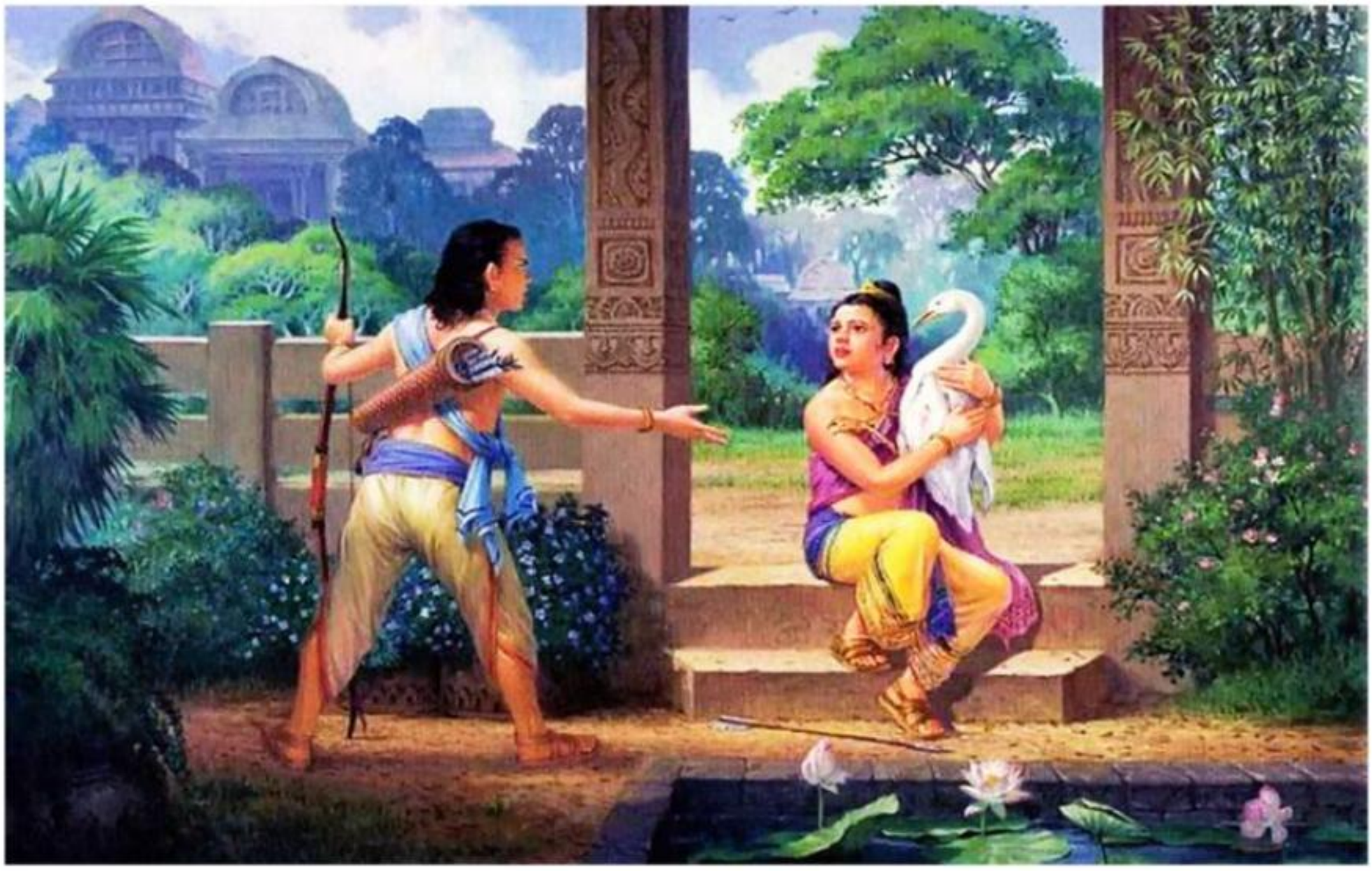

Càng lớn lên, Tất Đạt Đa càng thông minh, học giỏi, và thương yêu mọi người, kể cả những con vật nhỏ bé. Tuy nhiên, lòng tốt và lòng thương người của thái tử làm nhà vua bối rối, luôn nghĩ đến lời tiên đoán của A Tư Đà. Nhà vua quyết định bằng mọi cách không để thái tử nhìn thấy những hình ảnh không vui, có thể làm thái tử từ bỏ những hoa lệ của cung đình vào ngày nào đó.

https://tieulun.hopto.org

Nhà vua làm mọi thứ để thái tử hạnh phúc, nhà vua nói với Hoàng hậu Ba Xà Ba Đề: Ta sẽ xây ba cung điện cho thái tử. Cái thứ nhất được làm bằng gỗ thơm, nó sẽ ấm cúng vào mùa đông. Cái thứ hai sẽ được xây bằng đá cẩm thạch, được dùng vào mùa hè. Cái thứ ba sẽ được xây bằng gạch, dùng cho mùa mưa.

Để cuộc sống thoải mái, nhà vua ra lệnh làm một công viên đẹp có hồ nước dễ thương, có thiên nga và cá bơi tung tăng và hoa sen nở rộ. Nhà vua bảo người hầu: Dọn sạch tất cả những bông hoa héo úa và những chiếc là rụng trong vườn. Nhà vua không muốn thái tử nhìn thấy bất kỳ điều không hài lòng nào. Tất cả người hầu trong cung điện đều trẻ, khỏe và đẹp. Những người phục vụ giải trí trong cung điện được lệnh ca hát và nhảy múa suốt ngày. Họ không được biểu lộ sự mệt mỏi hoặc buồn rầu. Không một người nào nói chuyện về bệnh tật và đau ốm. Vua ra lệnh xây các bức tường quanh cung điện. Lệnh cho lính canh chừng không để thái tử Tất Đạt Đa rời khỏi cung điện mà không có lệnh của vua.

Vào năm 16 tuổi, Thái tử Tất Đạt Đa lập gia đình với công chúa trẻ đẹp có tên là Da Du Đa La. Công chúa yêu thương và chăm sóc cho thái tử. Thái tử tiếp tục sống cuộc sống vương gia gần 13 năm sau khi lập gia đình. Thái tử đã được bảo bọc để không

https://tieulun.hopto.org

biết được những khó khăn trong cuộc sống ở ngoài cung thành. Thái tử hoàn toàn hài lòng với cuộc sống tráng lệ của ngài.

Sống trong thế giới không có gì ngoài hạnh phúc và tiếng cười. Tuy nhiên, một ngày kia, thái tử muốn khám phá những gì đang diễn ra bên ngoài cung điện.

Khi nghe tin như vậy, nhà vua ra lệnh cho mọi người trong thành phố: Tất cả nhà cửa dọc hai bên đường phải dọn dẹp và trang hoàng. Mọi người đốt trầm thơm và mặc áo quần màu sắc rực rỡ. Tất cả người xin ăn, người già và người ốm phải ở trong nhà cho đến khi thái tử trở về cung điện.

Người đánh xe trung thành của thái tử tên là Cha Nac, đưa thái tử đi ra ngoài cung điện từ cổng phía Nam. Khi đám đông thành kính nhìn thấy thái tử yêu mến của họ, họ rải hoa và tung hô ngưỡng mộ. Tất Đạt Đa đã vui mừng thấy họ được hạnh phúc.

Ngay lúc đó, một người già xuất hiện bên đường. Thái tử ngạc nhiên khi nhìn thấy một người già. Thái tử hỏi người đánh xe của mình: "Người gì mà tóc trắng và lưng gù như vậy? Mắt của ông ta lim dim, cơ thể của ông ta run lẩy bẩy. Ông ta bước đi bằng cách lê những bước chân khó nhọc theo cái gậy. Thân hình của ông ta bị thay đổi hay ông ta

https://tieulun.hopto.org

luôn có hình dạng như vậy? Hãy nói cho ta nghe, Cha Nac".

Cha Nac tránh trả lời sự thật: "Đây không phải là việc của thái tử. Xin đừng bận tâm về chuyện đó".

Thái tử vẫn khăng khăng hỏi Cha Nac: "Chỉ có mỗi ông ấy như vậy, hay tất cả chúng ta đều như vậy?"

Lúc này, Cha Nac chân thành trả lời: "Thưa ngài, chúng ta đều như vậy. Một khi thái tử còn trẻ, tóc sẽ đen và răng trắng. Thời gian trôi đi, thân thể sẽ già nua. Nó xảy ra với mọi người".

Nghe những lời này, thái tử giật bắn người. Tóc thái tử dựng ngược lên. Thái tử run vì sợ hãi, như con thú hoảng sợ khi thấy sấm chớp. Thái tử lắc đầu: "Làm sao con người có thể vui sướng khi tuổi già hủy hoại tất cả?" Thái tử nói với người đánh xe: "Nhanh quay trở lại cung điện, biết rằng tuổi già sẽ gọi đến ta, làm sao ta có thể vui với núi rừng được".

Vâng lệnh thái tử, Cha Nac đánh xe nhanh như gió trở về cung điện.

Tất Đạt Đa không thể quên hình ảnh người già. Thái tử suy nghĩ suốt ngày đêm và không thể tìm ra được sự thanh thản trong tâm hồn. Thái tử nói suy nghĩ của mình với Da Du Đa La: "Khi nhìn người già, tất cả những điều tốt đẹp trong thành phố dường như biến mất. Những nét đẹp và nụ cười trong cung

https://tieulun.hopto.org

điện không thực sự tồn tại với ta. Ta muốn đi thăm thành phố lần nữa để xem nó thực sự như thế nào. Để thấy người bình thường sống như thế nào".

Nhà vua không thể chịu nổi khi nhìn thấy con mình không vui, ngài đồng ý cho thái tử ra ngoài thành một lần nữa. Tất Đạt Đa và Cha Nac đóng giả thành một thương nhân đánh xe đi vào thành phô theo hướng Đông. Lần đầu tiên, thái tử thấy người bình thường sống thế nào trong vương quốc của mình. Thái tử thanh thản quan sát những người thợ rèn và những người làm đố sành sứ đang làm việc. Thái tử nói chuyện với với các thương nhân giàu có trong cửa hàng nguy nga của họ. Thái tử nói chuyện với những người thợ làm bánh mì. Đột nhiên, thái tử thấy nhìn thấy một người bị bệnh đang nằm dưới đất rên la và cúi gập người vì đau đớn. Thái tử đến bên ông ta và nâng đầu người đàn ông bị đau vào lòng: "Cha Nac, chuyện gì đã xảy ra với người đàn ông này?".

Cha Nac vội: "Thưa ngài, đừng chạm vào ông ta! Ông ta bị bệnh truyền nhiễm. Hãy đặt ông ta nằm xuống nếu không thái tử sẽ bị nhiễm bệnh".

Thái tử lại hỏi: "Chỉ có người đàn ông này bị bệnh hay tất cả mọi người đều bị bệnh như vậy, Cha Nac? Vợ ta và cha ta cũng sẽ bị bệnh ư?".

Cha Nac trả lời: "Thưa Ngài, đó là điều tất

https://tieulun.hopto.org

nhiên xảy ra với mọi người. Mọi người trong thế gian đôi lần bị ốm. Bệnh tật xảy ra bất kỳ lúc nào trong cuộc đời".

Nghe điều này, thái tử cảm thấy đau xót trong tim: "Bệnh tật có thể đến bất cứ lúc nào. Như vậy, chưa có ai có thể hạnh phúc và vui sướng". Rồi thái tử vào xe ngựa, ra lệnh cho Cha Nac quay trở về nhà.

Tất Đạt Đa trở về cung điện với cảm giác nặng trĩu của sự thất vọng trong lòng. Khi thấy con trai buồn bã như vậy, nhà vua cho thái tử đi thăm công viên bên ngoài cung điện ở hướng Bắc. Trong lúc này, Tất Đạt Đa nhìn thấy một xác chết. Từ trước đến nay, Tất Đạt Đa không bao giờ nhìn thấy người chết, thái tử hỏi Cha Nac: "Có gì bất thường với người này?".

Cha Nac đáp: "Thưa ngài, ông ấy đã chết. Ông ấy không còn cảm nhận điều gì nữa".

Tất Đạt Đa hỏi: "Ta cũng như vậy? Con trai của nhà vua cũng sẽ chết như người đàn ông này?".

Cha Nac trả lời: "Vâng, mọi sinh vật đều phải chết. Không một người nào có thể tránh cái chết".

Tất Đạt Đa vô cùng sửng sốt, thở dài: "Tất cả mọi người biết rằng họ sẽ chết, họ chưa bao giờ có cuộc sống bình yên".

Thái tử ra lệnh người đánh xe trở về nhà. Đây

https://tieulun.hopto.org

không phải là lần đi chơi thoải mái. Cuộc sống có thể chấm dứt bất kỳ lúc nào. Làm sao ta có thể vui sướng cho bản thân ta.

Tại cung điện, Tất Đạt Đa suy ngẫm về những điều đã thấy. Thật khủng khiếp để biết rằng mọi người sẽ chết vào ngày nào đó và không một người nào có thể tránh khỏi.

Bấy giờ, Tất Đạt Đa đã biết con người bên ngoài cung điện sống thế nào. Những người ăn xin nằm dọc đường, xin thức ăn. Trẻ em mặc những cái áo rách bươm đang rên la trên đường phố. Người già, người bị bệnh và người nghèo đang chờ cái chết hiu quạnh. Trong khi, người giàu sống trong những ngôi nhà đẹp mà không chăm sóc cuộc sống người nghèo.

Tất Đạt Đa tự hỏi: "Những người này có hy vọng gì khi sống? Thậm chí, người giàu cũng đau khổ vì tuổi già, bệnh tật và cái chết. Mọi người sinh ra trong thế giới này đều phải đau khổ như vậy. Đau khổ của họ bắt đầu ngay từ lúc mới sinh. Ta phải tìm ra con đường để giúp họ".

Trong chuyến đi thăm bên ngoài cung điện lần thứ tư, thái tử và Cha Nac cưỡi ngựa đi qua cổng phía Tây. Họ đi ngang qua vị đạo sĩ mặc áo choàng rách rưới. Nhìn thấy sự tỉnh lặng và thanh bình của đạo sĩ, thái tử hỏi: "Người này là ai?".

https://tieulun.hopto.org

Cha Nac giải thích với thái tử: "Ông ta là một đạo sĩ đang hành đạo. Ông ta bỏ nhà cửa và nông trại và sự giàu có. Ông ta theo cuộc sống đơn giản và thanh bình cho bản thân ông ta. Ông ta hy vọng sẽ tìm ra chân lý và vượt qua những đau khổ trong thế giới này".

Tất Đạt Đa, mỉm cười: "Ta sẽ trở thành tu sĩ như ông ta". Đột nhiên, họ nhận được tin từ cung điện - Công chúa vừa sinh hạ con trai cho thái tử! Tất Đạt Đa rất hạnh phúc khi nghe công chúa sinh hạ con trai, nhưng giờ đây, thái tử sẽ khó khăn hơn để thực hiện ước mơ trở thành đạo sĩ. Tên của người con trai là La Hầu La.

https://tieulun.hopto.org

ĐỨC PHẬT MỈM CƯỜI

NGUYỄN VĂN THỨC

Bầy se sẻ bay vào nhà ríu rít
Cội mai vàng ửng vạt nắng đầu ngày
Pha ấm trà sen đón mùa xuân đến
Tóc điểm bạc rồi một thoáng men say
Đức Phật mỉm cười: Thiện tai! Thiện tai!

https://tieulun.hopto.org

KIẾN TRÚC CHÙA CỔ Ở ĐẤT KINH KỲ

TẠ VĂN TRƯỜNG

Chùa ở Hà Nội, đặc biệt là các ngôi chùa có niên đại cổ xưa, thường mang những giá trị kiến trúc rất lớn. Trên nền móng, các chân tảng vẫn ít nhiều cho biết dấu tích xa xưa. Ngoài kiến trúc gỗ qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, các ngôi chùa này được biến đổi và hội nhập thêm những giá trị kiến trúc mới. Thông thường bao giờ kiến trúc của điện Phật cũng là công trình có niên đại cổ hơn, còn các thành phần kiến trúc khác được dựng và thêm vào trong các giai đoạn sau. Có thể nói việc tạo dựng các ngôi chùa ở Hà Nội, không chỉ đơn thuần là tạo dựng nên một không gian tôn giáo, đặc biệt ở các ngôi chùa hàng quốc tự còn mang những giá trị biểu tượng. Chúng hàm chứa những triết lý Phật giáo và cả các yếu tố về vương triều.

1. Chùa Một Cột (Chùa Diên Hựu)

Chùa Một Cột có tên chữ là Diên Hựu, theo Đại Việt sử ký toàn thư, chùa được xây dựng vào năm Kỷ Sửu, niên hiệu Sùng Hưng Đại Bảo 1 (1049) đời Lý Thái Tông. Vua Lý Thái Tông (1028-1054) chiêm bao thấy Phật Quan Âm trên tòa sen đưa tay dắt vua lên tòa. Khi tỉnh dậy, vua kể lại cho các quan

https://tieulun.hopto.org

nghe, sư Thiên Tuế khuyên nhà vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa hồ, làm tòa sen của Phật Quan Âm như đã thấy trong mộng. Chùa xây xong, đài sen nghìn cánh đỡ tòa Phật sắc hồng, trong đặt tượng Phật vàng lấp lánh. Các nhà sư đến làm lễ, đi vòng quanh chùa niệm Phật cầu phúc cho vua sống lâu, vì thế đặt tên là chùa Diên Hựu. Thông qua các văn bia ghi tả lại thì ngôi chùa Diên Hựu trong lịch sử là một biểu tượng rực rỡ ở Thăng Long: "Mở chùa Diên Hựu, ở tại vườn Tây. Dấu vết theo quy mô thủa trước; lo toan thánh ý ngày nay. Đào ao thơm Linh Chiểu, giữa ao trồi lên một cột đá, trên cột có một đoá hoa sen nghìn cánh xoè ra. Trên hoa dựng ngôi đền đỏ

https://tieulun.hopto.org

sẫm; trong đền đặt pho tượng sắc vàng. Ngoài ao có hành lang bao bọc. Ngoài hành lang lại đào ao bích trì, cầu bắc cong để đi lại. Ở sân trước cầu, hai bên tả hữu xây tháp báu lưu ly"[1].

Trải qua năm tháng, chùa Một Cột đã được trùng tu sửa chữa nhiều lần. Chùa hiện nay xây dựng vào năm 1955, đài Liên Hoa có kết câu hình vuông, lợp ngói ta, mỗi chiều dài 3 m, bốn mái cong, bốn đầu đao được đắp hình đầu rồng. Trong đài tôn trí tượng Bồ tát Quán Thế Âm. Nhìn toàn bộ đài Liên Hoa như một đóa sen lớn vươn khỏi mặt nước. Toàn bộ đài đặt trên trụ đá có đường kính 1,2 m, cao 4 m. Trụ đá gồm 2 khối gắn rất khéo thoạt nhìn như một khối đá liền. Tầng trên đỡ một hệ thống những thanh gỗ tạo thành bộ khung sườn kiên cố đỡ cho ngôi chùa dựng bên trên, tựa như một đóa hoa sen vươn thẳng từ mặt hồ nhỏ hình vuông, có xây lan can bằng gạch xung quanh. Một chiếc thang xây dẫn lên chùa. Trên cửa có đề Liên Hoa Đài gợi nhớ sự tích nằm mộng của vua Lý dẫn tới việc xây dựng chùa. Nét độc đáo của kiến trúc chùa Một Cột là toàn bộ ngôi chùa đươc đăt trên môt côt đá.

Năm 1962, chùa Một Cột được xếp hạng Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật quốc gia. Năm 2006, chùa Một Cột được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam xác lập kỷ lục Việt Nam. Đây là một trong những ngôi

https://tieulun.hopto.org

chùa nổi tiếng và được nhắc đến nhiều nhất trong lịch sử Việt Nam cũng như trong giới nghiên cứu trong và ngoài nước.

2. Chùa Trấn Quốc

Tương truyền, chùa được xây dựng lần đầu vào thời vua Lý Nam Đế (544-548), trên bãi sông Hồng, thuộc địa phần làng An Hoa, huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên (nay là Yên Phụ, quận Tây Hồ). Lúc đầu gọi là chùa Khai Quốc. Đến triều Lê Thái Tông thế kỉ XV, chùa được đặt tên là An Quốc. Trải qua nhiều lần đổi tên, chùa Trấn Quốc được đặt chính thức vào cuối thế kỷ thứ XVII, đời vua Lê Hy Tông.

https://tieulun.hopto.org

Kiến trúc chùa là sự kết hợp giữa tính uy nghiêm, cổ kính với cảnh quan thanh nhã giữa mênh mang sóng nước Tây hồ. Chùa có ba nếp nhà chính là tiền đường, nhà thiêu hương, và thượng điện, nối thành hình chữ công. Tiền đường hướng về phía tây, hai bên nhà thiêu hương là hai dãy hành lang. Sau thượng điện là gác chuông. Gác chuông là một ngôi nhà ba gian, mái chồng diêm, nằm trên trục sảnh đường chính. Cũng giống như bao ngôi chùa Việt khác, chùa Trấn Quốc có nhiều nếp nhà, cửa thấp, mái rộng, nhiều tượng Phật vàng son, được sắp xếp theo quy định của đạo Phật. Điểm nhấn tạo nên nét riêng cho chùa Trấn Quốc chính là vườn tháp với nhiều tháp cổ từ thế kỷ XVIII. Nổi bật là tòa Bảo Tháp lục độ đài sen, được xây dựng năm 1998. Bảo tháp có 11 tầng, cao 15 mét. Mỗi tầng tháp có 6 ô cửa vòm, có tượng Phật A Di Đà bằng đá quý. Đỉnh tháp có đài sen 9 tầng, được gọi là Cửu phẩm liên hoa, cũng bằng đá quý. Bảo tháp được xây dựng đối xứng với cây bồ đề trong vườn sau của chùa. Trải qua nhiều lần tôn tạo, diện mạo chùa thay đổi nhiều. Xung quanh chùa, những công trình hiện đại mọc lên, phần nào làm mất đi dáng dấp ngôi chùa cổ. Tuy nhiên với những giá trị về lịch sử và kiến trúc đó, chùa Trấn quốc ngày nay không chỉ nổi tiếng là chốn cửa Phật linh thiêng, thu hút rất nhiều phật tử

https://tieulun.hopto.org

về hành lễ, mà còn là điểm đến hấp dẫn khách tham quan, du lịch trong và ngoài nước.

(Còn tiếp)

---

1. Văn thơ Lý Trần, tập I, NXB Khoa học Xã hội, 1977.

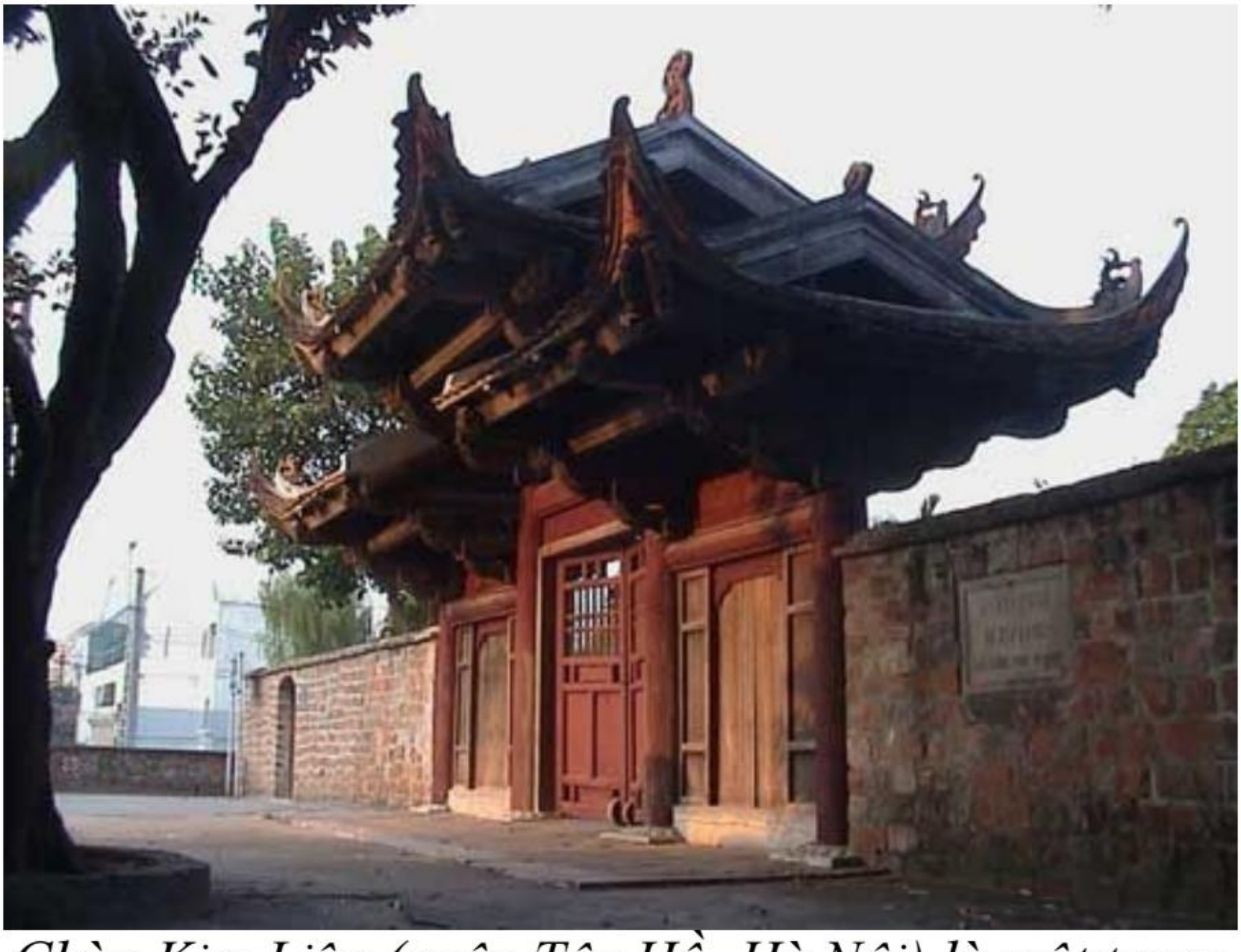

Chùa Kim Liên (quận Tây Hồ- Hà Nội) là một trong 10 di tích kiến trúc cổ đặc sắc nhất Việt Nam

https://tieulun.hopto.org

DIỆU CHÂU

1/ Lễ vía Bồ tát Quán Thế Âm: Ngày 19/9 Âm lịch, buổi sáng lúc 7 giờ các Phật tử vân tập về chánh điện chùa Xá Lợi tụng bộ Từ Bi Thủy Sám, và cùng các Tăng làm lễ vía Đức Bồ tát Quán Thế Âm, trong không khí trang nghiêm, thanh tịnh. Đến cuối giờ trưa, thời kinh Thủy Sám cũng đã hoàn mãn. Các Phật tử hoan hỷ dùng cơm chay với nhà chùa.

2/ Tu Bát Quan Trai: Sau một tháng, kể từ lễ Vu lan, thời tu Bát Quan Trai hằng tháng lại tiếp tục. Các Phật tử được các thầy dẫn dắt cho một ngày tu học Bát Quan Trai an lạc.

3/ Đàn Dược Sư: Cũng như mọi năm, ngày 28/9 Âm lịch là đàn Dược Sư thứ hai trong năm. Phật tử trong các đạo tràng lại cùng nhau tụng bảy thời kinh Dược Sư trong ba ngày, cầu tiêu tai, tiêu nạn, tật bệnh tiêu trừ, gia đình hưng thịnh, quốc thái dân an.

https://tieulun.hopto.org

4/ Lễ giỗ Hòa thượng Thích Hành Trụ: Trong không khí trang nghiêm, chư Tăng và Phật tử các đạo tràng vân tập về hậu tổ chùa Xá Lợi, cùng tụng thời kinh, tưởng nhớ ngày mất Hòa thượng Thích Hành Trụ viên tịch, sau đó dùng cơm với nhà chùa.

Lễ giỗ Hòa thượng Thích Hành Trụ

5/ Các buổi thuyết pháp, học Phật, các lớp giáo lý, lớp tiếng Hán, tiếng Anh, Thư pháp v.v... vẫn hoạt động đều.

https://tieulun.hopto.org

DANH SÁCH ĐỘC GIẢ ỦNG HỘ
TỪ QUANG SỐ 19

https://tieulun.hopto.org

01	Huỳnh Đăng Khoa	50 cuốn
02	Trí Vịnh	20 cuốn
03	Trần Phi Hùng	100 cuốn
04	Quỹ ấn tống Trí Tuệ	165 cuốn
05	Kha Thùy Châu	03 cuốn
06	Ngô Thị Kim Lan	50 cuốn
07	Hoằng An	05 cuốn
08	Vương Đình Khoát	50 cuốn
09	Mai Thị Thúy	100 cuốn
10	Võ Quang Cảnh	10 cuốn
11	Chính Lực	10 cuốn
12	Xuân Trường	04 cuốn
13	Lê Quốc Cường	02 cuốn
14	Trí Dũng	10 cuốn
15	Diệu Trâm	07 cuốn
16	Huỳnh Văn Ưu	05 cuốn
17	Trần Ngọc Lộc	01 cuốn
18	Chi nhánh Ấn tống Hoa Sen 54 Hùng Vương, Q.10	33 cuốn
19	Diệu Hương	33 cuốn
20	Phương Linh	03 cuốn
21	An Hương	03 cuốn
22	Thanh thuốc	03 cuốn
23	Nguyễn Thị Phước Lộc	01 cuốn
24	Quang Nhân	05 cuốn
25	Tuệ Quán	05 cuốn
26	Hùng Anh	06 cuốn
27	Hà Ngọc Điệp	01 cuốn

https://tieulun.hopto.org